

**Huỳnh Christian Timothy
Huỳnh Christian Priscilla**

CÁC ĐIỀU RĂN CỦA THIÊN CHÚA

**Tin Lanh Van Pham Publisher, USA
2015**

Mục Lục

	Trang
Lời Nói Đầu	5
Thiên Chúa, Đấng Tự Hữu Hằng Hữu	9
Thánh Kinh, Lời Hằng Sống của Thiên Chúa	12
Điều Răn và Luật Pháp – Luật Pháp và Ân Điển	16
Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời	22
Điều Răn Thứ Nhất: Trung Tín với Thiên Chúa	25
Điều Răn Thứ Nhì: Chớ Làm Tượng, Chớ Thờ Phụng Tượng, Chớ Hầu Việc Tượng	30
Điều Răn Thứ Ba: Chớ Lấy Danh Thiên Chúa Làm Ra Vô Ích	36
Điển Hình về Sự Con Dân Chúa Lấy Danh Chúa Làm Chơi	41
Điều Răn Thứ Tư: Tôn Thánh Ngày Thứ Bảy Làm Ngày Sa-bát	44
Điều Răn Thứ Năm: Hãy Hiếu Kính Cha Mẹ	61
Điều Răn Thứ Sáu: Chớ Phạm Tội Giết Người	65
Phụ Lục: Án Tử Hình Trong Thánh Kinh	73
Điều Răn Thứ Bảy: Chớ Ngoại Tình	76
Điều Răn Thứ Tám: Chớ Trộm Cắp	81
Điều Răn Thứ Chín: Chớ Nói Chứng Dối	88
Điều Răn Thứ Mười: Chớ Tham Muốn Những Gì Không Thuộc về Mình	93
Điều Răn Mới của Đức Chúa Jesus Christ:	
Hãy Yêu Lẫn Nhau Như Chúa Yêu Chúng Ta	100
Điều Răn Hãy Nên Thánh của Đức Thánh Linh: Chớ Phạm Những Sự Ô Uế	107
Tin Lành Là Gì?	116
Các Tín Lý Căn Bản của Thánh Kinh	126

Lời Nói Đầu

Kính thưa quý bạn đọc.

Cuốn sách “Các Điều Răn của Thiên Chúa” là tổng hợp các bài giảng do Người Chăn Huỳnh Christian Timothy cùng hiền thê của ông là bà Huỳnh Christian Priscilla biên soạn. Các bài giảng này đã do ông giảng qua phòng Paltalk “Giang Thanh Kinh” [1].

Để đáp ứng nhu cầu thuộc linh của nhiều con dân Chúa, chúng tôi biên tập và in thành sách các bài giảng này. Quý bạn đọc có thể nghe và tải xuống phần âm thanh của các bài giảng này từ địa chỉ mạng sau đây:

https://soundcloud.com/huynh-christian-timothy/sets/103_giaouocdieuranluatphap

Quý bạn đọc cũng có thể vào địa chỉ mạng sau đây để nghe và tải xuống hàng ngàn bài giảng theo từng chủ đề:

<https://soundcloud.com/huynh-christian-timothy/sets>

Ngoài ra, kính mời quý bạn đọc ghé thăm các khu mạng (web site) dưới đây do ông bà điều hành, và kính xin quý bạn đọc tiếp tay phổ biến các địa chỉ này đến nhiều người:

www.kytanthe.net

www.vi.grace-jay.net

www.timhieutinlanh.net

www.timhieuthanhkinh.net

www.phunu.timhieutinlanh.net

www.thanhoc.timhieutinlanh.net

www.biengiao.timhieutinlanh.net

www.tt2012.thanhkinhvietngu.net/bible

www.facebook.com/huynhchristiantimothy

YouTube Video Tìm Hiểu Tin Lành:

www.youtube.com/user/tinlanhvietnamnet?feature=mhee

Youtube Video "Chân Giả Luận":

www.youtube.com/channel/UCsolU6-yd65MyXHTcQVT8ag?feature=mhee

Để có thể hiểu rõ Lời của Thiên Chúa, còn gọi là Lời của Đức Chúa Trời hoặc Lời Chúa, được ghi lại trong Thánh Kinh, xin quý bạn đọc chú ý các chi tiết được nêu ra dưới đây:

Thánh Kinh dạy cho chúng ta biết, chỉ có một Thiên Chúa và Thiên Chúa thể hiện trong ba

thân vị mà Thánh Kinh gọi là:

- Đức Chúa Trời, tiêu biểu cho ý muốn của Thiên Chúa.
- Ngôi Lời, tiêu biểu cho lời nói của Thiên Chúa.
- Đấng Thần Linh, tiêu biểu cho năng lực của Thiên Chúa.

Trong quan hệ giữa Thiên Chúa và loài người thì Đức Chúa Trời còn được gọi là Đức Cha; Ngôi Lời còn được gọi là Đức Con hoặc Đức Chúa Jesus Christ; Đấng Thần Linh còn được gọi là Thần Lẽ Thật hoặc Đức Thánh Linh:

- Chỉ có một Đức Chúa Trời, Đấng ban cho những ai tin nhận Tin Lành của Ngài địa vị làm con Thiên Chúa, là Cha, là Thiên Chúa.
- Chỉ có một Đức Chúa Jesus Christ, Đấng Cứu Chuộc nhân loại, là Chủ, là Thiên Chúa.
- Chỉ có một Đấng Thần Linh, Thần Lẽ Thật dẫn dắt con dân Thiên Chúa vào mọi lẽ thật, là Thầy, là Thiên Chúa.

Ba thân vị Thiên Chúa hiệp một, là một Thiên Chúa, không phải có ba Thiên Chúa. Khi nói đến Thiên Chúa thì chúng ta không gọi là “các” Thiên Chúa hay “ba” Thiên Chúa, vì cả ba thân vị Thiên Chúa hiệp một không thể phân ly. Trong nguyên ngữ Hê-bơ-rơ của Thánh Kinh Cựu Ước, các danh xưng Thiên Chúa đều là danh từ số nhiều được dùng với các động từ số ít, để chỉ sự hiệp một của ba thân vị Thiên Chúa. Chúng ta dùng các đại danh từ: “Ngài” và “Đấng” để gọi Thiên Chúa [2].

“Nhưng các người đừng chịu người ta gọi mình bằng thầy; vì các người chỉ có một Thầy, và các người hết thấy đều là anh em. Cũng đừng gọi người nào ở thế gian là cha mình; vì các người chỉ có một Cha, là Đấng ở trên trời. Cũng đừng chịu ai gọi mình là chủ; vì các người chỉ có một Chủ, là Đấng Christ.” (Ma-thi-ơ 23:8-10).

“Ta sẽ làm Chúa các người. Các người làm con trai con gái Ta. Chúa Toàn Năng phán như vậy.” (II Cô-rinh-tô 6:18).

“Chẳng có sự cứu rỗi trong đấng nào khác; vì ở dưới trời, chẳng có danh nào khác ban cho loài người, để chúng ta phải nhờ đó mà được cứu.” (Công Vụ Các Sứ Đồ 4:12).

“Lúc nào Đấng sẽ đến, là Thần Lẽ Thật, thì Ngài sẽ dẫn các người vào mọi lẽ thật; vì Ngài không nói tự mình, nhưng nói mọi điều mình nghe, và giải bày cho các người những sự sẽ đến.” (Giăng 16:13).

Thánh Kinh đã xác định Đức Chúa Jesus Christ là Thiên Chúa vì Ngài là Thiên Chúa Ngôi Lời nhập thể làm người, để làm Đấng Cứu Rỗi của nhân loại, và làm Vua của các Vua và Chúa của Các Chúa trong thân thể xác thịt của loài người.

*“Vì có một con trẻ sinh cho chúng ta, tức là một con trai ban cho chúng ta; quyền cai trị sẽ đặt trên vai Ngài. Ngài sẽ được xưng là Đấng Lạ Lùng, là Đấng Mưu Luận, là **Thiên Chúa Quyền Năng**, là Cha Đồi Đồi, là Chúa Bình An.” (Ê-sai 9:5).*

*“Ban đầu có Ngôi Lời. Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời. **Ngôi Lời là Thiên Chúa.**” (Giăng 1:1).*

“Ngôi Lời đã trở nên xác thật, ở giữa chúng ta, đầy ơn và lẽ thật...” (Giăng 1:14).

Thánh Kinh đã xác định Đức Thánh Linh là Thiên Chúa ngự trong thân thể con dân Thiên Chúa, và con dân Thiên Chúa thờ phượng Thiên Chúa qua thân vị Đức Thánh Linh:

“Các anh em chẳng biết mình là đền thờ của Thiên Chúa, và Đấng Thần Linh của Đức Chúa Trời ở trong các anh em sao? Vì có ai phá hủy đền thờ của Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời sẽ phá hủy họ; vì đền thờ của Đức Chúa Trời là thánh, mà chính các anh em là đền thờ.” (I Cô-rinh-tô 3:16-17).

“Các anh em chẳng biết rằng thân thể mình là đền thờ của Đức Thánh Linh đang ngự trong các anh em, là Đấng mà các anh em đã nhận bởi Thiên Chúa, và các anh em chẳng phải thuộc về chính mình sao? Bởi vì các anh em đã được chuộc bằng giá cao rồi. Vậy, hãy lấy thân thể và tâm thần mình đã thuộc về Đức Chúa Trời mà làm vinh hiển Đức Chúa Trời.” (I Cô-rinh-tô 6:19-20).

Các điều răn của Thiên Chúa bao gồm Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời được ban truyền và ghi lại trong Thánh Kinh Cựu Ước, cùng với điều răn mới của Đức Chúa Jesus Christ và điều răn nên thánh của Đức Thánh Linh được ban truyền và ghi lại trong Thánh Kinh Tân Ước.

Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:1-17)

1 Bảy giờ, Thiên Chúa phán mọi lời này:

2 Ta là Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu của ngươi, Đấng đã rút ngươi ra khỏi xứ Ê-díp-tô, là nhà nô lệ.

3 Trước mặt Ta, ngươi chớ có các thần khác.

4 Ngươi chớ làm tượng chạm cho mình, hoặc hình dạng nào trong các tầng trời, hoặc trong nơi đất thấp, hoặc trong nước dưới đất.

5 Ngươi chớ thờ lạy chúng nó, và cũng đừng hầu việc chúng nó; vì Ta là Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu của ngươi, là Thần hay ghen, phạt tội của tổ phụ trên con cháu đến đời thứ ba và đến đời thứ tư cho những kẻ ghét Ta;

6 và làm ơn đến ngàn đời cho những kẻ yêu mến Ta và giữ các điều răn Ta.

7 Ngươi chớ lấy danh Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu của ngươi mà làm ra vô ích, vì Đấng Tự Hữu Hằng Hữu chẳng kể vô tội kẻ nào lấy danh Ngài mà làm ra vô ích.

8 Hãy nhớ ngày Sa-bát. Hãy thánh hóa nó.

9 Ngươi hãy lao động và làm hết công việc mình trong sáu ngày;

10 nhưng ngày Thứ Bảy là ngày Sa-bát của Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu của ngươi; ngươi sẽ không làm công việc gì: ngươi, con trai, con gái, tôi trai, tớ gái, và súc vật của ngươi, hoặc khách ở trong các cửa của ngươi.

11 Vì trong sáu ngày, Đấng Tự Hữu Hằng Hữu đã dựng nên các tầng trời và trái đất, biển và muôn vật. Ngài nghỉ vào ngày Thứ Bảy. Vậy nên, Đấng Tự Hữu Hằng Hữu đã ban phước cho ngày Sa-bát và thánh hóa nó.

12 Hãy hiếu kính cha mẹ ngươi, để những ngày của ngươi được dài ra trên vùng đất mà Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu của ngươi ban cho.

13 Ngươi chớ phạm tội giết người.

14 Ngươi chớ ngoại tình.

15 Người chớ trộm cắp.

16 Người chớ nói chứng dối, nghịch kẻ lân cận người.

17 Người chớ tham muốn nhà kẻ lân cận người. Người chớ tham muốn vợ kẻ lân cận người, hoặc tôi trai, hoặc tớ gái, hoặc bò, hoặc lừa, hoặc bất cứ điều gì của kẻ lân cận người.

Điều Răn của Đức Chúa Jesus Christ (Giăng 13:34)

Các người hãy yêu lẫn nhau. Như Ta đã yêu các người thế nào, thì các người cũng hãy yêu lẫn nhau thế ấy.

Điều Răn của Đức Thánh Linh (Công Vụ Các Sứ Đồ 15:29)

Các anh em hãy kiêng ăn của cúng thần tượng, máu, thú vật chết ngạt; và chớ tà dâm.

Các điều răn của Thiên Chúa là nền tảng cho cuộc sống của loài người và là tiêu chuẩn phán xét của Thiên Chúa đối với mỗi người. Những ai tin nhận Thiên Chúa, thờ phượng Ngài và vâng theo các điều răn của Ngài, thì sẽ được cứu chuộc ra khỏi quyền lực của tội lỗi và hậu quả của tội lỗi, được ban cho sự sống đời đời. Những ai không tin nhận Thiên Chúa hoặc tin nhận Thiên Chúa mà không thờ phượng Ngài, hoặc tin nhận Thiên Chúa và thờ phượng Ngài mà không vâng giữ các điều răn của Ngài, thì là người phạm tội chống nghịch Thiên Chúa mà không chịu ăn năn, sẽ bị hình phạt đời đời trong hỏa ngục. Xin đọc bài “Tin Lành của Thiên Chúa” ở cuối sách này, để biết thêm chi tiết.

Toàn bộ những sự Thiên Chúa giảng dạy cho loài người được ghi chép trong Thánh Kinh đều dựa trên các điều răn của Thiên Chúa, mà Đức Chúa Jesus Christ đã tóm gọn như sau:

“Người hãy hết lòng, hết linh hồn, hết ý mà yêu Chúa, là Đức Chúa Trời người. Ấy là điều răn thứ nhất và lớn hơn hết. Còn điều răn thứ hai đây, cũng như vậy: Người hãy yêu kẻ lân cận như mình. Hết thấy luật pháp và lời tiên tri đều bởi hai điều răn đó mà ra.” (Ma-thi-ơ 22:37-40).

Chúng tôi kính dâng cuốn sách này lên Thiên Chúa. Chúng tôi cầu xin Thiên Chúa ban phước cho tất cả những ai đọc và tin nhận những lẽ thật được trình bày trong sách này. Xin email cho Người Chăn Huỳnh Christian Timothy nếu bạn có thắc mắc về Lời Chúa hoặc nếu bạn muốn được hướng dẫn những điều căn bản về nếp sống mới trong địa vị làm con của Thiên Chúa. Xin email đến địa chỉ email tại đây: www.timhieuthanhkinh.net/?page_id=30.

Nhà Xuất Bản và Phát Hành
Tin Lanh Van Pham Publisher, USA

Ghi Chú:

[1] Xin xem cách thức tham dự tại đây:

<http://timhieuthanhkinh.opendrive.com/files/MV85MzI0ODk5NF9RMVJITA/HSD-Paltalk.pdf>

[2] Xin đọc và nghe các bài giảng về Thiên Chúa tại đây:

http://timhieuthanhkinh.net/?page_id=734

Thiên Chúa

Đấng Tự Hữu Hằng Hữu

Luật Pháp của Thiên Chúa

Trước hết, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu về tước hiệu “Thiên Chúa” và danh xưng “Đấng Tự Hữu Hằng Hữu.” Đây là hai danh từ Hán Việt.

Người Việt chúng ta có cách viết và phát âm theo người Việt nhưng cũng có cách viết và phát âm theo cách của người Trung Quốc, gọi là Hán Việt, tức là tiếng Việt được phát âm và viết theo lối của người Hán. Người Hán là một sắc dân chính của Trung Quốc. Danh từ Hán được dùng để gọi người Trung Quốc thời xưa.

Tự Hữu Hằng Hữu

Tự Hữu: Tự = tự nhiên hoặc tự mình. Hữu = có. Vậy, “tự hữu” = tự nhiên mà có hoặc tự có.

Hằng Hữu: Hằng = mãi mãi không hết. Hữu = có. Vậy, “hằng hữu” = có đến mãi mãi, không bao giờ qua đi, không bao giờ kết thúc; hay là: còn lại đời đời.

Đấng Tự Hữu Hằng Hữu là Đấng tự có và có mãi mãi.

Khi ông Môi-se hỏi tên của Thiên Chúa thì Ngài phán rằng: Ta là “Ta Là!”

“Thiên Chúa phán rằng: Ta là 'Ta Là.' Rồi Ngài lại rằng: Hãy nói cho dân I-sơ-ra-ên như vậy: Đấng 'Ta Là' đã sai ta đến với các ngươi.” (Xuất Ê-díp-tô Ký 3:14).

Câu trả lời của Thiên Chúa có nghĩa là: Tên của Ta là “Ta là,” hoặc: Ta là “Đấng Ta Là!”

“Ta Là” có nghĩa là: Ta thực hữu, Ta có thật. Động từ “là” thời hiện tại được dùng trong câu phán của Thiên Chúa mang ý nghĩa sau đây: “Ta đã có, Ta đang có, Ta sẽ có.” Vì thế, cách nói: “Ta là Ta Là” có nghĩa: “Ta là Đấng đã có như Ta đã có! Là Đấng đang có như Ta đang có! Và là Đấng sẽ có như Ta sẽ có!”

Thánh Kinh nguyên ngữ phần Cựu Ước được viết bằng tiếng Hê-bơ-rơ đã dùng bốn phụ âm Hê-bơ-rơ để ghi lại danh xưng của Thiên Chúa: יהוה mà Thánh Kinh Việt Ngữ Bản Dịch Truyền Thống phiên âm thành: “Giê-hô-va,” bản dịch của Giáo Hội Công Giáo phiên âm thành “Gia-vê.” Tương tự như vậy, một số bản dịch Anh ngữ phiên âm là Jehovah hoặc Yahweh. Trong Thánh Kinh Việt Ngữ Bản Dịch 2016 chúng tôi chọn dịch sát ý của danh xưng: יהוה thành “Đấng Tự Hữu Hằng Hữu!”

Thiên Chúa

Thiên Chúa: Thiên = Trời. Chúa = chủ, đáng cai trị. Vậy, “Thiên Chúa” = Chúa, hoặc chủ, hoặc Đáng cai trị ở trên trời. Thiên Chúa làm chủ và từ trên trời cai trị tất cả muôn loài vạn vật do chính Ngài dựng nên, bao gồm các tầng trời và trái đất, cùng muôn vật trong các tầng trời và trên đất. Thiên Chúa là tước hiệu tức là tên gọi chức vụ của Đáng Tự Hữu Hằng Hữu.

Chỉ có một Thiên Chúa và Thiên Chúa thể hiện trong ba thân vị, còn gọi là ba ngôi. Ngôi không phải là cái ngai hoặc chỗ ngồi, mà ngôi là danh từ để chỉ về một thân vị. Thân vị là một thực thể biết cảm xúc, biết suy nghĩ, và biết quyết định.

Thực thể cũng là một danh từ Hán Việt. Thực = có thật. Thể = hình dạng. Thực thể là bất cứ điều gì có thật. Thí dụ: mặt trời, mặt trăng, và các ngôi sao đều là những thực thể, vì chúng có thật. Nhưng mặt trời, mặt trăng, và các ngôi sao không phải là các thân vị, vì chúng không biết cảm xúc, không biết suy nghĩ, không biết quyết định.

Trong quan hệ giữa Thiên Chúa và loài người thì Thiên Chúa là một thực thể bao gồm ba thân vị, là:

- Đức Cha, còn gọi là Đức Chúa Trời.
- Đức Con, còn gọi là Đức Chúa Jesus.
- Đức Thánh Linh, còn gọi là Đáng Thần Linh.

Ba thân vị Thiên Chúa cùng là Thiên Chúa nhưng không phải có ba Thiên Chúa. Ba thân vị Thiên Chúa cùng tự có và cùng có đến mãi mãi; cùng toàn năng tức là làm được mọi sự; cùng toàn tại tức là có mặt khắp nơi; và cùng toàn tri tức là biết hết mọi sự. Đó là các đặc tính của Thiên Chúa mà không ai khác có được.

Loài người là một thực thể bao gồm rất nhiều thân vị. Mỗi người là một thân vị vì mỗi người đều biết cảm xúc, biết suy nghĩ, và biết quyết định. Nhưng không phải có nhiều loài người, mà chỉ có một loài người. Vì Thiên Chúa chỉ dựng nên có một loài người:

“Hơi sống của Thiên Chúa dù có dư dật, chỉ làm nên một loài người mà thôi. Nhưng vì sao chỉ làm một loài người? Ấy là để tìm một dòng dõi thánh.” (Ma-la-chi 2:15).

Chỉ có một thực thể gọi là Thiên Chúa và Thiên Chúa có ba thân vị: Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh; còn gọi là: Đức Chúa Trời, Đức Chúa Jesus, và Đáng Thần Linh.

Chỉ có một thực thể gọi là loài người và loài người có rất nhiều thân vị.

Chúng ta chỉ có thể tôn thờ và hầu việc Thiên Chúa là Đáng Tự Hữu Hằng Hữu như đã được Thánh Kinh bày tỏ mà thôi. Chúng ta không được tôn thờ hay hầu việc bất cứ một thần linh nào khác, là thần linh nhưng không phải là Thiên Chúa được bày tỏ trong Thánh Kinh.

Tất cả các thần linh nào khác xưng là "Thiên Chúa" đều chỉ là sự tưởng tượng của loài người hoặc là sự giả mạo danh Chúa của ma quỷ mà thôi.

Trong văn hóa và tín ngưỡng Việt Nam, chúng ta thường dùng danh xưng “Ông Trời” để gọi Thiên Chúa. Dù người Việt không có ý thức đầy đủ về Thiên Chúa nhưng người Việt nhận biết rõ có một Đáng Thần Linh trên hết muôn loài, làm ra muôn loài, cai trị muôn loài, thường thiến phạt ác, cứu giúp người lành, làm ơn cho vạn vật, và nơi ngự của Ngài là ở trên trời. Vì thế, người Việt đã tôn kính gọi Ngài là “Ông Trời!” Cảm tạ Thiên Chúa vô cùng vì Ngài đã ban cho dân tộc Việt Nam có được một bản dịch Thánh Kinh tiếng Việt, để người Việt Nam nhờ

đọc Thánh Kinh mà biết các lẽ thật về Thiên Chúa, để thờ phượng “Ông Trời” đúng cách, theo ý Trời, chứ không theo ý người, không theo các truyền thống tôn giáo hoặc tín ngưỡng dân gian, là những điều nghịch lại ý Trời.

Người Việt chúng ta có câu: “Quốc có quốc pháp, gia có gia quy!” Có nghĩa là quốc gia thì có luật pháp, còn gia đình thì có những quy định. Người sống trong gia đình thì phải tuân theo những quy định của gia đình. Người sống trong quốc gia thì phải tuân theo mọi luật pháp của quốc gia. Toàn thể gian do Thiên Chúa dựng nên và mọi người sống trên trái đất do Thiên Chúa sáng tạo. Vì thế, mỗi người có bổn phận tôn kính Thiên Chúa, thờ phượng Thiên Chúa, và vâng theo luật pháp của Thiên Chúa. Luật pháp của Thiên Chúa là ý muốn của Thiên Chúa dành cho loài người, được ghi chép trong Thánh Kinh. Luật pháp của Thiên Chúa được dựa trên các điều răn của Thiên Chúa. Có thể nói, các điều răn của Thiên Chúa là HIẾN PHÁP CỦA VƯƠNG QUỐC TRỜI.

Muốn sống đúng theo luật pháp của Thiên Chúa thì chúng ta phải có hiểu biết về các điều răn của Ngài. Các điều răn của Chúa có thể hiểu bằng lý trí để làm theo nhưng nếu chúng ta kính sợ Thiên Chúa, tin cậy Ngài, vâng phục Ngài, tha thiết muốn sống đúng theo các điều răn của Ngài, thì chính Thiên Chúa trong thân vị Đức Thánh Linh, ngự trong lòng chúng ta sẽ ban cho chúng ta:

- Sự khôn ngoan thông sáng để hiểu biết cách sâu nhiệm các điều răn và luật pháp của Thiên Chúa, tức là sự hiểu biết đúng và sâu nhiệm về Thánh Kinh.
- Năng lực để áp dụng sự hiểu biết ấy vào trong cuộc sống mỗi ngày.
- Niềm vui và phước hạnh của người sống theo luật pháp của Thiên Chúa.

Sự vâng giữ các điều răn của Thiên Chúa phải bắt nguồn từ trong tấm lòng thật sự tôn kính các điều răn của Ngài và ghét ghét bất cứ điều gì nghịch lại các điều răn của Ngài. Đó là tấm lòng yêu sự thiện và ghét sự ác. Thiên Chúa là Đấng Toàn Thiện nên tất cả những gì ra từ Thiên Chúa là thiện và tất cả những gì chống nghịch lại ý của Thiên Chúa là ác, mà Thánh Kinh gọi là tội lỗi.

Một người không thực tế gian dâm ngoại tình nhưng trong lòng lại nghĩ đến sự phạm tà dâm, ngoại tình, thì người ấy đã vi phạm điều răn của Thiên Chúa. Chính Đức Chúa Jesus đã phán dạy:

“Nhưng Ta phán cho các ngươi biết: Bất cứ ai nhìn một người đàn bà mà ham muốn nàng, thì trong lòng đã phạm tội ngoại tình cùng nàng rồi.” (Ma-thi-ơ 5:28).

Loài người phán xét bề ngoài nhưng Thiên Chúa phán xét bề trong:

“Đấng Tự Hữu Hằng Hữu chẳng xem điều gì loài người xem; loài người xem bề ngoài, nhưng Đấng Tự Hữu Hằng Hữu nhìn thấy trong lòng.” (I Sa-mu-ên 16:7).

“Ta, Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, dò xét trong trí, thử nghiệm trong lòng, báo cho mỗi người tùy đường họ đi, tùy kết quả của việc họ làm.” (Giê-rê-mi 17:10).

Chính vì thế mà một người cần phải đầu phục Thiên Chúa để nhận được thánh linh của Ngài, tức năng lực của Thiên Chúa, mà vâng giữ trọn vẹn các điều răn của Ngài.

Thánh Kinh

Lời Hằng Sống của Thiên Chúa

Thánh Kinh, thường bị gọi sai là Kinh Thánh.

Tính từ “thánh” khi dùng cho Thiên Chúa có nghĩa là: trọn vẹn, không giống bất cứ ai, không giống bất cứ vật gì, không giống bất cứ sự gì; bởi vì chỉ một mình Thiên Chúa là tự có, có đến mãi mãi, và trọn vẹn. Khi được dùng cho người hay vật thì “thánh” có nghĩa là: thuộc về Thiên Chúa, hoặc đến từ Thiên Chúa, hoặc được dành riêng cho Thiên Chúa.

Kinh = cuốn sách.

Thánh Kinh = cuốn sách thánh, tức là cuốn sách đến từ Thiên Chúa. Còn “Kinh Thánh” có nghĩa là cuốn sách được làm cho nên thánh. Chúng ta nên dùng danh từ “Thánh Kinh” để gọi Lời của Thiên Chúa thay vì dùng danh từ “Kinh Thánh.”

So sánh:

Vương quốc = Một nước được cai trị bởi vua.

Quốc vương = Vua cai trị một nước.

Thánh Kinh (viết hoa cả hai từ) = Cuốn sách thánh, cuốn sách đến từ Thiên Chúa, cuốn sách được Thiên Chúa thần cảm cho người ta viết ra để bày tỏ về Thiên Chúa và ý muốn của Thiên Chúa.

Kinh thánh = cuốn sách (bất cứ cuốn sách nào) được làm cho nên thánh.

Thánh ca = Những bài hát thánh, những bài hát được Thiên Chúa thần cảm cho người ta viết ra để tôn vinh Thiên Chúa.

Hội Thánh (viết hoa cả hai từ) = Tập thể những người được làm cho nên thánh, được thuộc về Thiên Chúa, được dành riêng cho Thiên Chúa.

Thánh Kinh là Lời của Thiên Chúa ban cho loài người. Lời của Thiên Chúa có thể là Lời của Đức Chúa Trời phán với loài người qua các tiên tri, có thể là lời của Đức Chúa Jesus Christ phán với dân chúng và các môn đồ của Ngài, mà cũng có thể là Lời của Đức Thánh Linh phán với Hội Thánh qua các tiên tri, các sứ đồ, và các môn đồ của Chúa. Tất cả những lời phán của Ba Ngôi Thiên Chúa được ghi lại thành một cuốn sách để toàn thể loài người biết được ý muốn, điều răn, và luật pháp của Thiên Chúa.

Tiên tri là người được Chúa dùng để loan báo Lời Chúa và ý muốn của Ngài cho loài người.

Phần lớn các tiên tri sống vào thời Cựu Ước. **Sứ đồ** là người được Đức Chúa Jesus Christ chọn để sai đi khắp nơi rao giảng Tin Lành trong thời Tân Ước. **Môn đồ** là người tin nhận Đức Chúa Jesus Christ và học theo Ngài.

Cựu Ước là khoảng thời gian từ khi Thiên Chúa ban truyền các điều răn và luật pháp của Ngài cho loài người, qua dân tộc I-sơ-ra-ên vào năm 1446 trước Công Nguyên, tức là cách nay hơn 3460 năm, cho đến khi Đức Chúa Jesus Christ chịu chết trên thập tự giá để hoàn thành Tân Ước vào năm 27 [1].

Cựu Ước là một danh từ Hán Việt. Cựu = cũ. Ước = lời hứa, sự cam kết. Cựu Ước = lời hứa cũ, sự cam kết cũ. Lời hứa cũ ấy do Đức Chúa Trời hứa với loài người, dựa trên Mười Điều Răn do Đức Chúa Trời ban truyền và do chính Ngài ghi chép trên hai bảng đá. Những ai tin nhận Đức Chúa Trời và vâng giữ Mười Điều Răn của Ngài thì sẽ được phước. Những ai không tin nhận Đức Chúa Trời, không vâng giữ Mười Điều Răn của Ngài thì sẽ bị họa. **Tội lỗi** là sự vi phạm Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời. Tất cả những ai tin nhận Đức Chúa Trời trong thời Cựu Ước đều được tha tội khi họ thật lòng ăn năn tội và dâng mạng sống của một con chiên lên Đức Chúa Trời để làm của lễ chuộc tội.

Mạng sống của một con chiên dâng làm của lễ chuộc tội trong thời Cựu Ước tiêu biểu cho mạng sống của Đức Chúa Jesus Christ sẽ vì tội lỗi của toàn thể nhân loại mà đổ ra trên thập tự giá vào thời Tân Ước, để bất cứ ai thật lòng ăn năn tội, tin nhận sự chết chuộc tội của Ngài, thì được Đức Chúa Trời tha tội.

Tân Ước cũng là một danh từ Hán Việt. Tân = mới. Tân Ước = lời hứa mới, sự cam kết mới. Lời hứa mới do Đức Chúa Trời hứa với loài người, dựa trên sự chết chuộc tội của Đức Chúa Jesus Christ trên thập tự giá, hứa rằng, những ai thật lòng ăn năn tội, tin nhận sự chết chuộc tội của Đức Chúa Jesus Christ thì sẽ được tha tội, được phục hồi địa vị làm con của Đức Chúa Trời, được ban cho thánh linh của Thiên Chúa để sống thánh khiết trọn vẹn theo các điều răn của Thiên Chúa, sau khi chết sẽ được sống lại và sống đời đời trong Vương Quốc của Đức Chúa Trời. Thời Tân Ước bắt đầu từ khi Đức Chúa Jesus Christ chịu chết trên thập tự giá và kéo dài đến ngày cuối cùng của Vương Quốc Ngàn Năm (Khải Huyền 20:4-5).

Tân Ước thay thế nhưng không xoá bỏ Cựu Ước. Tân Ước làm cho Cựu Ước được trở nên trọn vẹn. Chính Đức Chúa Jesus Christ phán:

“Các ngươi đừng tưởng Ta đến để hủy phá luật pháp hay là lời tiên tri; Ta đến, không phải để phá, nhưng để làm cho trọn.” (Ma-thi-ơ 5:17).

Trong thời Cựu Ước thì mỗi khi phạm tội, người có tội phải dâng của lễ chuộc tội bằng mạng sống của một con chiên:

“Tùy theo sự đánh giá của ngươi, người ấy phải bắt trong bầy một chiên đực không có tí vết, dẫn đến thầy tế lễ mà dâng cho Đấng Tự Hữu Hằng Hữu để làm của lễ chuộc sự mắc lỗi mình; thầy tế lễ sẽ làm lễ chuộc tội cho ngươi trước mặt Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, thì lỗi người sẽ được tha, bất luận lỗi nào người đã mắc.” (Lê-vi Ký 6:6-7).

Trong thời Tân Ước, mạng sống của Đức Chúa Jesus Christ chỉ dâng một lần là có công hiệu đời đời để tha tội và rửa sạch tội cho người thật lòng ăn năn:

“...không như những thầy tế lễ thượng phẩm khác, cần phải mỗi ngày dâng tế lễ, trước vì tội mình, sau vì tội dân; Ngài làm việc đó một lần thì đủ cả, mà dâng chính mình Ngài làm tế lễ.” (Hê-bơ-rơ 7:27).

Trong thời Cựu Ước loài người phải dùng sức riêng của mình để vâng giữ các điều răn của

Đức Chúa Trời. Sự vâng giữ đó có thể trọn vẹn theo hình thức bên ngoài nhưng không trọn vẹn trong lòng. Nghĩa là một người không làm ra hành động ăn cắp hoặc tà dâm nhưng vẫn có thể có ý muốn ăn cắp hoặc ý tưởng tà dâm ở trong lòng. Trong thời Tân Ước, Đức Thánh Linh ban cho con dân Chúa sức mạnh từ Thiên Chúa, tức là thánh linh, để họ có thể giữ trọn vẹn các điều răn của Đức Chúa Trời ngay từ trong lòng.

Trong thời Cựu Ước các điều răn của Đức Chúa Trời được Ngài chép trên hai bảng đá:

“Khi Đấng Tự Hữu Hằng Hữu đã phán xong cùng Môi-se tại núi Si-na-i, cho người hai bảng chứng bằng đá, với ngón tay Thiên Chúa viết ra.” (Xuất Ê-díp-tô Ký 31:18).

Trong thời Tân Ước các điều răn của Đức Chúa Trời được Đức Thánh Linh chép vào trong lòng và trong trí của người tin nhận Ngài:

“Đức Thánh Linh cũng làm chứng cho chúng ta như vậy; vì đã phán rằng: Chúa phán: Đây là giao ước Ta lập với chúng nó. Sau những ngày đó, Ta sẽ để luật pháp Ta vào lòng chúng nó và ghi tạc nơi trí khôn.” (Hê-bơ-rơ 10:15-16).

Tân Ước là lời hứa tốt hơn Cựu Ước vì có kèm theo sự dựng nên mới người tin nhận Chúa, sự ban cho thánh linh để những ai thật lòng ăn năn tội và tin nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời, qua sự chết chuộc tội của Đức Chúa Jesus Christ, được dùng chính sức mạnh của Thiên Chúa mà vâng phục trọn vẹn các điều răn của Thiên Chúa:

“Nhưng thầy tế lễ thượng phẩm chúng ta đã được một chức vụ rất tôn trọng hơn, vì Ngài là Đấng Trung Bảo của giao ước tốt hơn, mà giao ước ấy lập lên trên lời hứa tốt hơn.” (Hê-bơ-rơ 8:6)

Toàn bộ Thánh Kinh từ Cựu Ước đến Tân Ước đều bày tỏ cho loài người biết ý muốn của Thiên Chúa, các điều răn và luật pháp của Thiên Chúa. Có khi trong Thánh Kinh chúng ta thấy ghi là Lời của Đức Chúa Trời, hoặc Lời của Đức Chúa Jesus Christ, hoặc Lời của Đức Thánh Linh. Tất cả được gọi chung là Lời của Thiên Chúa.

Mặc dù toàn bộ Thánh Kinh do loài người ghi chép nhưng sự ghi chép ấy được Đức Thánh Linh dẫn dắt, còn gọi là “hà hơi” để từng chữ, từng câu được chép ra trong Thánh Kinh đều thật sự đến từ Thiên Chúa:

“Cả Thánh Kinh đều là bởi Thiên Chúa hà hơi, có ích cho sự dạy dỗ, bẻ trách, sửa trị, dạy người trong sự công bình, để cho người thuộc về Đức Chúa Trời được trọn vẹn và sẵn sàng mà làm mọi việc lành.” (II Ti-mô-thê 3:16-17).

Chính vì thế mà Thánh Kinh còn được gọi là Lời Hằng Sống của Thiên Chúa, vì Lời ấy đem lại sự hiểu biết về Thiên Chúa cho loài người, dẫn loài người đến sự sống đời đời, và chính lời ấy cũng còn lại đời đời:

“Si-môn Phi-e-rơ thưa rằng: Lạy Chúa, chúng tôi đi theo ai? Chúa có những lời của sự sống đời đời...” (Giăng 6:68).

“Cỏ khô, hoa rụng, nhưng lời của Thiên Chúa chúng ta còn mãi đời đời!” (Ê-sai 40:8).

Chúng ta cần có thói quen đọc và suy ngẫm Lời Chúa mỗi ngày, rồi hết lòng, cẩn thận làm theo, để luôn được phước trong cuộc sống. Đó cũng chính là mệnh lệnh của Thiên Chúa:

“Quyển sách luật pháp này chớ xa miệng người, hãy suy ngẫm ngày và đêm, để cẩn thận làm theo mọi điều đã chép ở trong. Vì như vậy, người mới được thịnh vượng trong đường lối mình và người mới hành động thông sáng.” (Giô-suê 1:8).

Thánh Kinh là thẩm quyền tuyệt đối trong đời sống của con dân Chúa. Nghĩa là, con dân Chúa trước hết phải vâng phục Lời Chúa, và dùng Lời Chúa mà xem xét mọi sự. Sự gì đúng với Lời Chúa thì làm, sự gì không đúng với Lời Chúa, thì không làm. Khi buộc phải lựa chọn giữa sự vâng theo Lời Chúa hoặc vâng theo lời loài người, thì con dân Chúa phải chọn vâng theo Lời Chúa:

“Phi-e-rơ và các sứ đồ trả lời rằng: Thà phải vâng lời Thiên Chúa còn hơn là vâng lời người ta.” (Công Vụ Các Sứ Đồ 5:29).

Lời Chúa khiến cho những ai tin nhận được giải phóng khỏi quyền lực và hậu quả của tội lỗi, của sự vô tri, vô trí, và được thánh hóa để làm con trai và con gái của Thiên Chúa:

“Các ngươi sẽ biết lẽ thật, và lẽ thật sẽ buông tha các ngươi.” (Giăng 8:32).

“Xin thánh hóa họ bởi lẽ thật của Ngài. Lời Ngài là lẽ thật.” (Giăng 17:17).

Tất cả những sự dạy dỗ của Thánh Kinh đều ra từ các điều răn của Thiên Chúa.

Ghi Chú

[1] <http://thanhoc.timhieutinlanh.net/?p=49>

Điều Răn và Luật Pháp

Luật Pháp và Ân Điển

Thánh Kinh là Lời của Thiên Chúa, và Thánh Kinh ghi lại ý muốn, điều răn và luật pháp của Thiên Chúa dành cho loài người.

Ý muốn của Thiên Chúa là: Ngài muốn cho loài người được giống như Ngài, làm con của Ngài, và vui hưởng cơ nghiệp của Ngài cho đến đời đời. Để đạt được ơn phước ấy, loài người phải vâng theo một số quy luật do Thiên Chúa đặt ra, gọi là các điều răn của Thiên Chúa. Nếu ai vi phạm các điều răn của Thiên Chúa thì sẽ bị hình phạt theo luật pháp của Thiên Chúa.

Như vậy, chúng ta thấy: Điều răn là những điều Thiên Chúa muốn chúng ta làm hoặc những điều Thiên Chúa không muốn chúng ta làm. Luật pháp là hình phạt dành cho những ai vi phạm các điều răn của Thiên Chúa và hướng dẫn người có tội cách thức chuộc tội. Trong Mười Điều Răn không có ghi hình phạt dành cho người vi phạm nhưng luật pháp thì luôn luôn ghi rõ hình phạt dành cho từng sự vi phạm những luật lệ của Thiên Chúa. Danh từ luật pháp cũng có khi được dùng để gọi Mười Điều Răn; bởi vì, Mười Điều Răn là các luật lệ cao nhất của Thiên Chúa dành cho loài người.

Thánh Kinh đã ví điều răn là một cái đèn, còn luật pháp là ánh sáng phát ra từ cái đèn:

“Vi điều răn là một cái đèn, luật pháp là ánh sáng.” (Châm Ngôn 6:23).

Cái đèn phát ra ánh sáng để xua tan bóng tối, giúp cho chúng ta nhìn thấy đường đi và nhìn thấy những trở ngại nguy hiểm trên đường đi. Ánh sáng từ cái đèn giúp cho chúng ta biết đặt bước chân nơi đâu để không bị trật ra ngoài lối đi và tránh được nguy hiểm. Vì thế, Thánh Kinh còn ví rằng:

“Lời Chúa là ngọn đèn cho chân tôi, ánh sáng cho đường lối tôi.” (Thi Thiên 119:105).

Điều răn và luật pháp không thể tách rời. Không có điều răn thì không có luật pháp, cũng như không có đèn thì không có ánh sáng. Không có luật pháp thì điều răn không trọn vẹn, cũng như có đèn nhưng đèn lại không chiếu sáng. Thí dụ: Không có điều răn “Chớ trộm cướp,” thì không có luật pháp để buộc kẻ trộm cướp phải bồi thường và chịu phạt. Có điều răn “Chớ trộm cướp,” mà không có luật pháp để giải quyết sự trộm cướp thì điều răn trở thành vô ích; có cũng như không.

Luật pháp và các điều răn của Thiên Chúa là thánh, công bình, tốt lành, và còn lại cho đến đời đời. Mỗi con dân Thiên Chúa có nhiệm vụ làm cho vững bền luật pháp của Thiên Chúa

bằng cách tôn kính và làm theo luật pháp:

"Ấy vậy, luật pháp là thánh, điều răn cũng là thánh, công bình và tốt lành." (Rô-ma 7:12).

"Hỡi Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, Ngài ở gần; Các điều răn của Ngài là chân thật. Cứ theo các lời chứng của Ngài, tôi đã biết từ lâu rằng: Ngài đã lập chúng cho đến đời đời." (Thi Thiên 119:151-152).

"Vậy, chúng ta nhân đức tin mà bỏ luật pháp hay sao? Chẳng hề như vậy! Trái lại, chúng ta làm vững bền luật pháp." (Rô-ma 3:31).

Các hình thức, nghi lễ bên ngoài không quan trọng; sự quan trọng là tấm lòng vâng giữ các điều răn của Thiên Chúa:

"Chịu cắt bì chẳng hề gì, không chịu cắt bì cũng chẳng hề gì; sự quan hệ là giữ các điều răn của Thiên Chúa." (I Cô-rinh-tô 7:19).

Người thật lòng yêu kính Thiên Chúa là người vâng giữ các điều răn của Ngài:

"Chúng ta biết mình yêu con cái của Đức Chúa Trời, khi chúng ta yêu Đức Chúa Trời và giữ các điều răn của Ngài. Vì này là tình yêu của Đức Chúa Trời, tức là chúng ta vâng giữ các điều răn của Ngài. Các điều răn của Ngài chẳng phải là nặng nề." (I Giăng 5:2-3).

Trong thời Cựu Ước, Đức Chúa Trời truyền cho loài người Mười Điều Răn và hứa rằng, những ai vâng giữ Mười Điều Răn ấy thì sẽ được phước và được gọi là con dân của Ngài. Những ai không vâng giữ Mười Điều Răn ấy thì sẽ bị luật pháp của Thiên Chúa hình phạt. Từ Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời mà nhiều điều luật được thành lập trong luật pháp của Thiên Chúa. Mười Điều Răn được chép trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20:1-17 và Phục Truyền Luật Lệ Ký 5:6-21.

Ký = ghi chép. Xuất = ra khỏi. Xuất Ê-díp-tô Ký là sách ghi chép sự ra khỏi xứ Ê-díp-tô (Ai cập) của dân I-sơ-ra-ên.

Phục truyền = rao truyền thêm một lần nữa. Luật lệ = các điều của luật pháp. Phục Truyền Luật Lệ Ký = sách ghi chép sự rao truyền một lần nữa các điều răn và luật pháp của Thiên Chúa. Đây là sự rao truyền của Môi-se trước khi ông qua đời và trước khi dân I-sơ-ra-ên nhận lãnh vùng đất hứa Ca-na-an mà Thiên Chúa đã hứa ban cho họ.

Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời không chỉ ban truyền riêng cho dân I-sơ-ra-ên mà là cho toàn thể loài người. Trong số những người I-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ê-díp-tô có vô số người thuộc các dân tộc khác cùng đi theo. Khi dân I-sơ-ra-ên đã định cư trong đất Ca-na-an thì các dân ngoại vẫn có thể tin nhận Thiên Chúa và được kết hiệp với dân I-sơ-ra-ên:

"Dân I-sơ-ra-ên đi từ Ram-se đến Su-cốt, số không kể con nít, được chừng sáu trăm ngàn người đàn ông đi bộ. Lại có vô số người ngoại bang đi lên chung luôn với chiên, bò, súc vật rất nhiều." (Xuất Ê-díp-tô Ký 12:37-38).

"Các người dân ngoại về cùng Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, để hầu việc Ngài, để yêu mến danh Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, để làm tôi tớ Ngài; tức là hết thảy những kẻ giữ ngày Sa-bát cho khỏi ô uế, và cảm vững lời giao ước Ta, thì Ta sẽ đem họ vui mừng trong nhà cầu nguyện Ta. Cửa lễ thiêu và hy sinh họ dâng trên bàn thờ Ta, sẽ được nhận lấy; vì nhà Ta sẽ gọi là nhà cầu nguyện cho mọi dân tộc." (Ê-sai 56:6-7).

Lời Chúa phán rõ, sự vi phạm luật pháp của Thiên Chúa là do các dân cư trên đất chứ không riêng dân tộc I-sơ-ra-ên:

“Đất bị các dân cư làm ô uế, vì họ đã phạm các luật pháp, thay đổi luật lệ, dứt giao ước đời đời.” (Ê-sai 24:5).

Ngay cả sau khi Hội Thánh được cất ra khỏi thế gian, những người tin Chúa trong thời đại nạn [1] cũng là những người vâng giữ các điều răn của Đức Chúa Trời và tin nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Jesus Christ:

“Con rồng nổi giận với người đàn bà và đi gây chiến với những người còn lại thuộc dòng dõi bà, là những người vâng giữ các điều răn của Đức Chúa Trời và có lời chứng của Đức Chúa Jesus Christ.” (Khải Huyền 12:17).

“Đây là sự nhẫn nại của các thánh đồ, là những người vâng giữ các điều răn của Đức Chúa Trời và đức tin trong Đức Chúa Jesus.” (Khải Huyền 14:12).

Vì thế, trong ngày Thiên Chúa phán xét toàn thế gian, vào giữa Kỳ Đại Nạn, Rương Giao Ước sẽ hiện ra ở trên trời để Thiên Chúa dựa vào Mười Điều Răn được cất trong Rương Giao Ước, mà phán xét toàn thế gian:

“Các quốc gia nổi giận nhưng cơn thịnh nộ của Ngài đang đến. Giờ đoán xét những kẻ chết đã đến. Giờ Ngài ban thưởng cho các tội tớ Ngài là các tiên tri, các thánh đồ, và họ là những người kính sợ Danh Ngài, nhỏ hoặc lớn, đã đến. Giờ hủy diệt những kẻ hủy diệt đất đã đến. Rồi, đền thờ của Đức Chúa Trời mở ra ở trên trời. Rương Giao Ước trong đền thờ của Ngài được thấy. Có những chớp nhoáng, những âm thanh và những sấm vang, cùng động đất và mưa đá lớn.” (Khải Huyền 11:18-19).

“Một Đền Tạm đã dựng lên: phần thứ nhất gọi là nơi thánh, có chân đèn, bàn và bánh bày ra; rồi đến phía trong màn thứ hai, tức là phần gọi là nơi rất thánh, có bình đựng hương bằng vàng và Rương Giao Ước, toàn bọc bằng vàng. Trong rương có một cái bình bằng vàng đựng đầy ma-na, cây gậy trở hoa của A-rôn, và hai bảng giao ước...” (Hê-bơ-rơ 9:2-4).

Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời dạy cho loài người bổn phận yêu kính, tin cậy, tôn thờ chỉ một mình Thiên Chúa và bổn phận yêu người khác như chính mình.

Trong thời Tân Ước, Đức Chúa Jesus Christ ban truyền một điều răn mới cho con dân Chúa. Đó là, con dân Chúa phải yêu lẫn nhau như Chúa đã yêu họ. Nghĩa là, con dân Chúa phải yêu lẫn nhau hơn chính mình yêu mình, đến nỗi có thể hy sinh mạng sống cho lẫn nhau:

“Ta ban cho các ngươi một điều răn mới: Các ngươi hãy yêu lẫn nhau. Như Ta đã yêu các ngươi thế nào, thì các ngươi cũng hãy yêu lẫn nhau thế ấy. Nếu các ngươi yêu lẫn nhau, thì bởi đó, mọi người sẽ biết các ngươi là những môn đồ của Ta.” (Giăng 13:34-35).

“Chẳng ai có tình yêu nào lớn hơn điều này, ấy là một người phó sự sống mình cho các bạn hữu mình.” (Giăng 15:13).

Sau khi Đức Chúa Jesus Christ về trời thì Đức Thánh Linh ban cho con dân Chúa điều răn giữ mình thánh sạch: không ăn của cúng thần tượng, máu, thú vật chết ngạt, và không phạm tà dâm:

“Vì Đức Thánh Linh và chúng tôi đã thuận ý: chẳng gán gánh nặng nào khác cho các anh em ngoài những điều cần thiết. Các anh em hãy kiêng ăn của cúng thần tượng,

máu, thú vật chết ngọt; và chớ tà dâm. Ấy là mọi điều mà các anh em hãy kiêng giữ lấy vậy...” (Công Vụ Các Sứ Đồ 15:28-29).

Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước cùng với Điều Răn Mới của Đức Chúa Jesus Christ và Điều Răn của Đức Thánh Linh trong Tân Ước được gọi chung là các điều răn của Thiên Chúa mà con dân Chúa phải hết lòng vâng giữ.

Luật pháp của Thiên Chúa trong thời Cựu Ước lên án chết những kẻ vi phạm nghiêm trọng các điều răn của Thiên Chúa, như: bắt cóc ai thờ thần tượng, xúi giục người khác thờ thần tượng, ngoại tình, giết người, không vâng lời cha mẹ, phạm ngày Sa-bát... đều bị ném đá cho đến chết.

Trong thời Tân Ước, Đức Chúa Jesus Christ đã gánh thay hình phạt cho mọi tội lỗi của loài người. Vì thế, luật pháp của Thiên Chúa trong thời Tân Ước không còn lên án chết những ai vi phạm nghiêm trọng các điều răn của Thiên Chúa, ngoại trừ sự hình phạt đến từ luật pháp của loài người, tùy theo mỗi quốc gia. Nhưng tất cả những ai không ăn năn tội, không tin nhận sự chết chuộc tội của Đức Chúa Jesus Christ thì sẽ bị phán xét từng việc làm của họ, là những việc vi phạm các điều răn của Thiên Chúa, trong ngày phán xét chung cuộc. Chúa sẽ gọi thân thể xác thịt của họ sống lại và phán xét công chính từng sự vi phạm của họ, rồi ném họ vào trong hỏa ngục. Họ sẽ chịu khổ ngày đêm trong hỏa ngục cho đến đời đời:

“Rồi, tôi thấy một ngai trắng, lớn và Đáng ngự trên ngai. Đất và trời trốn khỏi mặt Ngài, chẳng còn thấy chỗ của chúng nữa. Tôi thấy những kẻ chết, nhỏ lẫn lớn, đứng trước Đức Chúa Trời. Có những sách mở ra. Lại có một sách khác là Sách Sự Sống được mở ra. Những kẻ chết bị phán xét tùy theo những việc họ đã làm và đã được ghi lại trong những sách ấy. Biển đã giao lại những kẻ chết trong nó. Sự chết và âm phủ cũng đã giao lại những kẻ chết trong chúng. Mỗi người bị phán xét tùy theo những việc họ đã làm. Sự chết và âm phủ bị ném vào hồ lửa. Hồ lửa là sự chết thứ nhì. Bất cứ kẻ nào không tìm thấy được chép trong Sách Sự Sống thì bị ném vào hồ lửa.” (Khải Huyền 20:11-15).

Hầu hết các giáo hội mang danh Chúa ngày nay đều có giáo lý dạy rằng, con dân Chúa thời Hội Thánh không cần vâng giữ Mười Điều Răn của Thiên Chúa hoặc chỉ cần giữ chín điều, không cần giữ điều thứ tư là điều răn về sự giữ ngày Sa-bát Thứ Bảy. Giáo lý đó là tà giáo. Không một chỗ nào trong Thánh Kinh dạy như vậy. Tất cả những con dân Chúa nào không giữ ngày Sa-bát đều là những người đang vi phạm luật pháp của Thiên Chúa. Mà hề phạm một điều răn thì cũng sẽ bị kể như là đã phạm tất cả các điều răn:

“Vi người nào giữ trọn luật pháp, mà phạm một điều, thì cũng bị tội như đã phạm hết thấy.” (Gia-cơ 2:10).

Trong thời Tân Ước, tức thời đại của Hội Thánh, chỉ cần tư vị người khác là lập tức bị luật pháp của Thiên Chúa định tội. Như vậy, ai dám dạy rằng luật pháp của Thiên Chúa không còn có hiệu lực đối với con dân Chúa trong thời đại Hội Thánh?

“Hỡi các anh em của tôi, chớ có đức tin nơi Đức Chúa Jesus Christ của chúng ta, Chúa của sự vinh quang, với lòng tư vị người nào. Nhưng nếu các anh em tư vị người ta, thì các anh em phạm tội, bị luật pháp định tội như những kẻ phạm luật.” (Gia-cơ 2:1, 9).

Con dân Chúa có bổn phận làm cho vững bền luật pháp của Thiên Chúa. Làm cho vững bền luật pháp của Thiên Chúa có nghĩa là chúng ta hết lòng vâng giữ theo điều luật pháp quy định, không vi phạm các điều răn của Ngài. Mỗi khi chúng ta vi phạm các điều răn của Thiên

Chúa thì luật pháp của Đức Chúa Trời sẽ giáng hình phạt trên thân thể của Đức Chúa Jesus Christ. Chính vì thế mà Thánh Kinh gọi sự phạm tội của con dân Chúa là “*đóng đinh Con Đức Chúa Trời trên thập tự giá cho mình một lần nữa, làm cho Ngài sỉ nhục tỏ tường*” (Hê-bơ-rơ 6:6).

Không một sự gì thánh, công bình, và tốt lành đến từ Thiên Chúa mà lại bị bỏ. Không ai có quyền dẹp bỏ những sự thánh, công bình, và tốt lành của Thiên Chúa.

Giao ước là lời hứa ban phước của Thiên Chúa dành cho những ai vâng giữ điều răn và luật pháp của Ngài. Thiên Chúa có nhiều giao ước với loài người nhưng hai giao ước chính được gọi là Cựu Ước và Tân Ước. Cựu là cũ, tân là mới, ước là lời hứa. Cựu Ước là lời hứa của Thiên Chúa sẽ ban phước cho những ai vâng giữ các điều răn và luật pháp của Ngài, sẽ hình phạt những ai vi phạm chúng. Tân Ước cũng giống như Cựu Ước nhưng được thêm vào các điều khoản: Con Một của Đức Chúa Trời là Đức Chúa Jesus Christ chịu chết thay cho toàn thể nhân loại. Ai thật lòng ăn năn tội, tức là chịu ngưng vi phạm các điều răn của Đức Chúa Trời, và tin nhận sự chết chuộc tội của Đức Chúa Jesus Christ, thì được ban cho quyền làm con của Đức Chúa Trời. Ai trung tín trong địa vị con của Đức Chúa Trời thì sẽ được hưởng sự sống đời đời trong vương quốc của Đức Chúa Trời. Ai không ăn năn tội, không tin nhận sự chết chuộc tội của Đức Chúa Jesus Christ, hoặc không trung tín trong địa vị làm con của Đức Chúa Trời thì sẽ bị hư mất đời đời.

Ân điển của Thiên Chúa là tất cả những gì Thiên Chúa ban cho loài người, trong đó, ân điển cứu rỗi là lớn hơn hết! Không có ân điển cứu rỗi thì mỗi một người được sinh ra trong thế gian đều phải bị hư mất đời đời. Vì mọi người đều đã phạm tội. Và, công giá của tội lỗi là sự chết!

Ân điển cứu rỗi của Thiên Chúa cung cấp cho chúng ta một phương cách công chính để thoát khỏi hậu quả và án phạt Thiên Chúa dành cho tội lỗi, để chúng ta được dựng nên mới và được ban cho năng lực của chính Thiên Chúa, tức là thánh linh của Ngài, để chúng ta có thể sống theo luật pháp của Ngài. Chi tiết về ân điển cứu rỗi được trình bày trong bài “Tin Lành của Thiên Chúa” ở cuối sách này.

Khi chúng ta tin nhận ân điển cứu rỗi của Thiên Chúa thì Ngài tha tội cho chúng ta, làm cho chúng ta được sạch tội, và tái tạo chúng ta thành một người mới, ban cho chúng ta thánh linh của Ngài để chúng ta có thể sống thánh khiết theo ý muốn của Ngài và trở nên trọn vẹn như chính Ngài. Đức Thánh Linh ghi chép luật pháp của Ngài vào trong lương tâm của chúng ta để chúng ta tự nhiên và sẵn lòng làm theo luật pháp của Ngài:

"Ta sẽ đặt luật pháp Ta bên trong chúng nó và chép vào lòng. Ta sẽ làm Thiên Chúa chúng nó, chúng nó sẽ làm dân Ta." (Giê-rê-mi 31:33).

"Đức Thánh Linh cũng làm chứng cho chúng ta như vậy; vì đã phán rằng: Chúa phán: Đây là giao ước Ta lập với chúng nó. Sau những ngày đó, Ta sẽ để luật pháp Ta vào lòng chúng nó và ghi tạc nơi trí khôn." (Hê-bơ-rơ 10:15-16).

Ân điển cứu rỗi của Thiên Chúa ban cho chúng ta không phải để chúng ta được cứu ra khỏi hình phạt của tội lỗi rồi tha hồ tiếp tục vi phạm luật pháp của Thiên Chúa. Chúng ta được cứu ra khỏi hình phạt của tội lỗi nhờ tin vào ân điển cứu rỗi của Thiên Chúa. Nhưng sau khi được cứu mà chúng ta vẫn tiếp tục sống trong tội thì chúng ta sẽ bị hư mất trở lại, và không còn cơ hội được cứu. Chúng ta sẽ bị hư mất đời đời, và hình phạt dành cho chúng ta sẽ nặng nề hơn hình phạt dành cho những kẻ chưa bao giờ tin nhận ân điển cứu rỗi của Thiên Chúa:

"Bởi vì những kẻ đã được soi sáng một lần, đã ném sự ban cho từ trên trời, dự phần

về thánh linh, Lời lành của Thiên Chúa, và năng lực của đời sau, nếu lại vấp ngã, thì không thể khiến họ lại ăn năn nữa, vì họ đóng đinh Con Đức Chúa Trời trên thập tự giá cho mình một lần nữa, làm cho Ngài sỉ nhục tỏ tường." (Hê-bơ-rơ 6:4-6).

"Vì nếu chúng ta đã nhận biết lẽ thật rồi, mà lại cố ý phạm tội, thì không còn có tế lễ chuộc tội nữa, nhưng chỉ có sự đợi chờ kinh khiếp về sự phán xét, và lửa thiêu nuốt sẽ đốt cháy kẻ bội nghịch mà thôi. Ai đã phạm luật pháp Môi-se, nếu có hai ba người làm chứng, thì chết đi không thương xót, huống chi kẻ giày đạp Con Đức Chúa Trời, xem máu của giao ước, tức là máu mà mình nhờ đó nên thánh, là ô uế, lại khinh lờn Đấng Thần Linh của ân điển, thì anh em chẳng tưởng rằng người ấy đáng bị hình rất nghiêm đoán phạt hay sao?" (Hê-bơ-rơ 10:26-29).

"Vì nếu sau khi chúng nó đã thoát khỏi sự ô uế của thế gian, nhờ sự nhận biết Chúa và Đấng Giải Cứu chúng ta là Đức Chúa Jesus Christ, rồi chúng nó lại vướng mắc những sự đó và bị bắt phục, thì sự kết thúc sau này của chúng nó sẽ xấu hơn lúc đầu. Vì thà chúng nó không biết đường công bình thì tốt cho chúng nó hơn là sau khi chúng nó biết rồi, lại lui đi về điều răn thánh đã ban truyền cho chúng nó. Nhưng, đã xảy đến cho chúng nó như lời tục ngữ chân thật: Chó liếm lại đồ nó đã mửa, heo đã rửa sạch rồi, lại lăn lóc trong vũng bùn." (II Phi-e-rơ 2:20-22).

Là những người đã được cứu ra khỏi hình phạt của tội lỗi, được cứu ra khỏi sự hư mất đời đời bởi tin nhận ân điển cứu rỗi của Thiên Chúa, chúng ta hãy sốt sắng cậy thánh linh của Thiên Chúa, làm theo luật pháp mà Đức Thánh Linh đã ghi chép trong lòng của chúng ta, sau khi Ngài tái sinh chúng ta. Chúng ta không thể nào cậy vào việc làm theo luật pháp để được cứu, vì chúng ta vẫn sẽ có lúc thiếu sót và sai phạm. Vì thế chúng ta phải cậy vào ân điển cứu rỗi của Thiên Chúa. Nhưng chúng ta không thể nào cậy vào ân điển cứu rỗi của Thiên Chúa để tiếp tục vui thú sống trong tội lỗi, không vâng theo luật pháp của Thiên Chúa.

Tóm lại, người thật lòng tin nhận ân điển cứu rỗi của Thiên Chúa là người được cứu và người đã thật sự được cứu thì không thể cứ tiếp tục không vâng theo luật pháp của Thiên Chúa. Hành động tìm hiểu và hết lòng sống theo luật pháp của Thiên Chúa, tức tìm hiểu và sống theo Thánh Kinh, chứng minh rằng, người sống như vậy là một người đã thật sự được cứu. Trái lại, người nào xưng rằng mình đã tin nhận Chúa và đã được cứu, nhưng vẫn ưa thích tội lỗi và tiếp tục sống trong tội, thì người ấy là kẻ nói dối:

"Và bởi điều này mà chúng ta biết mình đã biết Ngài: ấy là chúng ta giữ các điều răn của Ngài. Ai nói: Tôi biết Ngài! Mà không giữ các điều răn của Ngài, là người nói dối, lẽ thật không ở trong người ấy. Nhưng ai giữ lời Ngài, thì tình yêu của Đức Chúa Trời thật là trọn vẹn trong người ấy. Bởi đó, chúng ta biết chúng ta ở trong Ngài. Ai nói mình ở trong Ngài, thì người ấy cũng phải bước đi như chính Ngài đã bước đi." (I Giăng 2:3-6).

Người như vậy là người không hề ở trong sự cứu rỗi vì người ấy không hề thật lòng ăn năn, không hề thật lòng từ bỏ sự vi phạm các điều răn của Thiên Chúa.

Ghi Chú

[1] www.kytanthe.net

Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời

Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời còn gọi là “mười lời giao ước” giữa Đức Chúa Trời và con dân của Ngài. Con dân của Đức Chúa Trời là bất cứ ai tin nhận Ngài và thờ phượng Ngài. Mặc dù vào năm 1446 trước Công Nguyên, từ trên núi Si-na-i, Đức Chúa Trời phán truyền mười lời giao ước, tức Mười Điều Răn cho con dân Ngài (bao gồm dân I-sơ-ra-ên và các dân tộc khác cùng dân I-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ê-díp-tô), và chính Ngài ghi chép Mười Điều Răn ấy trên hai bảng đá; nhưng trước đó, Ngài đã bày tỏ cho loài người biết các điều răn của Ngài. Thánh Kinh ghi rõ, Áp-ra-ham, là tổ phụ của dân I-sơ-ra-ên, là một người vâng giữ các điều răn và luật pháp của Đức Chúa Trời ít nhất là 430 năm trước khi các điều răn và luật pháp của Đức Chúa Trời được ghi chép thành chữ:

“Bởi vì Áp-ra-ham đã vâng theo tiếng Ta, đã giữ gìn sự quy định của Ta: các điều răn của Ta, các điều luật của Ta, các luật pháp của Ta.” (Sáng Thế Ký 26:5).

Mặc dù Thánh Kinh Cựu Ước chép rằng, Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu phán truyền cùng dân sự của Ngài và ghi chép Mười Điều Răn trên hai bảng đá; nhưng Thánh Kinh Tân Ước ghi lại lời phán của Đức Chúa Jesus, gọi đó là các điều răn của Đức Chúa Trời. Vì thế, khi Thánh Kinh nói đến các điều răn của Đức Chúa Trời là nói đến Mười Điều Răn như được ghi chép trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20:1-17 và Phục Truyền Luật Lệ Ký 5:6-21, là các điều răn do Đức Chúa Cha phán truyền.

Trong tiếng Việt, điều răn có nghĩa là lời khuyên bảo, dạy dỗ phải làm một điều gì hoặc không được làm một điều gì. Thánh Kinh gọi điều răn là lệnh truyền của Thiên Chúa. Là lệnh truyền thì phải được vâng theo.

Đức Chúa Trời đã dùng Mười Điều Răn để làm giao ước với con dân của Ngài. Giao ước ấy giúp cho con dân Chúa biết Đức Chúa Trời muốn họ làm những gì và không muốn họ làm những gì. Giao ước là lời hứa, lời cam kết. Đức Chúa Trời hứa rằng, những ai vâng giữ Mười Điều Răn của Ngài thì sẽ được Ngài ban phước. Trái lại, những ai vi phạm Mười Điều Răn của Ngài thì sẽ bị Ngài hình phạt.

Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời thể hiện sự yêu thương, công bình, và thánh khiết của Thiên Chúa, đồng thời thể hiện rằng Ngài muốn cho con dân của Ngài sống một nếp sống yêu thương, công bình, và thánh khiết giống như Ngài. Vì thế, Mười Điều Răn của Đức Chúa

Trời không hề thay đổi. Loài người trong mọi thời đại phải vâng giữ Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời.

Nếu không có Mười Điều Răn thì không có tội lỗi, vì tội lỗi là sự vi phạm Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời. Nếu bỏ đi Mười Điều Răn thì không còn có sự gì bị gọi là tội lỗi.

Đức Chúa Jesus Christ đã tóm gọn ý nghĩa của Mười Điều Răn như sau:

“Đức Chúa Jesus đáp rằng: Người hãy hết lòng, hết linh hồn, hết ý mà yêu Chúa, là Đức Chúa Trời người. Ấy là điều răn thứ nhất và lớn hơn hết. Còn điều răn thứ hai đây, cũng như vậy: Người hãy yêu kẻ lân cận như mình. Hết thấy luật pháp và lời tiên tri đều bởi hai điều răn đó mà ra.” (Ma-thi-ơ 22:37-40).

Thật vậy, tất cả luật pháp của Đức Chúa Trời đều dựa trên nền tảng của Mười Điều Răn. Ngay cả điều răn mới của Đức Chúa Jesus Christ truyền cho các môn đồ của Ngài và điều răn Đức Thánh Linh truyền cho Hội Thánh cũng dựa trên Mười Điều Răn.

Con số mười trong Thánh Kinh tiêu biểu cho sự trọn vẹn về số lượng hoặc phẩm chất. Con số mười hai tiêu biểu cho sự trọn vẹn trong sự cai trị, điều hành. Chỉ khi một người vâng giữ hoàn toàn Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời thì người ấy mới có thể vâng giữ điều răn mới của Đức Chúa Jesus Christ và điều răn của Đức Thánh Linh ban cho Hội Thánh.

Khi chúng ta nhìn vào hai bàn tay có mười ngón tay, chúng ta hãy nhớ rằng, mọi việc chúng ta làm ra phải đúng với Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời. Khi chúng ta nhìn vào đôi bàn chân có mười ngón chân, chúng ta hãy nhớ rằng, mỗi bước chân của chúng ta dẫn đến bất cứ nơi nào trong cuộc sống của chúng ta, đều phải là bước đi theo Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời.

Ngày nay, nếu có ai dạy rằng, con dân Chúa không cần phải vâng giữ Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời, hoặc dạy rằng, con dân Chúa không cần vâng giữ điều răn thứ tư, thì chúng ta phải tránh xa người ấy. Vì sự dạy dỗ đó không đúng với Thánh Kinh. Con dân Chúa ngày nay và cả trong thời bảy năm đại nạn, là lúc Chúa đã đem Hội Thánh của Ngài ra khỏi thế gian, vẫn phải giữ các điều răn của Đức Chúa Trời và đức tin trong Đức Chúa Jesus Christ.

“Đây là sự nhần nại của các thánh đồ, là những người vâng giữ các điều răn của Đức Chúa Trời và đức tin trong Đức Chúa Jesus.” (Khải Huyền 14:12).

Để được sự cứu rỗi thì một người phải ăn năn tội và tin nhận sự chết chuộc tội của Đức Chúa Jesus Christ. Ăn năn tội tức là: Chấm dứt không vi phạm Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời! Nếu người nào tin nhận Chúa nhưng vẫn cứ tiếp tục vi phạm dù chỉ một điều răn trong Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời, thì người ấy chưa thật sự ăn năn. Không ăn năn thì không có sự tha thứ và không có sự cứu rỗi.

Thánh Kinh cũng dạy cho chúng ta biết:

“Vi người nào giữ trọn luật pháp, mà phạm một điều, thì cũng bị tội như đã phạm hết thấy.” (Gia-cơ 2:10).

Phần còn lại của cuốn sách này sẽ giúp cho chúng ta hiểu được ý nghĩa của Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời, hiểu được sự quan trọng của việc vâng giữ Mười Điều Răn, và nhận biết những giáo sư giả, là những người rao giảng tà giáo (giáo lý không đúng với Thánh Kinh), bác bỏ việc vâng giữ Mười Điều Răn hoặc bác bỏ việc vâng giữ bất cứ điều răn nào trong Mười Điều Răn.

Dưới đây là Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời được trích ra từ Xuất Ê-díp-tô Ký 20:1-17

theo Thánh Kinh Bản Hiệu Đỉnh 2012 (<http://www.tt2012.thanhkinhvietngu.net/bible>):

1 *Bấy giờ, Thiên Chúa phán mọi lời này:*

2 *Ta là Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu của người, Đấng đã rút người ra khỏi xứ Ê-díp-tô, là nhà nô lệ.*

3 *Trước mặt Ta, người chớ có các thần khác.*

4 *Người chớ làm tượng chạm cho mình, hoặc hình dạng nào trong các tầng trời, hoặc trong nơi đất thấp, hoặc trong nước dưới đất.*

5 *Người chớ thờ lạy chúng nó, và cũng đừng hầu việc chúng nó; vì Ta là Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu của người, là Thần hay ghen, phạt tội của tổ phụ trên con cháu đến đời thứ ba và đến đời thứ tư cho những kẻ ghét Ta;*

6 *và làm ơn đến ngàn đời cho những kẻ yêu mến Ta và giữ các điều răn Ta.*

7 *Người chớ lấy danh Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu của người mà làm ra vô ích, vì Đấng Tự Hữu Hằng Hữu chẳng kể vô tội kẻ nào lấy danh Ngài mà làm ra vô ích.*

8 *Hãy nhớ ngày Sa-bát. Hãy thánh hóa nó.*

9 *Người hãy lao động và làm hết công việc mình trong sáu ngày;*

10 *nhưng ngày Thứ Bảy là ngày Sa-bát của Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu của người; người sẽ không làm công việc gì: người, con trai, con gái, tôi trai, tớ gái, và súc vật của người, hoặc khách ở trong các cửa của người.*

11 *Vì trong sáu ngày, Đấng Tự Hữu Hằng Hữu đã dựng nên các tầng trời và trái đất, biển và muôn vật. Ngài nghỉ vào ngày Thứ Bảy. Vậy nên, Đấng Tự Hữu Hằng Hữu đã ban phước cho ngày Sa-bát và thánh hóa nó.*

12 *Hãy hiếu kính cha mẹ người, để những ngày của người được dài ra trên vùng đất mà Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu của người ban cho.*

13 *Người chớ phạm tội giết người.*

14 *Người chớ ngoại tình.*

15 *Người chớ trộm cắp.*

16 *Người chớ nói chứng dối, nghịch kẻ lân cận người.*

17 *Người chớ tham muốn nhà kẻ lân cận người. Người chớ tham muốn vợ kẻ lân cận người, hoặc tôi trai, hoặc tớ gái, hoặc bò, hoặc lừa, hoặc bất cứ điều gì của kẻ lân cận người.*

Nguyện xin Đức Thánh Linh, là Thần Lẽ Thật, ban cho bất cứ ai đọc sách này được sự thông hiểu Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời và ban cho những người tin nhận Chúa sức mạnh để họ vâng giữ trọn vẹn các điều răn của Thiên Chúa.

Điều Răn Thứ Nhất Trung Tín với Thiên Chúa

Điều răn thứ nhất của Đức Chúa Trời là:

“Ta là Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu của ngươi, Đấng đã rút ngươi ra khỏi xứ Ê-díp-tô, là nhà nô lệ. Trước mặt Ta, ngươi chớ có các thần khác.” (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:1-3).

Điều răn thứ nhất của Đức Chúa Trời được chép trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20:1-3 và được nhắc lại trong Phục Truyền Luật Lệ Ký 5:6-7.

Dân I-sơ-ra-ên được Môi-se nhận lệnh từ Thiên Chúa, dẫn họ ra khỏi xứ Ê-díp-tô (Ai-cập), ra khỏi cuộc sống nô lệ, vào Thứ Năm, ngày 26, tháng Ba, năm 1446 TCN [1], nhằm ngày 15, tháng Một, năm 1 theo Lịch Thánh Kinh. Bốn mươi bảy ngày sau, vào Thứ Ba, ngày 12, tháng 5, năm 1446 TCN, nhằm ngày 3, tháng Ba, năm 1 theo Lịch Thánh Kinh, thì họ vào đến đồng vắng Si-na-i. Xuất Ê-díp-tô Ký 19:1 chép:

“Tháng thứ ba, sau khi ra khỏi xứ Ê-díp-tô, trong ngày đó, dân I-sơ-ra-ên đến nơi đồng vắng Si-na-i.”

Đại danh từ “đó” trong câu Thánh Kinh trên đây, chỉ về số thứ tự của ngày giống như số thứ tự của tháng, tức là số 3. Nhóm chữ “trong ngày đó” có nghĩa là trong ngày thứ ba của tháng thứ ba. Ngày 3, dân sự dựng lều, đóng trại. Ngày 4, Môi-se lên núi gặp Thiên Chúa và được Ngài phán dặn ông rằng, kể từ hôm đó, mọi người phải biệt riêng ba ngày, giữ mình thánh sạch, tức là kể từ ngày 4 cho đến ngày 6 tháng Ba, để ra mắt Thiên Chúa.

Sáng ngày 6 tháng Ba, đúng 50 ngày sau ngày Lễ Sa-bát Bánh Không Men, Thiên Chúa trong thân vị Đức Chúa Trời giáng lâm trên đỉnh núi Si-na-i, phán truyền Mười Điều Răn của Ngài cho dân sự và tự tay Ngài ghi chép trên hai bảng đá. Đúng 1473 năm sau, vào Thứ Sáu, ngày 30 tháng 5 năm 27, nhằm ngày 6 tháng Ba năm 1473 theo Lịch Thánh Kinh, Thiên Chúa trong thân vị Đức Thánh Linh giáng lâm trên Hội Thánh và ghi chép các điều răn của Đức Chúa Trời vào trong trí, trong lòng của con dân Chúa.

Chúng ta chú ý các điểm quan trọng sau đây:

1. Thiên Chúa dựng nên loài người và truyền các điều răn đầu tiên cho loài người vào

một ngày Thứ Sáu: (Sáng Thế Ký 1 và 2). Các điều răn đầu tiên là: Hãy sinh sản, làm cho đầy dẫy đất, cai trị đất, cùng điều răn chó ăn trái của cây biết điều thiện và điều ác.

2. Thiên Chúa phán truyền Mười Điều Răn cho loài người cũng vào một ngày Thứ Sáu.

3. Thiên Chúa ghi chép các điều răn và luật pháp của Ngài vào lòng con dân Chúa cũng vào một ngày Thứ Sáu. Thiên Chúa trong thân vị Đức Thánh Linh giáng lâm trên con dân Chúa, thành lập Hội Thánh, ngự trong thân thể mỗi con dân Chúa và ghi chép các điều răn, luật pháp của Thiên Chúa vào trí, vào lòng con dân Chúa, (xin đọc Thánh Kinh, sách Công Vụ Các Sứ Đồ 2, đối chiếu Hê-bơ-rơ 8:10).

Lễ Ngũ Tuần, tức là lễ kỷ niệm 50 ngày sau ngày Lễ Sa-bát Bánh Không Men, luôn luôn rơi vào ngày 6 tháng Ba của Lịch Thánh Kinh và Lịch Do-thái [1]. Lễ này kỷ niệm ngày Đức Chúa Trời ban Mười Điều Răn cho loài người qua chữ viết trên bảng đá mà cũng là kỷ niệm ngày Đức Thánh Linh giáng lâm trên Hội Thánh, ở lại trong thân thể của con dân Chúa, và ghi chép các điều răn, luật pháp của Đức Chúa Trời trong trí và trong lòng của con dân Chúa.

Mục đích của điều răn thứ nhất: Dạy cho chúng ta biết con dân của Chúa chỉ có một Thiên Chúa và họ không được chấp nhận các thần khác. Mọi hình thức công nhận bất cứ một thần nào khác đều bị Thiên Chúa nghiêm cấm.

Chúng ta hãy cùng nhau xem xét ý nghĩa của Xuất Ê-díp-tô Ký 20:1-3:

“Bấy giờ, Thiên Chúa phán mọi lời này: Ta là Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu của người, Đấng đã rút người ra khỏi xứ Ê-díp-tô, là nhà nô lệ. Trước mặt Ta, người chớ có các thần khác.”

“Bấy giờ:” Có nghĩa là thời điểm liền sau khi dân I-sơ-ra-ên đã tụ họp dưới chân núi Si-na-i và sự vinh quang của Thiên Chúa đã tỏ ra từ trên đỉnh núi.

“Thiên Chúa phán mọi lời này,” tức là mười lời Thiên Chúa phán ra, để làm giao ước với những ai Ngài nhận làm con dân của Ngài, còn được gọi là Mười Điều Răn. Sau đó, chính Thiên Chúa chọn hai bảng đá, ghi khắc mười lời phán ấy trên hai bảng đá, và trao cho Môi-se. Tuy nhiên, khi Môi-se trở xuống chân núi, nhìn thấy dân I-sơ-ra-ên dùng vàng đúc thành tượng của một con bò, làm biểu tượng cho Thiên Chúa, thì ông nổi giận, ném vỡ hai bảng đá ấy. Thiên Chúa đòi Môi-se lên núi, đem theo hai bảng đá khác, rồi chính Thiên Chúa ghi khắc một lần nữa mười lời giao ước trên hai bảng ấy, và trao cho Môi-se, đem cất vào trong một cái rương, gọi là Rương Giao Ước.

Thiên Chúa xưng tên của Ngài là “Tự Hữu Hằng Hữu,” (Thánh Kinh Việt Ngữ Bản Dịch Truyền Thống phiên âm là “Giê-hô-va,”) có nghĩa là “tự có và có đến mãi mãi,” và Thiên Chúa xưng rằng, Ngài chính là Đấng đã rút dân I-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ê-díp-tô. Thiên Chúa gọi Ê-díp-tô là “nhà nô lệ” của dân I-sơ-ra-ên, vì có dân Ê-díp-tô bắt dân I-sơ-ra-ên phải làm nô lệ cho họ khoảng 400 năm. Thiên Chúa nhắc cho dân I-sơ-ra-ên biết, Ngài chính là Đấng giải cứu họ, chứ không phải Môi-se và A-rôn, là hai anh em được Ngài dùng để lãnh đạo họ.

Thiên Chúa gọi chung toàn dân I-sơ-ra-ên và các dân tộc đi theo dân I-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ê-díp-tô bằng đại danh từ “người.” Điều đó bao gồm các nghĩa sau đây:

1. Thiên Chúa chọn dân I-sơ-ra-ên để làm một dân tộc thánh, tức là một dân tộc biệt riêng cho Ngài, để hầu việc Ngài:

“Vì người là một dân thánh cho Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu người; Ngài đã chọn người trong muôn dân trên mặt đất, để làm một dân thuộc riêng về Ngài.”
(Phục Truyền Luật Lệ Ký 7:6).

Thiên Chúa dùng dân I-sơ-ra-ên để ghi chép Lời của Ngài, là Thánh Kinh, cho nhân loại. Thiên Chúa ban cho nhân loại Đấng Cứu Rỗi, là Đức Chúa Jesus Christ, qua dân I-sơ-ra-ên. Thiên Chúa công bố Tin Lành về sự cứu rỗi loài người ra khỏi tội lỗi qua dân I-sơ-ra-ên, bắt đầu với các sứ đồ và các môn đồ của Đức Chúa Jesus Christ là những người I-sơ-ra-ên.

2. Thiên Chúa sát nhập các dân tộc khác vào dân I-sơ-ra-ên, nếu họ tin cậy Ngài và vâng phục Ngài.

3. Mười lời Thiên Chúa tuyên phán để làm giao ước với dân I-sơ-ra-ên cũng chính là tuyên phán với bất cứ dân tộc nào tin nhận Ngài và vâng giữ mười lời tuyên phán ấy. Mười lời tuyên phán ấy tức là Mười Điều Răn vừa là giao ước với một tập thể của những người được biệt riêng ra cho Thiên Chúa, vừa là giao ước với từng người trong tập thể ấy.

Nói cách khác, Mười Điều Răn được ban truyền cho tất cả những ai tin nhận và tôn thờ Thiên Chúa, không phân biệt thời đại, không phân biệt chủng tộc. Ai xưng nhận mình là con dân Chúa mà vi phạm Mười Điều Răn thì sẽ bị phán xét bởi luật pháp của Thiên Chúa. Còn đối với những người không tin Chúa thì họ vẫn bị hư mất vì sự phạm tội của họ:

“Vì trước mặt Đức Chúa Trời, chẳng tư vị ai đâu. Những kẻ không luật pháp mà phạm tội, cũng sẽ không luật pháp mà hư mất; còn những kẻ có luật pháp mà phạm tội, thì sẽ bị luật pháp phán xét.” (Rô-ma 2:11-12).

Bởi vì, dù những người không tin Chúa, không được đọc và học về Mười Điều Răn của Chúa thì lương tâm của họ vẫn biết điều gì là tội lỗi:

“Vì khi dân ngoại không có luật pháp mà tự nhiên làm những việc ở trong luật pháp, thì ấy là luật pháp cho họ dù họ không có luật pháp. Họ tỏ ra rằng, việc làm của luật pháp đã được viết trong lòng họ. Lương tâm của họ làm chứng trong khi các ý tưởng của họ hoặc là cáo giác hoặc là bênh vực.” (Rô-ma 2:14-15).

Chính vì thế mà trong Kỳ Tận Thế, Rương Giao Ước có chứa hai bảng đá ghi chép Mười Điều Răn, sẽ hiện ra từ trên trời, để Thiên Chúa dựa vào đó mà phán xét toàn thể gian:

“Các quốc gia nổi giận nhưng cơn thịnh nộ của Ngài đang đến. Giờ đoán xét những kẻ chết đã đến. Giờ Ngài ban thưởng cho các tôi tớ Ngài là các tiên tri, các thánh đồ, và họ là những người kính sợ Danh Ngài, nhỏ hoặc lớn, đã đến. Giờ hủy diệt những kẻ hủy diệt đất đã đến. Rồi, đền thờ của Đức Chúa Trời mở ra ở trên trời. Rương Giao Ước trong đền thờ của Ngài được thấy. Có những chớp nhoáng, những âm thanh và những sấm vang, cùng động đất và mưa đá lớn.” (Khải Huyền 11:18-19).

Xuất Ê-díp-tô Ký 20:3 chính là cốt lõi của điều răn thứ nhất trong Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời:

“Trước mặt Ta, người chớ có các thần khác.”

Vì Thiên Chúa có mặt khắp nơi nên bất cứ nơi nào cũng là “trước mặt” của Thiên Chúa; dù là nơi công cộng hay chốn riêng tư. Thiên Chúa không chấp nhận cho loài người và ngay cả các thiên sứ thờ phượng một ai khác ngoài Thiên Chúa. Nhóm chữ: *“chớ có các thần khác”*

có nghĩa là thờ phượng bất cứ một thần linh nào ngoài Thiên Chúa.

Thiên Chúa là thần linh duy nhất mà muôn loài phải kính sợ, tôn thờ, và vâng phục. Các thiên sứ là các thần linh do Thiên Chúa dựng nên. Có nhiều người thờ phượng thiên sứ và như vậy là vi phạm điều răn thứ nhất. Chính thiên sứ của Chúa cũng không chấp nhận sự thờ phượng của loài người:

“Tôi hạ mình xuống tại chân người để thờ phượng người nhưng người phán với tôi rằng: “Hãy coi chừng, đừng làm vậy! Ta là tôi tớ đồng công với người và với các anh em người, là những người có chứng cứ của Đức Chúa Jesus. Hãy thờ phượng Đức Chúa Trời! Vì chứng cứ của Đức Chúa Jesus là tinh thần của lời tiên tri.” (Khải Huyền 19:10).

“Tôi, Giăng, thấy những việc ấy và nghe. Khi tôi đã nghe và thấy xong, tôi phủ phục để thờ phượng trước chân của thiên sứ đã tỏ ra cho tôi những sự ấy. Nhưng người nói với tôi: “Hãy coi chừng, đừng làm vậy; vì ta là tôi tớ đồng công với người và với các anh em người, là các tiên tri, cùng những ai giữ lời trong sách này. Hãy thờ phượng Đức Chúa Trời.” (Khải Huyền 22:8-9).

Sau khi Thiên Sứ Trường Lu-xi-phe dẫn theo một số đồng các thiên sứ khác phản nghịch Thiên Chúa, thì Lu-xi-phe trở thành Sa-tan. Sa-tan có nghĩa là “kẻ chống nghịch.” Trong suốt dòng lịch sử của loài người, Sa-tan tạo ra các tôn giáo để khiến loài người thờ lạy Sa-tan qua các hình tượng tà thần. “Tà thần” có nghĩa là “thần linh xấu, thần linh gian ác, giả làm Thiên Chúa.” Thậm chí, Sa-tan còn tạo ra các tôn giáo mang danh Chúa và khiến người ta thờ lạy những hình tượng do tay người làm ra, gọi là “hình Chúa”, “tượng Chúa.” Sự thờ phượng bất cứ một thần linh nào khác không phải là Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, hoặc sự thờ phượng bất cứ một vật gì, kể cả một niềm đam mê, một ý tưởng, một chủ nghĩa... là sự vi phạm điều răn thứ nhất. Sự thờ phượng Thiên Chúa qua các hình tượng gọi là “hình Chúa”, “tượng Chúa” là vi phạm điều răn thứ nhì.

Ngoài Sa-tan và các hình tượng, còn có một loại tà thần nữa mà hầu như người nào cũng thờ lạy; đó là thờ lạy chính mình, hoặc thờ lạy những người thân yêu trong gia đình của mình, hoặc thờ lạy những người nổi tiếng, như: các anh hùng dân tộc, các diễn viên, các ca sĩ, các nhà thể thao... Nếu chúng ta tôn trọng chính mình hay bất cứ một người nào hơn là Thiên Chúa, thì chúng ta vi phạm điều răn thứ nhất. Chúng ta phải biết tự trọng, tức là tự tôn trọng chính mình, không làm gì sai trái để bị chê cười. Chúng ta cũng phải biết tôn người đáng tôn, kính người đáng kính, vâng phục người đáng vâng phục... vì Chúa dạy như vậy. Nhưng chúng ta không thể yêu thương, tôn quý, vâng phục ai hơn là yêu kính và vâng phục Thiên Chúa. Đặc biệt là chúng ta không quỳ lạy thờ phượng bất cứ thần linh nào, bất cứ người nào khác hơn là Thiên Chúa. Chúng ta lại càng không thể chấp nhận cho người khác tôn thờ mình, biến mình thành thần tượng. Thánh Kinh ghi lại một gương cho chúng ta noi theo:

“Dân chúng thấy sự Phao-lô đã làm, thì kêu lên bằng tiếng Li-cao-ni rằng: Các thần đã lấy hình loài người mà xuống cùng chúng ta. Chúng tôn Ba-na-ba là Giu-bi-tê, còn Phao-lô là Mết-cu-rơ, vì là người đứng đầu giảng đạo. Thầy cả của thần Giu-bi-tê có miếu nơi cửa thành, đem bò đực và tràng hoa đến trước cửa, muốn đồng lòng với đoàn dân dâng một tế lễ. Nhưng hai sứ đồ là Ba-na-ba và Phao-lô hay điều đó, xé áo mình, sấn vào giữa đám đông, mà kêu lên rằng: Hỡi các bạn, sao làm điều đó? Chúng ta chỉ là loài người giống như các người; chúng ta giảng Tin Lành cho các người, để cho lìa bỏ các thần hư không kia, mà trở về cùng Đức Chúa Trời hằng sống, là Đấng

đã dựng nên trời, đất, biển, và muôn vật trong đó. Trong các đời trước đây, Ngài để cho mọi dân theo đường riêng mình, dù vậy, Ngài cứ làm chứng luôn về mình, tức là giáng phước cho, làm mưa từ trời xuống, ban cho các người mùa màng nhiều hoa quả, đồ ăn dư dật, và lòng đầy vui mừng. Tuy sứ đồ nói như vậy, chỉ vừa đủ ngăn trở dân chúng dâng cho mình một tế lễ.” (Công Vụ Các Sứ Đồ 14:11-18).

Mọi sự yêu thương, tôn quý, ca tụng người khác dành cho chúng ta, chúng ta đều dâng lên Chúa bằng cách nói rằng: Mọi vinh quang thuộc về Thiên Chúa!

Cuối cùng, sự tham mê tiền bạc, sắc đẹp, địa vị, quyền lực, danh tiếng, ma túy, chủ nghĩa, triết học... hay bất cứ một sự ghiền, nghiện nào cũng đều là biến những sự đó thành tà thần. Sự thờ phượng bao gồm lòng say mê, tôn kính, tin rằng đối tượng mình thờ phượng có thể ban ơn, giáng họa cho mình, quỳ lạy đối tượng ấy, dâng lễ vật lên đối tượng ấy, cầu nguyện với đối tượng ấy, đặt để đối tượng ấy làm mục đích và sự nương cậy trong đời sống mình, và sẵn sàng hy sinh cho đối tượng ấy.

Xứ Ê-díp-tô, nơi dân I-sơ-ra-ên sống đời nô lệ tiêu biểu cho đời sống đau khổ trong tội lỗi của loài người mà không ai có thể tự mình thoát ra được. Chính Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu đã nhập thể làm người, mang tên Jesus (Jesus có nghĩa là: Đấng Tự Hữu Hằng Hữu là Đấng Cứu Rỗi), giải cứu chúng ta ra khỏi cuộc đời nô lệ cho tội lỗi, giải cứu chúng ta ra khỏi hậu quả của tội lỗi là hình phạt chịu khổ đời đời trong hỏa ngục; và khiến chúng ta trở nên con dân của Ngài, được ở trong Hội Thánh của Ngài. Vì thế, chúng ta không thể hết lòng yêu kính, tin cậy, và thờ phượng ai khác hay sự gì khác ngoài Thiên Chúa.

Ngày hôm nay, có nhiều người mang danh là con dân Chúa nhưng tôn thờ bản thân họ, hoặc cha mẹ, con cái, hoặc thú vui tội lỗi... thay vì tôn thờ Thiên Chúa. Lại có nhiều người tôn thờ mục sư, linh mục, giáo hoàng thay vì tôn thờ Thiên Chúa. Khi chúng ta vì bất cứ ai hay bất cứ sự gì mà sẵn sàng làm nghịch lại Lời Chúa, thì chúng ta đã biến người ấy hay sự ấy thành tà thần. Khi chúng ta hết lòng vâng theo Lời Chúa cho dù phải nghịch lại gia đình, xã hội, thì chúng ta không có thần khác trước mặt Thiên Chúa.

Nguyện rằng, trong lòng của chúng ta không có thần nào khác hơn là Ba Ngôi Thiên Chúa: Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh. A-men!

Ghi Chú

[1] TCN = Trước Công Nguyên, tức là trước năm 1. 1446 TCN là 1446 năm trước năm 1. Xem tiết mục “Năm Do-thái: 2315” trong bài này:

<http://thanhoc.timhieutinlanh.net/?p=49>

[2] Lịch Thánh Kinh bắt đầu từ khi Thiên Chúa ban hành lịch cho dân I-sơ-ra-ên như đã chép trong Xuất Ê-díp-tô Ký đoạn 12. Lịch Do-thái bắt đầu trước khi dân Do-thái ra khỏi xứ Ê-díp-tô 2314 năm. Năm 1 của Lịch Thánh Kinh nhằm năm 2315 của Lịch Do-thái, nhằm năm 1446 TCN. Xem tiết mục “Năm Do-thái: 3787” trong bài này:

<http://thanhoc.timhieutinlanh.net/?p=49>

Điều Răn Thứ Nhì

Chớ Làm Tượng

Chớ Thờ Phụng Tượng

Chớ Hầu Việc Tượng

Điều răn thứ nhì của Đức Chúa Trời là:

"Người chớ làm tượng chạm cho mình, hoặc hình dạng nào trong các tầng trời, hoặc trong nơi đất thấp, hoặc trong nước dưới đất. Người chớ thờ lạy chúng nó, và cũng đừng hầu việc chúng nó; vì Ta là Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu của người, là Thần hay ghen, phạt tội của tổ phụ trên con cháu đến đời thứ ba và đến đời thứ tư cho những kẻ ghét Ta; và làm ơn đến ngàn đời cho những kẻ yêu mến Ta và giữ các điều răn Ta." (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:4-7).

Điều răn thứ nhì của Đức Chúa Trời được chép trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20:4-7 và được nhắc lại trong Phục Truyền Luật Lệ Ký 5:8-10.

Điều răn thứ nhì nghiêm cấm con dân Chúa ba điều sau đây: Không được làm tượng. Không được thờ lạy tượng. Không được hầu việc tượng.

Thiên Chúa không cho phép loài người làm ra tượng của chính mình hay tượng của các hình dạng trong các tầng trời, trong nơi đất thấp, trong nước dưới đất. Một người có thể tự làm ra tượng của mình, hoặc thuê mướn người khác làm ra tượng của mình, hoặc là người có quyền thế thì truyền lệnh cho người khác làm ra tượng của mình. Một người cũng có thể tự làm ra tượng của các loài khác, hoặc thuê mướn người khác làm, hoặc mua các tượng do người khác làm ra.

Câu *"Người chớ làm tượng chạm cho mình, hoặc hình dạng nào trong các tầng trời, hoặc trong nơi đất thấp, hoặc trong nước dưới đất,"* được Thiên Chúa nói rõ hơn trong Phục Truyền Luật Lệ Ký 4:15-18. Ngài liệt kê một cách chi tiết những loài mà Ngài không cho phép loài người làm tượng:

15 Vậy, các người hãy cẩn thận giữ lấy linh hồn mình, vì các người không có thấy một hình dạng nào trong ngày Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu các người, từ nơi giữa lửa

phán với các người, tại Hô-rép;

16 mà các người làm bại hoại cho mình và làm một hình chạm nào, hình dạng của tà thần nào, hình thể của người nam hay người nữ,

17 hình thể của con thú nào đi trên đất, hình thể của vật nào có cánh bay trên trời,

18 hình thể của loài côn trùng nào bò trên đất, hình thể của con cá nào ở trong nước dưới đất.

Chúng ta thấy rõ, Thiên Chúa không cấm loài người làm tượng các vì tinh tú, các loài cây cối, hoa cỏ; mà Ngài chỉ cấm loài người làm tượng các tà thần và các loài động vật.

Theo Thánh Kinh, các hình thể được chạm trổ, điêu khắc hoặc nắn, đúc được gọi chung là tượng chạm và tượng đúc. Thiên Chúa gớm ghét những ai làm ra các tượng chạm và tượng đúc của các loài mà Thiên Chúa đã liệt kê trong Phục Truyền Luật Lệ Ký 4:15-18, kể cả những tượng được gọi là “tượng Chúa.”

“Đáng rửa sả thay người nào làm tượng chạm hay là tượng đúc, là vật gớm ghiếc cho Đấng Tự Hữu Hằng Hữu...” (Phục Truyền Luật Lệ Ký 27:15).

Người bị rửa sả là người bị Thiên Chúa gớm ghét, kết tội, và giáng hình phạt.

Ngày nay, khoa học đã phát minh ra máy in ba chiều, có thể in ra các hình tượng. Những hình tượng được in ra từ máy in ba chiều cũng thuộc loại tượng chạm và tượng đúc.

Các loài thú nhồi bông, búp-bê nhồi bông hoặc được may bằng các loại vải... không phải là tượng chạm hoặc tượng đúc. Tất cả các món đồ chơi mang hình các động vật được đúc từ bất cứ vật liệu gì cũng đều là tượng đúc. Tất cả các loại bánh kẹo được đúc thành hình các động vật cũng là tượng đúc.

Nhiều người cho rằng, chỉ khi nào làm tượng để thờ thì mới vi phạm điều răn của Đức Chúa Trời, còn làm tượng để chơi, để trang trí thì không có tội. Nếu chúng ta đọc kỹ điều răn thứ nhì thì chúng ta thấy Thiên Chúa cấm loài người: làm tượng, thờ phượng tượng, hầu việc tượng. Vì thế, nếu chúng ta làm tượng vì bất cứ lý do gì thì cũng là phạm điều răn của Đức Chúa Trời.

Thí dụ: Chính phủ ra lệnh cấm trồng, cấm hút, cấm mua bán cây thuốc phiện. Như vậy, có ai có thể nói rằng: Tôi chỉ trồng cây thuốc phiện để làm cảnh, để trang trí trong sân chứ tôi không hút và không mua bán, thì tôi không phạm luật? Hay là có ai có thể nói rằng: Tôi không trồng, không hút, không mua bán cây thuốc phiện, nhưng người khác trồng, cho tôi, và tôi mang về làm cảnh, thì tôi không phạm luật?

Nếu luật pháp của quốc gia cấm trồng cây thuốc phiện thì người dân nào trồng hoặc tiếp nhận cây thuốc phiện do người khác trồng, thì người ấy phạm luật. Điều răn của Đức Chúa Trời cấm làm tượng thì người nào làm tượng hoặc tiếp nhận tượng do người khác làm ra, thì người ấy phạm tội. Loài người không có quyền đưa ra bất cứ một lý do nào để làm nghịch lại các điều răn của Đức Chúa Trời.

Thánh Kinh có ghi lại các trường hợp ngoại lệ về việc làm tượng. Đó là khi Thiên Chúa truyền cho con dân của Ngài làm ra một số tượng để dùng trong đền thờ của Thiên Chúa, hoặc Ngài truyền cho Môi-se làm hình tượng bằng đồng của một con rắn lửa (Dân Số Ký 21:8). Về sau, dân I-sơ-ra-ên thờ lạy hình tượng của con rắn lửa ấy, cho đến khi Vua Ê-xê-chia lên ngôi, dẹp bỏ thói tục thờ hình tượng của dân I-sơ-ra-ên, ra lệnh đập vỡ nó.

“Người phá hủy các nơi cao, đập bể những trụ thờ, đánh hạ các A-sê-ra [1], và bể gãy con rắn đồng mà Môi-se đã làm; bởi vì cho đến khi ấy, dân I-sơ-ra-ên xông hương cho nó; người ta gọi hình rắn ấy là Nê-hu-tan [vật bằng đồng].” (II Các Vua 18:4).

Có một số người viện cứ là Môi-se và Vua Sa-lô-môn làm tượng được thì họ cũng có quyền làm tượng. Tuy nhiên, Môi-se và Vua Sa-lô-môn chỉ làm tượng theo sự phán bảo của Thiên Chúa, chứ họ không tự ý làm tượng. Và các tượng mà họ làm ra là để phục vụ cho Thiên Chúa, không phải để phục vụ cho ý riêng của họ.

Trong thế gian này, số người thờ lạy tượng rất nhiều. Người ta thờ lạy tượng vì tin rằng đó là hình thể của các thần linh có thể ban phước hoặc giáng họa cho họ. Nói cách khác, họ xem các hình tượng mà họ thờ lạy là Đức Chúa Trời của họ. Riêng với hơn một tỷ người Công Giáo, thì họ thường xuyên quỳ lạy, thắp đèn, dâng hoa, dâng hương cho các hình tượng do tay người làm ra, gọi là tượng các thánh, tượng Chúa, tượng Đức Mẹ.

Thiên Chúa cấm loài người thờ lạy hình tượng, bất kể là các tượng đó được đặt tên là gì. Ai có quyền gọi một hình tượng vô tri, vô giác là Chúa, là Đức Mẹ, là các thánh? Chính Chúa đã ra lệnh cho con dân Chúa:

“Vây, chớ đúc tượng thần bằng bạc hay bằng vàng mà sánh với Ta.” (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:23).

Trái lại, Thánh Kinh chép về hình tượng và sự thờ lạy hình tượng như sau:

Ê-sai 44:12-19

12 Thợ rèn lấy một thỏi sắt nung trên than lửa; dùng búa mà đập, dùng cánh tay mạnh mà làm; mặc dù đói và kém sức; không uống nước và kiệt cả người.

13 Thợ mộc giăng dây; dùng phẩn mà gạch; đẽo bằng cái chày, đẽo bằng cái nhíp; làm nên tượng người, giống hình người tốt đẹp, để ở trong một ngôi nhà.

14 Lại đi đốn cây bách; lấy cây lạt, cây dẻ, mà mình đã chọn trong các thứ cây trên rừng; trồng cây thông, mưa xuống làm cho lớn lên.

15 Gỗ ấy người ta sẽ dùng mà chụm, lấy về mà sưởi. Cùng dùng để đun lửa hấp bánh; lại cũng lấy mà làm một vì thần, rồi thờ lạy nó, làm nó nên một tượng chạm mà quỳ lạy trước mặt nó.

16 Họ chụm đi phân nửa trong lửa, còn phân nửa thì dùng mà nung thịt, ăn cho no; hoặc sưởi cho ấm, và nói rằng: Hà, này ta sưởi đây; ta thấy ngọn lửa!

17 Kế đó, gỗ còn thừa lại, làm một vì thần, tức là tượng chạm mình; cúi mình trước mặt nó mà thờ lạy, cầu nguyện nó mà rằng: Xin giải cứu tôi, vì ngài là thần của tôi!

18 Những người ấy không biết và không suy xét; vì mắt họ nhắm lại để đừng thấy, lòng họ lấp đi để đừng hiểu.

19 Trong bọn họ chẳng ai suy đi nghĩ lại, chẳng ai có sự thông biết khôn sáng mà nói rằng: Ta đã lấy phân nửa mà chụm; đã hấp bánh trên lửa than; đã quay thịt và ăn rồi; còn thừa lại, ta dùng làm một vật gốm ghiếc sao? Ta lại đi cúi mình lạy một gốc cây sao?

Thi Thiên 115:4-8

4 Hình tượng chúng nó bằng bạc bằng vàng, là công việc tay người ta làm ra.

5 Hình tượng có miệng mà không nói, có mắt mà chẳng thấy,

6 có tai mà không nghe, có lỗ mũi mà chẳng ngửi,

7 có tay, nhưng không rờ rẫm, có chân, nào biết bước đi, cuống họng nó chẳng ra tiếng nào.

8 Bất cứ kẻ nào làm hình tượng, và nhờ cậy nơi nó, đều giống như nó.

Thi Thiên 135:15-18

15 Hình tượng của các dân bằng bạc và bằng vàng, là công việc tay loài người làm ra.

16 Hình tượng có miệng mà không nói, có mắt mà chẳng thấy,

17 có tai mà không nghe, và miệng nó không hơi thở.

18 Bất cứ kẻ nào làm hình tượng, và nhờ cậy nơi nó, đều giống như nó.

Chúng ta cần chú ý và ghi nhớ Lời Chúa: “Bất cứ kẻ nào làm hình tượng, và nhờ cậy nơi nó, đều giống như nó.”

Là con dân Chúa, chúng ta thờ phượng Chúa bằng tâm thần và lẽ thật, bằng cách dâng thân thể mình làm của lễ sống và thánh lên Chúa, để Chúa sử dụng thân thể chúng ta làm những việc lành mỗi ngày, và chúng ta thờ phượng Chúa theo lẽ thật là lời dạy của Thánh Kinh, không theo truyền thống của giáo hội hay của bất cứ người nào:

“Nhưng giờ đã đến và bây giờ là lúc những người thờ phượng thật sẽ thờ phượng Cha trong tinh thần và lẽ thật. Vì Cha tìm kiếm những người thờ phượng Ngài như vậy. Đức Chúa Trời là Thần. Những người thờ phượng Ngài phải thờ phượng trong tâm thần và lẽ thật.” (Giăng 4:23-24).

“Vậy, hỡi các anh em, tôi lấy sự thương xót của Đức Chúa Trời khuyên các anh em dâng thân thể mình làm của lễ sống và thánh, đẹp lòng Đức Chúa Trời, ấy là sự thờ phượng phải lẽ của các anh em.” (Rô-ma 12:1).

“Vì chúng ta là việc Ngài làm ra, đã được dựng nên trong Đấng Christ Jesus để làm những việc lành mà Đức Chúa Trời đã sắm sẵn trước cho chúng ta làm theo.” (Ê-phê-sô 2:10).

“Ngài đáp rằng: Còn các ngươi sao cũng vì có lời truyền khẩu mình mà phạm điều răn của Đức Chúa Trời?” (Ma-thi-ơ 15:3).

“Như vậy, các ngươi đã vì lời truyền khẩu mình mà bỏ điều răn của Đức Chúa Trời.” (Ma-thi-ơ 15:6).

“Các ngươi bỏ điều răn của Đức Chúa Trời, mà giữ lời truyền khẩu của loài người! Ngài cũng phán với họ rằng: Các ngươi bỏ hẳn điều răn của Đức Chúa Trời, để giữ theo lời truyền khẩu của mình.” (Mác 7:8-9).

“...các ngươi lấy lời truyền khẩu mình lập ra mà bỏ mất lời Đức Chúa Trời. Các ngươi còn làm nhiều việc khác nữa giống như vậy.” (Mác 7:13).

“Hãy giữ chừng, kẻo có ai lấy triết học và lời hư không, theo lời truyền khẩu của loài người, sơ học của thế gian, không theo Đấng Christ, mà bắt anh em phục chằng.” (Cô-lô-se 2:8).

Loài người được dựng nên giống như hình và tượng của Thiên Chúa; vì thế, chúng ta chỉ thờ

lạy Thiên Chúa, chứ không thờ lạy bất cứ một hình tượng vô tri vô giác nào do tay người làm ra.

Hầu việc tượng bao gồm các việc chuyên chở, trưng bày, tắm rửa, lau chùi, đánh bóng, sơn phết, sửa chữa... và ngay cả việc mua bán tượng; vì khi mua bán tượng là chúng ta giúp cho nhiều người khác ưa thích tượng và hầu việc tượng, có thể dẫn đến sự khiến cho họ thờ lạy tượng.

Thiên Chúa không muốn chúng ta hầu việc những tượng mà Ngài đã cấm loài người làm ra; vì chúng là ô uế, đáng gớm ghiếc trước mặt Chúa. Một phần khác vì các tà linh có thể nhập vào các hình tượng để nhận sự hầu việc và thờ lạy của loài người.

Vì Thiên Chúa đã ban cho chúng ta điều răn cấm làm tượng, cấm thờ tượng, cấm hầu việc tượng, và liệt kê rõ các loài tạo vật mà Ngài không cho phép chúng ta làm tượng, từ các tà thần cho đến loài người, các loài thú, các loài chim, các loài cá cho đến các loài côn trùng, nên chúng ta không được làm những tượng như vậy. Chúng ta cũng không dự phần vào việc mua, bán, trao đổi, tặng; cũng không thờ lạy và hầu việc chúng nó, để không bị Thiên Chúa ghét và phạt đến ba bốn đời.

Trong trường hợp nghi ngờ, không biết một vật có phải là tượng hay không, thì chúng ta cứ xem nó như là tượng. Vì nếu đã có lòng nghi ngờ thì chúng ta không nên chấp nhận. Giả sử, có người đưa cho chúng ta một trái cây lạ và nói rằng, không biết là trái cây lạ này là loài ăn được hay là loài có chất độc, thì chúng ta có thân nhiên ăn thử hay không? Lời Chúa dạy:

"...bất cứ làm điều gì không bởi đức tin thì điều đó là tội lỗi." (Rô-ma 14:23b).

Tất cả những ai làm tượng, hoặc thờ lạy tượng, hoặc hầu việc tượng đều là những kẻ ghét Thiên Chúa, tức không có lòng yêu kính và vâng phục Thiên Chúa. Họ sẽ bị Ngài ghét lại và sẽ bị Ngài hình phạt một cách xứng đáng.

Nhiều gia đình tín đồ và trong những nơi gọi là "nhà thờ" treo các loại tranh ảnh gọi là "hình Chúa." Đó cũng là một hình thức thờ hình tượng, vì đã đem những tranh ảnh được tạo ra bởi sự tưởng tượng của người vẽ, sánh với Chúa, gọi nó là "Chúa" và tôn kính nó, đặt nó vào những nơi trang trọng, thậm chí có người còn cầu nguyện với các tranh ảnh đó.

Chúng ta hãy sốt sắng áp dụng lẽ thật của Lời Chúa vào trong cuộc sống thực tế của chúng ta:

1. Nhân danh Đức Chúa Jesus Christ, đem tất cả các tượng chạm và tượng đúc mang hình dáng của *"tà thần, người nam hoặc người nữ, thú vật đi trên đất hoặc có cánh bay trên trời, côn trùng bò trên đất hoặc cá ở trong nước dưới đất"* kể cả các hình tượng được gọi là "tượng Chúa" ra khỏi nhà cửa, cơ sở làm ăn, và mọi sản nghiệp của chúng ta. Nhân danh Đức Chúa Jesus Christ, đập vỡ chúng nó và ném vào thùng rác.
2. Nhân danh Đức Chúa Jesus Christ, đem tất cả những tranh ảnh gọi là "hình Chúa" ra khỏi nhà cửa, cơ sở làm ăn, và mọi sản nghiệp của chúng ta. Nhân danh Đức Chúa Jesus Christ, xé hình, đập vỡ khung hình, và ném vào thùng rác.
3. Không mua bán, lưu trữ, trao tặng các loại hình tượng và tranh ảnh nói trên.
4. Không chụp hình, quay phim trước các loại hình tượng và tranh ảnh nói trên dù là nơi công viên, khu giải trí hoặc đài kỷ niệm.
5. Không thăm viếng những danh lam thắng cảnh có các đền, đình, chùa, miếu, am,

điện... dùng làm nơi thờ phượng các tà thần.

6. Không tham dự các lễ cúng giỗ người chết, tôn vinh tà thần. Không đốt hương, thắp đèn, tặng hoa cho người chết hoặc bất cứ hình tượng nào. Không ăn uống các thức ăn đã dâng cúng cho người chết hoặc hình tượng.

7. Không mua sắm, ăn uống, vui chơi trong những nơi có bàn thờ tà thần, tiêu biểu là các am, bệ, khám hay trang thờ Thần Tài, Ông Địa, Phật Di-lạc, Phật Quan Âm, Bà Maria...

Chúng ta hãy hết lòng kính yêu và thờ phượng Thiên Chúa y theo sự dạy dỗ của Ngài trong Thánh Kinh. Đừng làm theo những lời truyền khẩu của loài người mà phạm điều răn của Đức Chúa Trời.

Nguyện Đức Thánh Linh là Thần Lẽ Thật dắt chúng ta là con dân Chúa vào trong mọi lẽ thật của Lời Chúa và thánh hóa chúng ta bằng chính Lời Chúa.

Một Số Từ Ngữ

Có một số từ ngữ trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20:4-6 và Phục Truyền Luật Lệ Ký 27:15 mà chúng ta cần ghi nhớ ý nghĩa của chúng:

Các tầng trời = Bao gồm tầng trời thứ ba là nơi có các thiên sứ và bầu khí quyển gần mặt đất, nơi các loài chim bay lượn.

Nơi đất thấp = Trên mặt đất và trong lòng đất.

Trong nước dưới đất = Bao gồm ao, hồ, sông, biển, và các dòng nước chảy ngầm trong lòng đất, là nơi các loài cá sinh sống. Danh từ cá trong tiếng Hê-bơ-rơ còn được dùng với nghĩa rộng, bao gồm tất cả các động vật trong nước.

Thần hay ghen = Thiên Chúa tự xưng Ngài là Đấng Thần Linh hay ghen. Hay ghen có nghĩa là có tính ghen. Ghen là cảm giác khó chịu trong lòng và giận khi người mình yêu lại yêu người khác hay vật gì khác hơn chính mình. Thiên Chúa yêu loài người hơn tất cả muôn loài mà Ngài đã tạo ra, kể cả các thiên sứ; vì các thiên sứ được dựng nên để làm tôi tớ, nhưng loài người được dựng nên để làm con. Thiên Chúa muốn loài người chỉ yêu và thờ phượng Thiên Chúa. Vì thế, khi loài người thờ lạy các hình tượng thì Thiên Chúa ghen (Xuất Ê-díp-tô Ký 34:14; Gia-cơ 4:5).

Chạm: Cắt, khắc, đẽo, gọt thành hình dạng mong muốn. Những hình chạm có thể gọi là tượng chạm (statues), tượng điêu khắc (sculptures), tượng xếp bằng ngói (tiles), vv...

Đúc: Dùng khuôn để tạo ra một hình dạng. Những hình đúc có thể là đa số các món đồ chơi, mỗi câu cá hay săn bắn, hoặc các vật dụng trong nhà mang hình ảnh thú vật, cây cối.

Ghi Chú

[1] Nữ thần may mắn và hạnh phúc của các dân Ca-na-an, tên trong tiếng Ba-by-lôn là Át-tạt-tê, được cho là vợ bé của tà thần Ba-anh.

Điều Răn Thứ Ba

Chớ Lấy Danh Thiên Chúa Làm Ra Vô Ích

Điều răn thứ ba của Đức Chúa Trời là:

“Người chớ lấy danh Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu của người mà làm ra vô ích, vì Đấng Tự Hữu Hằng Hữu chẳng kể vô tội kẻ nào lấy danh Ngài mà làm ra vô ích.”
(Xuất Ê-díp-tô Ký 20:7).

Điều răn thứ ba của Đức Chúa Trời được chép trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20:7 và được nhắc lại trong Phục Truyền Luật Lệ Ký 5:11.

Điều răn thứ ba dạy chúng ta phải biết tôn kính danh Thiên Chúa, không được lạm dụng danh Thiên Chúa khiến cho danh Thiên Chúa bị xúc phạm, được nói ra một cách vô ích.

Trước hết, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu về danh Chúa. “Danh” là một từ Hán Việt, có nghĩa là tên. Danh Chúa tức là tên Chúa. Thiên Chúa chỉ có một tên riêng do chính Ngài tự xưng, đó là: **“Ta Là”** (Xuất Ê-díp-tô Ký 3:14), có nghĩa là: **“Ta Tự Hữu Hằng Hữu”** (Ta Tự Có và Có Mãi), và Thánh Kinh gọi Ngài là **“Đấng Tự Hữu Hằng Hữu!”** (Ê-sai 42:8). Tên “Ta Tự Hữu Hằng Hữu” là tên thiêng liêng và vĩ đại nhất trong mọi tên, chỉ dành riêng cho Thiên Chúa. Xưa nay, không một ai, không một tà thần nào dám xưng mình là “Đấng Tự Hữu Hằng Hữu.” Cũng không một tôn giáo nào dám tôn xưng giáo chủ của họ hay thần linh mà họ thờ phượng là “Đấng Tự Hữu Hằng Hữu.”

Tuy nhiên, Thiên Chúa còn được Thánh Kinh dùng nhiều danh hiệu khác nhau để gọi, như: Chúa, Thiên Chúa, Thiên Chúa Toàn Năng, Đấng Tạo Hóa, Chúa Ở Trên Trời, Chúa của Các Tầng Trời và Đất... Danh hiệu có nghĩa là tên khác được dùng để gọi thay cho tên riêng.

Ngoài ra, mỗi thân vị Thiên Chúa còn có các danh hiệu khác nhau, như:

- Đức Chúa Trời còn được gọi là Đức Cha, Cha Ở Trên Trời, Thiên Phụ.
- Ngôi Lời còn được gọi là Đức Con, Đức Chúa Jesus, Đức Chúa Jesus Christ, Chiên Con, Đấng Cứu Rỗi.
- Đấng Thần Linh còn được gọi là Đức Thánh Linh, Thần An Ủi, Thần Lẽ Thật.

Người Việt chúng ta còn gọi Thiên Chúa là “Ông Trời!” Riêng danh xưng “Thượng Đế” có nghĩa là vua trên cao, là một danh xưng để gọi tà thần của một tôn giáo và của tín ngưỡng dân gian của người Việt và người Trung Quốc, chúng ta không nên dùng danh ấy để gọi Thiên Chúa. Thánh Kinh gọi Ma Quỷ, Sa-tan là “*vua cầm quyền chốn không trung*” (Ê-phê-sô 2:2), gọi các tà linh dưới quyền Sa-tan là “*những linh xấu xa ở trên các tầng trời*” (Ê-phê-sô 6:12). Vì thế, danh xưng “Thượng Đế” chỉ nên dùng cho Ma Quỷ.

Kế tiếp, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu thế nào là lấy danh Chúa mà làm ra vô ích. Tính từ “vô ích” trong tiếng Hê-bơ-rơ, là ngôn ngữ được dùng để chép Mười Điều Răn và Thánh Kinh Cựu Ước, có nghĩa là: trống rỗng, không thành thật, không có giá trị, không đem lại ích lợi. Như vậy, lấy danh Chúa làm ra vô ích là bất cứ một ý tưởng nào, lời nói nào, việc làm nào của chúng ta khiến cho danh Chúa trở thành trống rỗng, dối trá, không có giá trị, và không đem lại ích lợi.

Tên riêng của Thiên Chúa và mỗi một danh xưng của Thiên Chúa đều chân thật; ý nghĩa của chúng chứa đầy sự uy nghiêm, năng lực, quyền phép, tình yêu của Thiên Chúa; chúng phản ánh sự vinh quang của Thiên Chúa, mà không gì có thể sánh với. Chúng ta là con dân Chúa và Thánh Kinh cho chúng ta biết, con dân Chúa được gọi bằng danh của Chúa:

“Nếu người gìn giữ những điều răn của Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu người, và đi theo đường lối Ngài, thì Đấng Tự Hữu Hằng Hữu sẽ lập người làm một dân thánh cho Ngài, y như Ngài đã thề cùng người; muôn dân của thế gian sẽ thấy rằng người được gọi theo danh Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, và chúng nó sẽ sợ người.” (Phục Truyền Luật Lệ Ký 28:9-10).

“...và nếu như dân sự Ta, là dân gọi bằng danh Ta, hạ mình xuống, cầu nguyện, tìm kiếm mặt Ta, và trở lại, bỏ con đường tà, thì Ta ở trên trời sẽ nghe, tha thứ tội chúng nó, và cứu xứ họ khỏi tai vạ.” (II Sử Ký 7:14).

*“Tôi vừa nghe những lời Ngài, thì đã ăn lấy rồi; lời Ngài là sự vui mừng hơn hở của lòng tôi vậy. **Hỡi Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu Vạn Quân, vì tôi được xưng bằng danh Ngài!**”* (Giê-rê-mi 15:16).

Thực tế, ngày nay mỗi con dân Chúa còn được gọi bằng danh hiệu CHRIST của Chúa: “CHRISTIAN” được phiên âm và dịch sang tiếng Hán Việt là: “Cơ-đốc nhân” (Công Vụ Các Sứ Đồ 11:26) có nghĩa là:

- Người tin Đấng Christ
- Người học theo Đấng Christ
- Người vâng phục Đấng Christ
- Người thuộc về Đấng Christ
- Người giống như Đấng Christ
- Người sống cho Đấng Christ

- Người chết cho Đấng Christ!

Vì thế, mỗi lời chúng ta nói, mỗi việc chúng ta làm là nói và làm trong tư cách con dân của Chúa, mang danh Ngài để nói và làm.

Khi chúng ta nói đến bất cứ danh nào của Chúa, dù là trong bất cứ ngôn ngữ nào, thì chúng ta phải nói với lòng tôn kính. Vì thế, chúng ta không thể kêu Trời như một thói quen, không thể dùng danh Chúa để mắng chửi, rửa sả người khác. Chúng ta cũng không lấy danh Chúa mà vui đùa, giễu cợt. Đặc biệt là chúng ta tránh tất cả các loại phim ảnh, kịch vui mà các diễn viên thường kêu Trời trong khi đối thoại hoặc lấy Ông Trời ra nói đùa.

Khi chúng ta viết đến tên riêng của Chúa và các danh xưng của Chúa, thì chúng ta không được cầu thả [1] viết tắt, mà phải viết hoa. Chúng ta cũng không nên viết tắt các danh từ: Thánh Kinh, Lời Chúa, Hội Thánh... mà phải viết hoa.

Khi chúng ta nói về Chúa thì chúng ta phải nói một cách chân thật và tôn kính. Nếu có ai giễu cợt danh Chúa hoặc quen miệng kêu Trời trong khi trò chuyện với chúng ta thì chúng ta phải chỉnh sửa họ ngay, giúp cho họ hiểu biết mà tránh phạm tội. Đối với người không nghe chúng ta thì chúng ta bỏ đi, không nói chuyện với họ nữa.

Khi chúng ta làm một điều gì thì chúng ta phải hết lòng, hết sức mà làm, và làm đúng theo tiêu chuẩn thánh khiết của Chúa, như đã được ghi chép trong Thánh Kinh. Có nghĩa là, chúng ta không thể mang danh là con dân Chúa mà lại làm ra bất cứ một điều gì nghịch lại Thánh Kinh hoặc làm một cách không hết lòng. Lời Chúa dạy chúng ta:

“Vậy, anh em hoặc ăn, hoặc uống, hay là làm sự gì khác, hãy vì sự vinh quang của Thiên Chúa mà làm.” (I Cô-rinh-tô 10:31).

“Bất cứ làm việc gì, hãy hết lòng mà làm, như làm cho Chúa, chứ không phải làm cho người ta...” (Cô-lô-se 3:23).

Nếu chúng ta lấy danh Chúa mà làm ra vô ích thì chúng ta sẽ bị Ngài định tội và Ngài sẽ hình phạt chúng ta, nếu chúng ta không ăn năn. Sự xúc phạm danh Chúa là một tội trọng, đáng bị xử chết. Thánh Kinh ghi lại câu chuyện một đứa bé xúc phạm danh Chúa bị Chúa ra lệnh ném đá (Lê-vi Ký 24:10-16). Ngày nay, chúng ta đang sống trong Thời Kỳ Ân Điển, có nghĩa là mọi tội lỗi của chúng ta đã được Đức Chúa Jesus Christ gánh thay, và Ngài đã chịu chết thay cho chúng ta. Vì thế, cho dù chúng ta có lỡ xúc phạm danh Chúa, thì chúng ta vẫn có cơ hội ăn năn. Chúng ta chỉ cần thật lòng hối hận, xưng tội với Chúa, thì Ngài sẽ tha thứ chúng ta và làm cho chúng ta sạch mọi điều không công bình (I Giăng 1:9).

Những hình thức lấy danh Chúa làm chơi:

1. Thề dối:

“Các người chớ dùng danh Ta mà thề dối, vì người làm ô danh của Thiên Chúa mình: Ta là Đấng Tự Hữu Hằng Hữu.” (Lê-vi Ký 19:12).

2. Phạm thượng:

“Đứa trai đó nói phạm đến và rửa sả danh Đấng Tự Hữu Hằng Hữu; người ta dẫn nó đến Mô-i-se, giam nó vào ngục cho đến chừng Đấng Tự Hữu Hằng Hữu phán định phải xử làm sao. Mẹ nó tên là Sé-lô-mít, con gái của Điệp-ri, thuộc về chi phái Đan. Đấng Tự Hữu Hằng Hữu phán với Mô-i-se rằng: Hãy đem kẻ đã rửa sả ra ngoài trại quân, hết thầy ai đã có nghe nó phải đặt tay mình trên đầu nó, và cả hội chúng phải ném đá nó. Kế đó hãy nói với dân I-sơ-ra-ên rằng:

Người nào rửa sả Thiên Chúa mình sẽ mang sự hình phạt của tội mình. Ai nói phạm đến danh Đấng Tự Hữu Hằng Hữu hẳn sẽ bị xử tử; cả hội chúng sẽ ném đá nó: mặc dù nó là kẻ khách ngoại bang hay là sinh trong xứ, bất cứ khi nào nói phạm đến danh Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, thì sẽ bị xử tử.” (Lê-vi Ký 24:11-16).

3. Giả hình:

“Chúa có phán rằng: Vì dân này chỉ lấy miệng tôn Ta, lấy môi miệng tôn Ta, mà lòng chúng nó thì cách xa Ta lắm; sự chúng nó kính sợ Ta chẳng qua là điều răn của loài người, bởi loài người dạy cho...” (Ê-sai 29:13).

“Như vậy, các ngươi đã vì lời truyền khẩu mình mà bỏ điều răn của Đức Chúa Trời. Hỡi kẻ giả hình! Ê-sai đã nói tiên tri về các ngươi phải lắm, mà rằng: Dân này lấy môi miệng thờ kính Ta; Nhưng lòng chúng nó xa Ta lắm. Chúng nó thờ lạy Ta cách vô ích, giảng dạy những điều răn của loài người.” (Ma-thi-ơ 15:6-9).

4. Trộm cắp:

“Tôi có cầu xin Ngài hai điều; Xin chớ từ chối trước khi tôi qua đời: Xin đem xa khỏi tôi sự lường gạt và lời dối trá; Chớ cho tôi nghèo khổ hoặc sự giàu sang. Xin hãy nuôi tôi đủ thức ăn cần dùng; Kẻo khi no đủ, tôi từ chối Ngài mà nói rằng: Đấng Tự Hữu Hằng Hữu là ai? Hoặc khi bị nghèo khổ, tôi trộm cắp mà làm ô danh Thiên Chúa của tôi.” (Châm ngôn 30:7-9).

5. Dùng danh Chúa để trục lợi, làm ác:

“Cuối bốn năm, Áp-sa-lôm nói với vua rằng: Xin cho phép con đi đến Hép-rôn để trả xong sự hứa nguyện mà tôi đã khấn với Đấng Tự Hữu Hằng Hữu. Vì lúc tôi tở vua ở tại Ghê-su-rơ trong Sy-ri, có khấn lời nguyện này: Nếu Đấng Tự Hữu Hằng Hữu dẫn tôi về Giê-ru-sa-lem, thì tôi sẽ thờ phượng Đấng Tự Hữu Hằng Hữu. Vua đáp cùng người rằng: Hãy đi bình an. Vậy người trở dậy, và đi đến Hép-rôn. Áp-sa-lôm sai những kẻ do thám rao lệnh này khắp trong các chi phái I-sơ-ra-ên rằng: Vừa lúc anh em nghe tiếng kèn, thì hãy nói: Áp-sa-lôm làm vua tại Hép-rôn! Có hai trăm người ở Giê-ru-sa-lem mà Áp-sa-lôm đã mời, đều đi với người cách thật thà chẳng nghi ngại gì hết. Đương lúc Áp-sa-lôm dâng của lễ, sai mời A-hi-tô-phe, là mưu sĩ của Đa-vít ở Ghi-lô, bổn thành người. Sự phản nghịch trở nên mạnh, và đoàn dân đi theo Áp-sa-lôm càng ngày càng đông.” (II Sa-mu-ên 15:7-12).

Những hình thức tôn kính danh Chúa:

1. Cảm tạ danh Chúa:

“Hỡi Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, tôi sẽ dâng cho Ngài của lễ tình nguyện. Cũng sẽ cảm tạ danh Ngài, vì điều đó là tốt lành.” (Thi Thiên 54:6).

2. Tưởng đến danh Chúa:

“Bấy giờ những kẻ kính sợ Đấng Tự Hữu Hằng Hữu nói với nhau, thì Đấng Tự Hữu Hằng Hữu để ý mà nghe; và một sách để ghi nhớ được chép trước mặt Ngài cho những kẻ kính sợ Đấng Tự Hữu Hằng Hữu và tưởng đến danh Ngài. Đấng Tự Hữu Hằng Hữu Vạn Quân phán: Những kẻ ấy sẽ thuộc về Ta, trong ngày Ta làm nên cơ nghiệp Ta; và Ta sẽ tiếc chúng nó như một người tiếc con

trao mình hầu việc mình.” (Ma-la-chi 3:16-17).

3. Yêu mến danh Chúa:

“Nhưng bất cứ ai nương náu mình nơi Ngài sẽ khoái lạc, cất tiếng reo mừng đến mãi mãi. Vì Ngài bảo hộ các người ấy. Người nào ái mộ danh Ngài cũng sẽ nức lòng mừng rỡ nơi Ngài.” (Thi Thiên 5:11).

4. Bước theo danh Chúa - Sống theo bản tính của Ngài:

“Mọi dân tộc ai nấy bước theo danh của thần mình; và chúng ta sẽ bước theo danh Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu chúng ta đời đời vô cùng!” (Mi-chê 4:5).

5. Cầu khẩn danh Chúa:

“Trong vòng các thầy tế lễ Ngài có Môi-se và A-rôn. Trong vòng các người cầu khẩn danh Ngài có Sa-mu-ên. Họ đã kêu cầu Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, và Ngài đáp lại cho.” (Thi Thiên 99:6).

6. Trông cậy danh Chúa:

“Tôi sẽ cảm tạ Chúa đời đời, vì Ngài đã làm việc đó: Tôi sẽ trông cậy nơi danh Chúa trước mặt các người thánh của Chúa, vì điều đó là tốt lành.” (Thi Thiên 52:9).

7. Tôn xưng danh Chúa:

“Vậy nên các người sẽ vui vẻ mà múc nước nơi các nguồn sự cứu; và trong ngày đó các người sẽ nói rằng: Hãy cảm tạ Đấng Tự Hữu Hằng Hữu. Hãy kêu cầu danh Ngài. Hãy rao mọi việc của Ngài ra trong các dân tộc! Hãy xưng danh Ngài là tôn trọng!” (Ê-sai 12:3-4).

8. Rao truyền danh Chúa:

“Tôi sẽ rao truyền danh Ngài cho các anh em tôi, và tôi sẽ tôn vinh Ngài giữa hội chúng.” (Thi Thiên 22:22).

Là con dân Chúa, chúng ta phải luôn tôn kính danh Chúa. Sự tôn kính danh Chúa thể hiện trong từng ý nghĩ, lời nói, và việc làm của chúng ta. Chúng ta không nghĩ, không nói, và không làm bất cứ sự gì khiến cho danh Chúa không được tôn kính, hoặc trở thành không có giá trị, không đem lại ích lợi cho chúng ta và những người khác.

Chúng ta không vô cớ gọi Trời hay gọi Chúa theo thói quen của những người không tôn kính danh Chúa [2]. Chúng ta không đem danh Chúa vào trong những chuyện vui đùa nhằm nhí; không tham dự, lắng nghe những chuyện vui đùa nhằm nhí. Chúng ta tránh xa những người hay xúc phạm danh Chúa, sau khi đã khuyên bảo mà họ không nghe.

Nếu trước đây chúng ta đã từng phạm vào điều răn thứ ba, đã lấy danh Chúa làm ra vô ích, thì chúng ta cần cầu nguyện, xưng tội với Chúa, và xin Chúa giúp cho chúng ta hiểu, ghi nhớ, và từ nay được sức mạnh Chúa ban để chúng ta luôn giữ trọn điều răn thứ ba.

Ghi Chú

[1] “Cẩu thả” là một từ Hán Việt. Cẩu = qua loa, sơ sài, không cẩn thận. Thả = không đúng cách, không hợp quy luật, đạo lý.

[2] Các hình thức quen miệng gọi sau đây đều là phạm thượng danh Chúa: "Trời ơi!" "Chèn ơi!" (Một hình thức nói trại danh từ Trời). "Chèn đét ơi!" (Một hình thức nói trại "Trời đất ơi!") "Lạy Chúa tôi!" "Giê-su!"

Trong tiếng Anh thì là: "My God!" "Gosh!" (Một hình thức nói trại danh từ God). "Jesus!" "Jesus Christ!" "Christ!" "Jeez!" (Một hình thức nói trại danh từ Jesus).

Điển Hình Về Sự Con Dân Chúa Lấy Danh Chúa Làm Chơi

“Đừng làm ô danh thánh Ta, thì Ta sẽ được tôn thánh giữa dân I-sơ-ra-ên: Ta là Đấng Tự Hữu Hằng Hữu làm cho các người nên thánh.” (Lê-vi Ký 22:32).

Đức Chúa Jesus Christ dạy chúng ta rằng, mỗi khi cầu nguyện hãy nhân danh Ngài thì lời cầu nguyện của chúng ta sẽ được nhậm:

“Và bất cứ điều gì các người xin trong danh Ta, Ta sẽ làm cho để Cha được vinh hiển nơi Con. Nếu các người xin bất cứ điều gì trong danh Ta, Ta sẽ làm cho.” (Giăng 14:13-14).

Ngài cũng ban cho chúng ta quyền dùng danh Ngài để trừ quỷ:

“Và những dấu hiệu này sẽ theo những người tin: Trong danh Ta họ sẽ trừ những quỷ, họ sẽ nói những thứ tiếng mới...” (Mác 16:17).

Sứ đồ Phao-lô cũng dạy rằng hễ ai kêu cầu danh Chúa thì sẽ được cứu:

“Vi ai kêu cầu danh Chúa thì sẽ được cứu.” (Rô-ma 10:13).

Đối với những người chưa tin nhận Chúa, được cứu là được cứu khỏi quyền lực của tội lỗi và hình phạt đời đời trong hoả ngục, khi họ thật lòng ăn năn tội và kêu cầu danh Chúa. Còn đối với những người đã tin nhận Chúa, được cứu là được cứu khỏi sự đe dọa tính mạng, khỏi bệnh tật, khỏi sự cám dỗ và tấn công của ma quỷ, v.v.. Danh Chúa là sức mạnh thuộc linh của chúng ta, để giải cứu chúng ta và giúp chúng ta chống cự mọi thế lực của loài người và ma quỷ. Cầu nguyện trong danh Chúa tức là kêu cầu chính Thiên Chúa Ngôi Hai để Ngài đứng trong vị trí của chúng ta mà cầu thay cho chúng ta với Đức Chúa Cha. Vì thế, con dân Chúa thường chấm dứt lời cầu nguyện của mình bằng câu: *“Nhân danh (hoặc trong danh) Đức Chúa Jesus Christ. A-men.”*

Lấy danh Chúa làm chơi là phạm vào điều răn thứ ba trong Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời. Có nhiều hình thức lấy danh Chúa làm chơi, như: gọi danh Ngài trong khi rửa sả hoặc chửi mắng, hoặc vì quen miệng gọi danh Ngài mà không có mục đích gì hết. Chúng tôi liệt kê dưới đây vài hình thức gọi danh Chúa làm chơi:

1. Trời ơi! (Oh my God!)

2. Chúa ơi!
3. Lạy Chúa!
4. Jesus! (Giê-su! Người Công giáo hay gọi “Giê-su ma”)
5. Christ!
6. Jesus Christ!
7. Gosh! (Đây là cách nói trại từ “God”)
8. Jeez! (Đây là cách nói trại từ “Jesus”)

Có một hình thức tinh tế hơn nữa để xúc phạm danh Chúa là dùng danh của Chúa, chân lý về Chúa, thuộc tính của Chúa, Hội Thánh, chức vụ thánh, địa vị tín đồ, v.v. trong các truyện hài hước.

Cười là món quà Chúa ban cho loài người để đem lại một vài phút thư giãn về tinh thần và tâm lý. Hài hước có thể giúp cho người ta nhìn thấy được lẽ thật của một vấn đề. Hài hước là môi trường tốt đem lại sự cảm thông, xóa tan đi những ngăn cách vì xa lạ giữa con người với nhau, v.v.. Tuy nhiên, như bất cứ một sự ban cho nào khác của Thiên Chúa, nếu lạm dụng hoặc sử dụng một cách vô ý thức, hài hước trở thành tội lỗi. Hình thức xúc phạm tinh tế đó điển hình trong sự kiện sau đây:

Có một lần, chúng tôi nhận được ấn bản **“Tin & Sống, Bộ Mới – Số 1 – Năm 2004** do **“Liên Hữu Hội Thánh Báp-tít Việt Nam”** ấn hành tại Hoa Kỳ. Ấn bản này có chủ đề: **“Môn Đồ Hóa Tại Hội Thánh Địa Phương.”** Phần lớn những bài được đăng trong số **“Tin & Sống”** này là những bài bồi dưỡng tâm linh cho con dân Chúa hoặc huấn luyện công tác phát triển Hội Thánh. Nhưng khi xem đến trang 55 và 56 chúng tôi đọc thấy có ba mẫu “chuyện vui” dưới chủ đề **“Phút Thư Giãn.”** Trong ba mẫu “chuyện vui” đó, có hai mẫu là chắc chắn đã lấy danh Chúa ra làm chơi.

Mẫu chuyện thứ nhất và thứ nhì đã lấy danh Chúa và những điều căn bản nhất của đức tin con dân Chúa ra diều cợt để mua vui. Mẫu chuyện thứ ba có thể đã lấy chức vụ chăn bầy thiêng liêng ra để châm biếm. Có thể chủ tâm của người kể và người đăng là cống hiến cho độc giả những “phút thư giãn” tinh thần sau những giờ làm việc mệt mỏi, nhưng nội dung của những mẫu chuyện đó khiến cho các thánh đồ phải rùng mình kinh sợ và đau lòng. Kinh sợ vì sự phạm thượng nghiêm trọng của câu chuyện và đau lòng vì những sự phạm thượng này không do người thế gian làm ra, mà là do chính những “anh em cùng đức tin” gây ra, với sự đồng thuận vô tình hay hữu ý của những người lãnh đạo trong Ban Biên Tập **“Tin & Sống.”**

Chúng tôi có nhận xét về **mẫu chuyện thứ nhất, “Con Ngựa Của Nhà Truyền Giáo,”** như sau :

Mẫu chuyện kể rằng, có một nhà truyền giáo dùng câu “Cảm tạ Chúa!” để ra lệnh cho con ngựa chạy tới và dùng chữ “A-men!” để ra lệnh cho con ngựa ngừng lại. Đây là những từ thiêng liêng được con dân Chúa dùng trong khi tương giao với Chúa, thế mà lại bị đem ra làm khẩu lệnh để điều khiển ngựa.

Chuyện kể tiếp, một hôm, khi nhà truyền giáo thấy con ngựa mình đang cưỡi phóng thẳng đến bờ vực thẳm thì ông ta đã cầu nguyện xin Chúa giải cứu. Nhờ ông kết thúc lời cầu nguyện bằng tiếng “A-men!” mà con ngựa đã kịp thời ngừng lại cách bờ vực vài phân. Ông vui mừng quá thốt lên câu: “Cảm tạ Chúa!” Thì con ngựa phóng tới, đưa ông xuống vực thẳm. Vì thế, lời cảm tạ Chúa đã đưa ông đến sự chết.

Mẫu chuyện ngụ ý: nếu không nói “Cảm tạ Chúa!” thì được sống (không rớt xuống vực thẳm). Đây là sự lừa dối tinh vi của ma quỷ muốn lôi kéo con người xa khỏi Chúa. Cảm tạ Chúa và tôn vinh Chúa là vũ khí và sức mạnh của con dân Chúa để chống lại mọi thế lực của ma quỷ. Cho dù trong một nghịch cảnh nào đó, khi chúng ta không còn sức lực của con người để thoát ra lời cảm tạ Chúa, chúng ta vẫn cảm tạ Chúa trong tâm thần. Đức Thánh Linh sẽ nghe thấy tiếng thồn thức của lòng chúng ta mà cầu thay cho chúng ta:

“Cũng một lẽ ấy, Đấng Thần Linh giúp cho sự yếu đuối chúng ta. Vì chúng ta chẳng biết sự mình phải xin để cầu nguyện cho xứng đáng; nhưng chính Đấng Thần Linh lấy sự thờ than không thể nói ra được mà cầu khẩn thay cho chúng ta. Đấng dò xét lòng người hiểu biết ý tưởng của Đấng Thần Linh là thế nào, vì ấy là theo ý Thiên Chúa mà Ngài cầu thay cho các thánh đồ vậy.” (Rô-ma 8:26-27).

Mẫu chuyện hàm ý sự bác bỏ và chống lại sự thiêng liêng trong mối thông công giữa con dân Chúa với Chúa; xem người truyền giáo là người khờ dại. Thế mà những người mang danh là con dân Chúa trong một giáo phái lớn, phụ trách giảng dạy cho con dân Chúa, lại thản nhiên cho đăng trên tờ báo của giáo phái, để mua vui. Một ngày kia, họ sẽ phải trả lời trước mặt Chúa về việc làm tặc trách này.

Chúng tôi có nhận xét về **mẫu chuyện thứ nhì, “Chớ bỏ qua sự nhóm lại,”** như sau:

Mẫu chuyện kể rằng, có một người chặn bỏ nhóm hiệp với Hội Thánh để đi săn và đã giảng Tin Lành cho một con gấu.

Người chặn bị đem ra giễu cợt vì: (1) bỏ sự nhóm hiệp thờ phượng Chúa để đi săn bắn; (2) không hiểu rằng, sự cứu rỗi linh hồn là chỉ dành cho loài người chứ không bao gồm cả loài thú. Ngoài ra, mẫu chuyện còn: (1) Hàm ý hạ loài người xuống ngang hàng với loài thú pha trộn tín lý của Phật Giáo vào lẽ thật của Thánh Kinh khi cho rằng sự giác ngộ chân lý bao gồm cả loài thú. (2) Phạm thượng công vụ cảm hóa tội nhân của Đức Thánh Linh. (3) Đem danh thánh của Đức Chúa Jesus Christ ra làm trò cười qua lời cầu nguyện của con gấu.

Còn trong **mẫu chuyện thứ ba, “Những cái trứng hư,”** thì chức vụ chăn bầy đã bị đem ra diễu cợt như là một chức vụ không kết quả. Mẫu chuyện hàm ý: Hoặc là Chúa đã không biết chọn người để giao cho chức vụ chăn bầy, hoặc là Chúa không có đủ quyền năng để ban ơn cho người Chúa giao cho chức vụ. Và, chính vì những người chăn bầy suốt mấy chục năm không có kết quả nên Hội Thánh của Chúa cũng không kết quả.

Nếu mẫu chuyện này được dùng để nói đến thực trạng của những “mục sư” trong các giáo hội do loài người lập ra, không phải do Chúa lập ra, thì nó không phạm vào tội lấy danh Chúa ra làm chơi. Nhưng nếu người đặt chuyện cố ý chế diễu chức vụ chăn bầy trong Hội Thánh của Chúa thì người ấy đã phạm tội.

Lấy danh Chúa làm chơi là một tội lỗi vô cùng nghiêm trọng trong Hội Thánh. Con dân Chúa phải cẩn thận giữ mình để không vấp phạm và phải tích cực lên tiếng khi thấy có người vấp phạm.

Điều Răn Thứ Tư

Tôn Thánh Ngày Thứ Bảy Làm Ngày Sa-bát

Điều răn thứ tư của Đức Chúa Trời là:

“Hãy nhớ ngày Sa-bát. Hãy thánh hóa nó. Người hãy lao động và làm hết công việc mình trong sáu ngày; nhưng ngày Thứ Bảy là ngày Sa-bát của Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu của người; người sẽ không làm công việc gì: người, con trai, con gái, tôi trai, tớ gái, và súc vật của người, hoặc khách ở trong các cửa của người. Vì trong sáu ngày, Đấng Tự Hữu Hằng Hữu đã dựng nên các tầng trời và trái đất, biển và muôn vật. Ngài nghỉ vào ngày Thứ Bảy. Vậy nên, Đấng Tự Hữu Hằng Hữu đã ban phước cho ngày Sa-bát và thánh hóa nó.” (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:8-11).

Điều răn thứ tư của Đức Chúa Trời được chép trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20:8-11 và được nhắc lại trong Phục Truyền Luật Lệ Ký 5:12-15.

Điều răn thứ tư dạy chúng ta phải nhớ đến ngày Sa-bát và phải thánh hóa ngày ấy. Đây là điều răn thường bị con dân Chúa vi phạm nhất.

Ý Nghĩa, Nguồn Gốc, và Mục Đích của Ngày Sa-bát

Trước hết, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu ý nghĩa của danh từ Sa-bát. Trong tiếng Hê-bơ-rơ là ngôn ngữ được dùng để ghi chép Thánh Kinh Cựu Ước, danh từ “sa-bát” có nghĩa là nghỉ ngơi, không lao động, không làm việc để kiếm sống bao gồm việc mua bán, không làm việc để tạo tiện nghi cho cuộc sống bao gồm các việc xây dựng và sửa chữa.

Sa-bát không có nghĩa là nghỉ ngơi để lấy sức như vẫn thường bị lầm tưởng, mà chỉ đơn giản có nghĩa là ngưng làm việc, ngưng làm một điều gì đó vì đã hoàn tất hoặc vì không muốn tiếp tục làm. Khi được hiểu đúng nghĩa như vậy, thì sẽ không gây ra sự thắc mắc là tại sao Thiên Chúa lại cần phải nghỉ ngơi để lấy sức! Tuy nhiên, sự nghỉ lao động trong ngày Sa-bát mỗi tuần thực sự khiến cho thân thể xác thịt của loài người được phục hồi sức mạnh. Đức Chúa Jesus cho biết *“Vì loài người mà lập ngày Sa-bát, chứ chẳng phải vì ngày Sa-bát mà dựng nên loài người”* (Mác 2:27). Vì thế, nghỉ lao động trong ngày Sa-bát Thứ Bảy là một ơn phước Chúa ban cho loài người.

Sáng Thế Ký 2:3 và Xuất Ê-díp-tô Ký 20:11 cho chúng ta biết Thiên Chúa *“ban phước cho ngày thứ bảy, đặt là ngày thánh”* cho nên ngày Sa-bát, hay ngày nghỉ chính là ngày thứ bảy trong tuần lễ.

Nếu xét tổng quát về nội dung và ý nghĩa của mười điều răn, chúng ta sẽ thấy ba điều răn đầu tiên nói đến bổn phận của loài người đối với Thiên Chúa, là Đấng tạo dựng nên họ và giải cứu họ. Sáu điều răn sau cùng nói đến bổn phận của loài người đối với nhau. Riêng điều răn thứ tư vừa là bổn phận của loài người đối với Thiên Chúa vừa là bổn phận của loài người đối với chính mình. Đối với Thiên Chúa, ngày Thứ Bảy được biệt riêng (làm ngày thánh) để loài người tương giao với Thiên Chúa và thờ phượng Ngài, được Ngài ban phước một cách đặc biệt. Đối với loài người, trong ngày Thứ Bảy họ được nghỉ lao động, được tạm gác những sự khó nhọc trong đời sống lại để nhận lấy ơn phước đặc biệt Chúa ban trong sự gần gũi tương giao với Chúa, và thông công với nhau.

Như vậy, chúng ta có thể kết luận như sau: Ngày Sa-bát được chính Đức Chúa Trời dựng nên trong công trình sáng tạo trời đất. Ngày Sa-bát được thiết lập trước khi điều răn và luật pháp được ban hành. Ngày Sa-bát là ngày thứ bảy trong tuần lễ. Ngày Sa-bát được Đức Chúa Trời ban phước và đặt làm ngày thánh, tức là một ngày biệt riêng ra. Ngày Sa-bát có nghĩa là ngày nghỉ làm việc. Ngày Sa-bát được dựng nên vì loài người, cũng như trời đất và muôn vật được dựng nên vì loài người.

Đức Chúa Trời truyền cho chúng ta “hãy nhớ ngày Sa-bát” vì ngay từ ban đầu, khi thế gian được sáng tạo, chính Thiên Chúa đã lập ra ngày Sa-bát sau sáu ngày Thiên Chúa sáng tạo nên muôn loài vạn vật, và ban phước cho ngày ấy. Đó là ngày thứ bảy, hợp với sáu ngày sáng tạo, làm thành một tuần lễ bảy ngày, như chúng ta có ngày hôm nay:

“Và như vậy, các tầng trời và đất, cùng muôn vật đã được hoàn tất. Ngày thứ bảy, Thiên Chúa đã hoàn thành các công việc của Ngài mà Ngài đã làm. Và trong ngày thứ bảy Ngài nghỉ mọi công việc của Ngài mà Ngài đã làm. Rồi, Ngài ban phước cho ngày thứ bảy, thánh hóa nó; vì trong ngày đó, Ngài nghỉ mọi việc của Ngài, những việc mà Thiên Chúa đã sáng tạo và đã làm.” (Sáng Thế Ký 2:1-3).

Ngày Thứ Nhất còn được gọi là “Chủ Nhật” hay “Chúa Nhật” không phải là ngày Sa-bát. Trong tiếng Hán Việt, “chủ” và “chúa” đều cùng một nghĩa là đứng đầu, hoặc cầm quyền, hoặc cai trị. “Nhật” là ngày. Vậy, “Chủ Nhật” hoặc “Chúa Nhật” là ngày đứng đầu của một tuần lễ, tức là ngày Thứ Nhất. Cách gọi ngày Thứ Nhất trong tuần lễ là “Chủ Nhật” hoặc “Chúa Nhật” là cách gọi của người Trung Quốc mà người Việt chúng ta bắt chước gọi theo. Cách gọi đó không có trong Thánh Kinh. Tương tự như cách gọi Thiên Chúa là “Thượng Đế” (Vua Trên Cao) cũng là cách gọi của người Trung Quốc mà người Việt bắt chước theo. Thánh Kinh không hề gọi Thiên Chúa là “Thượng Đế.” Danh từ “Thượng Đế” đã được tín ngưỡng dân gian Trung Quốc và Việt Nam dùng để gọi các tà thần, chúng ta không nên dùng để gọi Thiên Chúa. Thánh Kinh không hề dạy rằng ngày Sa-bát Thứ Bảy đã đổi sang ngày Thứ Nhất, tức Chủ Nhật hoặc Chúa Nhật. Thánh Kinh cũng không bao giờ gọi ngày Thứ Nhất là ngày Sa-bát.

Trong Thánh Kinh chỉ có danh từ “ngày của Chúa” để chỉ về ngày Thiên Chúa phán xét thế gian. Nhưng Thánh Kinh nhiều lần gọi ngày Sa-bát, tức là ngày Thứ Bảy trong tuần, là “ngày Sa-bát của Đấng Tự Hữu Hằng Hữu,” “ngày Sa-bát của Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu;” [1]. Chính Thiên Chúa gọi ngày Sa-bát là “ngày Sa-bát Ta” [2]. Thánh Kinh không bao giờ gọi ngày Thứ Nhất là ngày của Thiên Chúa.

Chính Đức Chúa Jesus Christ xưng nhận: Ngài là Chúa của ngày Sa-bát, tức là ngày Sa-bát thuộc về Ngài và Ngài chính là Thiên Chúa đã gọi ngày Sa-bát là “ngày Sa-bát của Ta” [2] trong Cựu Ước:

“Vi Con người là Chúa ngày Sa-bát.” (Ma-thi-ơ 12:8; Mác 2:28; Lu-ca 6:5).

Đức Chúa Jesus Christ đã dựng nên ngày Sa-bát vì *“Muôn vật được làm nên bởi Ngài, ngoài Ngài, không vật gì đã có được làm nên.”* (Giăng 1:3). Đức Chúa Jesus Christ là Chúa của ngày Sa-bát, ngày Sa-bát thuộc về Ngài, đã được Ngài thánh hóa và ban phước. Vì thế, không ai có quyền thay đổi hoặc bỏ đi ngày Sa-bát của Chúa.

Mục đích chính của sự Chúa dựng nên ngày Sa-bát, tức là ngày “nghỉ lao động,” là để thân thể của loài người và gia súc được nghỉ ngơi sau sáu ngày lao động mệt mỏi; đồng thời để loài người được nhóm hiệp, thông công với nhau, và cùng nhau thờ phượng Thiên Chúa, cùng nhau đón nhận các ơn phước từ Thiên Chúa:

“Vi loài người mà lập ngày Sa-bát, chẳng phải vì ngày Sa-bát mà dựng nên loài người.” (Mác 2:27).

Lời Chúa phán rõ: *“Vi loài người mà lập ngày Sa-bát”* chứ không phải chỉ vì riêng dân tộc I-sơ-ra-ên. Vì thế, ơn phước của ngày Sa-bát được ban cho mọi dân tộc, sự nghỉ lao động trong ngày Sa-bát được áp dụng cho mọi dân tộc, sự nhóm hiệp thờ phượng Chúa trong ngày Sa-bát là bổn phận của mọi dân tộc.

Ngày Sa-bát bắt đầu từ khi mặt trời vừa khuất bóng vào chiều Thứ Sáu và kéo dài cho đến khi mặt trời khuất bóng vào chiều Thứ Bảy. Vì thời điểm mặt trời khuất bóng ở các nơi trên mặt đất không giống nhau, và cho dù cùng một địa điểm nhưng thời điểm mặt trời khuất bóng cũng khác nhau mỗi mùa, thậm chí có khi là mỗi ngày; cho nên, chúng ta có thể chọn 6 giờ chiều ngày Thứ Sáu, là thời điểm trung bình mặt trời khuất bóng tại Giê-ru-sa-lem, làm thời điểm bắt đầu ngày Sa-bát và chọn 6 giờ chiều ngày Thứ Bảy làm thời điểm kết thúc ngày Sa-bát.

Lời Chúa dạy con dân Chúa giữ ngày Sa-bát trong những nơi họ ở, nên con dân Chúa có thể theo ngày giờ địa phương để giữ ngày Sa-bát:

“Người ta làm việc trong sáu ngày, nhưng qua ngày thứ bảy là Sa-bát của Lễ Nghỉ, tức một sự nhóm hiệp thánh; đừng làm một công việc gì; ấy là Sa-bát của Đấng Tự Hữu Hằng Hữu trong những nơi các người ở.” (Lê-vi Ký 23:3).

Vì ngày Sa-bát thuộc về Chúa, Chúa là chủ của ngày Sa-bát, cho nên không một ai có quyền đổi ngày Sa-bát từ Thứ Bảy sang Chủ Nhật, tức ngày Thứ Nhất, hay là bỏ đi sự giữ ngày Sa-bát theo điều răn thứ tư. Các giáo hội dạy rằng, vì Đức Chúa Jesus Christ đã sống lại vào ngày Thứ Nhất nên ngày Sa-bát đã chuyển từ ngày Thứ Bảy sang Chủ Nhật. Tuy nhiên, Đức Chúa Jesus Christ đã không bị đóng đinh vào chiều một ngày Thứ Sáu và sống lại vào sáng sớm của một Chủ Nhật như các giáo hội dạy. Sự thật là Đức Chúa Jesus Christ đã bị đóng đinh vào sáng một ngày Thứ Tư, chết vào lúc chiều, sống lại vào chiều một ngày Thứ Bảy, rồi hiện ra cho các môn đồ vào sáng Chủ Nhật. Ngài đã thật sự ở trong lòng đất đúng ba ngày và ba đêm y theo lời tiên tri của Ngài. Các chi tiết trong Thánh Kinh và trong lịch sử La-mã đã xác định ngày Chúa chết và ngày Chúa phục sinh [3].

“Vi Giô-na đã bị ở trong bụng cá lớn ba ngày ba đêm, cũng một thể ấy, Con Người sẽ ở trong lòng đất ba ngày ba đêm.” (Ma-thi-ơ 12:40).

Cho dù Đức Chúa Jesus Christ có sống lại vào Chủ Nhật thì đó cũng không là lý do để bắt cứ ai tự ý đổi ngày Sa-bát Thứ Bảy sang Chủ Nhật. Thánh Kinh không hề dạy con dân Chúa phải nhóm hiệp thờ phượng Chúa vào Chủ Nhật. Thánh Kinh không hề dạy con dân Chúa kỷ niệm sự phục sinh của Chúa vào Chủ Nhật. Thậm chí, Thánh Kinh cũng không hề dạy con

dân Chúa phải kỷ niệm sự giáng sinh hay sự phục sinh của Chúa, mà chỉ truyền cho con dân Chúa phải kỷ niệm sự chết của Chúa qua Tiệc Thánh. Quan trọng hơn hết là Thánh Kinh không hề dạy con dân Chúa ngưng tôn thánh ngày Sa-bát Thứ Bảy! Trái lại, chính Đức Chúa Jesus Christ dạy dân I-sơ-ra-ên hãy cầu nguyện để ngày AntiChrist tấn công thành Giê-ru-sa-lem sẽ không xảy ra vào một ngày Sa-bát (Ma-thi-ơ 24:20). Thánh Kinh cũng cho biết trong Thời Kỳ Vương Quốc Ngàn Năm, con dân Chúa khắp nơi trên đất vẫn nhóm hiệp thờ phượng Chúa trong ngày Sa-bát:

“Đấng Tự Hữu Hằng Hữu phán: Từ ngày trăng mới này đến ngày trăng mới khác, từ ngày Sa-bát nọ đến ngày Sa-bát kia, mọi xác thịt sẽ đến thờ lạy trước mặt Ta.” (Ê-sai 66:23).

“Những ngày Sa-bát và những ngày trăng mới, dân sự của đất sẽ thờ lạy trước mặt Đấng Tự Hữu Hằng Hữu nơi lối vào hiên cửa ấy.” (Ê-xê-chi-ên 46:3).

Chúng ta để ý rằng, Lời Chúa nói *“mọi xác thịt”* và *“dân sự của đất,”* là bao gồm muôn dân trên đất, không riêng gì dân I-sơ-ra-ên.

Nhớ ngày Sa-bát có nghĩa là, hãy nhớ rằng, ngày Sa-bát có từ ban đầu khi Chúa mới dựng nên các tầng trời và đất; hãy nhớ rằng chính Chúa đã dựng nên ngày Sa-bát và ban phước cho ngày Sa-bát; hãy nhớ rằng chính Chúa cũng nghỉ làm việc trong ngày Sa-bát; hãy nhớ rằng ngày Sa-bát là của Chúa.

Điều răn thứ tư không thiết lập ngày Sa-bát mà là truyền cho chúng ta nhớ đến ngày Sa-bát đã được Thiên Chúa lập ra từ khi sáng thế, và truyền cho chúng ta thánh hóa ngày ấy.

Thánh hóa ngày Sa-bát có nghĩa là chúng ta biến ngày Sa-bát thành một ngày thánh, một ngày thuộc về Chúa, được chúng ta dùng theo thánh ý của Thiên Chúa. Ngài muốn chúng ta nghỉ lao động kiếm sống, nghỉ lao động tạo tiện nghi cho cuộc sống. Sự lao động mà Chúa muốn chúng ta nghỉ trong ngày Sa-bát bao gồm cả việc mua bán, xây dựng, sửa chữa. Nhưng Chúa không hề cấm chúng ta làm những việc lành trong ngày Sa-bát, như: cứu một gia súc bị nạn, chữa bệnh cho một người (Ma-thi-ơ 12:10-12).

Ngoài việc ngưng lao động trong ngày Sa-bát, chúng ta còn phải nhóm hiệp với nhau để thờ phượng Chúa. Trong Hê-bơ-rơ 10:25 ghi lại mệnh lệnh của Chúa, dạy rằng chúng ta không được bỏ qua sự nhóm lại:

“Chớ bỏ qua sự nhóm lại như mấy kẻ quen làm, nhưng phải khuyên bảo nhau, và anh em thấy ngày ấy càng gần chừng nào, thì càng phải làm như vậy chừng nấy.” (Hê-bơ-rơ 10:25).

Trong suốt Thánh Kinh, Thiên Chúa chỉ truyền cho chúng ta nhóm lại vào trong các ngày Sa-bát. Thánh Kinh không hề truyền cho con dân Chúa phải nhóm hiệp vào Chủ Nhật hay là một ngày nào khác không phải là ngày Sa-bát Thứ Bảy hoặc ngày Sa-bát của các kỳ lễ hội. Tiếc thay, ngày nay có biết bao nhiêu người xưng mình là con dân Chúa mà họ không nhớ đến ngày Sa-bát, không tôn thánh ngày Sa-bát, không nhóm hiệp thờ phượng Chúa trong ngày Sa-bát. Trái lại, họ vẫn lao động và kiếm tiền trong ngày Sa-bát.

Không giữ ngày Sa-bát Thứ Bảy là phạm điều răn của Đức Chúa Trời. Phạm điều răn của Đức Chúa Trời tức là phạm tội. Phạm tội mà không ăn năn thì sẽ không được Chúa tha tội. Người không được Chúa tha tội thì phải bị hư mất đời đời trong hỏa ngục.

Chúng ta là những con dân chân thật của Chúa, chúng ta nhớ ngày Sa-bát của Chúa, tức là ngày Thứ Bảy, và thánh hóa nó, tức là chúng ta không lao động kiếm sống, không lao động

xây cất hoặc sửa chữa, không mua bán trong ngày Sa-bát; nhưng chúng ta cùng nhau nhóm hiệp để thông công với nhau và cùng nhau thờ phượng Chúa, học Lời Chúa, cùng nhau làm những việc lành trong danh Chúa.

Bảy Điều Quan Trọng Chúa Dạy về Ngày Sa-bát

Thánh Kinh ghi lại một cách rõ ràng bảy điều quan trọng Chúa dạy cho chúng ta về ngày Sa-bát.

1. Thiên Chúa ban thức ăn cho con dân Chúa gấp hai vào ngày Thứ Sáu để chúng ta không phải làm việc kiếm sống vào ngày Thứ Bảy:

“Hãy suy nghĩ rằng Đấng Tự Hữu Hằng Hữu đã cho các ngươi ngày Sa-bát; vậy nên, đến ngày Thứ Sáu Ngài lại cho các ngươi lương thực đủ hai ngày. Trong ngày Thứ Bảy, mỗi người phải ở yên chỗ mình, chớ ai ra khỏi nhà.” (Xuất Ê-díp-tô Ký 16:29).

Ngay trước khi Thiên Chúa ban truyền Mười Điều Răn, thì Ngài đã truyền cho con dân Chúa không được làm việc kiếm sống vào ngày Thứ Bảy và Ngài hứa ban thức ăn cho họ có đủ ăn vào ngày Thứ Bảy. Câu: *“mỗi người phải ở yên chỗ mình, chớ ai ra khỏi nhà,”* có nghĩa là ở yên, không đi ra khỏi nhà để kiếm ăn, chứ không phải hoàn toàn không được ra khỏi nhà. Bởi vì, trong ngày Sa-bát con dân Chúa vẫn ra khỏi nhà đi nhóm hiệp thờ phượng Chúa theo lệnh truyền của Thiên Chúa, làm các việc lành như Đức Chúa Jesus Christ đã làm. Khi cần, thì ra khỏi nhà để tham dự chiến tranh, như khi dân I-sơ-ra-ên trong ngày Thứ Bảy đã ra khỏi nhà, đi vòng quanh thành Giê-ri-cô bảy lần (Giô-suê 6:4, 15).

Ngày nay, những người sống nghề nông thì không nên canh tác trong ngày Sa-bát, những người lao động làm thuê, làm muớn, hoặc mua bán thì không nên làm việc hoặc mua bán trong ngày Sa-bát, đối với công nhân làm việc trong các hãng xưởng thì phải yêu cầu chủ cho mình được nghỉ làm ngày Sa-bát. Chắc chắn, Chúa sẽ ban đủ nhu cầu mỗi ngày cho chúng ta khi chúng ta vâng giữ ngày Sa-bát của Chúa; Chúa sẽ mở đường cho chúng ta có một việc làm không phạm ngày Sa-bát, nếu chúng ta hết lòng tin cậy và phó thác cuộc sống mình trong bàn tay Chúa. Đây là vấn đề đức tin và tình yêu của chúng ta đối với Chúa. Chúng ta có tin rằng Chúa có quyền năng để bảo vệ và chăm sóc chúng ta hay không? Chúng ta có yêu Chúa đủ để hy sinh, chịu khổ, và ngay cả chịu chết để vâng giữ ngày Sa-bát của Chúa hay không? Hãy thể hiện đức tin của chúng ta nơi Chúa và tình yêu của chúng ta đối với Ngài, thì Ngài sẽ bày tỏ quyền năng và phép lạ của Ngài trên chúng ta.

Đặc biệt, những người làm các nghề như: quân lính, cảnh sát, nhân viên cứu hỏa, nhân viên y tế (bao gồm bác sĩ, dược sĩ, y tá, chuyên viên kỹ thuật, lao công...), nhân viên chăm sóc các cô nhi viện, các viện dưỡng lão... là những nghề liên quan đến phúc lợi chung, có tính cách chăm sóc, bảo vệ, và cứu giúp thì có thể thay phiên nhau để làm việc trong ngày Sa-bát; vì trong ngày Sa-bát được phép làm việc lành. Tuy nhiên, tiền lương trong ngày đó nên tặng hết cho những người nghèo khó, khốn cùng. Đó cũng là một việc làm lành.

2. Thiên Chúa gọi ngày Sa-bát là Lễ Nghỉ và truyền cho con dân Chúa nghỉ lao động để nhóm hiệp trong ngày Sa-bát:

“Người ta làm việc trong sáu ngày, nhưng qua ngày thứ bảy là Sa-bát của Lễ Nghỉ, tức một sự nhóm hiệp thánh; đừng làm một công việc gì; ấy là Sa-bát của Đấng Tự Hữu Hằng Hữu trong những nơi các ngươi ở.” (Lê-vi Ký 23:3).

Thánh Kinh biệt riêng ngày Thứ Bảy làm ngày Lễ Nghỉ mỗi tuần để tôn vinh Thiên Chúa. Loài người phải nghỉ lao động trong ngày Thứ Bảy để nhóm hiệp thờ phượng Thiên Chúa. Mệnh

lệnh “*đừng làm một công việc gì*” có nghĩa là đừng mua bán, đừng lao động kiếm sống, đừng lao động tạo tiện nghi cho cuộc sống, như: vận chuyển hàng hóa, dọn dẹp, sửa chữa, giặt giũ... Nhưng con dân Chúa có thể làm những việc lành, cứu giúp loài người lẫn loài vật, cho gia súc ăn uống... (Ma-thi-ơ 12:12).

Chúng ta cần ghi nhớ rằng, trong suốt cả Thánh Kinh, Thiên Chúa chỉ truyền lệnh cho con dân Chúa nhóm hiệp vào các ngày Sa-bát. Ngài không hề truyền cho con dân Chúa nhóm hiệp vào một ngày nào khác. Vì thế, mệnh lệnh của Đức Thánh Linh trong Hê-bơ-rơ 1:25-26 truyền cho con dân Chúa “chớ bỏ qua sự nhóm lại” tức là truyền cho con dân Chúa chớ bỏ qua sự nhóm lại trong mỗi ngày Sa-bát:

“Chớ bỏ qua sự nhóm lại như mấy kẻ quen làm, nhưng phải khuyên bảo nhau, và anh em thấy ngày ấy càng gần chừng nào, thì càng phải làm như vậy chừng nấy. Vì nếu chúng ta đã nhận biết lẽ thật rồi, mà lại cố ý phạm tội, thì không còn có tế lễ chuộc tội nữa...”

Chỉ cần nói dối mà không ăn năn thì sẽ ở trong hỏa ngục. Thế thì, người cứ vi phạm ngày Sa-bát mà không ăn năn thì sẽ ra sao?

Những người vi phạm ngày Sa-bát là những người làm cho ngày Sa-bát bị ô uế, nên chính họ cũng trở thành ô uế, đáng gớm ghiếc. Những người vi phạm ngày Sa-bát còn là những người không tin nơi Lời Chúa; họ trở thành những kẻ chẳng tin. Những người vi phạm ngày Sa-bát cũng có thể là vì hèn nhát, không dám sống theo Lời Chúa, vì sợ bị gia đình và giáo hội bắt bớ. Phần của những kẻ hèn nhát, chẳng tin, đáng gớm ghiếc là hỏa ngục:

*“Các người dân ngoại về cùng Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, để hầu việc Ngài, để yêu mến danh Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, để làm tôi tớ Ngài; tức là **hết thảy những người giữ ngày Sa-bát cho khỏi ô uế, và cầm vững lời giao ước Ta...**”* (Ê-sai 56:6).

“Còn những kẻ hèn nhát, không tin, đáng gớm ghiếc; những kẻ giết người; những đĩ đực; những kẻ phù phép; những kẻ thờ thần tượng; và tất cả những kẻ nói dối sẽ có phần của chúng trong hồ đốt với lửa và lưu hoàng. Đó là sự chết thứ nhì.” (Khải Huyền 21:8).

Việc con dân Chúa cùng nhau nhóm hiệp trong ngày Sa-bát để thờ phượng Chúa, nghe giảng Lời Chúa, và thông công với nhau là điều chúng ta không nên bỏ qua.

3. Thiên Chúa gọi sự giữ ngày Sa-bát là dấu hiệu đời đời dành cho con dân của Ngài, để tỏ ra họ là một dân thánh:

*“Phần người, hãy nói với dân I-sơ-ra-ên rằng: Nhất là các người hãy giữ ngày Sa-bát Ta, vì là **một dấu giữa Ta và các người**, trải qua mọi đời, để thiên hạ biết rằng Ta, là Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, làm cho các người nên thánh.”* (Xuất Ê-díp-tô Ký 31:13).

*“Ấy vậy, dân I-sơ-ra-ên sẽ giữ ngày Sa-bát trải các đời của họ, như một giao ước đời đời. **Ấy là một dấu đời đời cho Ta cùng dân I-sơ-ra-ên**, vì Đấng Tự Hữu Hằng Hữu đã dựng nên trời và đất trong sáu ngày, qua ngày Thứ Bảy Ngài ngưng làm việc và nghỉ ngơi.”* (Xuất Ê-díp-tô Ký 31:16-17).

*“Ta cũng cho chúng nó **những ngày Sa-bát Ta làm một dấu giữa Ta và chúng nó**, để chúng nó biết rằng, Ta là Đấng Tự Hữu Hằng Hữu biệt chúng nó ra thánh.”* (Ê-xê-chi-ên 20:12).

Có nhiều người cho rằng ngày Sa-bát là dấu hiệu giữa Thiên Chúa và dân I-sơ-ra-ên, không

liên quan gì đến Hội Thánh. Nhưng chính Thánh Kinh nói rõ, những người không phải dân I-sơ-ra-ên, sau khi tin nhận Chúa thì được kết hiệp làm một với những người I-sơ-ra-ên tin nhận Chúa:

“Chúa Tự Hữu Hằng Hữu, Đấng nhóm lại dân tan lạc của I-sơ-ra-ên, phán như vậy: Dân nó đã được nhóm lại rồi, Ta sẽ còn nhóm các dân khác lại về cùng nó.” (Ê-sai 56:8).

Rô-ma 11:16-26

16 Nếu những hạt đầu mùa là thánh thì cả đồng bột cũng thánh; và nếu rễ là thánh thì các nhánh cũng thánh. [Hạt lúa xay thành bột].

17 Nếu như có những nhánh bị cắt đi và các anh em vốn là cây ô-li-ve hoang được thắp vào chỗ các nhánh ấy, để có phần về nhựa và rễ của cây ô-li-ve,

18 thì chớ khoe mình hơn các nhánh đó. Nhưng nếu các anh em khoe mình thì hãy biết rằng, ấy chẳng phải là các anh em chịu đựng cái rễ mà là cái rễ chịu đựng các anh em.

19 Các anh em sẽ nói rằng, các nhánh đã bị cắt đi để chúng ta được thắp vào.

20 Phải lắm! Vì chúng chẳng tin nên đã bị cắt, và các anh em nhờ đức tin mà đứng vững, thì chớ kiêu ngạo nhưng hãy sợ hãi.

21 Vì nếu Đức Chúa Trời đã chẳng chừa ra các nhánh tự nhiên, thì Ngài cũng có thể chẳng chừa ra các anh em.

22 Vậy hãy xem sự từ ái và sự nghiêm khắc của Thiên Chúa: sự nghiêm khắc đối với họ là những kẻ đã ngã xuống, còn sự từ ái đối với các anh em miễn là các anh em cứ ở trong sự từ ái của Ngài; nếu không, các anh em cũng sẽ bị chặt.

23 Và nếu họ không cứ ở trong sự chẳng tin, thì cũng sẽ được thắp vào; vì Đức Chúa Trời có quyền thắp họ vào lại.

24 Nếu các anh em đã bị cắt ra khỏi cây ô-li-ve hoang thuận tính mình, để được thắp vào cây ô-li-ve tốt nghịch tính mình, thì hưởng chi những họ là những nhánh nguyên sẽ được thắp vào chính cây ô-li-ve mình!

25 Hỡi các anh em, tôi không muốn các anh em chẳng biết sự mầu nhiệm này, kéo các anh em tự cho mình là khôn ngoan chẳng. Ấy là sự cứng lòng đã xảy ra cho một phần của dân I-sơ-ra-ên cho đến chừng sự đầy trọn của các dân ngoại đến.

26 Rồi thì cả dân I-sơ-ra-ên sẽ được cứu, như có chép rằng: Đấng Giải Cứu sẽ đến từ Si-ôn, cất sự không tin kính ra khỏi Gia-cốp.

Ê-phê-sô 2:11-16

11 Vậy, anh em, theo xác thật là người ngoại, bị những kẻ xưng mình là người chịu cắt bì bởi tay người ta, gọi anh em là người không chịu cắt bì, hãy nhớ lại lúc trước,

12 trong thuở đó, anh em không có Đấng Christ, bị ngoại quyền công dân I-sơ-ra-ên, chẳng dựa vào giao ước của lời hứa, không có sự trông cậy và vô thần trong thế gian.

13 Nhưng trong Đấng Christ Jesus, anh em là kẻ ngày trước cách xa, hiện nay đã nhờ máu Đấng Christ mà được gần rồi.

14 Vì, ấy chính Ngài là sự hòa bình của chúng ta; Ngài đã hiệp cả hai lại làm một, phá

đổ bức tường ngăn cách,

15 chấm dứt sự thù nghịch, luật pháp của các điều răn trong các điều lệ, trong xác thịt Ngài. Như vậy, khi làm cho hòa nhau, Ngài lấy cả hai lập nên một người mới trong Ngài,

16 và vì bởi thập tự giá Ngài đã làm cho sự thù nghịch tiêu diệt, nên nhờ thập tự giá đó Ngài khiến cả hai hiệp thành một thể, mà làm hòa thuận với Đức Chúa Trời.

Thiên Chúa nhóm hiệp các dân khác cùng chung với dân I-sơ-ra-ên. Dân thánh của Thiên Chúa bao gồm dân I-sơ-ra-ên và mọi dân tộc. Trong dân thánh của Thiên Chúa không có sự phân biệt giữa dân I-sơ-ra-ên với các dân không phải là I-sơ-ra-ên. Xin đọc và nghe bài giảng này: “Địa Vị của Những Người Được Cứu” [4].

4. Thiên Chúa gọi ngày Sa-bát là của Ngài. Vì thế, không ai có quyền thay đổi hay hủy bỏ ngày Sa-bát:

“Nhưng ngày Thứ Bảy là ngày Sa-bát của Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu của người...” (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:10).

“Ai nấy phải tôn kính cha mẹ mình và giữ những ngày Sa-bát của Ta: Ta là Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu của các người.” (Lê-vi Ký 19:3).

“Các người phải giữ những ngày Sa-bát của Ta, và tôn kính nơi thánh của Ta. Ta là Đấng Tự Hữu Hằng Hữu.” (Lê-vi Ký 19:30).

“Hãy giữ những ngày Sa-bát của Ta, và tôn kính nơi thánh của Ta. Ta là Đấng Tự Hữu Hằng Hữu.” (Lê-vi Ký 26:2).

“Vì Con người là Chúa ngày Sa-bát.” (Ma-thi-ơ 12:8, đối chiếu: Mác 2:28 và Lu-ca 6:5).

Trong thời kỳ Vương Quốc Ngàn Năm, muôn dân trên đất vẫn phải giữ ngày Sa-bát và cùng nhau thờ phượng Chúa trong ngày Sa-bát:

“Đấng Tự Hữu Hằng Hữu phán: Từ ngày trăng mới này đến ngày trăng mới khác, từ ngày Sa-bát nọ đến ngày Sa-bát kia, mọi xác thịt sẽ đến thờ lạy trước mặt Ta.” (Ê-sai 66:23).

“Những ngày Sa-bát và những ngày trăng mới, dân sự của đất sẽ thờ lạy trước mặt Đấng Tự Hữu Hằng Hữu nơi lối vào hiên cửa ấy.” (Ê-xê-chi-ên 46:3).

5. Tất cả những ai không thuộc về dân I-sơ-ra-ên, khi tin nhận Thiên Chúa thì đều vâng giữ ngày Sa-bát của Thiên Chúa:

“Các người dân ngoại về cùng Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, để hầu việc Ngài, để yêu mến danh Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, để làm tôi tớ Ngài; tức là hết thảy những kẻ giữ ngày Sa-bát cho khỏi ô uế, và cảm vững lời giao ước Ta, thì Ta sẽ đem họ vui mừng trong nhà cầu nguyện Ta. Cửa lễ thiếu và hy sinh họ dâng trên bàn thờ Ta, sẽ được nhận lấy; vì nhà Ta sẽ gọi là nhà cầu nguyện cho mọi dân tộc.” (Ê-sai 56:6-7).

6. Thiên Chúa truyền lệnh cho con dân Chúa phải giữ những ngày Sa-bát của Ngài và tôn kính đền thờ của Ngài:

“Các người phải giữ những Sa-bát của Ta, và tôn kính nơi thánh của Ta. Ta là Đấng Tự Hữu Hằng Hữu.” (Lê-vi Ký 19:30)

Những ngày Sa-bát của Thiên Chúa là mỗi ngày Thứ Bảy và nơi thánh của Thiên Chúa, tức

đền thờ của Thiên Chúa, chính là thân thể của mỗi chúng ta:

“Các anh em chẳng biết mình là đền thờ của Thiên Chúa, và Đấng Thần Linh của Đức Chúa Trời ở trong các anh em sao? Vì có ai phá hủy đền thờ của Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời sẽ phá hủy họ; vì đền thờ của Đức Chúa Trời là thánh, mà chính các anh em là đền thờ.” (I Cô-rinh-tô 3:16-17).

“Các anh em chẳng biết rằng thân thể mình là đền thờ của Đức Thánh Linh đang ngự trong các anh em, là Đấng mà các anh em đã nhận bởi Thiên Chúa, và các anh em chẳng phải thuộc về chính mình sao? Bởi vì các anh em đã được chuộc bằng giá cao rồi. Vậy, hãy lấy thân thể và tâm thần mình đã thuộc về Đức Chúa Trời mà làm vinh hiển Đức Chúa Trời.” (I Cô-rinh-tô 6:19-20).

Vì thế, trong mỗi ngày Sa-bát chúng ta phải nghỉ lao động, để cho thân thể chúng ta được nghỉ ngơi, và cùng nhau nhóm hiệp thờ phượng Chúa.

7. Thiên Chúa hứa ban phước cho những ai giữ ngày Sa-bát:

“Nếu người ngừa giữ chân mình trong ngày Sa-bát, không làm theo ý riêng mình trong ngày thánh của Ta; nếu người xưng ngày Sa-bát là ngày vui thích, coi ngày thánh của Đấng Tự Hữu Hằng Hữu là đáng kính; nếu người tôn trọng ngày đó, không đi đường riêng mình, không theo ý riêng mình, và không nói lời riêng mình. Bấy giờ, người sẽ vui thỏa trong Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, và Ta sẽ làm cho người cưỡi lên các nơi cao trên đất, và lấy sản nghiệp của Gia-cóp, tổ phụ người, mà nuôi người; vì miệng Đấng Tự Hữu Hằng Hữu đã phán vậy.” (Ê-sai 58:13-14).

Thiên Chúa hứa ban những ơn phước đặc biệt cho những ai vâng giữ ngày Sa-bát của Ngài. Những ai không vâng giữ ngày Sa-bát của Thiên Chúa thì không được hưởng các ơn phước ấy. Chắc chắn là sự không vâng giữ ngày Sa-bát sẽ làm cho thiệt hại sức khỏe của chúng ta. Quan trọng hơn hết, sự không vâng giữ ngày Sa-bát là sự phạm điều răn của Chúa, là tội lỗi.

Không làm theo Lời Chúa là phạm tội. Phạm tội mà không ăn năn thì sẽ bị hư mất đời đời trong hỏa ngục. Một người đã hiểu biết Lời Chúa mà không làm theo thì sẽ không còn có tế lễ nào chuộc tội dành cho người ấy:

“Vì nếu chúng ta đã nhận biết lẽ thật rồi, mà lại cố ý phạm tội, thì không còn có tế lễ chuộc tội nữa, nhưng chỉ có sự đợi chờ kinh khiếp về sự phán xét, và lửa thiêu nuốt sẽ đốt cháy kẻ bội nghịch mà thôi.” (Hê-bơ-rơ 10:26-27).

Chúng ta là con dân Chúa, chúng ta phải đọc, suy ngẫm, và cẩn thận làm theo Lời Chúa, chứ chúng ta không làm theo những sự dạy dỗ không đúng với Thánh Kinh của các giáo hội hay của bất cứ ai.

Cách Giữ Ngày Sa-bát

Vì ngày Sa-bát là một dấu do chính Thiên Chúa ban cho chúng ta, để chứng tỏ Ngài đã thánh hóa chúng ta, biệt riêng chúng ta ra làm con dân của Ngài, nên chúng ta phải vâng giữ ngày Sa-bát. Sự giữ ngày Sa-bát bao gồm những việc chúng ta không nên làm và những việc chúng ta nên làm trong ngày Sa-bát.

Không Nên Làm

1. Mọi người và mọi súc vật không nên làm việc trong ngày Sa-bát (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:10; Lê-vi Ký 23:3; Phục Truyền Luật Lệ Ký 5:14). Sự không làm việc được nói đến là sự không lao động để kiếm sống, kể cả việc trồng trọt, gặt hái; không lao động để

tạo tiện nghi cho cuộc sống, như việc dọn dẹp, sửa chữa, thậm chí ngay cả việc nhặt củi để đun bếp (Dân Số Ký 15:32-36).

2. Không mua bán trong ngày Sa-bát (Nê-hê-mi 10:31; 13:15-17).
3. Không mang vác nặng trong ngày Sa-bát (Nê-hê-mi 13:19; Giê-rê-mi 17:21).
4. Không làm theo ý riêng (Ê-sai 58:13).
5. Không bỏ qua sự nhóm hiệp trong ngày Sa-bát (Lê-vi Ký 23:3; Hê-bơ-rơ 10:25).

Nên Làm

1. Nhóm hiệp để thờ phượng Chúa và hầu việc Chúa trong ngày Sa-bát (Lê-vi Ký 23:3; Ma-thi-ơ 12:5; Lu-ca 4:16; Công Vụ Các Sứ Đồ 13:14, 44; 17:2; Hê-bơ-rơ 10:25).
2. Dâng hiến lên Chúa trong ngày Sa-bát (Dân Số Ký 28:9-10).
3. Đọc Lời Chúa trong ngày Sa-bát (Lu-ca 4:16; Công Vụ Các Sứ Đồ 13:27; 15:21).
4. Giảng Lời Chúa trong ngày Sa-bát (Lu-ca 4:31; 6:6; 13:10; Công Vụ Các Sứ Đồ 13:14, 15, 44; 16:13; 17:2; 18:4).
5. Làm những việc thiện có tính cách chăm sóc, bảo vệ, cứu giúp, chữa lành, thăm viếng lẫn nhau, rao giảng Tin Lành... Giải quyết những nhu cầu thiết thực như ăn uống, giải trí, thông công với gia đình, bạn bè, bảo vệ tài sản trong lúc cấp bách, kể cả chiến đấu trong chiến tranh trong ngày Sa-bát (Ma-thi-ơ 12:1, 12; Lu-ca 13:15-16; 14:1, 5; Giảng 9:14; Giô-suê 6:15). Trong các hoạt động thăm viếng, ăn uống, giải trí... chúng ta tránh việc mua bán, như mua thức ăn, thức uống, mua vé vào cửa các nơi giải trí. Trong việc chuẩn bị thức ăn trong ngày Sa-bát thì tránh cầu kỳ, tốn nhiều công sức. Tốt nhất là chuẩn bị vào chiều Thứ Sáu và hâm nóng lại để ăn vào ngày Thứ Bảy. Nhớ đỗ xăng cho xe vào trước ngày Sa-bát để có đủ xăng đi thăm viếng, nhóm hiệp với Hội Thánh.

Những Lời Ngụy Biện Chống Việc Giữ Ngày Sa-bát

Ngụy là không thật. Biện là lý luận để cãi lại. Ngụy biện là dựa vào những lý luận không đúng, không thật để tranh cãi về một điều gì đó.

Trong các giáo hội mang danh Chúa có nhiều lời ngụy biện chống lại việc con dân Chúa tôn thánh ngày Sa-bát Thứ Bảy, vâng giữ điều răn thứ tư trong Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời. Dưới đây là một số lời ngụy biện mà con dân Chúa thường gặp:

Ngụy biện 1: Hội Thánh sống trong Thời Ân Điển, không còn ở dưới luật pháp nên không cần giữ Mười Điều Răn của Thời Cựu Ước.

Phản biện: Sống trong ân điển có nghĩa là nhờ ân điển (tức là nhờ sự thương xót của Đức Chúa Trời dành cho loài người tội lỗi, bội nghịch, đầy gian ác) mà được tha tội chứ không phải sống mà tha hồ phạm tội. Không còn ở dưới luật pháp là không còn bị luật pháp buộc tội, vì Đức Chúa Jesus Christ đã chết thay cho tội lỗi của chúng ta, chứ không phải là tha hồ phạm Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời. Thánh Kinh dạy rõ:

“Chịu cắt bì chẳng là gì, không chịu cắt bì cũng chẳng là gì; mà là sự giữ các điều răn của Thiên Chúa.” (I Cô-rinh-tô 7:19).

“Vậy, chúng ta bởi đức tin mà bỏ luật pháp hay sao? Chẳng hề như vậy! Trái lại, chúng ta làm vững bền luật pháp.” (Rô-ma 3:31).

Nếu nói rằng Hội Thánh không cần phải giữ Mười Điều Răn của Thời Cựu Ước thì không lẽ con dân Chúa được có các thần khác, được làm các hình tượng, được thờ phượng và hầu việc các hình tượng, được lấy danh Chúa làm ra vô ích, được bắt hiểu với cha mẹ, được phạm tội giết người, được ngoại tình, được trộm cắp, được làm chứng dối, và được tham muốn những điều thuộc về người khác?

Ngụy biện 2: Điều răn thứ tư chỉ áp dụng cho dân I-sơ-ra-ên, không áp dụng cho dân ngoại.

Phản biện: Thánh Kinh không hề dạy rằng chỉ có chín điều răn trong Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời là áp dụng cho tín đồ dân ngoại, còn điều răn thứ tư thì áp dụng riêng cho dân I-sơ-ra-ên. Trái lại, Lời Chúa dạy rõ:

“Các người dân ngoại về cùng Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, để hầu việc Ngài, để yêu mến danh Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, để làm tôi tớ Ngài; tức là hết thảy những kẻ giữ ngày Sa-bát cho khỏi ô uế, và cầm vững lời giao ước Ta...” (Ê-sai 56:6).

“Đấng Tự Hữu Hằng Hữu phán: Từ ngày trăng mới này đến ngày trăng mới khác, từ ngày Sa-bát nọ đến ngày Sa-bát kia, mọi xác thịt sẽ đến thờ lạy trước mặt ta.” (Ê-sai 66:23).

“Những ngày Sa-bát và những ngày trăng mới, dân sự của đất sẽ thờ lạy trước mặt Đấng Tự Hữu Hằng Hữu nơi lối vào hiên cửa ấy.” (Ê-xê-chi-ên 46:3).

Mặt khác, chính Lời Chúa phán rằng, Ngài kết hiệp dân ngoại với dân I-sơ-ra-ên làm một:

“Chúa Tự Hữu Hằng Hữu, Đấng nhóm lại dân tan lạc của I-sơ-ra-ên, phán như vậy: Dân nó đã được nhóm lại rồi, Ta sẽ còn nhóm các dân khác lại về cùng nó.” (Ê-sai 56:8).

Trong Hội Thánh của Chúa không có phân biệt chủng tộc:

“Tại đây không còn chia ra người Do-thái hoặc người Hy-lạp; không còn người tôi mọi hoặc người tự chủ; không còn đàn ông hoặc đàn bà; vì trong Đấng Christ Jesus, các anh chị em hết thảy đều làm một.” (Ga-la-ti 3:28).

“Tại đây không còn phân biệt người Hy-lạp hoặc người Do-thái, người chịu cắt bì hoặc người không chịu cắt bì, người dã man hoặc người Sy-the, người tôi mọi hoặc người tự chủ; nhưng Đấng Christ là mọi sự và trong mọi sự.” (Cô-lô-se 3:11).

Lời ngụy biện trên đây rõ ràng đã nghịch lại lẽ thật của Lời Chúa.

Ngụy biện 3: Thánh Kinh Tân Ước chỉ nhắc đến chín điều răn khác mà không nhắc đến điều răn thứ tư, nên Hội Thánh không cần phải giữ điều răn thứ tư.

Phản biện: Thực tế, Thánh Kinh Tân Ước chỉ không nhắc lại một phần của điều răn thứ nhì, là phần “Người chớ làm tượng chạm cho mình” và “cũng đừng hầu việc chúng nó;” nhưng Thánh Kinh Tân Ước có nhắc đến điều răn thứ tư rất là nhiều lần. Thánh Kinh Tân Ước dạy cho chúng ta biết Đức Chúa Jesus Christ là Chúa của ngày Sa-bát và trong ngày Sa-bát con dân Chúa được phép làm mọi việc lành. **Nếu ngày Sa-bát đã bị bỏ đi thì Đức Chúa Jesus Christ cần gì phải dạy cho con dân Chúa làm việc lành trong ngày Sa-bát?** Và Đức Chúa Jesus Christ cần gì phải dạy cho dân chúng thành Giê-ru-sa-lem hãy cầu nguyện cho ngày Anti-Christ tấn công thành Giê-ru-sa-

lem không rơi vào ngày Sa-bát (Ma-thi-ơ 24:20)?

Theo ngụ ý biện trên đây thì ngày nay con dân Chúa được tha hồ làm tượng và hầu việc tượng, vì Thánh Kinh Tân Ước không nhắc đến lệnh cấm này. Chúng ta biết rõ, không bao giờ có chuyện đó.

Ngụ ý biện 4: Nếu giữ ngày Sa-bát thì cũng phải giữ luôn các luật về Sa-bát. Vậy, Hội Thánh phải ném đá những người không giữ ngày Sa-bát.

Phản biện: Đúng là luật pháp của Đức Chúa Trời lên án tử hình người vi phạm ngày Sa-bát, và luật pháp của Đức Chúa Trời cũng lên án tử hình những đứa con hỗn láo, không vâng phục cha mẹ, những kẻ phạm tội ngoại tình... Nhưng ngày nay Hội Thánh không ném đá những ai vi phạm các điều răn của Đức Chúa Trời vì chúng ta đang sống trong Thời Ân Điển. Có nghĩa là: Bởi ân điển mà Đức Chúa Jesus Christ đã gánh thay án chết cho mọi tội nhân. Vì thế, tội nhân không còn bị ném đá khi vi phạm các điều răn của Đức Chúa Trời. Còn việc tội nhân có tiếp nhận ân điển của Đức Chúa Trời hay không là tự do lựa chọn của mỗi người. Ai ăn năn tội và tiếp nhận ân điển của Chúa thì được thoát khỏi mọi sự đoán phạt. Ai không ăn năn tội, không tiếp nhận ân điển của Chúa thì sẽ bị phán xét trong ngày sau rốt về mỗi việc làm tội lỗi của mình và bị hư mất đời đời trong hỏa ngục.

Ngụ ý biện 5: Chúng ta không biết ngày nào trong tuần lễ thực sự là ngày Thứ Bảy Sa-bát, vì nhiều ngàn năm đã trôi qua, lịch của loài người đã nhiều lần thay đổi.

Phản biện: Đúng là lịch của loài người đã nhiều lần thay đổi nhưng chưa bao giờ có sự thay đổi thứ tự các ngày trong một tuần lễ. Từ khi Thiên Chúa dựng nên trời đất và ngày Thứ Bảy Sa-bát cho đến khi Đức Chúa Jesus Christ thi hành mục vụ trên đất là một khoảng thời gian dài trên 4000 năm. Thế nhưng, vào thời điểm Thiên Chúa nhập thể làm người, đi lại trên đất và giữ ngày Sa-bát, thì ngày Sa-bát vẫn là ngày Thứ Bảy. Thánh Kinh ghi rõ: Đức Chúa Jesus Christ vào trong các nhà hội vào ngày Sa-bát; Đức Chúa Jesus Christ rao giảng, chữa bệnh, và đuổi quỷ trong ngày Sa-bát; các môn đồ của Chúa bứt bông lúa mì để ăn trong ngày Sa-bát; Phao-lô và các sứ đồ của Chúa nhóm hiệp và giảng Lời Chúa trong ngày Sa-bát...

Từ ấy đến nay, trong suốt gần 2000 năm, dân I-sơ-ra-ên, bởi sự giao phó của Thiên Chúa, vẫn giữ đúng cho toàn thể loài người ngày Thứ Bảy Sa-bát qua bộ lịch Do-thái, là bộ lịch có trước khi Thiên Chúa nhập thể làm người, do chính Thiên Chúa ban hành cho họ vào năm 1446 TCN, như đã được ghi chép trong Xuất Ê-díp-tô Ký 12. Ngày Thứ Bảy mà loài người đang có trong mọi bộ lịch ngày nay, bất kể thuộc dân tộc nào, cũng đều đúng là ngày Thứ Bảy Sa-bát.

Ngụ ý biện 6: Chúng ta không thể giữ đúng ngày Sa-bát Thứ Bảy vì múi giờ của chúng ta khác với múi giờ của I-sơ-ra-ên.

Phản biện: Thiên Chúa không hề dạy con dân Chúa phải giữ ngày Sa-bát theo múi giờ của I-sơ-ra-ên. Trái lại, Lời Chúa dạy con dân Chúa phải giữ ngày Sa-bát **trong mọi nơi họ ở**, có nghĩa là theo múi giờ địa phương:

“Người ta làm việc trong sáu ngày, nhưng qua ngày thứ bảy là Sa-bát của Lễ Nghỉ, tức một sự nhóm hiệp thánh; đừng làm một công việc gì; ấy là Sa-bát của Đấng Tự Hữu Hằng Hữu trong những nơi các người ở.” (Lê-vi Ký 23:3).

Nên nhớ, điều răn thứ tư được ban truyền khi dân I-sơ-ra-ên còn đang ở trong xứ Ai-

cập là nơi cách Giê-ru-sa-lem một múi giờ.

Ngụy biện 7: Ngày Sa-bát đã đổi từ Thứ Bảy sang Chủ Nhật, vì Chúa đã sống lại vào Chủ Nhật.

Phản biện: Thánh Kinh không hề dạy ngày Sa-bát đã đổi sang Chủ Nhật. Thánh Kinh không hề dạy Chúa sống lại vào Chủ Nhật. Thánh Kinh không hề dạy con dân Chúa phải nhóm hiệp trong ngày Chúa sống lại hoặc phải biến ngày Chúa sống lại thành ngày Sa-bát.

Sự thật là Chúa chết vào chiều một ngày Thứ Tư. Ngài đã ở trong lòng đất đúng ba ngày ba đêm rồi sống lại vào chiều một ngày Sa-bát. Thánh Kinh và các chi tiết lịch sử đã chứng minh như vậy, xin đọc bài: “Ngày Chúa Chết và Ngày Chúa Phục Sinh” [5]. Chúa đã sống lại vào một buổi chiều Sa-bát Thứ Bảy và hiện ra cho các môn đồ vào buổi sáng sớm của ngày Thứ Nhất (tức Chủ Nhật).

Ngụy biện 8: Giữ ngày Sa-bát Thứ Bảy là theo tà giáo.

Phản biện: Tà giáo là giáo lý dạy không đúng với lẽ thật của Thánh Kinh. Sự giữ ngày Sa-bát Thứ Bảy là theo đúng điều răn của Chúa trong Thánh Kinh. Vậy, sao có thể gọi sự giữ ngày Sa-bát Thứ Bảy là theo tà giáo? Tại sao sự vâng giữ trọn vẹn Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời bị gọi là theo tà giáo?

Thực tế là có một số giáo hội mang danh Chúa, kêu gọi con dân Chúa giữ ngày Sa-bát Thứ Bảy nhưng họ lại giảng dạy nhiều thứ tà giáo. Vì thế, nhiều người hiểu lầm là những ai giữ ngày Sa-bát Thứ Bảy là theo tà giáo. Chúng ta giữ ngày Sa-bát nhưng chúng ta không theo các giáo hội dạy tà giáo. Chúng ta không theo một giáo hội nào cả, mà chỉ theo Chúa và theo Lời Chúa.

Chính sự rao giảng chống lại sự giữ ngày Sa-bát Thứ Bảy theo Thánh Kinh mới là tà giáo. Con dân Chúa phải tránh xa những kẻ rao giảng tà giáo (Tít 3:10).

Ngụy biện 9: Chúng ta chỉ cần làm việc sáu ngày rồi nghỉ một ngày, không cần thiết phải là ngày Thứ Bảy trong tuần.

Phản biện: Điều răn của Chúa không hề nói chúng ta được tùy ý muốn chọn làm việc ngày nào và chọn nghỉ ngày nào. Chính Chúa đã thiết lập ngày Thứ Bảy làm ngày Sa-bát và ra lệnh cho chúng ta làm việc trong sáu ngày nhưng nghỉ vào ngày Thứ bảy. Ngày Sa-bát là của Chúa, không phải của chúng ta. Chúa là chủ của ngày Sa-bát, không phải chúng ta. Chúng ta không có quyền định ngày nào là ngày Sa-bát.

Hơn nữa, điều răn của Chúa là con dân Chúa phải nhóm hiệp trong ngày Sa-bát. Nếu trong Hội Thánh có bảy người, mỗi người tự ý làm việc trong sáu ngày rồi nghỉ một ngày theo ý thích mình, thì ngày nào là ngày Sa-bát để Hội Thánh nhóm hiệp?

Ngụy biện 10: Không ai có thể giữ được ngày Sa-bát vì hiện nay cả thế gian đều lấy Chủ Nhật làm ngày nghỉ. Buộc con dân Chúa nghỉ ngày Sa-bát Thứ Bảy là chất gánh nặng lên con dân Chúa.

Phản biện: Luật lệ, sở thích, phong tục của thế gian không có quyền trên các điều răn và luật pháp của Thiên Chúa. Là con dân Chúa, chúng ta thà vâng lời Thiên Chúa hơn là vâng lời người ta (Công Vụ Các Sứ Đồ 4:19). Là con dân Chúa, chúng ta không theo thế gian mà phạm tội nghịch lại Thiên Chúa. Chúng ta sẽ có khó khăn, bắt bớ từ thế gian khi chúng ta hết lòng sống theo Lời Chúa. Nhưng Chúa sẽ ban ơn, thêm sức

cho chúng ta, và mở đường cho chúng ta ra khỏi (I Cô-rinh-tô 10:13).

Sự giữ các điều răn của Thiên Chúa, trong đó có sự giữ ngày Sa-bát Thứ Bảy theo điều răn thứ tư, là phước hạnh.

“Xin hãy khiến tôi đi trong đường của các điều răn Ngài, vì tôi lấy làm vui vẻ tại đó.” (Thi Thiên 119:35).

“Tôi sẽ vui vẻ trong các điều răn Ngài, mà tôi yêu mến.” (Thi Thiên 119:47).

“Bởi đó tôi yêu mến các điều răn Ngài hơn vàng, hơn cả vàng ròng.” (Thi Thiên 119:127).

Thật vậy, chính Lời Chúa khẳng định rằng, các điều răn của Chúa chẳng phải là nặng nề:

“Vì này là tình yêu của Đức Chúa Trời, tức là chúng ta vâng giữ các điều răn của Ngài. Các điều răn của Ngài chẳng phải là nặng nề...” (I Giăng 5:3).

Chúa hứa ban phước cho những ai giữ ngày Sa-bát:

“Nếu người nừa giữ chân mình trong ngày Sa-bát, không làm theo ý riêng mình trong ngày thánh của Ta; nếu người xưng ngày Sa-bát là ngày vui thích, coi ngày thánh của Đấng Tự Hữu Hằng Hữu là đáng kính; nếu người tôn trọng ngày đó, không đi đường riêng mình, không theo ý riêng mình, và không nói lời riêng mình. Bây giờ, người sẽ vui thỏa trong Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, và Ta sẽ làm cho người cưỡi lên các nơi cao trên đất, và lấy sản nghiệp của Gia-cóp, tổ phụ người, mà nuôi người; vì miệng Đấng Tự Hữu Hằng Hữu đã phán vậy.” (Ê-sai 58:13-14).

Là con dân Chúa, chúng ta nên siêng năng đọc, suy ngẫm ngày đêm, và cẩn thận làm theo mọi điều đã chép trong Lời Chúa là Thánh Kinh:

“Quyển sách luật pháp này chớ xa miệng người, hãy suy ngẫm ngày và đêm, để cẩn thận làm theo mọi điều đã chép ở trong; vì như vậy người mới được thịnh vượng trong đường lối mình, và người mới hành động thông sáng.” (Giô-suê 1:8).

Chúng ta không nên theo truyền thống hay sự dạy dỗ không có trong Thánh Kinh mà nghịch lại các điều răn của Thiên Chúa:

“Sự chúng nó thờ lạy Ta là vô ích, vì chúng nó dạy các giáo lý về những điều răn của loài người. Các người bỏ điều răn của Đức Chúa Trời mà giữ lời truyền khẩu của loài người...” (Mác 7:7-8).

Các giáo hội tự xưng là Hội Thánh của Chúa nhưng họ giảng dạy nghịch lại Lời Chúa. Nhiều người xưng mình là con dân Chúa, thậm chí, xưng mình là người giảng dạy Lời Chúa, nhưng họ là sói đội lột chiên, là tín đồ giả, không phải là con dân chân thật của Chúa:

“Hãy coi chừng những tiên tri giả, là những kẻ mang lột chiên đến với các người, nhưng bề trong chúng là những chó sói hay cắn xé.” (Ma-thi-ơ 7:15).

Con dân chân thật của Chúa là những người nghe, tin, và cẩn thận làm theo mọi lời của Chúa trong Thánh Kinh. Lời Chúa phán rõ:

“Và bởi điều này mà chúng ta biết mình đã biết Ngài: ấy là chúng ta giữ các điều răn của Ngài. Ai nói: Tôi biết Ngài! Mà không giữ các điều răn của Ngài, là người nói dối, lẽ thật không ở trong người ấy.” (I Giăng 2:3-4).

Con dân Chúa không giữ ngày Sa-bát hay các điều răn và luật pháp của Đức Chúa Trời để được sự cứu rỗi, nhưng con dân Chúa giữ ngày Sa-bát cùng các điều răn và luật pháp của Chúa vì yêu mến Chúa, hiểu biết Lời Chúa, vâng theo ý Chúa. Không giữ ngày Sa-bát có thể không khiến cho một người mất đi sự cứu rỗi, nếu người ấy chưa nhận biết lẽ thật về ngày Sa-bát; nhưng chắc chắn là người ấy sẽ bị xưng là cực nhỏ trong Vương Quốc Trời:

“Vì thật vậy, Ta phán với các ngươi, cho đến khi trời và đất qua đi, cho đến khi mọi sự được trọn, một chấm hay một nét sẽ không qua đi trong luật pháp. Vậy, ai bỏ đi một trong những điều cực nhỏ nào trong những điều răn này và dạy người ta làm như vậy, thì người ấy sẽ bị xưng là cực nhỏ trong Vương Quốc Trời; còn ai giữ và dạy người ta những điều ấy, thì sẽ được xưng là lớn trong Vương Quốc Trời.” (Ma-thi-ơ 5:18-19).

Ý Nghĩa của Rô-ma 7:4-6 và Cô-lô-se 2:16-17

Thánh Kinh dạy rõ, con dân Chúa có bổn phận phải vâng giữ mọi điều răn và luật pháp của Đức Chúa Trời như đã chép trong Thánh Kinh, kể cả điều răn thứ tư về việc giữ ngày Sa-bát Thứ Bảy. Thế thì, chúng ta hiểu thế nào về những câu Thánh Kinh trong Rô-ma 7:4-6 và Cô-lô-se 2:16-17?

“Vậy nên, hỡi các anh em của tôi! Các anh em cũng đã chết đối với luật pháp bởi thân thể của Đấng Christ, để các anh em thuộc về người khác, là Đấng đã sống lại từ những kẻ chết, để chúng ta được kết quả cho Đức Chúa Trời. Vì khi chúng ta ở trong xác thịt thì sự thôi thúc của tội lỗi, bởi luật pháp, hành động trong các chi thể của chúng ta mà kết quả cho sự chết. Nhưng bây giờ chúng ta đã chết về luật pháp, là điều bắt buộc mình, thì chúng ta được buông tha khỏi luật pháp để chúng ta phục vụ trong sự mới mẻ của tâm thần, chứ không trong sự xưa cũ của văn tự.” (Rô-ma 7:4-6).

“Vì vậy, chớ để ai phán xét anh em về sự ăn hay sự uống, hoặc trong sự dự phần của một ngày lễ, hoặc của một ngày mặt trăng mới, hoặc của những ngày Sa-bát; ấy đều chỉ là bóng của các việc sẽ tới, còn hình thì ở trong Đấng Christ.” (Cô-lô-se 2:16-17).

Thiết tưởng Ga-la-ti 5:4 sẽ giúp làm sáng tỏ vấn đề cho chúng ta:

“Đấng Christ trở thành vô ích cho bất cứ ai trong các anh em cậy luật pháp để được xưng công bình; các anh em bị mất ân điển.”

Phao-lô viết thư quở trách Hội Thánh Ga-la-ti không phải vì họ sống đời sống tốt đẹp, vâng giữ các điều răn của Đức Chúa Trời, nhưng ông quở trách họ vì họ cậy vào việc vâng giữ các điều răn của Chúa để được cứu rỗi! Nội dung chính của thư Ga-la-ti lên án việc nhờ cậy việc làm công đức để được cứu rỗi; nhưng trong đoạn 5, Phao-lô khuyên Hội Thánh Ga-la-ti phải bước theo thánh linh, trừ bỏ các việc làm tội lỗi của xác thịt, nghĩa là phải sống theo điều răn của Đức Chúa Trời.

Phân đoạn Rô-ma 7:4-6 nói đến việc Cơ-đốc nhân được thoát khỏi món nợ đã gây ra đối với luật pháp và điều răn của Đức Chúa Trời, nhưng không có nghĩa là luật pháp và điều răn không còn, vì *“luật pháp là thánh, điều răn cũng là thánh, công bình và tốt lành”* (Rô-ma 7:12). Một người bị luật pháp nhốt tù vì vi phạm luật pháp, khi được trả tự do vì có người khác tình nguyện gánh thay hình phạt, không có nghĩa là người ấy có quyền vi phạm luật pháp. Luật pháp vẫn còn đó, nhưng người ấy không còn bị chế tài bởi luật pháp, vì sự phạm pháp của người ấy đã có người gánh thế. Nếu người ấy lại phạm pháp, thì lập tức sẽ bị luật pháp chế tài. Sự tự do chúng ta có trong Chúa là sự thoát khỏi hình phạt của luật pháp, thoát khỏi sự cảm dỗ phạm tội bởi những điều luật pháp ngăn cấm; và được ban cho thánh linh để

chúng ta có thể vâng giữ điều răn và luật pháp của Đức Chúa Trời.

Cô-lô-se 2:16-17 khuyên Cơ-đốc nhân chớ để cho bất cứ ai phán xét mình về những nghi lễ của Do-thái Giáo, đặc biệt chớ để cho ai phán xét mình về việc giữ những ngày Sa-bát trong bảy kỳ lễ hội của Cựu Ước. Những ngày Sa-bát được nói đến trong câu 16 là những ngày Sa-bát thuộc về lễ nghi (danh từ Sa-bát ở hình thức số nhiều), không phải là ngày Sa-bát cuối tuần. Ngày Sa-bát cuối tuần chỉ về công cuộc sáng tạo của Đức Chúa Trời còn những ngày Sa-bát lễ nghi chỉ về những điều Đấng Christ sẽ làm cho con dân Chúa. Khi Đấng Christ đến thì những ngày Sa-bát lễ nghi đó không cần phải thực hiện nữa nhưng con dân Chúa vẫn phải vâng giữ Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời, bao gồm điều răn thứ tư: *"Hãy nhớ ngày nghỉ để làm nên ngày thánh,"* tức là nhớ và tôn thánh ngày Sa-bát cuối tuần.

Cô-lô-se 2:16-17 không dạy rằng, con dân Chúa không cần giữ ngày Sa-bát Thứ Bảy, nhưng dạy rằng, con dân Chúa giữ ngày Sa-bát Thứ Bảy hay những ngày Sa-bát của bảy kỳ lễ hội là giữ theo đúng ý nghĩa Chúa dạy, chứ không giữ theo lối hình thức và truyền khẩu của người Pha-ri-si. Đức Chúa Jesus là tấm gương sáng cho chúng ta về việc, chớ để bất cứ ai xét đoán chúng ta về việc giữ ngày Sa-bát theo tiêu chuẩn và luật lệ do loài người đặt ra.

Là tín đồ của Đấng Christ, chúng ta không bị ràng buộc phải làm một điều gì đó để được cứu rỗi, ngoại trừ thật lòng ăn năn tội và tiếp nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Một người thật sự ăn năn tội là một người dứt khoát không muốn sống trong tội, không muốn phạm tội. Khi chúng ta thật sự ăn năn tội và tiếp nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời thì Ngài tái sinh chúng ta. Tái sinh có nghĩa là Đức Chúa Trời tái tạo dựng chúng ta thành một tạo vật mới bởi quyền năng của Đức Thánh Linh và ban cho chúng ta thánh linh để chúng ta có thể sống một đời sống mới *"vừa muốn, vừa làm theo ý tốt Ngài,"* bởi sự thêm sức của Ngài. Vì thế, tín đồ của Đấng Christ không vâng giữ điều răn và luật pháp để được cứu rỗi, nhưng vâng giữ điều răn và luật pháp của Chúa vì đó là bản chất của một người được dựng nên mới trong Chúa. Một người chân thật yêu kính Chúa, sống cho Chúa sẽ luôn luôn vâng giữ tất cả những gì học được từ trong Lời Chúa, là Thánh Kinh:

"Vậy, nếu ai ở trong Đấng Christ, thì người ấy là một tạo vật mới; những sự cũ đã qua đi, nay mọi sự đều trở nên mới." (II Cô-rinh-tô 5:17).

"Nhưng bất cứ ai đã nhận Ngài thì Ngài ban cho họ năng quyền, là ban cho những ai cứ tin vào danh Ngài, để họ trở nên con cái của Đức Chúa Trời. Những người ấy được sinh chẳng bởi máu huyết, chẳng bởi ý của xác thịt, chẳng bởi ý người, nhưng bởi Đức Chúa Trời." (Giăng 1:12-13).

"Đức Chúa Jesus đáp rằng: Thật vậy, thật vậy, Ta nói với người: Nếu một người chẳng sinh ra bởi nước và bởi linh, thì không được vào vương quốc của Đức Chúa Trời. Bất cứ điều gì sinh bởi xác thịt là xác thịt; bất cứ điều gì sinh bởi Đấng Thần Linh là thần." (Giăng 3:5-6).

"Vì ấy chính Thiên Chúa cảm động lòng các anh em vừa muốn vừa làm theo ý tốt của Ngài." (Phi-líp 2:13).

"Qua Đấng Christ là Đấng ban thêm sức cho tôi, tôi làm được mọi sự." (Phi-líp 4:13).

Chúng ta không vâng giữ điều răn và luật pháp để được cứu, nhưng chúng ta được cứu để sống theo, để vui thỏa trong điều răn và luật pháp của Đức Chúa Trời. Đó cũng là ý nghĩa của câu phán:

"Đừng tưởng rằng Ta đến để phá bỏ luật pháp hay những lời tiên tri. Ta đến, không

phải để phá bỏ nhưng để làm cho trọn.” (Ma-thi-ơ 5:17).

Thiên Chúa đến thế gian làm người, chịu chết thay cho loài người, cứu loài người ra khỏi sức mạnh và hậu quả của tội lỗi, làm trọn sự hình phạt tội lỗi trên thân thể xác thịt của Ngài. Cùng một lúc, Ngài ban cho những ai ăn năn tội, tin nhận Ngài sức mạnh của Thiên Chúa để họ sống đúng theo các điều răn và luật pháp của Thiên Chúa, làm cho vững bền luật pháp của Thiên Chúa.

Chúng ta cũng cần ghi nhớ là, Tiên Tri Ê-sai và Tiên Tri Ê-xê-chi-ên đã tiên tri trước trong một ngàn năm bình an, ngày Sa-bát và các nghi thức tế lễ sẽ được tái lập. Và, dân sự trên đất, không riêng gì dân I-sơ-ra-ên, sẽ thờ phượng Chúa trong những ngày Sa-bát:

“Đấng Tự Hữu Hằng Hữu phán: Từ ngày trăng mới này đến ngày trăng mới khác, từ ngày Sa-bát nọ đến ngày Sa-bát kia, mọi xác thịt sẽ đến thờ lạy trước mặt Ta.” (Ê-sai 66:23).

“Những ngày Sa-bát và những ngày trăng mới, dân sự của đất sẽ thờ lạy trước mặt Đấng Tự Hữu Hằng Hữu nơi lối vào hiên cửa ấy.” (Ê-xê-chi-ên 46:3).

Ghi Chú

[1] Xuất Ê-díp-tô Ký 16:25; 20:10; Phục Truyền Luật Lệ Ký 5:14; Nê-hê-mi 9:14;

[2] Xuất Ê-díp-tô Ký 31:13; Lê-vi Ký 19:3; Ê-sai 56:4; 58:13; Ê-xê-chi-ên 20:12-13, 16, 20-21, 24; 22:8, 26; 23:38; 44:24.

[3] <http://thanhoc.timhieutinlanh.net/?p=217>

[4] <http://timhieuthanhkinh.net/?p=1457>

[5] <http://thanhoc.timhieutinlanh.net/?p=217>

Điều Răn Thứ Năm Hãy Hiếu Kính Cha Mẹ

Điều răn thứ năm của Đức Chúa Trời là:

“Hãy hiếu kính cha mẹ ngươi, để những ngày của ngươi được dài ra trên vùng đất mà Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu của ngươi ban cho.” (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:12).

Điều răn thứ năm của Đức Chúa Trời được chép trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20:12 và được nhắc lại trong Phục Truyền Luật Lệ Ký 5:16.

Điều răn thứ năm dạy chúng ta phải hiếu kính cha mẹ và là điều răn duy nhất có lời hứa kèm theo.

Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời ban cho nhân loại, là mười mệnh lệnh của Ngài về mối quan hệ giữa loài người với Đức Chúa Trời và giữa loài người với nhau. Trong mỗi quan hệ giữa loài người với Đức Chúa Trời, loài người phải tôn kính Ngài trên hết mọi sự, và thờ phượng chỉ một mình Ngài mà thôi. Trong mỗi quan hệ giữa loài người với nhau, loài người phải tôn trọng và yêu thương lẫn nhau.

Thế gian đã bị băng hoại vì tội lỗi và Thánh Kinh cho biết: *“Lòng người là dối trá hơn mọi vật và rất là xấu xa; ai có thể biết được?”* (Giê-rê-mi 17:9). Vì thế, ngay trong mối quan hệ vô cùng thiêng liêng và huyền nhiệm, mỗi quan hệ giữa cha mẹ và con cái, khởi đầu cho mọi mối quan hệ khác giữa chúng ta và xã hội: tội lỗi cũng đã làm cho vắn đục. Thực tế cho thấy, có nhiều bậc cha mẹ không hề làm tròn thiên chức. Thực tế cho thấy, có nhiều bậc cha mẹ lạm dụng và đối xử ác độc với con cái. Và ngược lại, có nhiều con cái đối xử với cha mẹ cũng độc ác như vậy.

Tuy nhiên, Đức Chúa Trời đã ban hành luật pháp và điều răn của Ngài, để nhắc nhở loài người tiêu chuẩn thánh khiết của Ngài. Trong sáu mệnh lệnh của Đức Chúa Trời về mối quan hệ giữa người với người, mệnh lệnh đầu tiên là: *“Hãy hiếu kính cha mẹ ngươi!”* Có thể nói, nếu chúng ta không làm tròn mệnh lệnh hiếu kính cha mẹ thì không khi nào chúng ta có thể làm tròn các mệnh lệnh còn lại trong mối quan hệ giữa chúng ta và xã hội; bởi vì, chỉ khi nào chúng ta thật sự hiếu kính cha mẹ thì chúng ta mới có thể học biết cách quan hệ đúng với xã hội.

"*Hãy hiếu kính cha mẹ người*" là một mệnh lệnh của Đức Chúa Trời. Điều đó có nghĩa là: hoặc chúng ta tuân theo, hoặc chúng ta chống nghịch. Chúng ta không có sự chọn lựa nào khác và cũng không được phép lý luận. Chúa không phán bảo: "Hãy hiếu kính cha mẹ người **nếu** cha mẹ người làm tròn bổn phận của họ, **nếu** cha mẹ người yêu thương người, **nếu** cha mẹ người cư xử công bình với người, **nếu** cha mẹ người là những người đạo đức, gương mẫu..." Điều kiện duy nhất để chúng ta hiếu kính cha mẹ là vì họ là cha mẹ của chúng ta; và lý do duy nhất để chúng ta hiếu kính cha mẹ là vì đó là ý chỉ của Đức Chúa Trời.

Hiếu kính là thái độ phải có của loài người đối với Đức Chúa Trời, của con cái đối với cha mẹ, và của mỗi người đối với thẩm quyền Đức Chúa Trời đặt để trên mình. Chữ "hiếu kính" trong nguyên tác của Thánh Kinh có nghĩa là tôn trọng và vâng phục. Sự hiếu kính không phải chỉ được bày tỏ bằng lời nói mà còn phải thể hiện bằng việc làm. Đức Chúa Trời đã từng quở trách dân I-sơ-ra-ên và các thầy tế lễ của họ như sau:

"Con trai tôn kính cha mình, đây đó tôn kính chủ mình. Vậy nếu Ta là cha, nào sự tôn kính thuộc về Ta ở đâu? Và nếu Ta là chủ, nào sự kính sợ Ta ở đâu? Đáng Tự Hữu Hằng Hữu Vạn Quân phán như vậy với các người. Hỡi các thầy tế lễ khinh để danh Ta! Các người lại nói rằng: Chúng tôi có khinh để danh Ngài ở đâu?" (Ma-la-chi 1:6).

Hiếu kính cha mẹ là tôn trọng, kính sợ cha mẹ. Sự hiếu kính cha mẹ được thể hiện trước hết là qua thái độ của chúng ta đối với cha mẹ. Đối với những bậc trưởng thượng, Thiên Chúa đã dạy chúng ta tôn trọng họ và có thái độ cung kính đối với họ:

"Trước mặt người tóc bạc, người hãy đứng dậy. Hãy kính người già cả, và kính sợ Thiên Chúa người. Ta là Đáng Tự Hữu Hằng Hữu." (Lê-vi Ký 19:32).

Thái độ tôn trọng và cung kính đó cũng là điều chúng ta phải có đối với cha mẹ. Vì thế, chúng ta không thể cư xử với cha mẹ như ngang hàng với mình, nói chi đến sự thiếu tôn kính, thiếu lễ độ đối với cha mẹ. Chúng ta tôn trọng và cung kính cha mẹ vì họ là cha mẹ của chúng ta chứ không phải vì họ có phẩm chất đạo đức xứng đáng để chúng ta tôn trọng và cung kính. Nhiều người biện minh cho sự thiếu lễ độ của họ đối với cha mẹ bằng cách nêu ra những khuyết điểm hay những lỗi lầm của cha mẹ. Dù cha mẹ chúng ta có bao nhiêu khuyết điểm hay lỗi lầm thì cũng không làm thay đổi sự kiện họ là cha mẹ của chúng ta. Và nếu họ là cha mẹ của chúng ta, thì mệnh lệnh của Đức Chúa Trời ban cho chúng ta là chúng ta phải tôn kính họ.

Hình phạt dành cho những đứa con không tôn trọng và cung kính cha mẹ là sự chết:

"Kẻ nào đánh cha hay mẹ mình, sẽ bị xử tử." (Xuất Ê-díp-tô Ký 21:15).

"Kẻ nào mắng cha hay mẹ mình, sẽ bị xử tử." (Xuất Ê-díp-tô Ký 21:17).

"Khi một người nào chửi cha mắng mẹ mình, thì phải bị xử tử. Nó đã chửi rửa cha mẹ; máu nó sẽ đổ lại trên mình nó." (Lê-vi Ký 20:9).

"Đáng rửa sả thay người nào khinh bỉ cha mẹ mình! Cả dân sự phải đáp: A-men!"
(Phục Truyền Luật Lệ Ký 27:16).

"Ngọn đèn của kẻ rửa cha mẹ mình sẽ tắt giữa vùng tăm tối mờ mịt." (Châm Ngôn 20:20).

Hiếu kính cha mẹ là vâng phục cha mẹ trong Chúa. Nghĩa là chúng ta phải vâng theo mọi ý muốn của cha mẹ nếu ý muốn của cha mẹ không nghịch lại Lời Chúa.

*"Hỡi kẻ làm con cái, hãy **vâng phục** cha mẹ mình **trong Chúa**, vì điều đó là phải lắm."*

(Ê-phê-sô 6:1).

*"Hỡi kẻ làm con, **mọi sự** hãy **vâng phục** cha mẹ mình, vì điều đó đẹp lòng Chúa."*
(Cô-lô-se 3:20).

Vâng phục cha mẹ cũng như vâng phục bất kỳ một thẩm quyền nào Chúa đặt để trên mình không phải là một sự vâng phục mù quáng. Sự vâng phục đó phải được đặt trên nền tảng của Lời Chúa, vì vậy, Phao-lô mới viết rằng: *"Hỡi kẻ làm con cái, hãy **vâng phục** cha mẹ mình **trong Chúa**."* Những câu Thánh Kinh sau đây giới hạn sự vâng phục của chúng ta đối với loài người:

"Phi-e-rơ và các sứ đồ trả lời rằng: Chúng ta thà vâng lời Thiên Chúa hơn là loài người." (Công Vụ Các Sứ Đồ 5:29).

"Còn bây giờ, có phải tôi mong người ta ưng chịu tôi hay là Đức Chúa Trời? Hay là tôi muốn đẹp lòng loài người chăng? Nếu như tôi còn làm cho đẹp lòng loài người, thì tôi chẳng phải là tôi tớ của Đấng Christ." (Ga-la-ti 1:10).

Sự vâng phục đòi hỏi một sự trả giá và nhiều khi cái giá để trả vô cùng to lớn. Thánh Kinh khuyên chúng ta học lấy gương vâng phục của Đấng Christ:

"Hãy có cùng một tâm tình như Đấng Christ Jesus đã có, Ngài vốn ở trong hình thể Thiên Chúa, nhưng chẳng coi sự bình đẳng mình với Thiên Chúa là sự nên nắm giữ; chính Ngài đã tự bỏ mình đi, lấy hình tôi tớ và trở nên ở trong hình dạng loài người; Ngài đã hiện ra như một người, tự hạ mình xuống, vâng phục cho đến chết, thậm chí chết trên cây thập tự." (Phi-líp 2:5-8).

"Kể đó, Ngài theo họ về thành Na-xa-rét và vâng phục họ." (Lu-ca 2:51)

Khi cha mẹ có những ý muốn hoàn toàn trái nghịch lại Lời Chúa, chúng ta được phép không vâng theo những ý muốn sai trái, tội lỗi đó; nhưng không có nghĩa là chúng ta có thể bất kính với họ. Thái độ và lời nói của chúng ta đối với cha mẹ và những bậc có thẩm quyền Chúa đặt để trên mình phải luôn luôn là mềm mại, hòa nhã. Bất cứ một lời nói, một thái độ hỗn hào, vô lễ nào của chúng ta đối với cha mẹ cũng đều là tội chết trước mặt Đức Chúa Trời, mà Ngài đã nhiều lần cảnh cáo trong Thánh Kinh.

Hình phạt dành cho những đứa con không vâng lời cha mẹ là sự chết:

"Khi ai có một đứa con khó dạy và bội nghịch, không nghe theo lời cha mẹ, và mặc dù bị trừng trị, nó vẫn không chịu vâng lời, thì cha mẹ phải bắt nó dẫn đến trước mặt các trưởng lão của thành mình, tại nơi cửa thành. Kể đó, cha mẹ sẽ nói với các trưởng lão của thành mình rằng: Này con chúng tôi khó dạy và bội nghịch, không vâng lời chúng tôi, làm kẻ hoang đàng say sưa. Bây giờ, chúng dân thành ấy sẽ ném đá cho nó chết; như vậy người sẽ cất sự ác khỏi giữa mình, và cả I-sơ-ra-ên sẽ hay điều đó mà bắt sợ." (Phục Truyền Luật Lệ Ký 21:18-21).

Hiếu kính cha mẹ là phụng dưỡng cha mẹ trong khi cha mẹ đau yếu hoặc yếu sức lúc tuổi già, chu cấp các nhu cầu vật chất cho cha mẹ nếu họ thiếu nghèo.

*"Con cháu trước phải học làm điều thảo đối với nhà riêng mình và **báo đáp** cha mẹ; vì điều đó đẹp lòng Đức Chúa Trời."* (I Ti-mô-thê 5:4).

Chữ "báo đáp" trong nguyên tác có nghĩa là "trả món nợ mà mình thiếu". Nhiều người bỏ mặc cha mẹ không chăm sóc, không báo đáp và viện cớ rằng họ đã dâng hiến cho Đức Chúa Trời nên không còn tài vật để nuôi cha mẹ. Đức Chúa Jesus đã lên án thái độ giả hình này:

"Vì Đức Chúa Trời đã truyền điều răn này: Phải hiếu kính cha mẹ người; lại, điều này: Ai mắng nhiếc cha mẹ thì phải chết. Nhưng các người lại nói rằng: Ai nói với cha mẹ rằng: Những điều mà tôi có thể giúp cha mẹ, đã là của dân, thì người ấy không cần phải hiếu kính cha mẹ. Như vậy, các người đã vì lời truyền khẩu mình mà bỏ điều răn của Đức Chúa Trời. Hỡi kẻ giả hình! Ê-sai đã nói tiên tri về các người phải lắm, mà rằng: Dân này lấy môi miệng thờ kính Ta; Nhưng lòng chúng nó xa Ta lắm. Chúng nó thờ lạy Ta cách vô ích, giảng dạy những điều răn của loài người." (Ma-thi-ơ 15:4-9).

Ngày nay, vẫn có nhiều con dân Chúa tự hào dân hiến rời rộng cho Đức Chúa Trời nhưng họ thật sự không màng đến những thiếu thốn vật chất của cha mẹ. Nhiều người thậm chí bắt cha mẹ phải làm việc trong nhà như đày tớ, để đổi lại miếng cơm manh áo mà họ ban bố cho cha mẹ.

Sự hiếu kính cha mẹ không phải chỉ riêng đối với cha mẹ ruột của mình mà còn bao gồm: cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, cha mẹ nuôi, lẫn ông bà hai bên nội ngoại. Vợ chồng trở nên một thịt nên cha mẹ vợ hay cha mẹ chồng cũng là cha mẹ của chúng ta. Cha mẹ nuôi dù không sinh ra chúng ta nhưng có công nuôi dạy chúng ta. Ông bà hai bên nội ngoại là cha mẹ của cha mẹ chúng ta, rất đáng cho chúng ta hiếu kính. Trong trường hợp cha mẹ của chúng ta qua đời sớm, hoặc không có khả năng, thì chúng ta phải hoàn toàn thay thế cho cha mẹ trong vai trò phụng dưỡng ông bà.

Sự hiếu kính cha mẹ, ông bà của chúng ta là tấm gương sáng cho con cháu chúng ta.

"Hãy hiếu kính cha mẹ" là một mệnh lệnh của Đức Chúa Trời. Và, cũng như bao nhiêu mệnh lệnh khác của Đức Chúa Trời, chúng ta không thể nào làm tròn mệnh lệnh này nếu chúng ta không thật sự ở trong Chúa, nếu chúng ta chưa thật sự được tái sinh.

Nếu chúng ta không thể hiếu kính cha mẹ mình thì chắc chắn chúng ta không thể có mối tương quan tốt với những người khác trong xã hội.

Một trong những phương cách vô cùng hữu hiệu để nhìn biết mức độ trưởng thành thuộc linh của một người trong Chúa, đó là quan sát cách thức họ cư xử với cha mẹ và các bậc trưởng thượng. Nếu những người chưa tin Chúa mà có thể hiếu kính cha mẹ và để lại gương sáng cho xã hội như 24 người con hiếu thảo của Trung Quốc [1], thì Cơ-đốc nhân càng phải sáng chói trong sự hiếu kính cha mẹ biết là dường nào!

Ghi Chú

[1] Sách "Nhị Thập Tứ Hiếu." Có thể đọc trên mạng:

<https://gacsach.com/doc-sach-truc-tuyen/25741/nhi-thap-tu-hieu-full-ly-van-phuc.html>

Điều Răn Thứ Sáu Chớ Phạm Tội Giết Người

Điều răn thứ sáu của Đức Chúa Trời là:

"Người chớ phạm tội giết người." (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:13).

Điều răn thứ sáu của Đức Chúa Trời được chép trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20:13 và được nhắc lại trong Phục Truyền Luật Lệ Ký 5:17.

Điều răn thứ sáu dạy chúng ta không được phạm tội giết người. Điều răn này không hề ngăn cấm chúng ta giết kẻ ác để tự vệ, giết kẻ thù trong chiến tranh, hoặc thi hành án tử hình đối với những kẻ phạm tội giết người.

Từ ngữ "giết người" trong nguyên ngữ Hê-bơ-rơ là "ratsach" (H7523) /ra-sác/ [1] có nghĩa chính là "bẻ, đập, đâm, đánh, chà nát một cách hung bạo," và có nghĩa:

- Giết người: vô tình (lỡ tay, gây ra tai nạn chết người) hoặc cố ý (giết để trả thù, giết vì ghen ghét, giết mưu).
● Bạo sát (người hoặc thú), giết một sinh vật cách dã man, hung bạo.

Giết người là một hành động vô cùng nghiêm trọng. Không phải là một sự tình cờ khi nghĩa đen của động từ giết người trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là: đập tan nát thành những mảnh vụn. Một vật đã bị đập tan nát thành những mảnh vụn là một vật đã hoàn toàn bị hủy diệt, không thể phục hồi. Giết người không chỉ đơn giản là hủy diệt sự sống của một người mà còn là hủy diệt hình ảnh của Đức Chúa Trời trong người đó (Sáng Thế Ký 1:27; 9:6).

Phạm tội giết người (trong tiếng Anh là "murder"), còn gọi là "tội cố sát," là giết người có ý thức và không hợp pháp, cho dù là bởi động cơ hay mục đích nào. "Có ý thức" tức là đã suy nghĩ và quyết định về hành động giết người. "Không hợp pháp" có nghĩa là không được luật pháp cho phép; và luật pháp nói đến ở đây tức là luật pháp của Thiên Chúa được ghi chép rõ ràng trong Thánh Kinh, thường khi thể hiện qua luật pháp của các nhà cầm quyền. Như vậy, Thiên Chúa không cho phép chúng ta "giết người có ý thức và không hợp pháp."

Theo luật pháp của Thiên Chúa, có những tội, tức là những hành động vi phạm luật pháp của Ngài, bị lên án tử hình. Như vậy, sự thi hành án tử hình theo luật pháp của Thiên Chúa, hoặc

theo luật pháp của loài người không nghịch với luật pháp của Thiên Chúa, không phải là điều Thiên Chúa ngăn cấm trong điều răn thứ sáu. Xin xem phần phụ lục về “Án Tử Hình Trong Thánh Kinh” ở cuối bài này.

Ngày nay, hầu hết luật pháp của các quốc gia không xử tử những kẻ gian dân, ngoại tình, đồng tính luyến ái, chửi mắng cha mẹ, thờ hình tượng hoặc không giữ ngày Sa-bát, v.v.; nhưng không có nghĩa là luật pháp của Thiên Chúa không còn hiệu lực. Tất cả những ai vi phạm điều răn và luật pháp của Thiên Chúa đều phải gánh lấy án phạt. Tuy nhiên, trong thời kỳ ân điển, là thời kỳ từ khi Đức Chúa Jesus Christ chịu chết trên thập tự giá cho đến cuối cùng của Vương Quốc Ngàn Năm Bình An, Thiên Chúa ban cho mọi tội nhân cơ hội ăn năn tội và tin nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Jesus Christ. Sự cứu rỗi đó bao gồm việc Đức Chúa Jesus Christ gánh thay mọi án phạt của tất cả tội lỗi cho toàn thể nhân loại. Người ăn năn tội và tin nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Jesus Christ sẽ được Thiên Chúa tha tội và xưng là công chính, nghĩa là người ấy không còn chịu án phạt về mọi tội lỗi đã gây ra. Người không ăn năn và tin nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Jesus Christ sẽ bị chính Đức Chúa Jesus Christ phán xét và định tội, rồi người ấy sẽ chịu hình phạt đời đời trong hỏa ngục (Khải Huyền 20:11-15).

Ngoài hành động cố ý giết người còn có những hành động vô ý giết người gọi là “ngộ sát” như việc không cẩn thận hoặc làm lẫn khiến xảy ra tai nạn làm chết người. Những hành động ngộ sát không thuộc về sự phạm tội giết người mà Thiên Chúa nghiêm cấm trong điều răn thứ sáu. Lại có những hành động cố ý đánh người nhưng lỡ tay làm chết người gọi là “cố ý đã thương, nhân thương trí mạng,” tức là: cố ý đánh cho người ta bị thương nhưng người bị thương lại bị chết. Tất cả những hành động cố ý đã thương gây chết người đều bị kể là phạm tội giết người. Hai trường hợp ngộ sát và cố ý đã thương gây chết người đều được đề cập cách rõ ràng trong Dân Số Ký 35:13-29:

13 Vậy, trong những thành các người nhường cho, sẽ có sáu thành ẩn náu cho các người.

14 Các người phải chỉ ba thành phía bên kia sông Giô-đanh, và lập ba thành khác trong xứ Ca-na-an; ấy sẽ là những thành ẩn náu.

15 Sáu thành này sẽ dùng làm chỗ ẩn náu cho dân I-sơ-ra-ên, luôn cho khách ngoại bang và kẻ nào kiêu ngạo ở trong dân đó, để ai vì vô ý đánh chết một người có thể chạy ẩn mình tại đó.

16 Nhưng nếu người ấy đánh bằng đồ sắt, và người bị đánh chết đi, ấy là một kẻ sát nhân; kẻ sát nhân hẳn phải bị xử tử.

17 Nếu người đánh bằng một cục đá cầm nơi tay có thể làm chết, và người bị đánh chết đi, ấy là một kẻ sát nhân; kẻ sát nhân hẳn phải bị xử tử.

18 Cũng vậy, nếu người đánh bằng đồ cây cầm nơi tay có thể làm chết, và người bị đánh chết đi, ấy là một kẻ sát nhân; kẻ sát nhân hẳn phải bị xử tử.

19 Ấy là kẻ báo thù máu sẽ làm cho kẻ sát nhân phải chết; khi nào kẻ báo thù máu gặp kẻ sát nhân thì phải làm cho nó chết đi.

20 Nếu một người nào vì lòng ganh ghét xô lấn một người khác, hay là cố ý liệng vật gì trên mình nó, và vì cơ đó nó bị chết;

21 hoặc vì sự thù đánh bằng bàn tay, và vì cơ đó nó bị chết, thì người nào đánh đó hẳn phải bị xử tử. Ấy là một kẻ sát nhân; người báo thù máu khi nào gặp kẻ sát nhân

phải làm cho nó chết đi.

22 Nếu vì tình cờ, vẫn hòa thuận nhau, mà người có lẩn xỏ, hoặc liệng vật gì trên mình người kia,

23 hoặc nếu không phải thù nghịch chẳng có ý làm hại, lại không thấy mà làm rớt một cục đá trên mình người kia, có thể làm chết được, và nếu người chết đi,

24 thì cứ theo luật lệ này, hội chúng phải xử đoán cho kẻ đã đánh và kẻ báo thù máu:

25 hội chúng sẽ giải cứu kẻ sát nhân khỏi tay người báo thù máu, và bảo người trở về thành ả náu, là nơi người đã chạy ản mình; và người phải ở đó cho đến chừng nào thầy tế lễ thượng phẩm đã được xúc dầu thánh qua đời.

26 Nhưng nếu kẻ sát nhân đi ra ngoài giới hạn của thành ả náu, là nơi người đã chạy ản mình,

27 và nếu kẻ báo thù máu gặp, giết người ở ngoài giới hạn thành ả náu, thì kẻ báo thù máu sẽ không mắc tội sát nhân.

28 Vì kẻ sát nhân phải ở trong thành ả náu cho đến chừng nào thầy tế lễ thượng phẩm qua đời, kẻ sát nhân sẽ được trở về trong sản nghiệp mình.

29 Bất luận các người ở nơi nào, điều này phải dùng làm một luật lệ phán xét cho các người trải qua các đời.

Trong lịch sử loài người, có những lúc Thiên Chúa dùng dân tộc này để trừng phạt hoặc tiêu diệt một dân tộc khác qua hình thức chiến tranh, vì cố tội lỗi của dân tộc bị diệt đó đã vượt quá sự cho phép của Thiên Chúa. Những sự tàn sát đôi khi có tính cách diệt chủng đó không phải là điều Thiên Chúa ngăn cấm trong điều răn thứ sáu. Điển hình là việc Thiên Chúa ra lệnh cho dân I-sơ-ra-ên tiêu diệt các dân tộc của xứ Ca-na-an:

“Nhưng trong các thành của những dân tộc này, mà Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu người ban cho người làm sản nghiệp, thì chớ để sống một vật nào biết thờ; hãy tận diệt dân Hê-tít, dân A-mô-rít, dân Ca-na-an, dân Phê-rê-sít, dân Hê-vít, dân Giê-bu-sít, y như Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu người đã phán dặn, để chúng nó không dạy các người bắt chước làm theo những sự gớm ghiếc chúng nó đã làm, để cúng thờ các thần chúng nó, e các người phạm tội cùng Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu các người chẳng.” (Phục Truyền Luật lệ Ký 20:16-18).

“Vây, dân sự la lên, và những thầy tế lễ thổi kèn. Vừa khi dân sự nghe tiếng kèn, la lớn lên, và vách thành liền ngã sập, dân sự leo lên thành, mỗi người ngay trước mặt mình. Chúng lấy thành, đưa gươm qua diệt mọi vật ở trong thành, nào nam phụ lão ấu, cho đến bò, chiên, và lừa.” (Giô-suê 6:20-21).

Ngày nay, loài người lên án một cách gắt gao những cuộc chiến tranh diệt chủng đó. Tuy nhiên, đối với Thiên Chúa, đó là cách thức công chính của Ngài để chấm dứt sự phạm tội của những dân tộc bị diệt, đồng thời bảo vệ con dân của Ngài không bị tiêm nhiễm nếp sống tội của các dân tộc bị diệt. Mục đích của sự tiêu diệt các dân tộc của xứ Ca-na-an được Thiên Chúa công bố rất rõ ràng cho dân I-sơ-ra-ên (Phục Truyền Luật lệ Ký 20:18).

Tuy nhiên, dân I-sơ-ra-ên đã không hoàn toàn vâng phục mệnh lệnh của Chúa. Dân I-sơ-ra-ên đã để cho dân Hê-vít của thành Ga-ba-ôn lừa gạt, kết ước với họ nên không thể tiêu diệt họ (Giô-suê 9); chi phái Giu-đa và chi phái Bên-gia-min đã không tiêu diệt dân Giê-bu-sít (Giô-suê 15:63; Các Quan Xét 1:21); chi phái Ép-ra-im, chi phái Ma-na-se, chi phái Sa-bu-lôn,

chi phái A-se, và chi phái Nép-ta-li đã không tiêu diệt dân Ca-na-an (Giô-suê 16:10; 17:12; Các Quan Xét 1:27-33); chi phái Đan và nhà Giô-sép đã không tiêu diệt dân A-mô-rít (Các Quan Xét 1:34-36). Vì thế, theo dòng thời gian, nền văn hóa sống luông tuông theo ham muốn của sắc dục và thờ lạy tà thần của các dân tộc xứ Ca-na-an đã tiêm nhiễm vào nếp sống của dân I-sơ-ra-ên, khiến cho dân I-sơ-ra-ên phạm tội và bị Thiên Chúa dùng các dân tộc A-si-ri và Ba-by-lôn chinh phạt họ. Chưa đầy 700 năm sau khi dân I-sơ-ra-ên đặt chân vào đất hứa, Vương Quốc I-sơ-ra-ên ở phía bắc, bao gồm mười chi phái, bị dân A-si-ri tiêu diệt vào năm 722 TCN; và thêm 135 năm nữa thì Vương Quốc Giu-đa ở phía nam, bao gồm hai chi phái còn sót lại, bị dân Ba-by-lôn tiêu diệt vào năm 587 TCN [2].

Ngày nay, nhiều quốc gia trên thế giới có án tử hình dành cho tội giết người, và như vậy, luật pháp của Thiên Chúa đã được thể hiện qua luật pháp của loài người. Tuy nhiên, có nhiều tổ chức giáo hội mang danh Chúa đã biểu tình chống đối việc thi hành án tử hình, dù là can phạm đã phạm tội giết người hàng loạt. Lý do được họ đưa ra là: "Thiên Chúa cấm giết người!" Đây rõ ràng là sự hiểu sai Lời Chúa. Như đã trưng dẫn trên đây, chính Lời Chúa đã lên án tử hình rất nhiều tội khác nhau. Người ta lý luận rằng, trong thời Tân Ước Đức Chúa Jesus Christ đã chết thế cho mọi người kể cả những người phạm tội giết người hàng loạt, vì thế, không ai có quyền kết án tử hình những kẻ sát nhân. Lý luận như thế có khác nào nói rằng vì Đức Chúa Jesus Christ đã chết chuộc tội cho nhân loại, cho nên, kẻ phạm tội không còn bị hình phạt. Lý luận như thế là không hiểu được ý nghĩa sự chết chuộc tội của Đức Chúa Jesus Christ.

- Sự chết chuộc tội của Đức Chúa Jesus Christ chỉ có hiệu lực cứu một người ra khỏi sự đoán phạt của Thiên Chúa về tất cả những tội lỗi của người ấy, nếu người ấy thật lòng ăn năn tội và tin nhận sự chết chuộc tội của Đức Chúa Jesus Christ.
- Sự chết chuộc tội của Đức Chúa Jesus Christ không giải trừ người có tội ra khỏi trách nhiệm hình sự trong xã hội; nghĩa là, người có tội vẫn phải bồi thường những thiệt hại mình đã gây ra cho người bị hại và phải gánh lấy hình phạt theo luật định của thế gian.
- Dầu chúng ta ăn năn tội và tin nhận sự cứu rỗi của Chúa nhưng thân thể vật chất của chúng ta vẫn phải tiếp tục gánh lấy hậu quả của tội lỗi: bệnh tật, đau đớn, già yếu rồi chết đi cho đến ngày Chúa biến hóa nó hoặc phục sinh nó từ cõi chết. Vì thế, đối với tất cả tội lỗi chúng ta gây ra, dù chúng ta có ăn năn hay không, thì thân thể thịt và huyết này vẫn phải gánh lấy hậu quả, kể cả sự bị tù đày và tử hình theo luật định.

Một người sau khi phạm tội chết, nếu ăn năn tội và tin nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Jesus Christ thì người ấy hoàn toàn được sự tha thứ của Đức Chúa Trời, nhưng về mặt xã hội người ấy vẫn phải gánh lấy hậu quả và trách nhiệm việc làm của mình theo luật định. Dĩ nhiên, nếu nạn nhân, gia đình của nạn nhân, và nhà cầm quyền đều đồng ý tha thứ kẻ có tội thì kẻ ấy hoàn toàn được giải trừ mọi trách nhiệm. Là con dân của Chúa chúng ta có bổn phận và trách nhiệm bênh vực, bảo vệ người bị hại, tố cáo kẻ phạm pháp trước pháp luật theo luật định để giúp nhà cầm quyền làm tròn thiên chức. Nếu chúng ta là người bị hại thì sau khi phạm nhân bị kết án theo luật định để công lý được sáng tỏ, chúng ta nên tha thứ cho phạm nhân và xin nhà cầm quyền miễn thi hành án phạt.

Thánh Kinh Tân Ước khẳng định, những kẻ làm dữ phải bị nhà cầm quyền hình phạt:

“Những người cai trị không phải để cho người làm lành sợ, mà để cho người làm dữ sợ. Người muốn không sợ thẩm quyền chăng? Hãy làm điều lành, sẽ được khen thưởng; vì người là chức việc của Thiên Chúa để làm ích cho người. Nhưng nếu người

làm ác, thì hãy sợ, vì người cảm gương chẳng phải là vô có; người là chức việc của Thiên Chúa để làm ra sự công bình và phạt kẻ làm dữ.” (Rô-ma 13:3-4).

Thánh Kinh ghi rõ án tử hình đến từ Đức Chúa Trời cho nên tất cả những án tử hình dựa trên nguyên tắc xử phạt của Thánh Kinh là công chính và cần thiết để trị an xã hội. Con dân Chúa không nên phản đối án tử hình nếu án đó không vi phạm nguyên tắc của Thánh Kinh.

Mặt khác, ngoài việc bày tỏ sự công chính của Thiên Chúa, sự hình phạt kẻ phạm tội còn có hai mục đích thực tế: (1) cất sự gian ác khỏi xã hội, và (2) làm gương cho những người khác, khiến cho họ sợ mà không phạm tội (Phục Truyền Luật Lệ Ký 21:18-21).

Một hình thức phạm tội giết người rất phổ biến trong thời đại của chúng ta là sự phá thai. Phá thai là hành động giết chết trẻ con còn ở trong lòng mẹ. Lịch sử phá thai lâu đời nhất được ghi lại là từ năm 1550 TCN tại Ai-cập. Trung Quốc có văn kiện ghi chép sự phá thai của các quý phi từ năm 515 đến 550 TCN. Theo thần thoại của Trung Quốc thì gần 5000 năm trước Vua Thần Nông đã dạy cho dân cách dùng thủy ngân để phá thai [3]. Hầu như dân tộc nào cũng cảm biết rằng phá thai là một hành động vô đạo đức, là giết người. Nếu vì một lý do nào khiến cho một người chọn sự phá thai thì người ấy sẽ cố gắng làm trong sự kín đáo. Trải qua các thời đại cho đến đầu thế kỷ 18, việc phá thai vẫn xảy ra khắp nơi mà không có một quốc gia nào ra luật ngăn cấm. Năm 1803, Anh Quốc là quốc gia đầu tiên ra luật cấm phá thai, kế tiếp là các tiểu bang của Hoa Kỳ lần lượt đặt sự phá thai ra ngoài vòng pháp luật. Đến năm 1880 thì hầu như mọi sự phá thai đều bị ngăn cấm tại Hoa Kỳ, ngoại trừ trường hợp cần phải cứu lấy tính mạng của người mẹ. Dầu vậy, vào thập niên 1890 thì các bác sĩ ước tính mỗi năm có khoảng hai triệu trường hợp phá thai xảy ra tại Hoa Kỳ. Đến ngày 22, tháng Một, năm 1973, Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ ban hành luật cho phép phá thai, theo đó, một người mẹ có toàn quyền phá thai vì bất kỳ lý do nào nếu bào thai không quá ba tháng tuổi; nếu bào thai trên ba tháng tuổi thì mỗi tiểu bang có những luật riêng quy định về quyền phá thai [4]. Riêng tại Việt Nam, phụ nữ có toàn quyền phá thai vì bất cứ lý do nào trong bất kỳ thời điểm nào. Theo thống kê, trong năm 2011 có khoảng 42 triệu cuộc phá thai xảy ra trên thế giới, trong đó, có khoảng 47 ngàn phụ nữ đã chết vì phá thai [5]. Ngày nay, có những giáo hội mang danh Chúa ủng hộ cho sự phá thai, dưới đây là danh sách [6]:

- Giáo Hội Liên Hiệp Hội Thánh Đấng Christ (The United Church of Christ): ủng hộ mạnh mẽ quyền được phá thai của phụ nữ.
- Giáo Hội Giám Nhiệm (The Episcopal Church): ủng hộ quyền được phá thai của phụ nữ.
- Giáo Hội Tin Lành Lutheran tại Mỹ (Evangelical Lutheran Church of America): ủng hộ việc phá thai để cứu sống người mẹ, phá thai vì bị hiếp dâm, phá thai vì kết quả của loạn luân, phá thai vì thai nhi không bình thường.
- Giáo Hội Liên Hiệp Giám Lý (The United Methodist Church): ủng hộ việc phá thai để cứu sống người mẹ.
- Giáo Hội Trưởng Lão Hoa Kỳ (The Presbyterian Church - USA): ủng hộ việc phá thai để cứu sống người mẹ.
- Giáo Hội Liên Hiệp Trưởng Lão (The United Presbyterian Church): ủng hộ việc phá thai để cứu sống người mẹ.
- Giáo Hội Báp-tít Mỹ (The American Baptist Churches USA): ủng hộ việc phá thai để cứu sống người mẹ.

- Giáo Hội Báp-tít Nam Phương (Southern Baptist Convention): ủng hộ việc phá thai để cứu sống người mẹ.

Thi Thiên 139:13 chép: *"Vì chính Chúa nắn nên tâm thần tôi, dệt thành tôi trong lòng mẹ tôi."*
 Thi Thiên 139:16 chép: *"Mắt Chúa đã thấy thể chất vô hình của tôi; Số các ngày định cho tôi, đã biên vào sổ Chúa trước khi chưa có một ngày trong các ngày ấy."* Hai câu Thánh Kinh này cho chúng ta thấy việc thai dục hài nhi trong lòng mẹ là việc làm của Thiên Chúa; tuổi thọ của mỗi người do Thiên Chúa định trước. Như vậy, ai có thẩm quyền phá hủy việc làm của Thiên Chúa và tiêu diệt sự sống đến từ nơi Ngài? Ai có thẩm quyền cắt đi mạng sống của thai nhi để cứu lấy mạng sống của người mẹ? Đối với chúng ta là con dân Thiên Chúa, trong hoàn cảnh khó khăn, nguy hiểm, chúng ta chỉ hoàn toàn phó thác sự sống và sự chết của mình trong bàn tay của Thiên Chúa. Thiên Chúa toàn năng có thể bảo vệ mạng sống của bất cứ ai nếu đó là thánh ý của Ngài. Nhưng nếu thánh ý của Thiên Chúa muốn cắt đi mạng sống của chúng ta qua nghịch cảnh, thì chúng ta không thể nào chọn bảo vệ sự sống của mình bằng cách tiêu diệt sự sống của người khác.

Đối với các trường hợp bị hiếp dâm, loạn luân hay thai nhi bị khuyết tật, chúng ta cũng phó thác cảnh ngộ ấy trong bàn tay của Thiên Chúa. Đành rằng trong các trường hợp như vậy bào thai là kết quả của tội lỗi, nhưng nếu Chúa đã cho phép tội lỗi và hậu quả của tội lỗi xảy ra thì sự hình thành của một thai nhi trong lòng mẹ vẫn là điều đến từ Thiên Chúa: Ngài dệt nên thai nhi trong lòng mẹ, nắn nên tâm thần của nó để nó có thể tương giao với Ngài, Ngài định tuổi thọ của nó và ghi vào trong sổ của Ngài. Nếu Chúa muốn thì Ngài sẽ cắt đi mạng sống của đứa bé như Ngài đã từng làm đối với đứa con ngoại tình của Vua Đa-vít và Bát-sê-ba (II Sa-mu-ên 12:15-18). Nếu Ngài cho phép thai nhi được sống và sinh ra thì chúng ta có bổn phận nuôi dưỡng và dạy dỗ con trong ân điển của Ngài. Lời Chúa dạy chúng ta:

"Vậy, anh em hoặc ăn, hoặc uống, hay là làm sự gì khác, hãy vì sự vinh quang của Thiên Chúa mà làm." (I Cô-rinh-tô 10:31).

Phá thai không thể nào là một việc làm vì sự vinh quang của Thiên Chúa. Phá thai vì bất cứ lý do nào cũng là hành động phạm tội giết người, vi phạm điều răn của Thiên Chúa. Những ai từng phá thai hoặc giúp đỡ, xúi dục người khác phá thai thì cần phải ăn năn và xưng tội với Chúa để được Chúa tha thứ.

Tự tử hay tự sát tức là tự mình giết mình, trong hầu hết các trường hợp cũng là một hình thức phạm tội giết người. Phần lớn những trường hợp tự sát xảy ra là vì: đau khổ, thất vọng, tủi nhục, trốn tránh trách nhiệm hoặc bị tra tấn, áp bức quá sức chịu đựng. Bên cạnh đó, có những trường hợp tự sát là vì bị mất trí, bị ảnh hưởng của rượu, của các chất ma túy hoặc của tà linh. Lại có những trường hợp giết người rồi tự sát vì ghen tương hay thù hận, tự sát để giết người khác như những phi công cảm tử Nhật thời Đệ Nhị Thế Chiến hay các tay khủng bố Hồi Giáo thời nay. Tự sát như thế nào là phạm tội giết người? Chúng ta đã có định nghĩa: "Phạm tội giết người" là giết người có ý thức và không hợp pháp cho dù là bởi động cơ hay mục đích nào. Trong trường hợp tự sát của Sứ Đồ Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, chúng ta nhận thấy: (1) Giu-đa tự sát vì ăn năn. (2) Giu-đa có ý thức trong việc tự sát. (3) Việc tự sát của Giu-đa được xem là hành động lên án và thi hành án về tội giết người của ông. Vì thế, chúng ta có thể kết luận Giu-đa không phạm tội giết người khi ông tự sát. Tuy nhiên, Giu-đa trở thành đứa con của sự hư mất vì ông đã không tiếp nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Jesus Christ. Trường hợp tự sát hay giết chết người khác của những người bị mất trí cũng không thuộc về sự phạm tội giết người. Vì sự tự sát hay giết người đó không có ý thức.

Sau cùng, một hình thức giết người trong phương diện tinh thần là sự ghét anh chị em cùng

đức tin trong Chúa. I Giăng 3:15 chép:

“Ai ghét anh em mình, là kẻ giết người. Các con biết rằng chẳng một kẻ nào giết người mà có sự sống đời đời ở trong mình.”

Trước hết, chúng ta cần chú ý là câu Thánh Kinh này nói đến sự "ghét anh em mình." Thánh Kinh dùng từ ngữ "anh em" để nói đến tình anh em trong Chúa, khác với từ ngữ "người lân cận" để chỉ tất cả những người mà chúng ta gặp gỡ trong thế gian. Nói như thế không có nghĩa Chúa cho phép chúng ta "ghét" người ngoài Chúa, bởi vì chính Chúa dạy chúng ta phải yêu những kẻ thù của mình. Lòng ghét dẫn đến tư tưởng giết người như trường hợp Ca-in ghét rồi giết A-bên. Đối với Chúa, có tư tưởng giết người tức là phạm tội giết người. Lời Chúa phán được ghi lại trong Ma-thi-ơ 15:19, như sau:

“Vi từ nơi lòng mà ra những ác tưởng, những tội giết người, ngoại tình, tà dâm, trộm cướp, làm chứng dối, và phạm thượng.”

Câu *“Các con biết rằng chẳng một kẻ nào giết người mà có sự sống đời đời ở trong mình,”* không có nghĩa vì giết người mà kẻ sát nhân không có sự sống đời đời, nhưng có nghĩa là: vì không có sự sống đời đời ở trong mình cho nên một người mới có thể phạm tội giết người. Sự sống đời đời chính là Đức Chúa Jesus Christ, từ đó, chúng ta suy ra, bất cứ ai ghét anh em mình thì người đó chưa hề có Chúa, chưa hề có sự sống đời đời ở trong người đó, cho dù họ tự xưng là con dân Chúa. Thế nào là ghét anh em mình? Nếu chúng ta không yêu anh em mình bằng tình yêu thiên thượng, tức là không nhịn nhục, không nhân từ, không tha thứ, không tin tưởng, không nín chịu anh em mình thì chúng ta là kẻ ghét anh em mình (I Cô-rinh-tô 13:4-7).

Bạo sát là hành động giết chết một cách hung bạo, độc ác. Những sự tra tấn, hành hạ một người hay một con thú cho đến chết đều là bạo sát. Sự bạo sát có thể tránh được như khi thi hành án tử hình một phạm nhân hoặc khi giết chết súc vật để ăn thịt, thì chúng ta cần phải tránh. Sự bạo sát xảy ra trong chiến tranh là điều khó tránh được vì tự bản chất của chiến tranh đã là hung bạo, độc ác. Là con dân Chúa nếu ở trong vai trò của một lính chiến, dù chúng ta buộc phải tiêu diệt kẻ thù để bảo vệ chính mình, bảo vệ đồng đội và an ninh quốc gia, chúng ta cần giảm thiểu sự hung bạo và độc ác trong khả năng và thẩm quyền của mình. Thánh Kinh không hề khuyên một người tin Chúa phải rời khỏi quân đội. Khi những người lính La-mã nghe Giăng Báp-tít rao giảng, họ hỏi ông họ phải làm gì, thì Giăng Báp-tít đã trả lời:

“Quân lính cũng hỏi rằng: Còn chúng tôi phải làm gì? Người nói rằng: Đừng hà hiếp, đừng lừa dối ai hết, nhưng hãy bằng lòng về lương hưởng mình.” (Lu-ca 3:14).

Giăng Báp-tít không hề bảo họ phải ra khỏi quân đội hay đừng tham dự tác chiến.

Trong thế giới của chúng ta, sinh vật là những vật có sự sống, bao gồm: người, thú, chim, cá, côn trùng, và các loài thực vật. Chúng ta đã biết Thiên Chúa nghiêm cấm việc phạm tội giết người cho nên chúng ta không thể tùy ý giết người. Thiên Chúa cho phép chúng ta được ăn thịt các loài thú, các loài chim, các loài cá, và các loài thực vật, vì thế, việc giết thịt và thu hoạch rau quả làm thực phẩm là điều đương nhiên không nghịch lại luật pháp:

“Thiên Chúa lại phán rằng: Nay, Ta đã ban cho các người mọi thứ cỏ kết hạt mọc khắp mặt đất, và mọi loài cây sinh quả có hạt giống; ấy sẽ là thức ăn cho các người.” (Sáng Thế Ký 1:29).

“Các loài vật ở trên đất, các loài chim trời, và các vật hành động trên đất, cùng các cá

biển, đều sẽ khiếp sợ người và bị trao vào tay người. Bất cứ vật gì hành động và có sự sống thì dùng làm đồ ăn cho các người. Ta cho mọi vật đó như Ta đã cho thú cỏ xanh.” (Sáng Thế Ký 9:2-3).

“Mọi vật Thiên Chúa đã dựng nên đều là tốt lành cả, không một vật gì đáng bỏ, miễn là mình cảm tạ mà ăn lấy thì được; vì nhờ Lời Thiên Chúa và lời cầu nguyện mà vật đó được nên thánh.” (I Ti-mô-thê 4:4-5).

Tuy nhiên, chúng ta cần phải tránh những việc gây thương tích và giết chóc các sinh vật chỉ có tính cách mua vui, giải trí hoặc chỉ nhằm phục vụ cho bất cứ điều gì không phải là nhu cầu trong cuộc sống. Thí dụ: việc săn bắn hổ, báo chỉ nhằm mục đích lấy da làm thảm trang trí nội thất, việc săn bắn voi để lấy ngà dùng cho các việc mỹ nghệ, v.v., là những việc con dân Chúa không nên dự phần, kể cả việc mua bán các sản phẩm đó. Lời Chúa phán:

“Hai con chim sẽ chẳng từng bị bán một đồng tiền sao? Và nếu không theo ý muốn Cha các người, thì không hề một con nào rơi xuống đất.” (Ma-thi-ơ 10:29).

Lời ấy hàm ý: sự sống của mọi loài sinh vật nằm trong bàn tay của Thiên Chúa, chúng ta không được phép giết một sinh vật nào trừ khi trong hoàn cảnh cần thực phẩm, y dược, và tự vệ. Trái lại, chúng ta cần chăm sóc, bảo vệ, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của muôn loài vạn vật mà Thiên Chúa đã giao cho chúng ta quyền quản trị. Nếu có ai cố ý bạo sát và lạm sát thì Thiên Chúa vẫn có thể cho phép sự phạm tội xảy ra, nhưng người ấy sẽ phải trả lời trước Thiên Chúa về tội lỗi của người ấy trong ngày phán xét.

Ý nghĩa chính của điều răn thứ sáu: *“Người chớ phạm tội giết người,”* là Thiên Chúa nghiêm cấm chúng ta giết người một cách có ý thức và nghịch lại Thánh Kinh cho dù là bởi động cơ hay mục đích nào, bao gồm các hành động phá thai và một số trường hợp tự sát. Án tử hình do các nhà cầm quyền đặt ra nếu không nghịch lại luật pháp của Thiên Chúa thì không bị chi phối bởi điều răn thứ sáu. Tội giết người không giới hạn trong hành động lấy đi mạng sống của một người mà còn bao gồm sự ghét một người. Sự ghét dẫn đến tư tưởng và hành động phạm tội giết người, như trường hợp tức giận ra tay đánh người rồi lỡ tay gây chết người, dù trước đó không có ý giết người. Đối với Thiên Chúa, phạm tội trong tư tưởng, trong lời nói hoặc trong hành động đều là có tội và sẽ bị hình phạt. Ngoài ra, con dân chân thật của Chúa không bạo sát và lạm sát. Điều răn thứ sáu truyền cho mọi người phải tôn trọng mạng sống đến từ Thiên Chúa, nhất là mạng sống của một người, bởi vì loài người được dựng nên theo hình ảnh của Thiên Chúa.

Ghi Chú

- [1] <https://www.blueletterbible.org/lang/lexicon/lexicon.cfm?Strongs=H7523>
- [2] <http://thanhoc.timhieutinlanh.net/?p=49>
- [3] http://en.wikipedia.org/wiki/History_of_abortion#Prehistory_to_5th_century
- [4] <http://www.feminist.com/resources/ourbodies/abortion.html>
- [5] <http://www.prb.org/pdf11/abortion-facts-and-figures-2011.pdf>
- [6] http://en.wikipedia.org/wiki/Christianity_and_abortion

Phụ Lục: Án Tử Hình Trong Thánh Kinh

Dưới đây là những câu Thánh Kinh nói đến các tội bị Thiên Chúa lên án chết:

Vi phạm nơi thánh: “Người hãy phân định giới hạn cho dân sự ở chung quanh núi, và dặn rằng: Hãy giữ mình đừng leo lên núi, hoặc đứng đến chân; bất cứ kẻ nào đứng đến thì sẽ bị xử tử.” (Xuất Ê-díp-tô Ký 19:12). “Khi nào Đền Tạm dời chỗ, thì người Lê-vi sẽ tháo dỡ nó; khi nào Đền Tạm dừng lại, thì họ sẽ dựng nó lên; còn người ngoại đến gần sẽ bị xử tử.” (Dân Số Ký 1:51). “Vậy, người sẽ lập A-rôn và các con trai người, để làm chức tế lễ; người ngoại đến gần sẽ bị xử tử.” (Dân Số Ký 3:10). “Những người đóng trại trước Đền Tạm về phía đông, tức trước hội mạc về phía mặt trời mọc, là Môi-se, A-rôn và các con trai người, có chức phận săn sóc nơi thánh thế cho dân I-sơ-ra-ên. Người ngoại đến gần sẽ bị xử tử.” (Dân Số Ký 3:38). “Nhưng người và các con trai người phải kỹ lưỡng lo cho xong chức tế lễ, quản trị các điều gì thuộc về bàn thờ, và vật gì ở phía trong màn; các người phải làm việc mình tại đó. Chức tế lễ của các người là một việc Ta phong cho như một cửa ban: người ngoại nào đến gần sẽ bị xử tử.” (Dân Số Ký 18:7).

Đánh chết người, giết người: “Kẻ nào đánh chết một người, sẽ bị xử tử.” (Xuất Ê-díp-tô Ký 21:12). “Kẻ nào đánh chết một người nào, mặc dù kẻ đó là ai, sẽ bị xử tử.” (Lê-vi Ký 24:17). “Kẻ nào làm chết một súc vật, thì sẽ thường lại; còn kẻ nào giết chết một người, thì phải bị xử tử.” (Lê-vi Ký 24:21).

Đánh cha hay mẹ: “Kẻ nào đánh cha hay mẹ mình, sẽ bị xử tử.” (Xuất Ê-díp-tô Ký 21:15).

Bắt cóc, bán người: “Kẻ nào bắt người và bán, hoặc giữ lại trong tay mình, sẽ bị xử tử.” (Xuất Ê-díp-tô Ký 21:16). “Khi người ta gặp ai có bắt cóc một người anh em mình trong dân I-sơ-ra-ên, và đã bắt làm mọi hay là đã bán người, thì tên trộm ấy phải bị xử tử; người sẽ trừ sự ác khỏi giữa mình vậy.” (Phục Truyền Luật Lệ Ký 24:7).

Hỗn láo với cha mẹ: “Kẻ nào nói hỗn cha hay mẹ mình, sẽ bị xử tử.” (Xuất Ê-díp-tô Ký 21:17). “Khi một người nào chửi cha mắng mẹ mình, thì phải bị xử tử. Nó đã chửi rủa cha mẹ; máu nó sẽ đổ lại trên mình nó.” (Lê-vi Ký 20:9).

Bỏ qua sự hung dữ của gia súc khiến xảy ra chết người: “Nếu có một con bò húc nhằm một người đàn ông hay đàn bà phải chết đi, con bò sẽ bị ném đá chết, người ta không nên ăn thịt nó; còn người chủ bò sẽ được vô tội. Nhưng nếu từ trước con bò có tật hay húc và chủ đã bị mắng vốn mà không cầm giữ, nếu bò này còn giết một người

đàn ông hay đàn bà, thì nó sẽ bị ném đá, và chủ sẽ bị xử tử nữa.” (Xuất Ê-díp-tô Ký 21:28-29).

Phạm tà dâm với thú vật: “Kẻ nào nằm cùng một con vật sẽ bị xử tử.” (Xuất Ê-díp-tô Ký 22:19). “Nếu một người nam cấu hiệp cùng thú vật, thì hẳn phải bị xử tử, và các người hãy giết thú đó đi. Nếu một người nữ lại gần một con thú để cấu hiệp cùng nó, người hãy giết người nữ và con thú đó đi; máu nó sẽ đổ lại trên mình nó.” (Lê-vi Ký 20:15-16).

Phạm ngày Sa-bát: “Vậy, hãy giữ ngày Sa-bát, vì là một ngày thánh cho các người. Kẻ nào phạm đến ngày đó, phải bị xử tử; kẻ nào làm một việc gì trong ngày đó, cũng sẽ bị truất khỏi vòng dân sự. Người ta sẽ làm công việc trong sáu ngày, nhưng qua ngày thứ bảy là Sa-bát, tức là Lễ Nghỉ, biệt riêng ra thánh cho Đấng TỰ HỮU HẰNG HỮU. Trong ngày Sa-bát bất cứ ai làm một việc gì sẽ bị xử tử.” (Xuất Ê-díp-tô Ký 31:14-15). “Người ta sẽ làm công việc trong sáu ngày, nhưng đến ngày thứ bảy sẽ là một lễ thánh, tức là ngày Sa-bát của Lễ Nghỉ cho Đấng TỰ HỮU HẰNG HỮU. Ai làm công việc trong ngày đó sẽ bị xử tử.” (Xuất Ê-díp-tô Ký 35:2). “Dân I-sơ-ra-ên đang ở tại đồng vắng, gặp một người lượm củi trong ngày Sa-bát; những kẻ gặp người đang lượm củi dẫn người đến Môi-se, A-rôn, và cả hội chúng. Họ bắt người giam tù, vì điều phải làm cho người chưa quyết định. Đấng TỰ HỮU HẰNG HỮU phán với Môi-se rằng: Người này phải phạt xử tử, cả hội chúng hãy ném đá người ngoài trại quân. Vậy, cả hội chúng đem người ra ngoài trại quân mà ném đá, và người chết, y như Đấng TỰ HỮU HẰNG HỮU đã phán dặn Môi-se.” (Dân Số Ký 15:32-36).

Dâng con cho tà thần: “Người hãy nói với dân I-sơ-ra-ên rằng: Bất cứ ai trong dân I-sơ-ra-ên hay là kẻ khách kiều ngụ giữa vòng họ, dùng một trong các con mình dâng cho thần Mo-lóc, thì chắc sẽ bị xử tử: dân trong xứ phải ném đá người ấy.” (Lê-vi Ký 20:2).

Phạm tà dâm, ngoại tình: “Nếu người nào phạm tội tà dâm cùng vợ của người khác, hay là phạm tội tà dâm cùng vợ người lân cận mình, người nam cùng người nữ đó đều phải bị xử tử.” (Lê-vi Ký 20:10).

Phạm tà dâm, loạn luân: “Nếu người nào nằm cùng vợ cha mình, ấy là gây nhục cho cha mình, thì hai người đều hẳn phải bị xử tử; máu họ sẽ đổ lại trên mình họ. Nếu người nào nằm cùng dâu mình, hai người đều hẳn phải bị phạt xử tử; vì họ phạm một sự gớm ghiếc; máu họ sẽ đổ lại trên mình họ.” (Lê-vi Ký 20:11-12). “Nếu một người nam lấy cả mẹ và con làm vợ; ấy là một sự tà ác; hãy thiêu cả ba đi, để cho sự tà ác đó không còn trong vòng các người.” (Lê-vi Ký 20:14).

Phạm tà dâm đồng giới tính: “Nếu một người nam nằm cùng một người nam khác, như nằm cùng người nữ, thì hai người đó đều hẳn phải bị xử tử, vì họ đã làm một sự gớm ghiếc; máu họ sẽ đổ lại trên mình họ.” (Lê-vi Ký 20:13).

Đồng bóng, bói toán: “Khi nào một người nam hay nữ làm đồng cốt, hay là bói khoa, thì hẳn sẽ bị xử tử; người ta sẽ ném đá chúng nó: máu chúng nó sẽ đổ lại trên mình chúng nó.” (Lê-vi Ký 20:27).

Phạm thượng danh Chúa: “Ai nói phạm đến danh Đấng TỰ HỮU HẰNG HỮU hẳn sẽ bị xử tử; cả hội chúng sẽ ném đá nó: mặc dù nó là kẻ khách ngoại bang hay là sinh trong xứ, bất cứ khi nào nói phạm đến danh Đấng TỰ HỮU HẰNG HỮU, thì sẽ bị xử tử.” (Lê-vi Ký 24:16).

Tiên tri giả: “Nếu giữa người có nổi lên một tiên tri hay là một kẻ hay chiêm bao làm cho người một dấu kỳ hoặc phép lạ, nếu dấu kỳ hoặc phép lạ này mà người đã nói với người được ứng nghiệm, và người có nói rằng: Ta hãy đi theo hầu việc các thần khác mà người chẳng hề biết, thì chớ nghe lời của tiên tri hay là kẻ chiêm bao ấy, vì Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu các người thử các người, để biết các người có hết lòng hết ý kính mến Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu của các người chẳng. Các người phải theo Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu của các người, kính sợ Ngài, gìn giữ các điều răn Ngài, vâng nghe tiếng phán Ngài, phục sự Ngài và gắn bó với Ngài. Nhưng người ta phải giết tiên tri hay là kẻ chiêm bao ấy, vì hắn có giục dấy loạn cùng Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu, (là Đấng đã đem các người ra khỏi xứ Ê-díp-tô, chuộc các người khỏi nhà nô lệ), để xô người ra ngoài con đường của Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu người đã chỉ cho người đi. Ấy, người sẽ diệt kẻ hung ác khỏi giữa mình là như vậy.” (Phục Truyền Luật Lệ Ký 13:1-5).

Kẻ xúi giục con dân Chúa thờ lạy tà thần: “Khi anh em một mẹ với người, hay là con trai, con gái người, vợ yêu mến, hoặc bạn người, bí mật xúi giục người rằng: Ta hãy đi hầu việc các thần khác, mà người hay tổ phụ người không biết, tức là các thần của những dân tộc ở chung quanh, hoặc gần hay xa người, từ đầu này của đất cho đến đầu kia, thì chớ chịu theo nó, chớ chịu nghe nó. Mắt người đừng thương tiếc nó; chớ động lòng xót xa mà che chở cho nó. Người hẳn phải giết nó, tay mình phải tra vào mình nó trước hết để giết đi; rồi kể đó, tay của cả dân sự. Phải ném đá cho nó chết, vì nó tìm cách xúi giục người xa cách Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu người, là Đấng đã đem người ra khỏi xứ Ê-díp-tô, tức khỏi nhà nô lệ.” (Phục Truyền Luật Lệ Ký 13:6-10). “Khi người nghe nói về một trong các thành mà Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu người ban cho người ở, rằng có những kẻ gian tà từ giữa mình ra dụ dỗ dân thành đó, mà rằng: Ta hãy đi hầu việc các thần khác mà các người không hề biết, thì phải tìm kiếm, hỏi thăm, và tra xét cho kỹ càng. Bằng điều người ta nói là chân thật và quả quyết, và nếu một điều gớm ghiếc như vậy đã phạm giữa người, thì người phải giết dân sự thành ấy bằng lưỡi gươm; phải dùng gươm tận diệt nó và mọi vật ở trong, luôn với súc vật của nó.” (Phục Truyền Luật Lệ Ký 13:12-15).

Kẻ thờ lạy tà thần: “Khi ở giữa người, trong một thành nào mà Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu người ban cho người, có một người nam hay nữ làm điều ác trước mặt Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu người, vi phạm giao ước Ngài, đi hầu việc và quỳ lạy các thần khác, hoặc mặt trời, mặt trăng, hay là cả thiên binh, tức là điều Ta không có dạy bảo; khi điều đó thuật lại cho người hay, thì phải tra hỏi kỹ càng, và nếu điều người ta nói là thật, và quả quyết có một sự gớm ghê dường ấy đã phạm trong I-so-ra-ên, thì người phải dẫn người nam hay nữ đã làm việc ác đó đến cửa thành, ném đá cho chúng nó chết.” (Phục Truyền Luật Lệ Ký 17:2-5).

Kẻ không vâng lời cha mẹ: “Khi ai có một đứa con khó dạy và bội nghịch, không nghe theo lời cha mẹ, và mặc dù bị trừng trị, nó vẫn không chịu vâng lời, thì cha mẹ phải bắt nó dẫn đến trước mặt các trưởng lão của thành mình, tại nơi cửa thành. Kế đó, cha mẹ sẽ nói với các trưởng lão của thành mình rằng: Đây con chúng tôi khó dạy và bội nghịch, không vâng lời chúng tôi, làm kẻ hoang đàng say sưa. Bây giờ, chúng dân thành ấy sẽ ném đá cho nó chết; như vậy người sẽ cất sự ác khỏi giữa mình, và cả I-so-ra-ên sẽ hay điều đó mà bắt sợ.” (Phục Truyền Luật Lệ Ký 21:18-21).

Điều Răn Thứ Bảy Chớ Ngoại Tình

Điều răn thứ bảy của Đức Chúa Trời là:

“Người chớ ngoại tình.” (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:14).

Điều răn thứ bảy của Đức Chúa Trời được chép trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20:14 và được nhắc lại trong Phục Truyền Luật Lệ Ký 5:18.

Điều răn thứ bảy dạy chúng ta không được phạm tội ngoại tình. Mọi sinh hoạt tính dục phải ở trong quan hệ hôn nhân. Thánh Kinh Việt Ngữ Bản Dịch Truyền Thống dịch là: *“Người chớ phạm tội tà dâm.”* Nhưng “tà dâm” và “ngoại tình” có nghĩa khác nhau. Ngoại tình là một trong các hình thức của “tà dâm.” Điều răn thứ bảy dịch cho đúng với nguyên ngữ Hê-bơ-rơ của Thánh Kinh, thì phải là: *“Người chớ ngoại tình.”*

Trước hết, chúng ta cần ghi nhớ: "bản tính dâm" hay "bản năng tính dục" không phải là điều xấu xa, tội lỗi. Thiên Chúa dựng nên loài người có nam, có nữ và ban cho loài người bản năng tính dục. Bản năng tính dục cần thiết cho việc lưu truyền dòng giống và đem lại những cảm giác vui thích trong mối quan hệ vợ chồng. Bản năng tính dục cũng như bao nhiêu bản năng khác của loài người, nếu được thể hiện đúng thì sẽ đem lại phước hạnh và ích lợi, nếu thể hiện sai thì sẽ đem lại đau khổ và thiệt hại. Sự thể hiện bản năng tính dục theo thánh ý của Thiên Chúa được gọi là "chính dâm." Tất cả những sự thể hiện bản năng tính dục nghịch lại thánh ý của Thiên Chúa được gọi chung là "tà dâm." Chúng ta sẽ tìm hiểu ý nghĩa chi tiết của “tà dâm” khi chúng ta học đến Điều Răn Nền Thánh của Đức Thánh Linh.

Từ buổi ban đầu, Thiên Chúa dựng nên người nam và người nữ. Ngài kết hợp họ với nhau để người nữ làm bạn với người nam và giúp đỡ người nam; đồng thời để cả hai lưu truyền dòng dõi của loài người trên đất và quản trị đất (Sáng Thế Ký 1:26-28; 2:18-25). Việc lưu truyền dòng dõi cần có sự quan hệ tính dục giữa hai phái tính; vì thế, sự quan hệ tính dục giữa vợ chồng là việc thi hành mệnh lệnh của Thiên Chúa. Sự quan hệ tính dục giữa vợ chồng còn là ơn phước Chúa ban, vì nó đem lại những cảm giác và cảm xúc vui sướng, thỏa lòng trong mối quan hệ vợ chồng. Thánh Kinh dạy rõ, vợ chồng phải xem trọng việc quan hệ tính dục, và đó là mối quan hệ bình đẳng: thân thể của chồng thuộc về vợ, thân thể của vợ thuộc về chồng:

“Ngài trả lời rằng: Các người chưa đọc lời chép rằng, ban đầu, Ngài dựng nên một

người nam, một người nữ, và có phán rằng: Vì có đó người nam sẽ lia cha mẹ, mà dính dít với vợ mình; hai người sẽ cùng nên một thịt hay sao? Thế thì, vợ chồng không phải là hai nữa, nhưng một thịt mà thôi. Vậy, loài người không nên phân rẽ những kẻ mà Đức Chúa Trời đã phối hiệp!” (Ma-thi-ơ 19:4-6).

“Nhưng từ lúc đầu sáng thế, Đức Chúa Trời làm ra một người nam và một người nữ. Vì có đó, người nam lia cha mẹ mình mà dính dít với vợ; và hai người cùng nên một thịt mà thôi. Như thế, vợ chồng chẳng phải là hai nữa, mà chỉ một thịt.” (Mác 10:6-8).

“Tuy nhiên, để tránh khỏi sự tà dâm, thì mỗi người đàn ông phải có vợ, mỗi người đàn bà phải có chồng. Chồng phải làm hết bổn phận đối với vợ, và vợ đối với chồng cũng vậy. Vợ không có quyền tự chủ về thân mình, mà là chồng; chồng cũng vậy, không có quyền tự chủ về thân mình mà là vợ. Đừng từ chối nhau, trừ ra khi hai bên ưng thuận tạm thời, để chuyên việc cầu nguyện; rồi trở lại hiệp cùng nhau, kéo quý Sa-tan thừa khi anh em không biết tự kiểm chế mà cảm dỗ chẳng.” (I Cô-rinh-tô 7:2-5).

Ngoài ra, con dân Chúa phải giữ cho mối quan hệ tính dục giữa vợ chồng luôn được thánh sạch, bằng cách không bắt chước người đời sử dụng các đồ chơi tính dục (sex toys) và các tài liệu khiêu gợi tính dục qua phim ảnh, sách báo, Internet. Con dân Chúa phải tuân theo các luật vệ sinh, thực hành mối quan hệ tính dục giữa vợ chồng trong danh Chúa và biết cầu nguyện cảm tạ Chúa:

“Khi nào người nam và người nữ quan hệ tính dục với nhau, thì phải tắm trong nước, và bị ô uế cho đến chiều tối.” (Lê-vi Ký 15:18).

“Mọi người phải kính trọng sự hôn nhân, nơi phòng ngủ chớ có ô uế, vì Đức Chúa Trời sẽ đoán phạt những đĩ đực và những kẻ ngoại tình.” (Hê-bơ-rơ 13:4).

“Vậy, anh em hoặc ăn, hoặc uống, hay là làm sự gì khác, hãy vì sự vinh quang của Thiên Chúa mà làm.” (I Cô-rinh-tô 10:31).

“Hãy luôn trong danh Đức Chúa Jesus Christ chúng ta, mà tạ ơn Đức Chúa Trời, là Cha chúng ta, về mọi sự.” (Ê-phê-sô 5:20).

Từ ngữ "ngoại tình" trong nguyên ngữ Hê-bơ-rơ là "na'aph" (H5003) /na-áp/ [1], có nghĩa là: một người đã có gia đình nhưng quan hệ tính dục với một người không phải là vợ hay chồng của mình. Tội ngoại tình không chỉ giới hạn trong hành động ngoại tình mà bao gồm:

1. Tư tưởng ham muốn tính dục với người không phải là vợ hay chồng mình. Kể cả việc tư tưởng đến người khác trong khi đang có quan hệ tính dục với vợ hay chồng:

“Các ngươi có nghe lời phán rằng: Người chớ phạm tội ngoại tình. Nhưng Ta phán cho các ngươi biết: Bất cứ ai nhìn một người đàn bà mà ham muốn nàng, thì trong lòng đã phạm tội ngoại tình cùng nàng rồi.” (Ma-thi-ơ 5:27-28).

Có người đặt ra vấn đề là: Ma-thi-ơ 5:27-28 chỉ đề cập đến việc đàn ông nhìn đàn bà mà động tình ham muốn, cho nên, câu này không áp dụng cho đàn bà. Người lý luận như thế tức là đã cho rằng Đức Chúa Jesus tự vị: cùng một hành động xảy ra nhưng Chúa chỉ kết tội phái nam mà không kết tội phái nữ. Thánh Kinh cho chúng ta biết, Thiên Chúa không tự vị ai hết (Ga-la-ti 2:6; Ê-phê-sô 6:9; I Phi-e-rơ 1:17). Câu phán của Chúa thuộc loại nêu thí dụ làm điển hình, tức là nêu lên một sự kiện để chỉ ra bất cứ sự kiện nào tương tự như vậy đều mang chung một tính chất.

- Sự kiện được Chúa nêu lên là: nhìn một người không phải là phối ngẫu của

mình mà động lòng ham muốn.

- Tính chất của sự kiện ấy là: phạm tội ngoại tình.

Vì thế, bất kể đàn ông hay đàn bà, nếu nhìn một người khác, không phải là vợ hay chồng của mình mà động tình ham muốn thì trong lòng đã phạm tội ngoại tình (hoặc tội gian dâm nếu cả hai, người nhìn và người bị nhìn đều là độc thân). Còn nếu người bị nhìn là người cùng phái tính với người nhìn thì người nhìn vừa phạm tội ngoại tình hoặc gian dâm vừa phạm tội đồng tính luyến ái. Ngoài ra, khi Chúa phán những lời ấy là Ngài đang phán với các môn đồ của Ngài, là những người đàn ông.

2. Sự ly dị vì bất cứ lý do gì nếu không phải là vì người phối ngẫu phạm tội ngoại tình hoặc người phối ngẫu là người không tin Chúa:

“Nhưng Ta phán với các ngươi: Nếu người nào ly dị vợ mà không phải vì cơ tà dâm, thì người ấy làm cho vợ mình ra người ngoại tình; lại nếu người nào cưới đàn bà bị ly dị đó, thì cũng phạm tội ngoại tình.” (Ma-thi-ơ 5:32).

“Ngài phán rằng: Ai ly dị vợ mình mà cưới vợ khác, thì phạm tội ngoại tình nghịch lại nàng; còn nếu người đàn bà bỏ chồng mình mà lấy chồng khác, thì cũng phạm tội ngoại tình.” (Mác 10:11-12).

“Chớ mang ách chung với kẻ chẳng tin. Bởi vì công bình với gian ác có hội hiệp nhau được chẳng? Sự sáng với sự tối có thông cùng nhau được chẳng? Có sự hiệp ý nào giữa Đấng Christ và Bê-li-an? Hay là người tin có phần gì với kẻ chẳng tin? Có thể nào hiệp đến thờ của Thiên Chúa lại với các hình tượng tà thần? Vì chúng ta là đền thờ của Thiên Chúa Hằng Sống, như Đức Chúa Trời đã phán rằng: Ta sẽ ở và đi lại giữa họ; Ta sẽ làm Thiên Chúa của họ, và họ làm dân Ta. Bởi vậy, Chúa phán rằng: Hãy ra khỏi giữa chúng nó, hãy phân rẽ ra khỏi chúng nó, đừng đụng đến đồ ô uế, thì Ta sẽ tiếp nhận các ngươi: Ta sẽ làm Cha các ngươi, các ngươi làm con trai con gái Ta, Chúa Toàn Năng phán như vậy.” (II Cô-rinh-tô 6:14-18).

Lý do chính đáng để ly dị là vì có người vợ hay chồng ngoại tình hoặc không tin nhận Chúa. Mặc dù con dân Chúa được phép chọn tiếp tục sống với người vợ hay chồng không tin Chúa, nếu sự sống chung ấy không gây khó khăn cho mình (I Cô-rinh-tô 7:12-16). Nên nhớ, sự con dân Chúa không ly dị vợ hoặc chồng không tin Chúa là tự do lựa chọn được Chúa cho phép, qua sự góp ý của Sứ Đồ Phao-lô, không phải là mệnh lệnh của Chúa, như Phao-lô đã nói rõ trong I Cô-rinh-tô 7:12: *“chẳng phải Chúa, nhưng là chính tôi bảo họ rằng...”*

Nếu một người bị ly dị vì lý do nào khác hơn là vì ngoại tình hoặc vì không tin nhận Chúa, thì sự ly dị đó không hợp pháp trước mặt Chúa; cho nên, quan hệ vợ chồng vẫn còn. Sự tái hôn của những người như vậy, người ly dị lẫn người bị ly dị, khiến cho họ phạm tội ngoại tình.

Tuy nhiên, khi người vợ hay chồng phạm tội ngoại tình mà đã thật lòng ăn năn thì con dân Chúa cần tha thứ và tiếp nhận trở lại, thay vì ly dị.

Như đã trình bày, ngoại tình là một trong các hình thức của sự tà dâm. Mặc dù điều răn thứ bảy chỉ đề cập đến tội ngoại tình nhưng trong các nơi khác của Thánh Kinh có nghiêm cấm mọi hình thức tà dâm. Trong thời Tân Ước, Đức Thánh Linh đã thêm điều răn về sự nên thánh cho Hội Thánh:

“Các anh em hãy kiêng ăn của cúng thần tượng, máu, thú vật chết ngọt; và chớ tà dâm.” (Công Vụ Các Sứ Đồ 15:29).

Đức Thánh Linh thêm điều răn này là để tóm gọn các sự nghiêm cấm khác trong Thánh Kinh không được đề cập trong Mười Điều Răn cho những người không thuộc dân I-sơ-ra-ên mới gia nhập Hội Thánh, là những người vốn không biết gì về Thánh Kinh Cựu Ước như những người I-sơ-ra-ên.

Ngoài sự ngoại tình thuộc thể còn có sự ngoại tình thuộc linh. Thánh Kinh ví mối quan hệ giữa con dân Chúa với Chúa như mối quan hệ vợ chồng. Trong Cựu Ước, Thiên Chúa gọi I-sơ-ra-ên là vợ của Thiên Chúa:

“Đấng Tự Hữu Hằng Hữu phán: Hỡi con cái bội nghịch, hãy trở về; vì Ta là chồng ngươi. Trong vòng các ngươi, Ta sẽ lựa mỗi thành một người, mỗi họ hai người, mà đem đến Si-ôn.” (Giê-rê-mi 3:14).

“Đấng Tự Hữu Hằng Hữu phán: Nay, những ngày đến, bấy giờ Ta sẽ lập một giao ước mới với nhà I-sơ-ra-ên và với nhà Giu-đa. Giao ước này sẽ không theo giao ước mà Ta đã kết với tổ phụ chúng nó trong ngày Ta nắm tay đất ra khỏi đất Ê-díp-tô, tức giao ước mà chúng nó đã phá đi, dù rằng Ta làm chồng chúng nó, Đấng Tự Hữu Hằng Hữu phán vậy.” (Giê-rê-mi 31:31-32).

“Đấng Tự Hữu Hằng Hữu phán rằng: Trong ngày đó ngươi sẽ gọi Ta là: Chồng tôi! Và sẽ không còn gọi Ta là: Chủ tôi!” (Ô-sê 2:16).

“Ta sẽ cưới ngươi cho Ta đời đời; Ta sẽ cưới ngươi cho Ta trong sự công bình và chính trực, nhân từ và thương xót. Phải, Ta sẽ cưới ngươi cho Ta trong sự thành tín, và ngươi sẽ biết Đấng Tự Hữu Hằng Hữu.” (Ô-sê 2:19-20).

Trong Tân Ước, Đức Thánh Linh gọi Đấng Christ là chồng của Hội Thánh:

“Vì về các anh em, tôi rất sốt sắng như sự sốt sắng của Thiên Chúa, bởi tôi đã gả các anh em cho một chồng mà thôi, dâng các anh em như người trinh nữ tinh sạch cho Đấng Christ.” (II Cô-rinh-tô 11:2).

“Chúng ta hãy vui vẻ, mừng rỡ và dâng sự tôn kính lên Ngài. Hôn lễ của Chiên Con đã tới. Vợ Ngài đã sẵn sàng...” (Khải Huyền 19:7).

“Một trong bảy thiên sứ có bảy chén chứa đầy bảy tai họa cuối cùng đến và nói với tôi: Hãy đến đây, ta sẽ chỉ cho ngươi người vợ mới cưới, là vợ của Chiên Con.” (Khải Huyền 21:9).

Tham khảo: Ê-phê-sô 5:23-33.

Vì thế, Thánh Kinh cũng gọi việc con dân Chúa thờ lạy hình tượng, tà thần là ngoại tình, là làm điếm:

“Dầu Ta đã bỏ I-sơ-ra-ên bội nghịch và đã cho nó từ ly dị, vì cơ nó ngoại tình, Ta cũng còn thấy em gái quý quyết nó, là Giu-đa, chẳng sợ sệt chi; nhưng nó cũng cứ đi hành dâm, làm điếm.” (Giê-rê-mi 3:8).

Thời Tân Ước, tội ngoại tình thuộc linh hay là thờ lạy hình tượng, tà thần không giới hạn trong hành động thờ lạy hình tượng và tà thần mà còn bao gồm lòng ưa thích các hình tượng tà thần, tức là phạm tội ngoại tình thuộc linh trong tư tưởng, và lòng tham lam, bất kể là tham lam điều gì:

“Vì các anh em hãy biết rõ rằng: kẻ làm đĩ đực, hoặc kẻ ô uế, hoặc kẻ tham lam, tức là kẻ thờ hình tượng, không được dự phần kế nghiệp vương quốc của Đấng Christ và của Thiên Chúa.” (Ê-phê-sô 5:5).

“Vậy, hãy làm chết các chi thể của các anh em ở trên đất, tức là tà dâm, ô uế, tình cảm xấu xa, tham muốn độc ác, và tham lam là sự thờ hình tượng.” (Cô-lô-se 3:5).

Tham lam là muốn có nhiều hơn sự nhu cầu của mình hoặc muốn chiếm đoạt điều không thuộc về mình. Con dân Chúa, nếu không vâng theo Lời Chúa trong I Ti-mô-thê 6:5-8 thì phạm tội ngoại tình thuộc linh, vì đã tôn thờ tiền bạc:

“Sự tin kính cùng sự thỏa lòng ấy là một lợi lớn. Vì chúng ta ra đời chẳng đem gì theo, chúng ta qua đời cũng chẳng đem gì đi được. Như vậy, miễn là đủ ăn đủ mặc thì phải thỏa lòng.” (I Ti-mô-thê 6:5-8).

Hậu quả của sự tham tiền bạc, muốn trở nên giàu có, rất là kinh khiếp:

“Còn như kẻ muốn nên giàu có, ắt rơi vào sự cám dỗ, mắc bẫy dò, ngã trong nhiều sự tham muốn vô lý thiệt hại kia, là sự làm đắm người ta vào sự hủy diệt hư mất. Bởi vì sự tham tiền bạc là cội rễ mọi điều ác, có kẻ vì đeo đuổi nó mà bội đạo, chuốc lấy nhiều điều đau đớn.” (I Ti-mô-thê 6:9-10).

Bản năng tính dục là sự ban cho của Thiên Chúa, để loài người được vui thỏa trong quan hệ vợ chồng và làm tròn thiên chức sinh sản thêm nhiều, làm cho loài người đầy dẫy đất (Sáng Thế Ký 1:28). Nhưng nếu bản năng tính dục được thể hiện một cách tùy tiện vượt ngoài nguyên tắc của Thánh Kinh thì sẽ khiến cho loài người phạm tội. Điều răn thứ sáu: *“Người chớ phạm tội ngoại tình”* được bổ sung bởi điều răn *“chớ tà dâm”* trong Tân Ước, là nguyên tắc sống của con dân Chúa trong phương diện tính dục. Tội ngoại tình thuộc thể nói lên sự không chung thủy của một người đối với vợ hay chồng của mình. Tội ngoại tình thuộc linh nói lên sự không trung tín của con dân Chúa đối với Thiên Chúa, khi họ say mê, tôn thờ, và trông cậy nơi các thần tượng hoặc tham lam.

Ghi Chú

[1] <https://www.blueletterbible.org/lang/lexicon/lexicon.cfm?Strongs=H5003>

Điều Răn Thứ Tám Chớ Trộm Cắp

Điều răn thứ tám của Đức Chúa Trời là:

"Người chớ trộm cắp." (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:15).

Điều răn thứ tám của Đức Chúa Trời được chép trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20:15 và được nhắc lại trong Phục Truyền Luật Lệ Ký 5:19.

Điều răn thứ tám dạy chúng ta không được trộm cắp.

Trong nguyên ngữ Hê-bơ-rơ của Thánh Kinh thì điều răn thứ tám là: *"Người chớ trộm cắp."* Bản Dịch Truyền Thống dịch là: "Người chớ trộm cướp" thì không được đúng ý, bởi vì "trộm cắp" khác với "trộm cướp."

"Trộm cắp" là hành động lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác; gọi là "trộm" khi hành động chiếm đoạt xảy ra lúc chủ nhân ngủ mê hoặc vắng mặt; gọi là "cắp" khi chủ nhân có mặt nhưng lơ đãng hoặc bị làm cho mất cảnh giác. Nếu công khai dùng sức mạnh hoặc đe dọa bằng vũ khí hay quyền thế để chiếm đoạt tài sản của người khác thì gọi là "cướp." Vậy, "trộm cắp" là từ ngữ gọi riêng các hành động lén lút còn "trộm cướp" là từ ngữ gọi chung các hành động lén lút lẫn công khai dùng sức mạnh hay thế lực, để chiếm đoạt tài sản của người khác.

Khi nói rằng điều răn thứ tám cấm "trộm cắp" chứ không cấm "trộm cướp" là chúng ta muốn khẳng định sự phiên dịch trung thực Lời Chúa, chứ không cho rằng trộm cướp thì không vi phạm luật của Chúa. Bởi vì, ngoài Mười Điều Răn còn có các luật lệ ra từ Mười Điều Răn, do Chúa ban hành, mà hai trong những luật lệ đó cấm đoán hành động cướp giựt:

"Chớ lường gạt kẻ lân cận người, chớ cướp giựt người." (Lê-vi Ký 19:13).

"Chớ cướp giựt kẻ nghèo." (Châm Ngôn 22:22).

Điều cơ bản mà chúng ta cần phải ghi nhớ, đó là: **"Lấy một vật gì không phải của mình mà không được sự đồng ý của người chủ là phạm tội trộm cắp."** Hành động trộm cắp phát xuất từ lòng tham. Lòng tham là sự ưa thích một điều gì đó quá mức, như: tham ăn, tham tiền, tham danh tiếng... và muốn chiếm lấy làm của riêng một điều gì đó không phải là của mình, là điều bị Chúa nghiêm cấm trong điều răn thứ mười. Vì tham ăn nên xảy ra hành động ăn vụng. Vì tham tiền nên xảy ra việc trộm cắp tiền bạc, của cải. Vì tham danh tiếng nên xảy

ra việc đánh cắp công lao của người khác.

Không một ý muốn trộm cắp nào mà không bị lương tâm lên tiếng cáo trách. Thánh Kinh cho biết luật pháp của Đức Chúa Trời được ghi vào lương tâm của nhân loại:

"Họ tỏ ra rằng, việc làm của luật pháp đã được viết trong lòng họ. Lương tâm của họ làm chứng trong khi các ý tưởng của họ hoặc là cáo giác hoặc là bênh vực." (Rô-ma 2:15).

Tuy nhiên, bản chất tội lỗi khiến cho người ta dập tắt sự lên án của lương tâm để biến ý muốn trộm cắp thành hành động. Khi tiếng cáo trách của lương tâm đã bị dập tắt thì lương tâm trở nên chai lì (I Ti-mô-thê 4:2). Một lương tâm đã chai lì sẽ tạo ra tiêu chuẩn đạo đức riêng, nghịch lại điều răn và luật pháp của Thiên Chúa. Thay vì lên án hành động trộm cắp, lương tâm chai lì sẽ lên án một người không thừa cơ trộm cắp là: ngu dại, hèn nhát, bỏ lỡ cơ hội... Khi lương tâm đã chai lì, người ta có thể phạm tội trộm cắp mỗi ngày mà không còn ý thức là mình phạm tội, lại tự cho là mình khôn ngoan, khéo léo!

Một vài thí dụ điển hình về sự trộm cắp mà lương tâm chai lì khiến người ta không còn ý thức đó là hành động trộm cắp:

Một người lấy vài tờ giấy hay một cây bút chì của sở làm đem về nhà dùng cho việc cá nhân là một hành động trộm cắp tài sản; còn nếu dùng thời gian làm việc tại sở làm để đọc báo, xem Internet, gửi email, gọi điện thoại mà không liên quan đến công việc của sở làm thì đó là hành động trộm cắp thời gian. Người mua bán mà cân, đong, đo, đếm gian lận tức là phạm tội trộm cắp tiền bạc. Người làm thuê, làm mướn mà không hết lòng làm việc cũng là phạm tội trộm cắp tiền bạc. Chính vì thế mà Chúa truyền cho con dân Chúa:

"Hỡi những tôi tớ, hãy vâng phục các người chủ về phần xác của mình, không chỉ phục vụ trước mắt khiến họ vui nhưng phục vụ với lòng chân thành kính sợ Chúa. Bất cứ làm việc gì, các anh em hãy hết lòng mà làm, như làm cho Chúa chứ không phải làm cho loài người..." (Cô-lô-se 3:22-23).

Cũng có những hành động tự bản thân nó không phải là trộm cắp nhưng nếu chúng ta làm ra nó với ý thức là mình đang trộm cắp, thì chúng ta đã biến nó thành hành động trộm cắp.

Thí dụ: Anh A và anh B cùng thuê chung một mảnh đất để làm rẫy. Hai anh cùng trồng khoai mì. Một đêm kia, anh A lén ra rẫy để nhổ trộm khoai mì của anh B. Tuy nhiên, sáng hôm sau, khi anh A ra rẫy thì mới khám phá ra rằng, đêm qua mình đã nhổ trộm chính khoai mì của mình. Mặc dù anh A nhổ khoai mì của mình nhưng đối với lương tâm, thì anh A vẫn mang tội trộm cắp khoai mì của anh B; vì anh đã hành động như vậy trong ý muốn trộm cắp của người khác.

Lại có những hành động chiếm đoạt của cải người khác nhưng không bị xếp loại là trộm cắp hay trộm cướp, khi hành động đó nhằm cứu người hay phục vụ cho lợi ích chung.

Thí dụ: Trong trường hợp khẩn cấp cần phải đập vỡ cửa một căn nhà bỏ trống để lấy thực phẩm, thuốc men, phương tiện cứu người bị nạn.

Trong Ma-la-chi 3:8, Thiên Chúa hỏi con dân của Ngài một câu rất là mỉa mai:

"Người ta có thể trộm cướp Thiên Chúa sao? Mà các người trộm cướp Ta. Các người nói rằng: Chúng tôi trộm cướp Chúa ở đâu? Các người đã trộm cướp trong các phần mầu và trong các cửa dâng."

Bối cảnh của câu phán hỏi này là: Sau khi Vương Quốc Giu-đa bị Đế Quốc Ba-by-lôn chinh

phục và bắt làm phu tù 70 năm, thì Thiên Chúa đã cho họ được hồi hương để tái lập quốc, xây dựng lại đền thờ và thành Giê-ru-sa-lem. Bởi chiếu chỉ từ Vua Đa-ri-út của Đế Quốc Phe-rơ-sơ (I-ran ngày nay) và dưới sự lãnh đạo của Xô-rô-ba-bên, sự tái thiết đền thờ được hoàn tất vào năm 515 TCN (E-xơ-ra 5). Đến năm 457 TCN, Vua A-ta-xét-xe của Đế Quốc Phe-rơ-sơ ra chiếu chỉ cho E-xơ-ra trở về Giê-ru-sa-lem, để tái lập các nghi thức thờ phượng trong đền thờ và dạy dân I-sơ-ra-ên vâng giữ các điều răn và luật pháp của Đấng Tự Hữu Hằng Hữu (E-xơ-ra 7). Mười ba năm sau, vào năm 444 TCN, Vua A-ta-xét-xe lại một lần nữa ra chiếu chỉ cho Nê-hê-mi về lại Giê-ru-sa-lem, để xây dựng lại các tường thành. Trong chức vụ thống đốc của Giê-ru-sa-lem, Nê-hê-mi đã bênh vực phúc lợi của người nghèo, khuyến khích dân sự ly dị vợ người ngoại, tôn kính ngày Sa-bát, trung tín dâng hiến của dâng phần mười và các của dâng khác (xem sách Nê-hê-mi).

Đến năm 432 TCN, Nê-hê-mi quay lại Phê-rơ-sơ để phục vụ Vua A-ta-xét-xe. Trong thời gian Nê-hê-mi vắng mặt tại Giê-ru-sa-lem thì từ các thầy tế lễ cho đến dân chúng đều quay lại với nếp sống tội lỗi. Dân chúng thì bỏ qua sự dâng phần mười, gian dối trong việc dâng sinh tế, mua bán với dân ngoại trong ngày Sa-bát, và trở lại kết hôn với dân ngoại. Các thầy tế lễ thì tham nhũng, hối lộ, thất trách, dùng những sinh tế kém phẩm chất trong các cuộc tế lễ (Nê-hê-mi 13). Thiên Chúa đã dùng Tiên Tri Ma-la-chi để cáo trách, lên án và kêu gọi dân I-sơ-ra-ên ăn năn.

Từ ngữ "trộm cướp" được dùng trong Ma-la-chi vừa có nghĩa là lường gạt để chiếm đoạt của cải vừa có nghĩa là ngang nhiên cướp đoạt. Trong nghĩa lường gạt thì dân I-sơ-ra-ên đã dâng lên Chúa những con vật mù, què, tật bệnh thay vì dâng lên những con vật khỏe mạnh không tì vết, để khỏi phải tốn nhiều tiền; và như thế, họ đã lường gạt để trộm cướp Chúa. Các thầy tế lễ nhận của hối lộ từ dân chúng để tiếp nhận những con vật kém phẩm chất dâng làm của lễ, cho nên, họ cũng dự phần trong việc lường gạt, trộm cướp Chúa. Dân chúng không dâng phần mười và các của lễ vào đền thờ theo lệnh truyền của Chúa tức là đã ngang nhiên cướp đoạt tài sản thuộc về nhà Chúa. Các thầy tế lễ ăn hối lộ để bỏ qua việc sai phạm đó, cho nên, họ cũng dự phần trong việc ngang nhiên cướp đoạt tài sản trong nhà Chúa. Thiên Chúa là Đấng Toàn Năng và biết hết mọi sự, thế mà con dân của Thiên Chúa dám lường gạt Ngài và ngang nhiên cướp đoạt các tài sản thuộc về đền thờ của Ngài để thủ lợi, thì quả là một điều mỉa mai!

Ngày nay, con dân Chúa cũng có thể phạm tội trộm cắp của Chúa:

1. Chúng ta sẽ phạm tội trộm cắp thời gian của Chúa khi chúng ta bỏ qua sự nhóm họp thờ phượng Chúa vào mỗi ngày Sa-bát; vì Chúa truyền cho con dân Chúa nhóm họp thờ phượng Chúa trong ngày Sa-bát. Chúng ta có thể tự ý nhóm họp thờ phượng Chúa bất kỳ lúc nào nhưng sự nhóm họp thờ phượng Chúa trong ngày Sa-bát là mệnh lệnh của Chúa mà chúng ta phải tuân theo:

"Người ta làm việc trong sáu ngày, nhưng qua ngày thứ bảy là Sa-bát của Lễ Nghỉ, tức một sự nhóm hiệp thánh; đừng làm một công việc gì; ấy là Sa-bát của Đấng Tự Hữu Hằng Hữu trong những nơi các ngươi ở." (Lê-vi Ký 23:3).

2. Chúng ta sẽ phạm tội trộm cắp thời gian của Chúa khi chúng ta dùng thời gian Chúa ban cho mình vào những việc Chúa không bảo chúng ta làm hoặc những sinh hoạt thường ngày trong cuộc sống nào không đem lại ích lợi, không làm gương tốt, và không làm vinh hiển danh Chúa.

3. Chúng ta sẽ phạm tội trộm cắp thời gian và tiền bạc của Chúa khi chúng ta

đóng góp thời gian và tiền bạc vào những tổ chức tôn giáo rao giảng và thực hành những điều không đúng với Thánh Kinh. Bất cứ tổ chức tôn giáo nào rao giảng và thực hành những điều không đúng với Thánh Kinh thì tổ chức đó là công cụ "cổ lũng" của Sa-tan, được gieo vào trong thế gian, mạo danh Hội Thánh của Chúa để cạnh tranh với Hội Thánh, hòng làm suy yếu Hội Thánh, và lường gạt những người nhẹ dạ rồi khiến cho họ tin vào những giáo lý phản Thánh Kinh mà phạm tội nghịch lại Chúa. Chúa đã phán về sự giả hình của những người đứng đầu các tổ chức tôn giáo mang danh Chúa, như sau:

"Khôn cho các người, thầy thông giáo và người Pha-ri-si, là những kẻ giả hình! Vì các người đi khắp dưới nước, trên bộ để khuyên một người vào đạo mình; và khi đã khuyên được rồi, thì các người làm cho người ấy trở thành con cái của hỏa ngục gấp hai các người." (Ma-thi-ơ 23:15).

Con dân Chúa có bổn phận mỗi ngày tra xem Thánh Kinh như tín đồ tại thành Bê-rê, để xem mọi lời giảng dạy mình nghe có đúng với Thánh kinh hay không:

"Những người này đáng quý hơn người Tê-sa-lô-ni-ca, trong sự sẵn lòng tiếp nhận Lời, ngày nào họ cũng tra xem Thánh Kinh, để xét lời giảng có thật chẳng." (Công Vụ Các Sứ Đồ 17:11).

Chúa cũng truyền cho chúng ta phải nhìn trái để biết cây, nhìn vào nếp sống của một người để biết họ là con dân chân thật của Chúa, người giảng lẽ thật của Chúa hay họ chỉ là những kẻ giả hình (Ma-thi-ơ 7). Vì thế, mỗi người có trách nhiệm về chính mình trong sự nhận xét và phân biệt thật giả.

4. Chúng ta sẽ phạm tội trộm cắp tiền bạc của Chúa khi chúng ta không *"lấy trong hết thảy của cải mình mà chia cho người dạy Đạo"* cho mình (Ga-la-ti 6:6). Người dạy Đạo là người giảng dạy Lời Chúa cho mình khiến mình hiểu biết Lời Chúa và lớn lên trong đức tin. Người dạy Đạo do chính Chúa sai đến với mình hoặc đem mình đến với người đó, không phải là "mục sư" của các giáo hội. *"Lấy trong hết thảy của cải mình"* có nghĩa là không loại trừ một hình thức của cải nào, từ thức ăn, chỗ ở, phương tiện di chuyển, cho đến tiền bạc... *"Chia cho người dạy đạo"* có nghĩa là đáp ứng nhu cầu của người dạy Đạo. Nếu người dạy Đạo có nhu cầu ăn uống thì mình chia xẻ thức ăn, thức uống của mình cho người ấy. Nếu người dạy Đạo có nhu cầu di chuyển thì mình chia xẻ phương tiện di chuyển của mình hoặc chia xẻ tiền bạc dùng thuê mướn phương tiện cho người ấy. Nếu người dạy Đạo cần chỗ trú ngụ thì mình chia xẻ nhà cửa mình cho người ấy. Nếu người dạy Đạo cần tiền bạc cho các chi phí trong cuộc sống thì mình chia xẻ tiền bạc của mình cho người ấy. *"Lấy trong hết thảy của cải mình mà chia cho người dạy Đạo"* không hề có nghĩa là phân chia tài sản của mình cho người dạy Đạo và cũng không cần thiết thi hành nếu người dạy Đạo đã đủ ăn, đủ mặc, đủ phương tiện hầu việc Chúa.

5. Chúng ta sẽ phạm tội trộm cắp tiền bạc của Chúa khi chúng ta không cứu giúp anh chị em trong Chúa lúc họ ở trong hoạn nạn hoặc nghèo thiếu, không đủ ăn, không đủ mặc. Ma-thi-ơ 25:41-46 nói rõ hình phạt mà Chúa sẽ thi hành trên những người phạm tội này:

31 Khi Con người ngự trong sự vinh quang mình mà đến với các thiên sứ thánh, thì Ngài sẽ ngồi trên ngai vinh quang của Ngài.

32 Muôn dân nhóm lại trước mặt Ngài, rồi Ngài sẽ chia người này với người

khác ra, như người chẵn chiên chia chiên với dê ra;

33 để chiên ở bên phải và dê ở bên trái.

34 Bây giờ, Vua sẽ phán với những người ở bên phải rằng: Hỏi các người được Cha Ta ban phước, hãy đến mà nhận lấy vương quốc đã sắm sẵn cho các người từ khi dựng nên thế gian.

35 Vì Ta đói, các người đã cho Ta ăn; Ta khát, các người đã cho Ta uống; Ta là khách lạ, các người tiếp đón Ta;

36 Ta trần truồng, các người mặc cho Ta; Ta bệnh, các người thăm Ta; Ta bị tù, các người viếng Ta.

37 Lúc ấy, những người công bình sẽ thưa rằng: Lạy Chúa, khi nào chúng tôi đã thấy Ngài đói, mà cho ăn; hoặc khát, mà cho uống?

38 Lại khi nào chúng tôi đã thấy Ngài là khách lạ mà tiếp đón; hoặc trần truồng mà mặc cho?

39 Hay là khi nào chúng tôi đã thấy Ngài bệnh, hoặc bị tù, mà đến với Ngài?

40 Vua sẽ đáp lời, phán với họ rằng: Thật vậy, Ta nói với các người, các người đã làm cho một người thấp hèn nhất trong các anh em này của Ta, ấy là các người đã làm cho chính mình Ta vậy.

41 Kế đó, Ngài cũng sẽ phán với những người ở bên trái rằng: Hỏi những kẻ bị rủa, hãy lui ra khỏi Ta; đi vào lửa đời đời đã sắm sẵn cho Ma Quỷ và những sứ giả của nó.

42 Vì Ta đã đói, các người không cho Ta thức ăn; Ta khát, các người không cho uống;

43 Ta là khách lạ, các người không tiếp đón; Ta trần truồng, các người không mặc cho Ta; Ta bệnh và bị tù, các người không thăm viếng.

44 Rồi họ cũng sẽ đáp lời Ngài, thưa rằng: Lạy Chúa, khi nào chúng tôi đã thấy Ngài, hoặc đói, hoặc khát, hoặc là khách lạ, hoặc trần truồng, hoặc bệnh, hoặc bị tù mà không phục vụ Ngài?

45 Thì Ngài sẽ trả lời họ, phán rằng: Thật vậy! Ta nói với các người, các người đã không làm cho một trong những người nhỏ nhất giữa những người này, là các người cũng đã không làm cho Ta.

46 Và những kẻ này sẽ vào hình phạt đời đời, còn những người công bình sẽ vào sự sống đời đời.

Chúng ta cần lưu ý nhóm chữ *"trong những người rất hèn mọn này"* được dùng để chỉ anh chị em cùng đức tin trong Chúa, tức là những người đã thật lòng ăn năn tội, tin nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Jesus Christ, và hết lòng sống theo Lời Chúa. Họ là những người thuộc về Ngài, đang sống giữa thế gian, và được Ngài yêu cho đến cuối cùng (Giăng 13:1) chứ không phải tất cả mọi người trong thế gian.

6. Chúng ta sẽ phạm tội trộm cắp tiền bạc của Chúa khi chúng ta sống xa hoa phung phí. Chúa ban cho chúng ta được giàu có về của cải tiền bạc là để chúng ta phân phát cho những người nghèo thiếu. Lời Chúa chép:

"Hãy răn bảo kẻ giàu ở thế gian này đừng kiêu ngạo và đừng để lòng trông cậy nơi của cải không chắc chắn, nhưng hãy để lòng trông cậy nơi Đức Chúa Trời, là Đấng mỗi ngày ban mọi vật dư dật cho chúng ta được hưởng. Hãy răn bảo họ làm điều lành, làm nhiều việc phước đức, kíp ban phát và phân chia của mình có, vậy thì đôn chứa về ngày sau một cái nền tốt và bền vững cho mình, để được cầm lấy sự sống thật." (I Ti-mô-thê 6:17-19).

Không riêng về tiền bạc của cải mà tất cả những gì Chúa ban cho chúng ta trong cuộc đời này, chỉ là Ngài giao quyền quản lý cho chúng ta để chúng ta phân phát lẫn nhau, nhờ đó, chúng ta mới thể hiện được tình yêu thương và mối thông công hiệp một trong Chúa của Hội Thánh:

"Mỗi người hãy lấy ơn mình đã được mà giúp lẫn nhau, khác nào người quản lý trung tín giữ các thứ ơn của Thiên Chúa." (I Phi-e-rơ 4:10).

7. Chúng ta sẽ phạm tội trộm cắp sự vinh quang của Chúa khi chúng ta cho rằng nhờ mình hay, mình giỏi, mình hy sinh, mình siêng năng, mình khôn ngoan, mình đạo đức, mình nhân từ, vv... mà việc mình làm có thành quả tốt đẹp. Chúng ta phải nói rằng:

"Chúng tôi là đầy tớ vô ích; điều chúng tôi đã làm là điều chắc phải làm" (Lu-ca 17:10).

Rất có thể, trong số con dân Chúa có những người trước kia thường xuyên phạm tội trộm cắp, thậm chí, sống bằng nghề trộm cắp. Tuy nhiên, bản tính trộm cắp cũng như tất cả các bản tính xấu xa, gian ác khác, đều đã bị đóng đinh trên thập tự giá với Đức Chúa Jesus Christ. Con người hiện tại sau khi thật lòng ăn năn tội, tin nhận sự chết chuộc tội của Đức Chúa Jesus Christ, là một con người mới. Có thể Sa-tan sẽ cám dỗ con người mới phạm tội trộm cắp trở lại; nhưng con dân Chúa phải biết nhân danh Chúa để truyền cho Sa-tan và sự cám dỗ của nó phải lui xa khỏi mình. Lời Chúa dạy rõ:

"Kẻ vốn hay trộm cắp chớ trộm cắp nữa; nhưng thà chịu khó, chính tay mình làm nghề lương thiện, để có vật gì giúp cho kẻ thiếu thốn thì hơn." (Ê-phê-sô 4:28).

Con dân Chúa cần học thuộc lời cầu nguyện sau đây và cầu xin với Chúa mỗi ngày, để giữ mình trong sự liêm khiết:

"Tôi có cầu xin Ngài hai điều, xin chớ từ chối trước khi tôi qua đời: Xin đem xa khỏi tôi sự lường gạt và lời dối trá; chớ cho tôi nghèo khổ hoặc sự giàu sang. Xin hãy nuôi tôi đủ thức ăn cần dùng; kẻo khi no đủ, tôi từ chối Ngài mà nói rằng: Đấng Tự Hữu Hằng Hữu là ai? Hoặc khi bị nghèo khổ, tôi trộm cắp mà làm ô danh Thiên Chúa của tôi." (Châm Ngôn 30:7-9).

Hành động trộm cắp hay trộm cướp phát xuất từ lòng tham. Lòng tham là một đặc tính của tội lỗi, của bản ngã cũ, mà Thánh Kinh ví sánh với tội thờ lạy thần tượng (Ê-phê-sô 5:5; Cô-lô-se 3:5). Con dân Chúa đã được dựng nên mới trong Đức Chúa Jesus Christ, đã trở nên giống như Thiên Chúa trong sự công bình và sự thánh sạch chân thật (Ê-phê-sô 4:24), thì có đầy dẫy thánh linh, tức là năng lực của Thiên Chúa, để không tham lam. Không tham lam thì không thể cố ý vi phạm điều răn thứ tám. Tuy nhiên, nếu chúng ta không khôn ngoan, thông sáng trong Chúa, thì có thể sẽ vô tình phạm tội trộm cắp của Chúa khi chúng ta đóng góp tiền bạc, thời gian vào các tổ chức tôn giáo, mạo làm Hội Thánh Chúa, mà thật ra chúng là Hội của Sa-tan, như Khải Huyền 2:9 đã gọi đích danh; hoặc khi chúng ta không tiếp trợ cho anh chị em có nhu cầu trong Hội Thánh.

Nguyện mỗi người chúng ta biết lắng lòng, nghe theo sự dạy dỗ của Đức Thánh Linh và làm theo sự dẫn dắt của Ngài mỗi ngày trong đời sống của chúng ta.

Điều Răn Thứ Chín

Chớ Nói Chứng Dối

Điều răn thứ chín của Đức Chúa Trời là:

“Người chớ nói chứng dối, nghịch kẻ lân cận người.” (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:16).

Điều răn thứ chín của Đức Chúa Trời được chép trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20:16 và được nhắc lại trong Phục Truyền Luật Lệ Ký 5:20.

Điều răn thứ chín dạy chúng ta không được nói chứng dối. Nói chứng dối là một phương diện của sự nói dối.

Tội nói dối có lẽ là tội có nhiều người phạm nhất với số lần phạm cũng nhiều nhất. Tội nói dối cũng xưa như lịch sử của loài người. Thánh Kinh cho chúng ta biết, loài người đã đi vào bất hạnh ngay từ buổi đầu sáng thế, bởi một lời nói dối của Sa-tan. Điều răn thứ chín cấm loài người nói chứng dối nghịch kẻ lân cận mình, không phải chỉ cấm việc nói dối khi làm chứng về người khác trong một phiên tòa, mà là áp dụng cho mỗi lời nói của chúng ta về người khác trong mọi nơi, mọi lúc. Khi chúng ta nói về một người nào đó, dù là nói trong tòa án hay ngoài tòa án, là chúng ta làm chứng về người ấy; vì thế, nếu chúng ta nói một điều gì không thật về người ấy là chúng ta đã nói chứng dối nghịch người ấy.

Sự nói chứng dối có thể là vì ác ý, muốn làm hại hoặc trả thù người khác, có thể là vì thiện ý muốn bảo vệ hoặc tôn cao người khác, và cũng có thể là vì không biết rõ sự thật. Trước khi đi vào chi tiết của sự nói chứng dối chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu ý nghĩa các từ ngữ được dùng trong điều răn thứ chín.

Trong nguyên ngữ của Thánh Kinh từ ngữ "kẻ lân cận mình" bao gồm những ai thân thuộc, quen biết hoặc có mối tương quan xã hội nào đó với chúng ta: là cha mẹ, là vợ chồng, là người yêu, là anh chị em, là bạn bè, là người hàng xóm, là người cộng sự, hoặc là người cùng quốc tịch. Từ ngữ này còn có một ý bao quát là "người khác," tức là bất cứ ai ngoài chính mình. Như vậy, chúng ta có thể hiểu rằng, Thiên Chúa cấm chúng ta nói chứng dối về người khác. Dĩ nhiên, điều răn thứ chín không hàm ý là chúng ta có thể nói chứng dối về chính mình. Trong Lê-vi ký 6:1-7, Thiên Chúa cấm sự nói dối và thề dối:

1 Đấng Tự Hữu Hằng Hữu lại phán với Môi-se rằng:

2 Khi nào ai mắc tội phạm đến Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, hoặc nói dối cùng người lân

cận mình về đồ vật gửi hay là tin mà giao cho, hoặc về một tài vật trộm cắp, hoặc giết lấy của người lân cận mình;

3 hoặc nếu nhặt được một của mất mà nói dối về của đó, hoặc thề dối về một trong các việc người ta phạm tội được;

4 khi nào đã phạm và mắc lỗi như vậy, thì phải trả lại vật mình đã ăn cắp, hoặc vật đã giết lấy, hoặc vật đã tin gửi cho, hoặc vật làm mất nhặt được,

5 hoặc về các món người đã thề dối: người phải bồi thường nguyên lại và phụ thêm một phần năm giá trị mà giao cho chủ vật đó ngày nào mình dâng của lễ chuộc sự mắc lỗi.

6 Tùy theo sự đánh giá của người, người ấy phải bắt trong bảy một chiên đực không có tí vết, dẫn đến thầy tế lễ mà dâng cho Đấng Tự Hữu Hằng Hữu để làm của lễ chuộc sự mắc lỗi mình;

7 thầy tế lễ sẽ làm lễ chuộc tội cho người trước mặt Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, thì lỗi người sẽ được tha, bất luận lỗi nào người đã mắc.

Trong Lê-vi Ký 19:11, Thiên Chúa cấm sự nói dối và lường gạt:

"Các ngươi chớ trộm cắp, chớ nói dối, và chớ lừa đảo nhau."

Từ ngữ "nói" được dùng trong điều răn thứ chín không phải là động từ "nói" thông thường mà là một từ ngữ biến thể từ một động từ gốc, có nghĩa là "nhìn chăm chú," với nghĩa rộng là "thuật lại điều đã thấy và biết." Những lời được thuật lại đó được gọi là "lời chứng." Như vậy, "nói chứng dối" có nghĩa là thuật lại không đúng sự thật những gì mình đã thấy và biết.

Như đã trình bày trên đây, chúng ta có thể cố ý hoặc vô ý mà nói chứng dối. Trong trường hợp cố ý nói chứng dối thì có ba lý do:

- 1. Cố ý nói chứng dối để hãm hại hoặc trả thù người khác.** Người phạm tội này có mục đích muốn làm hại người khác và cũng có thể tự mình tạo ra chứng cứ giả để khiến cho lời chứng dối của mình được xem là thật.
- 2. Cố ý nói chứng dối để tôn cao hoặc lấy lòng người khác.** Đây là thói quen của những người ưa xu nịnh.
- 3. Cố ý nói chứng dối để tự bảo vệ hoặc thủ lợi cho mình.** Người phạm tội này có thể là vì muốn trốn tránh trách nhiệm về một việc làm sai trái nào đó của mình mà đổ tội của mình cho người khác hoặc không muốn bí mật của mình bị tiết lộ. Người phạm tội này cũng có thể là vì được mua chuộc để làm chứng dối cho ai đó hoặc vì sự nói chứng dối về một điều gì đó đem lại quyền lợi cho mình.

Trường hợp vô ý nói chứng dối xảy ra khi chúng ta quan sát không kỹ, hoặc nhớ không hết các dữ kiện, hoặc hiểu không đúng sự kiện mà mình chứng kiến. Sự biểu diễn của các nhà ảo thuật điển hình cho sự kiện khả năng quan sát của loài người rất có giới hạn. Nếu một nhân chứng được hỏi rằng, anh ta có thấy nhà ảo thuật đưa tay ra khoảng không trước mặt thì lập tức một bông hồng xuất hiện trên tay của ông ta hay không, thì nhân chứng buộc phải nói là có thấy. Tuy nhiên, chúng ta biết đó không phải là sự thật. Ngoài ra, còn có trường hợp nhân chứng không thấy hoặc không biết hết diễn tiến của một sự kiện, cho nên, lời làm chứng không hoàn toàn đúng sự thật. Tục ngữ có câu: *"Một nửa ổ bánh mì vẫn là bánh mì nhưng một nửa sự thật không còn là sự thật,"* mà chúng ta có thể dùng để nói lên tính cách nghiêm trọng của sự làm chứng. Chúng ta hãy xét qua các thí dụ dưới đây:

1. Một người bị bệnh mù màu không thể làm chứng một cách trung thực về những điều liên quan đến màu sắc. Thủ phạm có thể mặc áo màu đỏ khi gây án nhưng người chứng lại nói là thủ phạm mặc áo màu xám.
2. Một người giúp thổi bụi trong mắt của người khác có thể bị nhìn thấy là đang hôn người khác.
3. Trong các loại thuốc trị bệnh chúng ta thường thấy có những loại thuốc mà khi uống vào có thể làm cho người ta buồn ngủ. Nếu chúng ta giới thiệu công dụng chữa bệnh của thuốc mà không nói đến tác động phụ làm buồn ngủ của thuốc thì chúng ta chỉ mới nói một nửa sự thật. Điều đó có thể khiến gây ra tai nạn chết người nếu bệnh nhân uống thuốc và ngủ gục trong khi lái xe. Cho dù chúng ta vô ý không nói đến tác động phụ của thuốc nhưng sự vô ý đó vẫn có thể đem lại hậu quả làm thiệt hại người khác.

Chúng ta sẽ mang tội nói chứng dối về chính mình khi chúng ta nói về mình một cách không trung thực. Sự nói chứng dối về chính mình có thể là kết quả của sự khoác lác và kiêu ngạo. Khoác lác là nói dối khiến cho người ta tin cậy mình hoặc tôn trọng mình. Kiêu ngạo là thổi phồng một lẽ thật, tức là nói dối dựa trên một lẽ thật, khiến cho người ta tin cậy mình hoặc tôn trọng mình. Sự nói chứng dối về chính mình cũng có thể là nhằm để tự bảo vệ hoặc thủ lợi cho mình. Con dân Chúa dựa vào sức toàn năng của Chúa bảo vệ mình và không hề thủ lợi mà chỉ vui nhận sự ban cho từ nơi Chúa.

Trên phương diện thuộc linh, một người phạm tội nói chứng dối về chính mình khi xưng nhận mình là con dân của Thiên Chúa mà không sống đúng theo Lời Chúa:

"Nếu chúng ta nói mình có sự giao thông với Ngài, mà còn đi trong sự tối tăm, ấy là chúng ta nói dối và không làm theo lẽ thật." (I Giăng 1:6).

"Ai nói: Tôi biết Ngài! Mà không giữ các điều răn của Ngài, là người nói dối, lẽ thật không ở trong người ấy." (I Giăng 2:4).

"Nếu có ai nói rằng: Tôi yêu Đức Chúa Trời, mà lại ghét anh em mình, thì ấy là kẻ nói dối. Vì ai chẳng yêu anh em mình thấy, thì không thể yêu Đức Chúa Trời mình chẳng thấy được." (I Giăng 4:20).

Chúng ta sẽ mang tội nói chứng dối về Chúa khi chúng ta "làm chứng" hoặc thuật lại những điều không có thật về Chúa.

Thông thường người ta hay nói: "Chúa phán với tôi" như thế này, "Chúa phán với tôi" như thế nọ, nhưng thật ra, đó chỉ là những ý tưởng của chính họ chứ không phải là lời phán của Chúa. Một người vẫn còn sống theo những sự ưa muốn của xác thịt, chưa chịu vâng theo các điều răn của Chúa thì không thể nghe được Chúa phán điều gì khác hơn là "Hãy ăn năn!" Ngoài ra, cũng có thể họ nghe tiếng nói của Ma Quỷ mạo làm tiếng Chúa. Con dân chân thật của Chúa, là những người thật lòng ăn năn tội, hoàn toàn tin cậy nơi sự cứu rỗi của Đức Chúa Jesus Christ, và sống theo Lời Chúa, thì không bị tiếng nói của xác thịt hoặc tiếng nói của Ma Quỷ dẫn dụ. Con dân chân thật của Chúa được nghe sự phán dạy của Chúa mỗi ngày trong cuộc sống qua Lời của Chúa là Thánh Kinh và mỗi mệnh lệnh riêng tư của Chúa phán trong tâm trí họ cũng đều dựa trên các lẽ thật của Thánh Kinh.

Nhiều người có thói quen nói chứng dối về Chúa với mục đích muốn tôn cao Chúa. Tuy nhiên, Thiên Chúa không cần những lời dối trá của loài người để được vinh hiển. Trái lại, những lời nói chứng dối về Thiên Chúa làm xúc phạm Ngài. Người ta cũng có thể nói chứng

dối về Chúa để tỏ ra rằng mình được Thiên Chúa ban ơn cách đặc biệt. Những lời nói chứng dối về Thiên Chúa cũng có thể dựa trên một số chi tiết có thật nhưng được thổi phồng lên.

Đặc biệt, trong công tác rao giảng Tin Lành, chúng ta sẽ phạm tội nói chứng dối về Chúa khi chúng ta chỉ nói đến các phước hạnh về sự tin Chúa mà không nói đến cái giá phải trả khi đi theo Chúa. Chúng ta cần ghi nhớ: *"Một nửa ổ bánh mì vẫn là bánh mì nhưng một nửa sự thật không còn là sự thật."* Chúa không bao giờ hứa sự giàu có hoặc sức khỏe cho những ai theo Chúa, cho nên, chúng ta sẽ phạm tội nói chứng dối về Chúa khi chúng ta kêu gọi người ta tin Chúa để được thoát nghèo hoặc được chữa lành bệnh tật. Mục đích của sự tin Chúa là để được cứu rỗi ra khỏi quyền lực và hậu quả của tội lỗi, để không bị hư mất đời đời trong hỏa ngục mà được vui sống đời đời trong Chúa; còn sự được thoát nghèo hoặc được chữa lành bệnh tật là tùy thuộc nơi ý muốn của Chúa dành cho từng cá nhân.

Có lẽ tội nói chứng dối về Chúa nghiêm trọng nhất là nếp sống không đúng với Lời Chúa của chúng ta. Chúng ta nói đến sự đổi mới, nói đến quyền phép của Thiên Chúa, nói đến tình yêu trong Chúa, nói đến sự thánh khiết, công bình trong Chúa... nhưng nếu đời sống chúng ta nghịch lại những tiêu chuẩn yêu thương, thánh khiết, và công chính của Chúa, vi phạm các điều răn của Ngài, thì chúng ta đã nói chứng dối về Ngài; bởi vì, nếp sống của chúng ta khiến cho người ta kết luận là Chúa không có quyền năng thay đổi chúng ta!

Nói chứng dối tức là nói dối. Đức Chúa Jesus gọi Ma Quỷ là cha của sự nói dối (Giăng 8:44), vì thế, tất cả mọi lời nói dối đều ra từ Ma Quỷ, dù là một lời nói dối mà chúng ta cho rằng không gây hại cho ai hoặc chỉ nhằm để an ủi người khác; và những ai ưa thích nói dối thì người đó là con cái của Ma Quỷ. Thật ra, không có một lời nói dối nào mà không gây hại cho ai. Bất cứ lời nói dối nào cũng trước hết là vi phạm tiêu chuẩn thánh khiết của Thiên Chúa. Thiên Chúa là lẽ thật cho nên một lời nói không thật là sự xúc phạm đến phẩm chất của Thiên Chúa. Con dân Chúa không thể dùng lời nói dối để mua vui hoặc an ủi người khác. Thánh Kinh dạy:

"Chớ nói lời tục tĩu, chớ giễu cợt, chớ giả bộ tâm phào, là những điều không đáng, nhưng thà cảm tạ ơn Chúa thì hơn." (Ê-phê-sô 5:4).

Tất cả những lời nói dối đều là những lời dữ vì vi phạm luật pháp của Thiên Chúa. Thánh Kinh dạy:

"Chớ có lời hư xấu nào ra từ miệng anh em, nhưng là lời lành có ích cho sự gây dựng và mang ơn đến cho những người nghe." (Ê-phê-sô 4:29).

Thánh Kinh lên án những kẻ nói dối và hình phạt của kẻ nói dối mà không ăn năn là hư mất đời đời trong hỏa ngục (Khải Huyền 21:8). Thánh Kinh cũng dạy con dân Chúa phải từ bỏ sự nói dối:

"Như vậy, mỗi người trong các anh em phải chừa sự nói dối, hãy nói thật với người lân cận mình, vì chúng ta làm chi thể cho nhau." (Ê-phê-sô 4:25).

"Chớ nói dối nhau, vì đã lột bỏ người cũ cùng công việc nó, mà mặc lấy người mới, là người được đổi ra mới trong sự hiểu biết, theo hình ảnh Đấng dựng nên người ấy." (Cô-lô-se 3:9-10).

Là con dân Chúa, chúng ta đã được Thiên Chúa *"định sẵn để nên giống như hình bóng Con Ngài"* (Rô-ma 8:29), đã được Đức Thánh Linh tái sinh thành người mới *"tức là người đã được dựng nên giống như Thiên Chúa, trong sự công bình và sự thánh sạch chân thật"* (Ê-phê-sô 4:24); vì thế, chúng ta phải nhờ ơn Chúa để sống một nếp sống sao cho trong miệng của

chúng ta "*không tìm thấy sự gian trá*" như Đức Chúa Jesus Christ yêu dấu của chúng ta (I Phi-e-rơ 2:22); và trong ngày chúng ta vào trong cõi đời đời thì được xác chứng rằng, trong miệng chúng ta "*chẳng có lời gian trá nào hết*" (Khải Huyền 14:5).

Những ai phạm tội nói chứng dối và nói dối hãy đến với Chúa, ăn năn tội và xưng tội với Ngài, để được Ngài tha tội và làm cho sạch mọi điều gian ác (I Giăng 1:9). Chúng ta hãy cầu xin Chúa đem mọi sự dối trá ra khỏi chúng ta và gìn giữ chúng ta không vô ý phạm tội nói chứng dối và nói dối.

Nguyện Đức Thánh Linh, Thần Lẽ Thật, giúp chúng ta hiểu biết và sống đúng theo Lời Chúa mỗi ngày. A-men!

Ghi Chú

1. Lời tục tĩu: Những lời thô tục, dâm dật.

2. Giấu cọt: Những lời chọc cười không đem lại bổ ích hay gây dựng; nói như là một người thiếu hiểu biết; điển hình là các "danh hài" Việt Nam ngày nay.

3. Giả bộ tầm phào: Những lời tục tĩu được trá hình dưới hình thức một lời hai ý kiểu "đổ tục giảng thanh" hoặc "đổ thanh giảng tục," điển hình là thơ của bà Hồ Xuân Hương. Nhiều "mục sư" Việt Nam ngày nay đã đưa sự "giấu cọt" và "giả bộ tầm phào" vào trong bài giảng, biến chức vụ "cho chiên ăn" thành vai "hề thuộc linh."

Điều Răn Thứ Mười Chớ Tham Muốn Những Gì Không Thuộc Về Mình

Điều răn thứ mười của Đức Chúa Trời là:

“Người chớ tham muốn nhà kẻ lân cận người. Người chớ tham muốn vợ kẻ lân cận người, hoặc tôi trai, hoặc tớ gái, hoặc bò, hoặc lừa, hoặc bất cứ điều gì của kẻ lân cận người.” (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:17).

“Người chớ tham muốn vợ kẻ lân cận người. Người chớ tham muốn nhà kẻ lân cận người, hoặc ruộng, hoặc tôi trai, hoặc tớ gái, hoặc bò, hoặc lừa, hoặc bất cứ điều gì của kẻ lân cận người.” (Phục Truyền Luật Lệ Ký 5:21).

Điều răn thứ mười của Đức Chúa Trời được chép trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20:17 và được nhắc lại trong Phục Truyền Luật Lệ Ký 5:21.

Điều răn thứ mười dạy chúng ta không được tham muốn những gì không thuộc về chúng ta.

Xuất Ê-díp-tô Ký 20:17 không đề cập đến "ruộng" nhưng Phục Truyền Luật Lệ Ký 5:21 thì có chữ "ruộng" và chữ "vợ" được đặt ở đầu câu. Chúng ta tin *“Cả Thánh Kinh đều là bởi Thiên Chúa hà hơi”* (II Ti-mô-thê 3:16), nghĩa là từng chữ trong Thánh Kinh đều là do Đức Thánh Linh thần cảm các tôi tớ của Chúa viết ra. Như vậy, không thể có sự sai lầm hoặc mâu thuẫn trong Thánh Kinh. Vậy, chúng ta phải hiểu như thế nào khi gặp những chi tiết khác nhau thuộc hai hay nhiều phân đoạn trong Thánh Kinh khi chúng cùng đề cập đến một sự kiện?

Cách hiểu thứ nhất là: Chúa cho phép có nhiều nhân chứng cùng ghi lại một sự kiện dưới những hướng nhìn khác nhau, để bổ sung lẫn nhau, đem lại cho chúng ta một bản tường thuật đầy đủ các chi tiết. Điều này tương tự như bốn họa sĩ cùng lúc vẽ một ngọn núi từ bốn hướng khác nhau. Bốn bức tranh cùng diễn tả một ngọn núi nhưng chắc chắn là các chi tiết hoàn toàn khác nhau. Một thí dụ khác, bốn phóng viên cùng tham dự một vụ xử án sẽ viết bốn bài tường trình có những điểm khác nhau. Tương tự như vậy, bốn sách Tin Lành ghi chép về Đức Chúa Jesus Christ cho chúng ta có cái nhìn chi tiết về những lời Chúa phán và những việc Chúa làm.

Cách hiểu thứ nhì là: Có những lỗi trong việc sao chép Thánh Kinh. Ngày nay, chúng ta không còn nguyên bản của Thánh Kinh mà chỉ có các bản chép tay sao chép lại từ các

nguyên bản và từ lẫn nhau. Trong tiến trình sao chép, dù các thư ký rất là cẩn thận nhưng vẫn có thể xảy ra các lỗi. Những lỗi này không làm mất đi sự chân thật của Lời Chúa. Với phương pháp phân tích và đối chiếu các nhà giải kinh có thể nhận biết và sửa chữa những lỗi xảy ra trong việc sao chép.

Cách hiểu thứ ba là: Lời Chúa phán được ghi chép cách trung thực lần thứ nhất trong Thánh Kinh. Về sau, khi được các tô-tớ của Chúa trích dẫn thì có sự khác biệt về từ ngữ so với nguyên văn nhưng không hề có sự khác biệt về ý; như khi chính Đức Chúa Jesus Christ và các sứ đồ trích dẫn Cựu Ước. Những sự khác biệt đó nhằm diễn giải nội dung của nguyên văn và cũng được thần cảm bởi Đức Thánh Linh, cho nên, cũng là Lời Chúa.

Mười Điều Răn được Đức Chúa Trời ghi chép trên hai bảng đá đã được Môi-se chép lại trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20:1-17, nhưng gần 40 năm sau đó, khi Môi-se ứng khẩu lập lại trước mặt dân I-sơ-ra-ên và ghi lại trong Phục Truyền Luật Lệ Ký 5:6-21, thì các từ ngữ có khác một chút trong các điều răn thứ tư, thứ năm, và thứ mười. Với cách hiểu thứ ba được đưa ra trên đây, chúng ta nhận thấy, trong Phục Truyền Luật Lệ Ký 5:6-21, Môi-se trích dẫn Mười Điều Răn và thêm lời diễn giải trong các điều răn thứ tư, thứ năm, và thứ mười. Tương tự như vậy khi Đức Chúa Jesus Christ và các sứ đồ trích dẫn Cựu Ước.

Thí dụ: Ê-sai 40:3 chép: *"Có tiếng kêu rằng: Hãy mở đường trong đồng vắng cho Đấng Tự Hữu Hằng Hữu; hãy ban bằng đường cái trong đất hoang cho Thiên Chúa chúng ta!"* Nhưng khi Sứ Đồ Ma-thi-ơ trích dẫn và ghi lại trong Ma-thi-ơ 3:3 thì các từ ngữ có hơi khác một chút nhưng ý nghĩa thì không thay đổi: *"Ấy là về Giăng Báp-tít mà đáng tiên tri Ê-sai đã báo trước rằng: Có tiếng kêu trong đồng vắng: Hãy dọn đường cho Chúa, ban bằng các nẻo của Ngài."* Cả Ê-sai 40:3 và Ma-thi-ơ 3:3 đều là Lời của Đức Chúa Trời.

Nói cách khác, lần thứ nhất Lời của Đức Chúa Trời được ghi chép cách trung thực trong Thánh Kinh, sau đó, Đức Thánh Linh thần cảm các tô-tớ Chúa nhắc lại và thêm lời diễn giải để làm cho lời đó được dễ hiểu hơn; những lần nhắc lại và diễn giải đó vẫn là Lời của Đức Chúa Trời. Vì thế, lời nguyên thi trong Cựu Ước hay là lời được trích dẫn trong Tân Ước cũng đều là Lời của Đức Chúa Trời phán dạy về cùng một sự việc với các từ ngữ khác nhau.

Từ ngữ được dịch là "tham muốn" ở trong nguyên ngữ của Thánh Kinh là một động từ gốc, có nghĩa là: ưa thích, vui vẻ trong những sự xinh đẹp, dễ yêu, đem lại sự dễ chịu. Nếu dịch cho chính xác sang tiếng Việt thì có thể dịch là "ưa thích," "ham muốn" hoặc "khao khát." Khi dùng để nói lên sự ham muốn không chính đáng thì có thể dịch sang tiếng Việt là "tham muốn."

Ham muốn hoặc khao khát tự mình nó không sai vì Thiên Chúa dựng nên chúng ta với bản tính biết ham muốn. Thi Thiên 19:9-10 ghi rằng:

*"Sự kính sợ Đấng Tự Hữu Hằng Hữu là trong sạch, hằng còn đến đời đời; Các sự phán xét của Đấng Tự Hữu Hằng Hữu là chân thật, hết thấy đều công bình cả. Các điều ấy **đáng chuộng** hơn vàng, thật hơn vàng ròng; Lại ngọt hơn mật, hơn nước ngọt của tàng ong."*

Từ ngữ "đáng chuộng" trong nguyên ngữ của Thánh Kinh chính là động từ ham muốn ở thể thụ động, có thể dịch là: "đáng ưa chuộng," "đáng ham muốn," "đáng khao khát." Nếu chúng ta không có bản tính ham muốn thì chúng ta sẽ không biết ham muốn Chúa và Lời Chúa, không biết ham muốn những sự công bình và thánh sạch, không biết ham muốn nếp sống phước hạnh và đẹp lòng Chúa.

Điều răn thứ mười không cấm chúng ta ham muốn nhưng cấm chúng ta ham muốn những gì thuộc về người khác. Điều răn thứ mười không nhắc lại sự cấm ngoại tình và cấm trộm cắp trong điều răn thứ bảy và thứ tám, nhưng cấm chúng ta hình thành những ý tưởng ham muốn sai trái dẫn đến tội ngoại tình, tội trộm cắp, và đủ các thứ tội khác.

Sự ham muốn mà thiếu lòng kính sợ Chúa sẽ biến thành lòng tham và khiến cho chúng ta vi phạm các điều răn khác của Chúa. Chúng ta hãy xét đến sự ham muốn sai trái của bà Ê-va.

Sáng Thế Ký 2:15-17 chép như sau:

15 Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu đem loài người đặt vào trong vườn tại Ê-đen để lao động và chăm sóc vườn.

16 Rồi, Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu truyền lệnh cho loài người, phán rằng: Người được tự do ăn từ mọi thứ cây trong vườn;

17 nhưng về cây biết điều thiện và điều ác thì người chớ ăn đến; vì trong ngày người ăn thì người chắc sẽ chết.

Sáng Thế Ký 3:1-8 chép như sau:

1 Trong các loài thú đồng mà Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu đã làm nên, có con rắn là giống khôn khéo hơn hết. Nó nói với người nữ rằng: Này! Thiên Chúa có phán dặn các người không được phép ăn trái các cây trong vườn sao?

2 Người nữ đáp cùng con rắn: Chúng ta được ăn trái các cây trong vườn,

3 nhưng về trái của cây mọc giữa vườn, Thiên Chúa có phán rằng: Các người chẳng được ăn đến, các người cũng chẳng được đụng đến, để các người không chết.

4 Rắn nói với người nữ rằng: Các người chẳng chết đâu;

5 nhưng Thiên Chúa biết rằng, trong ngày các người ăn nó, mắt các người sẽ mở ra, và các người sẽ như Thiên Chúa, biết điều thiện và điều ác.

6 Người nữ thấy cây ấy trái ăn ngon, lại đẹp mắt, là cây đáng chuộng vì để mở trí khôn, thì hái trái, ăn, rồi cũng trao cho chồng ở gần mình, chồng cũng ăn.

7 Kế đó, mắt của họ đều mở ra, họ biết rằng họ trần truồng. Họ kết lá cây vả làm thành khố.

8 Vào buổi chiều, nghe tiếng Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu đi trong vườn, loài người và vợ ẩn mình giữa những cây trong vườn, để tránh mặt Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu.

Điều trước hết chúng ta nhận thức qua câu chuyện kể trên, đó là: bà Ê-va đã không vâng lời Chúa, làm điều Chúa cấm làm. (Ở đây chúng ta sẽ không bàn đến ý nghĩa của cây biết điều thiện và điều ác. Quý bạn đọc có thể nghe ba bài giảng về cây biết điều thiện và điều ác tại đây: www.timhieutinlanh.net/?p=377.) Mỗi một lần không vâng lời Chúa có thể khiến cho chúng ta phạm nhiều tội khác nhau. Trong cùng một hành động bẻ trái của cây biết điều thiện và điều ác để ăn và đưa cho chồng ăn, bà Ê-va đã phạm các tội sau đây:

1. Ham muốn một điều không thuộc về mình (vi phạm điều răn thứ mười).
2. Thay thế địa vị của Thiên Chúa trong lòng mình bằng sự ham muốn, biến lòng ham muốn thành một thần khác, vâng theo sự ham muốn hơn là vâng theo Thiên Chúa (vi phạm điều răn thứ nhất).
3. Thờ lạy thần tượng (vi phạm điều răn thứ nhì) vì Thánh Kinh gọi những sự ham muốn sai trái là tham lam và gọi tham lam tức là thờ thần tượng (Ê-phê-sô 5:5; Cô-lô-se 3:5).
4. Không hiểu kính cha mẹ (vi phạm điều răn thứ năm). Lu-ca 3:38 cho chúng ta biết "A-đam con Đức Chúa Trời," cho nên, bà Ê-va vừa phạm tội không tôn kính Thiên Chúa vừa phạm tội không hiểu kính cha.
5. Trộm cắp (vi phạm điều răn thứ tám).
6. Giết người, giết chính bà và giết chồng bà là A-đam (vi phạm điều răn thứ sáu).
7. Cám dỗ và khiến cho người khác phạm tội (Lu-ca 17:1).

Lòng ham muốn sai trái của bà Ê-va đã dẫn đến hậu quả là sự đau khổ và sự chết cho toàn thể loài người.

Điều răn thứ mười dạy cho chúng ta biết nguồn gốc của mọi tội lỗi phát sinh từ những sự ham muốn bất chính trong lòng của chúng ta. Khoảng 4,300 năm trước, Thiên Chúa đã phán về tâm lòng của loài người như sau:

"Đáng Tựa Hữu Hằng Hữu thấy sự hung ác của loài người trên mặt đất rất nhiều, và các ý tưởng của lòng họ chỉ là ác luôn..." (Sáng Thế Ký 6:5).

Khoảng 2,600 năm trước, Thiên Chúa lại phán:

"Lòng người là dối trá hơn mọi vật, và rất là xấu xa; ai có thể biết được?" (Giê-rê-mi 17:9).

Khoảng 2,000 năm trước, Đức Chúa Jesus Christ phán:

"Vì thật là từ bên trong, từ lòng người mà ra những ác tưởng, ngoại tình, tà dâm, giết người, trộm cắp, tham lam, ý xấu, gian trá, hoang đàng, con mắt độc ác, phạm thượng, kiêu ngạo, ngu dại. Hết thấy những điều độc ác ấy ra từ trong lòng thì làm cho dơ dáy người." (Mác 7:21-23).

Chúng ta để ý đến sự kiện Đức Chúa Jesus đặt từ ngữ "những ác tưởng," tức là những tư tưởng ác, những ý nghĩ tội lỗi đứng đầu các hành vi tội lỗi, bởi vì, từ những ác tưởng mà sinh

ra mọi việc ác. Gia-cơ 1:14-15 giải thích tiến trình dẫn đến sự phạm tội và hậu quả của sự phạm tội như sau:

“Nhưng mỗi người bị cám dỗ khi bị dẫn dụ sai lạc bởi sự tham muốn của chính mình. Kế đó, sự tham muốn thành hình và kết quả tội lỗi. Khi tội lỗi đã trọn thì sinh ra sự chết.”

Điều răn thứ mười nêu lên sáu phương diện mà chúng ta có thể ham muốn bất chính dẫn đến sự phạm tội.

1. Phương diện thứ nhất: Ham muốn chồng hoặc vợ của người khác. Trước hết, chúng ta cần phải hiểu rằng, mệnh lệnh *“Người chớ tham muốn vợ kẻ lân cận người”* không có nghĩa điều răn thứ mười chỉ dành riêng cho đàn ông. Toàn bộ Mười Điều Răn được Đức Chúa Trời phán truyền cho mọi dân tộc qua dân tộc I-sơ-ra-ên. Lúc bấy giờ, những người đàn ông là gia trưởng của mỗi nhà, đại diện cho gia đình của mình (Xuất Ê-díp-tô Ký 19:15), trực tiếp nghe nhận các điều răn của Đức Chúa Trời. Vì thế, điều răn thứ mười cũng như chín điều răn trước đó đều là dành chung cho tất cả mọi người. Khi điều răn thứ mười áp dụng cho một người đàn ông thì là: *“Người chớ tham muốn vợ kẻ lân cận người,”* còn khi áp dụng cho một người đàn bà thì là: *“Người chớ tham muốn chồng kẻ lân cận người.”* Thật ra, đối với một xã hội sa lầy trong tội đồng tính luyến ái, thì một người đàn bà vẫn có thể phạm tội ham muốn vợ của người khác và một người đàn ông cũng có thể phạm tội ham muốn chồng của người khác. Ngoài ra, mệnh đề cuối của điều răn thứ mười bao gồm tất cả những gì thuộc về người khác: *“hoặc bất cứ điều gì của kẻ lân cận người.”*

Nền tảng của điều răn thứ mười là Thiên Chúa nghiêm cấm chúng ta có lòng ham muốn sai trái bất cứ những gì không thuộc về chúng ta, và Ngài nêu lên một số chi tiết điển hình, như ham muốn: vợ, nhà, ruộng, tôi trai tớ gái, bò, lừa... của người lân cận. Nếu có ai cho rằng điều răn thứ mười không cấm việc đàn bà ham muốn chồng của người khác thì họ đã không hiểu mệnh đề cuối cùng của điều răn này: *“hoặc bất cứ điều gì của kẻ lân cận người.”* Từ ngữ "điều gì" bao gồm tất cả những gì đã được liệt kê trước đó và tất cả những gì không được liệt kê; nghĩa là: hễ người nào, vật nào, việc nào, sự nào thuộc về của người khác thì chúng ta không được ham muốn.

Sự ham muốn chồng hay vợ của người khác không nhất thiết có liên quan đến tính dục hay sắc đẹp. Chúng ta có thể ham muốn một người vì cá tính, vì học thức, vì địa vị, hoặc vì nếp sống Đạo của người ấy. Chúng ta cũng cần phân biệt sự quý mến hoặc tôn kính với sự ham muốn bất chính. Sự ham muốn bất chính là ý muốn chiếm đoạt chồng hay vợ của người khác về cho chính mình trong khi sự quý mến hoặc tôn kính phát xuất từ tình yêu chân thật trong Chúa.

2. Phương diện thứ nhì: Ham muốn gia đình của người khác. Từ ngữ "nhà" được dùng trong điều răn thứ mười có nghĩa hẹp là nơi cư trú nhưng có nghĩa rộng là gia đình. Vì thế, chẳng những chúng ta không được ham muốn nhà ở của người khác mà chúng ta cũng không được ham muốn những gì thuộc về gia đình của người khác.

Những gì thuộc về một gia đình bao gồm cha mẹ, vợ chồng, con cái, anh chị em, nhà ở và mọi vật dụng trong gia đình.

3. Phương diện thứ ba: Ham muốn phương tiện sinh sống của người khác.

Trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20:17 không đề cập đến "ruộng" nhưng gần 40 năm sau, khi Môi-se lập lại điều răn thứ mười và ghi chép trong Phục Truyền Luật Lệ Ký 5:21 thì ông đã thêm từ ngữ "ruộng." Như trên đã giải thích, không phải Môi-se tự ý thêm vào Lời của Chúa nhưng ông trích dẫn Lời Chúa và diễn giải theo sự thần cảm của Đức Thánh Linh; vì thế, Phục Truyền Luật Lệ Ký 5:21 cũng là Lời Chúa. Khi Thiên Chúa phán truyền Mười Điều Răn trên núi Si-na-i thì dân I-sơ-ra-ên mới bắt đầu hành trình vào đất hứa Ca-na-an; khi đó, chưa người nào sở hữu ruộng đất. Gần 40 năm sau, dân I-sơ-ra-ên chuẩn bị tiến vào đất hứa và sẽ được phân chia đất ruộng, cho nên, Đức Thánh Linh đã thần cảm cho Môi-se thêm danh từ "ruộng" vào điều răn thứ mười, để giúp dân I-sơ-ra-ên hiểu rõ sự Thiên Chúa ngăn cấm. Vì ruộng đất là nền tảng cho việc chăn nuôi và trồng trọt, đem lại sự sống cho loài người, cho nên, danh từ "ruộng" trong điều răn thứ mười tiêu biểu cho tất cả những gì liên quan đến nghề nghiệp và phương tiện sinh sống.

4. Phương diện thứ tư: Ham muốn nhân lực của người khác. Danh từ "tôi trai tớ gái" có thể dùng để chỉ những nô lệ được chủ bỏ tiền ra mua về (Xuất Ê-díp-tô Ký 12:44) mà cũng có thể dùng để chỉ những người được thuê mướn làm việc (I Các Vua 5:6). Vì thế, điều răn thứ mười cấm chúng ta ham muốn nhân lực của người khác.

5. Phương diện thứ năm: Ham muốn tài sản của người khác. Bò và lừa tiêu biểu cho tài sản, vật lực, cho nên, điều răn thứ mười cấm chúng ta ham muốn tài sản, vật lực của người khác chứ không chỉ riêng bò và lừa.

6. Phương diện thứ sáu: Ham muốn bất cứ điều gì thuộc về người khác. Năm phương diện được liệt kê trên đây là những điều cụ thể mà chúng ta đối diện thường ngày trong cuộc sống, được Thiên Chúa nêu ra để làm thí dụ. Điều răn thứ mười không giới hạn sự ham muốn bất chính những điều thuộc về người khác trong năm phương diện đó, mà bao gồm tất cả những gì thuộc về người khác. Nói cách khác, điều răn thứ mười có thể được rút gọn như sau: *"Người chớ tham muốn bất cứ điều gì thuộc về kẻ lân cận người."*

Chúng ta không thể dùng sức riêng để chiến thắng lòng ham muốn bất chính. Thánh Kinh dạy rằng chúng ta phải nhờ quyền năng của Đức Chúa Trời để đánh đổ mọi lý luận, mọi sự tự cao nghịch lại lẽ thật của Lời Chúa; và nhờ đó mà khiến cho các ý tưởng của mình vâng phục Đấng Christ, như những người nô lệ vâng phục chủ:

"Vì chúng tôi dù sống trong xác thịt, chớ chẳng chinh chiến theo xác thịt. Những khi giới mà chúng tôi dùng để chiến tranh là không phải thuộc về xác thịt đâu, mà là bởi quyền năng của Đức Chúa Trời, có sức mạnh để đạp đổ các đồn lũy: nhờ khí giới đó chúng tôi đánh đổ các lý luận, mọi sự tự cao nổi lên nghịch lại sự hiểu biết Đức Chúa Trời, và bắt hết các ý tưởng làm tôi vâng phục Đấng Christ." (II Cô-rinh-tô 10:3-5)

Chỉ khi nào trong chúng ta không còn những lý luận nghịch lại Lời Chúa, không còn dựa vào sự khôn ngoan tri thức của thế gian, và hoàn toàn để cho Đấng Christ làm chủ mọi suy tưởng của chúng ta, thì chúng ta mới có thể thực hành được lời Chúa dạy trong Phi-líp 4:8:

“Sau hết, hỡi anh em, bất cứ điều gì chân thật, điều gì đáng tôn, điều gì công bình, điều gì thánh sạch, điều gì đáng yêu chuộng, điều gì có tiếng tốt, điều gì trọn lành, điều gì đáng khen thì anh em phải nghĩ đến.”

Lòng ham muốn sai trái khiến cho chúng ta không thỏa lòng trong cuộc sống, nó khiến cho chúng ta không biết hưởng thụ những gì Chúa đã ban cho chúng ta, mà cứ miệt mài theo đuổi những gì thuộc về người khác. Lòng ham muốn sai trái khiến cho chúng ta không thỏa lòng về người khác, nó khiến cho chúng ta đầy lòng ganh tỵ với những người chung quanh, khi họ sở hữu những điều mà chúng ta ham muốn. Trên hết, lòng ham muốn sai trái khiến cho chúng ta không thỏa lòng với Chúa, nó khiến cho chúng ta không biết cảm tạ những điều Chúa đã ban cho chúng ta, và oán trách Chúa những gì chúng ta ham muốn mà không có được.

Nguyên tắc để chúng ta thắng được lòng ham muốn sai trái là sự vững tin vào Lời Chúa, nương cậy nơi sức toàn năng của Ngài, và thỏa lòng trong mọi cảnh ngộ của đời sống mà Chúa cho phép xảy ra cho chúng ta. Câu chuyện của ông Gióp được ghi lại trong sách Gióp là bài học tuyệt vời cho chúng ta về đức tin nơi Chúa và thái độ sống theo Lời Chúa. Chúng ta hãy ghi nhớ những lời sau đây, trong I Ti-mô-thê 6:6-12:

6 Sự tin kính cùng sự thỏa lòng ấy là một lợi lớn.

7 Vì chúng ta ra đời chẳng đem gì theo, chúng ta qua đời cũng chẳng đem gì đi được.

8 Như vậy, miễn là đủ ăn đủ mặc thì phải thỏa lòng;

9 Còn như kẻ muốn nên giàu có, ắt rơi vào sự cám dỗ, mắc bẫy dò, ngã trong nhiều sự tham muốn vô lý thiệt hại kia, là sự làm đắm người ta vào sự hủy diệt hư mất.

10 Bởi vì sự tham tiền bạc là cội rễ mọi điều ác, có kẻ vì đeo đuổi nó mà bội đạo, chuốc lấy nhiều điều đau đớn.

11 Nhưng, hỡi con, là người của Đức Chúa Trời, hãy tránh những sự đó đi, mà tìm điều công bình, tin kính, đức tin, yêu thương, nhẫn nại, mềm mại.

12 Hãy vì đức tin mà đánh trận tốt lành, bắt lấy sự sống đời đời, là sự mà con đã được gọi đến, và vì đó mà con đã làm chứng tốt lành trước mặt nhiều người chứng kiến.

Và Hê-bơ-rơ 13:5-6:

“Chớ tham tiền; hãy lấy điều mình có làm đủ rồi, vì chính Ngài phán rằng: Ta sẽ chẳng lìa người đâu, chẳng bỏ người đâu. Như vậy, chúng ta được lấy lòng tin chắc mà nói rằng: Chúa giúp đỡ tôi, tôi không sợ gì hết. Người đời làm gì tôi được?”

Nguyện ân điển và bình an từ Thiên Chúa Hằng Sống bao phủ chúng ta trong mọi nơi, mọi lúc. A-men!

Điều Răn Mới của Đức Chúa Jesus Christ

Hãy Yêu Lẫn Nhau như Chúa Yêu Chúng Ta

Điều răn mới của Đức Chúa Jesus Christ là:

“Ta ban cho các ngươi một điều răn mới: Các ngươi hãy yêu lẫn nhau. Như Ta đã yêu các ngươi thế nào, thì các ngươi cũng hãy yêu lẫn nhau thế ấy.” (Giăng 13:34).

Điều răn mới của Đức Chúa Jesus Christ đặc biệt dành riêng cho những ai đã tin nhận Tin Lành; bởi vì, chỉ có những ai đã tin nhận Tin Lành mới biết được Đức Chúa Jesus Christ đã yêu họ như thế nào, và mới có được tình yêu và năng lực đến từ Thiên Chúa, để họ biết yêu và có thể yêu lẫn nhau như Chúa đã yêu họ. Đức Chúa Jesus Christ gọi điều răn của Ngài là “điều răn mới,” để phân biệt với các điều răn cũ, là Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời.

Chúng ta đã biết: **Giao Ước Mới thay thế Giao Ước Cũ nhưng không bỏ đi Giao Ước Cũ, mà là bao gồm Giao Ước Cũ với các điều khoản mới.**

- Trong Giao Ước Cũ, những ai vâng giữ Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời thì được Ngài nhận làm con dân của Ngài và ban phước cho; những ai vi phạm Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời thì bị hình phạt theo luật pháp của Ngài.
- Trong Giao Ước Mới, những ai vâng giữ Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời thì được Ngài nhận làm con dân của Ngài và ban phước cho, thêm vào đó, họ còn được Ngài tái sinh và ban cho năng lực để trở nên trọn vẹn như chính Ngài, để được sống đời đời trong vương quốc của Ngài; những ai vi phạm Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời thì có được cơ hội thoát khỏi hình phạt theo luật pháp của Ngài, nhờ ăn năn tội và tin vào sự chết chuộc tội của Đức Chúa Jesus Christ.

Tương tự như vậy, điều răn mới của Đức Chúa Jesus Christ không thay thế Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời; nhưng yêu cầu con dân Chúa thể hiện tình yêu của chính Ngài mà họ đã nhận từ nơi Ngài; nghĩa là, ngoài việc vâng giữ Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời, thì con dân Chúa còn phải thể hiện tình yêu của chính Đức Chúa Jesus Christ với nhau.

Đối với mọi người trong thế gian, không phân biệt người tin Chúa hay người không tin Chúa, thì con dân Chúa yêu thương họ như chính mình; tức là xem mỗi người có giá trị ngang hàng với mình, và đối xử với mỗi người như mình muốn người khác đối xử với chính mình:

“Các ngươi muốn người ta làm cho mình thế nào, hãy làm cho người ta thế ấy.” (Lu-ca 6:31).

Trong sách Luận Ngữ, là sách ghi lại những sự giảng dạy của Khổng Tử, có câu: “*Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân,*” có nghĩa là: “*Điều mình không muốn đừng làm cho người!*” Lời dạy của Khổng Tử hàm ý dạy người ta: “*Đừng làm ác!*” Trong khi lời dạy của Đức Chúa Jesus Christ hàm ý dạy người ta: “*Hãy làm thiện!*”

Đừng làm ác là nếp sống thụ động như loài vật chất vô tri. Hãy làm thiện là nếp sống tích cực của một thân vị; (thân vị là một thực thể có suy nghĩ, có cảm xúc, và có quyết định.) Nếu lúc nào chúng ta cũng làm cho mọi người những gì mình muốn người ta làm cho mình, thì sẽ không bao giờ chúng ta có thể làm điều gì mình không muốn cho người khác. Làm theo lời dạy của Khổng Tử thì chúng ta không hại ai nhưng cũng không giúp ích cho ai, cuộc sống trở thành vô nghĩa; còn làm theo lời dạy của Đức Chúa Jesus Christ thì chẳng những chúng ta không hại ai, mà còn giúp ích cho mọi người, cuộc sống trở thành có ý nghĩa vì hoàn thành ý muốn của Đức Chúa Trời, là Đấng đã sắm sẵn mọi việc lành cho chúng ta làm, để tôn vinh Ngài.

“...vì chúng ta là việc Ngài làm ra, đã được dựng nên trong Đấng Christ Jesus để làm những việc lành, mà Đức Chúa Trời đã sắm sẵn trước cho chúng ta làm theo.” (Ê-phê-sô 2:10).

“Bởi vì các anh em đã được chuộc bằng giá cao rồi. Vậy, hãy lấy thân thể và tâm thần mình đã thuộc về Đức Chúa Trời, mà làm vinh hiển Đức Chúa Trời.” (I Cô-rinh-tô 6:20).

Yêu người khác như chính mình không phải là quyền tự do lựa chọn, mà là bổn phận của tất cả mọi người; bởi vì, tất cả điều răn và luật pháp của Thiên Chúa dành cho loài người cùng được tóm gọn lại trong hai điều quan trọng ngang nhau (Ma-thi-ơ 22:28-30):

- Yêu Thiên Chúa bằng cả tâm thần, linh hồn, và thể xác.
- Yêu người khác như chính mình.

Riêng đối với con dân Chúa, ngoài bổn phận yêu người khác như chính mình, họ còn có bổn phận yêu mỗi người trong Chúa bằng chính tình yêu Chúa đã yêu họ; nghĩa là sẵn sàng hy sinh tất cả để bảo vệ, che chở, nâng đỡ, cứu giúp cho anh chị em trong Chúa. Yêu người khác như chính mình không đòi hỏi chúng ta phải hy sinh mọi sự; nhưng yêu anh chị em trong Chúa như Chúa yêu mình chẳng những đòi hỏi chúng ta khi cần phải hy sinh mọi sự, ngay cả mạng sống, mà còn đòi hỏi chúng ta không ngừng phục vụ cho anh chị em của mình.

Những câu Thánh Kinh dưới đây giúp cho chúng ta nhận biết Đức Chúa Jesus Christ đã yêu chúng ta như thế nào:

“Người đã bị người ta khinh dể và chán bỏ, từng trải sự buồn bực, biết sự đau ốm, bị khinh như kẻ mà người ta che mặt chẳng thèm xem; chúng ta cũng chẳng coi người ra gì. Thật, người đã mang sự đau ốm của chúng ta, đã gánh sự buồn bực của chúng ta; mà chúng ta lại tưởng rằng, người đã bị Thiên Chúa đánh và đập, và làm cho khốn khổ. Nhưng người đã vì tội lỗi chúng ta mà bị vết, vì sự gian ác chúng ta mà bị thương. Bởi sự sửa phạt người chịu chúng ta được bình an, bởi lần roi người chúng ta được lành bệnh.” (Ê-sai 53:3-5).

“Ta là Người Chấn Hiền Lành; Người Chấn Hiền Lành vì bày chiên mình, mà phó sự sống mình.” (Giăng 10:11).

“Thật vậy, khi chúng ta còn yếu đuối, Đấng Christ đã theo kỳ hẹn chịu chết vì những kẻ vô tín.” (Rô-ma 5:6).

“Ngài vốn ở trong hình thể Thiên Chúa, nhưng chẳng coi sự bình đẳng mình với Thiên Chúa là sự nên nắm giữ; chính Ngài đã tự bỏ mình đi, lấy hình tơi tở và trở nên ở trong hình dạng loài người; Ngài đã hiện ra như một người, tự hạ mình xuống, vâng phục cho đến chết, thậm chí chết trên cây thập tự.” (Phi-líp 2:6-8).

“... Đức Chúa Jesus Christ, Chứng Nhân Thành Tín, sinh đầu từ trong những kẻ chết, Đấng cầm quyền của các vua trên đất, Đấng yêu thương chúng ta đã rửa sạch tội lỗi chúng ta trong máu Ngài, đã lập chúng ta làm những vua và những thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời Ngài và Cha Ngài...” (Khải Huyền 1:5-6).

Yêu lẫn nhau như Đức Chúa Jesus Christ đã yêu chúng ta có nghĩa là chúng ta phải hy sinh cho nhau như Chúa đã hy sinh cho chúng ta, làm cho nhau mọi điều Chúa đã làm cho chúng ta, và quan trọng hơn hết là tha thứ nhau như Chúa đã tha thứ chúng ta:

“Nếu một người nào có sự gì phàn nàn với người khác thì hãy chịu đựng nhau và tha thứ nhau; như Chúa đã tha thứ các anh em thì các anh em cũng phải làm như vậy.” (Cô-lô-se 3:13).

Sự tha thứ là bông trái của tình yêu chân thật. Sự tha thứ nào cũng đòi hỏi người tha thứ phải trả giá; chẳng những trả giá bằng cách chấp nhận mọi thiệt hại do người có lỗi gây ra, mà còn trả giá bằng cách chấp nhận mọi thua thiệt để giúp người có lỗi ăn năn và trở nên trọn vẹn.

Tình yêu chân thật luôn luôn thể hiện bằng sự cứu giúp và tha thứ mọi người. Thế nhưng có nhiều người nhận mình là con dân Chúa, lại không cứu giúp các anh chị em trong Chúa của mình. Họ không thể cứu giúp vì họ chỉ yêu chính mình. Họ chỉ yêu chính mình vì họ không có tình yêu của Thiên Chúa trong họ.

“Nếu ai có của cải đời này, thấy anh em mình đang túng thiếu mà đóng lòng lại, thì tình yêu của Đức Chúa Trời thế nào ở trong người ấy được!” (I Giăng 3:17).

Có nhiều người rất sẵn lòng cứu giúp nhưng không sẵn lòng tha thứ cho các anh chị em cùng đức tin của mình; thậm chí, không tha thứ cho các anh chị em của mình những lỗi vô ý hoặc vì hiểu lầm. Họ không biết hoặc biết mà không tin các câu Thánh Kinh này:

“Nếu các người tha lỗi cho người ta, thì Cha các người ở trên trời cũng sẽ tha thứ các người.” (Ma-thi-ơ 6:14).

“Nếu mỗi người trong các người không hết lòng tha lỗi cho anh em mình, thì Cha Ta ở trên trời cũng sẽ xử với các người như vậy.” (Ma-thi-ơ 18:35).

“Khi các người đứng cầu nguyện, nếu có sự gì bất bình cùng ai thì hãy tha thứ, để Cha các người ở trên trời cũng tha lỗi cho các người.” (Mác 11:25).

“Hãy ở với nhau cách nhân từ, đầy dẫy lòng dịu dàng thương xót, tha thứ nhau như Đức Chúa Trời đã tha thứ các anh em trong Đấng Christ vậy.” (Ê-phê-sô 4:32).

“Chớ nói xấu ai, chớ tranh cạnh, hãy tha thứ, đối với mọi người tỏ ra một cách mềm mại trọn vẹn.” (Tít 3:2).

Họ không thể tha thứ vì họ kiêu ngạo, không chịu mất mặt hoặc thua kém. Họ kiêu ngạo vì họ không có tình yêu chân thật từ Thiên Chúa. Sự cứu giúp của họ thật ra chỉ là để được mọi người khen ngợi họ, làm thỏa mãn lòng kiêu ngạo của họ. Những người không có tình yêu của Thiên Chúa trong họ thì không phải là con dân chân thật của Thiên Chúa; họ chỉ là những kẻ giả hình, nói dối, tự tôn thờ chính mình, mà Phao-lô gọi là *“những anh em giả dối”*

(II Cô-rinh-tô 11:26).

Chúng ta cần tự hỏi mình những câu hỏi sau đây, mỗi khi có nan đề xảy ra giữa chúng ta với các anh chị em khác trong Hội Thánh:

- Điều mà **tôi muốn** có đúng với Lời Chúa hay không?
- Điều mà **tôi thích** có đúng với Lời Chúa hay không?
- Các lý lẽ mà **tôi nêu ra** có đúng với Lời Chúa hay không?
- Tôi đang bênh vực, bảo vệ mình hay tôi đang làm sáng tỏ sự yêu thương, công bình, và thánh khiết của Chúa?
- Điều anh chị em tôi nói và làm có đúng với Lời Chúa hay không? Nếu đúng thì tôi có hạ mình vâng phục hay không?

Xin đừng ai để cho “thần tôi,” tức lòng tự ái và lòng kiêu ngạo, khiến cho mình nói và làm nghịch lại Lời Chúa. Sứ Đồ Phao-lô là một người đầy ơn và hết lòng với Chúa mà còn nói rằng:

“...nhưng tôi dãi thân thể mình cách nghiêm khắc, bắt nó phải phục, sợ rằng sau khi tôi đã giảng dạy kẻ khác, mà chính mình phải bị bỏ chững.” (I Cô-rinh-tô 9:27).

Vậy, chúng ta hãy học theo gương Phao-lô, xét mình mỗi ngày, trong mọi sự việc không để cho xác thịt làm chủ.

Những ai chứng kiến sự sai trái của anh chị em mình thì phải lên tiếng khuyên giải ngay. Ai sợ mất lòng người nghe mà không lên tiếng khuyên giải, thì có tội với Chúa và có lỗi với anh chị em của mình, vì đã để cho anh chị em mình ở lại trong sự sai trái, làm hại Hội Thánh của Chúa. Như vậy, chẳng khác gì người nhìn thấy mà không dõng dạc đá trước chân người mù!

Ma-thi-ơ 25 ghi lại lời tiên tri của Đức Chúa Jesus Christ về những điều tiêu cực sẽ xảy ra trong vòng những người tin nhận Ngài trong Thời Đại Nạn, và sự Ngài sẽ phán xét họ; nhưng chúng ta có thể rút ra bài học quý giá chung cho Hội Thánh và riêng cho chính mỗi người. Chúng ta cần ghi nhớ rằng, nội dung của Ma-thi-ơ 25 là nói đến những điều sẽ xảy ra trong thế gian, sau khi Hội Thánh đã được cất ra khỏi thế gian. Khi đó, thế gian sẽ ở dưới quyền thống trị của Sa-tan qua nhân vật Anti-Christ (Kẻ Chống Nghịch Đấng Christ); những ai tin nhận Tin Lành sẽ bị Anti-Christ bách hại khủng khiếp. Dầu vậy, vẫn có rất nhiều người tin nhận Tin Lành; vì khi ấy, họ nhận biết lời tiên tri của Khải Huyền đang ứng nghiệm trước mắt họ; họ nhận biết Thiên Chúa có thật và Thánh Kinh là lẽ thật về Thiên Chúa; nhất là vào giữa Kỳ Đại Nạn, sẽ có thiên sứ bay giữa trời, rao giảng Tin Lành đòi đòi cho cư dân trên đất, cho mỗi quốc gia, mỗi chi tộc, mỗi ngôn ngữ, và mỗi dân tộc (Khải Huyền 14:6).

Nguyện rằng, web site www.kytanthe.net và cuốn sách Kỳ Tận Thế sẽ giúp cho nhiều người Việt Nam nhận biết lẽ thật về Thiên Chúa, về sự cứu rỗi, về sự tận thế, về sự hư mất đời đời trong hỏa ngục của những ai không tin nhận Tin Lành. Mỗi con dân Chúa nên tích cực giới thiệu và phổ biến đến nhiều người web site và sách Kỳ Tận Thế. Con dân Chúa nên sao chép phần âm thanh mp3 các bài giảng Kỳ Tận Thế và Chú Giải Sách Khải Huyền vào trong các USB và micro SD, để tặng cho mọi người, từ người đã tin Chúa đến người chưa tin Chúa. Người đã tin Chúa sẽ có cơ hội ôn lại lẽ thật của Thánh Kinh, ra khỏi các giáo hội, dọn mình thánh sạch, chuẩn bị cho ngày Chúa trở lại; người chưa tin Chúa sẽ có cơ hội biết đến Chúa và lẽ thật về sự cứu rỗi mà họ rất cần.

Tiếc thay, trong ba năm rưỡi đầu của bảy năm đại nạn, có nhiều người I-sơ-ra-ên chỉ tin nhận Cựu Ước mà không tin nhận Tân Ước. Họ được Đức Chúa Jesus Christ ví như năm người nữ đồng trinh thiếu khôn ngoan (Ma-thi-ơ 25:1-13). Đèn tiêu biểu cho nếp sống của Hội Thánh và của con dân Chúa. Dầu tiêu biểu cho Lời Chúa được tuôn đổ vào trong Hội Thánh, vào trong tâm thần của con dân Chúa, để chiếu ra tình yêu, sự công chính, và sự thánh khiết của Thiên Chúa cho thế gian, qua nếp sống mỗi ngày của con dân Chúa, qua sự rao giảng Tin Lành của Hội Thánh. Dầu trong đèn tiêu biểu cho Cựu Ước. Dầu trong bình tiêu biểu cho Tân Ước. Cả Cựu Ước lẫn Tân Ước là chứng nhân của Thiên Chúa, làm chứng cho loài người về Đức Chúa Jesus Christ; (xin đọc Xa-cha-ri 4.) Chính Đức Chúa Jesus Christ đã giảng giải cho hai môn đồ của Ngài những điều Thánh Kinh nói về Ngài trong toàn Cựu Ước:

“Kể đó, Ngài bắt đầu từ Môi-se rồi kể đến mọi đấng tiên tri mà giảng giải cho hai người đó những điều chỉ về Ngài trong cả Thánh Kinh.” (Lu-ca 24:27).

Trong Thời Đại Nạn, Chúa vẫn ban ơn, giao các ta-lâng: sự khôn ngoan, tuổi thọ, sức khỏe, thời gian, địa vị, quyền thế, tiền bạc, tài sản, phương tiện... cho con dân Chúa, để họ sống và hầu việc Chúa; nhưng sẽ có những người không biết tận dụng ơn và khả năng Chúa ban. Có thể vì họ lười biếng hầu việc Chúa. Có thể vì họ nhút nhát, sợ hãi... (Ma-thi-ơ 25:14-30).

Điều đáng chú ý là có rất nhiều người tin nhận Tin Lành, trung tín chịu khổ trong cơn bách hại của Anti-Christ trong suốt Thời Đại Nạn. Họ vâng giữ Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời, hoàn toàn tin cậy ơn cứu rỗi của Đức Chúa Jesus Christ:

“Con rỗng nổi giận với người đàn bà và đi gây chiến với những người còn lại thuộc dòng dõi bà, là những người vâng giữ các điều răn của Đức Chúa Trời và có lời chứng của Đức Chúa Jesus Christ.” (Khải Huyền 12:17).

“Đây là sự nhãn nại của các thánh đồ, là những người vâng giữ các điều răn của Đức Chúa Trời và đức tin trong Đức Chúa Jesus.” (Khải Huyền 14:12).

Nhưng tiếc thay, họ không vâng giữ Điều Răn Mới của Đức Chúa Jesus Christ. Họ không đưa tay cứu giúp những anh chị em cùng đức tin bị khó khăn, bách hại. Họ không yêu những anh chị em cùng đức tin như Chúa yêu họ. Thậm chí, họ không yêu những anh chị em cùng đức tin như chính họ. Lời tiên tri của Đức Chúa Jesus Christ, được ghi lại trong Ma-thi-ơ 25:31-46, đã nói lên cách rõ ràng số phận của những ai là con dân Chúa mà không vâng giữ Điều Răn Mới của Ngài:

31 Khi Con Người ngự trong sự vinh quang mình mà đến với các thiên sứ thánh, thì Ngài sẽ ngồi trên ngai vinh quang của Ngài.

32 Muôn dân nhóm lại trước mặt Ngài, rồi Ngài sẽ chia người này với người khác ra, như người chăn chia chiên với dê ra;

33 để chiên ở bên phải và dê ở bên trái.

34 Bấy giờ, Vua sẽ phán với những người ở bên phải rằng: Hỡi các người được Cha Ta ban phước, hãy đến mà nhận lấy vương quốc đã sắm sẵn cho các người từ khi dựng nên thế gian.

35 Vì Ta đói, các người đã cho Ta ăn; Ta khát, các người đã cho Ta uống; Ta là khách lạ, các người tiếp đón Ta;

36 Ta trần truồng, các người mặc cho Ta; Ta bệnh, các người thăm Ta; Ta bị tù, các người viếng Ta.

37 Lúc ấy, những người công bình sẽ thưa rằng: *Lạy Chúa, khi nào chúng tôi đã thấy Ngài đói, mà cho ăn; hoặc khát, mà cho uống?*

38 *Lại khi nào chúng tôi đã thấy Ngài là khách lạ mà tiếp đón; hoặc trần truồng mà mặc cho?*

39 *Hay là khi nào chúng tôi đã thấy Ngài bệnh, hoặc bị tù, mà đến với Ngài?*

40 *Vua sẽ đáp lời, phán với họ rằng: Thật vậy, Ta nói với các ngươi, các ngươi đã làm cho một người thấp hèn nhất trong các anh em này của Ta, ấy là các ngươi đã làm cho chính mình Ta vậy.*

41 *Kế đó, Ngài cũng sẽ phán với những người ở bên trái rằng: Hỡi những kẻ bị rủa, hãy lui ra khỏi Ta; đi vào lửa đời đời đã sẵn sẵn cho Ma Quỷ và những sứ giả của nó.*

42 *Vì Ta đã đói, các ngươi không cho Ta thức ăn; Ta khát, các ngươi không cho uống;*

43 *Ta là khách lạ, các ngươi không tiếp đón; Ta trần truồng, các ngươi không mặc cho Ta; Ta bệnh và bị tù, các ngươi không thăm viếng.*

44 *Rồi, họ cũng sẽ đáp lời Ngài, thưa rằng: Lạy Chúa, khi nào chúng tôi đã thấy Ngài, hoặc đói, hoặc khát, hoặc là khách lạ, hoặc trần truồng, hoặc bệnh, hoặc bị tù mà không phục vụ Ngài?*

45 *Thì Ngài sẽ trả lời họ, phán rằng: Thật vậy! Ta nói với các ngươi, các ngươi đã không làm cho một trong những người nhỏ nhất giữa những người này, là các ngươi cũng đã không làm cho Ta.*

46 *Và, những kẻ này sẽ vào hình phạt đời đời, còn những người công bình sẽ vào sự sống đời đời.*

Trong hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn các nhu cầu vật chất, kinh hoàng vì các thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh... con dân Chúa lại bị bắt bớ khốc liệt bởi chính quyền của Anti-Christ và bị cướp giết từ những người không tin Chúa, thì con dân Chúa vẫn phải có bổn phận cứu giúp, nâng đỡ, an ủi lẫn nhau, thể hiện tình yêu của Thiên Chúa trong họ thành hành động. Họ như những đóa hoa thơm, càng bị giày đạp bao nhiêu thì càng tỏa hương thơm ngát bấy nhiêu. Cuộc sống càng khó khăn bao nhiêu thì họ càng cứu giúp, an ủi, nâng đỡ lẫn nhau, hy sinh cho nhau bấy nhiêu; vì họ yêu nhau như Chúa đã yêu họ, hết lòng phục vụ lẫn nhau như phục vụ chính Chúa.

“Chẳng ai có tình yêu nào lớn hơn điều này, ấy là một người phó sự sống mình cho các bạn hữu mình.” (Giăng 15:13).

“Bởi đó, chúng ta nhận biết tình yêu của Chúa, ấy là Chúa đã vì chúng ta mà bỏ sự sống của Ngài. Vậy, chúng ta cũng nên vì các anh em bỏ sự sống mình.” (I Giăng 3:16).

Cách thức Đức Chúa Jesus Christ phán xét con dân Chúa vào cuối Kỳ Đại Nạn cũng là cách thức Ngài phán xét Hội Thánh. Một người giữ trọn Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời và có đức tin trong sự chết chuộc tội của Đức Chúa Jesus Christ, nhưng không vâng giữ Điều Răn Mới của Ngài, thì người ấy sẽ đi vào lửa của hình phạt đời đời.

Điều Răn Mới của Đức Chúa Jesus Christ không thay thế Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời, nhưng hiệp với Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời và Điều Răn Nên Thánh của Đức Thánh Linh, làm thành nền tảng cho từng ý nghĩ, lời nói, hành động của con dân Chúa, và là

tiêu chuẩn cùng thẩm quyền để phán xét nếp sống của con dân Chúa.

Chúng ta hãy yêu nhau một cách chân thật, thể hiện tình yêu của chính Đức Chúa Jesus Christ trong chúng ta qua hành động:

“Hỡi các con cái bé nhỏ, chớ yêu bằng lời nói và lưỡi, nhưng bằng việc làm và lẽ thật.”
(I Giăng 3:18).

Hãy nhớ rằng: cứu giúp và tha thứ là hai mặt của tình yêu chân thật!

Mọi thắc mắc, nghi ngờ, buồn giận... giữa anh chị em trong Chúa phải được giải quyết ngay tức khắc, để Sa-tan không thừa cơ đánh phá, cám dỗ. Chúa không cho phép chúng ta giận đến khi mặt trời lặn, (nghĩa là không kéo dài sự giận cho đến ngày hôm sau); vì thế, nếu có sự bất hòa giữa anh chị em trong Chúa, thì chúng ta cần phải giải quyết ngay để mọi việc được sáng tỏ, không gây hiểu lầm, cũng để người có lỗi sớm có cơ hội nhận lỗi và ăn năn.

Con dân Chúa yêu mọi người **như** chính mình nhưng con dân Chúa yêu anh chị em cùng đức tin **hơn** chính mình. Con dân Chúa yêu nhau như Chúa đã yêu mình: tha thứ nhau, cứu giúp nhau, và hy sinh cho nhau như Chúa đã tha thứ, cứu giúp, và hy sinh cho mình. Ai là con dân Chúa mà không yêu anh chị em trong Chúa như Chúa đã yêu mình, thì người ấy vi phạm Điều Răn Mới của Đức Chúa Jesus Christ; khi Chúa đến, người ấy sẽ bị bỏ lại và sẽ phải đi vào hỏa ngục trong ngày phán xét.

Điều Răn Hãy Nên Thánh của Đức Thánh Linh Chớ Phạm Những Sự Ô Uế

Điều Răn Hãy Nên Thánh của Đức Thánh Linh trước hết được Đức Thánh Linh phán qua môi miệng của Gia-cơ (Công Vụ Các Sứ Đồ 15:20), sau đó được ghi chép thành chữ để gửi cho các Hội Thánh địa phương giữa vòng dân ngoại (Công Vụ Các Sứ Đồ 15:29). Khi Sứ Đồ Phao-lô về lại Giê-ru-sa-lem sau cuộc hành trình truyền giáo lần thứ ba (khoảng cuối mùa xuân năm 58) thì các trưởng lão trong Hội Thánh tại Giê-ru-sa-lem đã xác nhận với ông rằng, điều răn ấy đã được Hội Thánh tại Giê-ru-sa-lem viết trong thư gửi đến các Hội Thánh địa phương giữa vòng dân ngoại (Công Vụ Các Sứ Đồ 21:25).

“Các anh em hãy kiêng ăn của cúng thần tượng, máu, thú vật chết ngọt; và chớ tà dâm.” (Công Vụ Các Sứ Đồ 15:29).

Nên thánh trước hết có nghĩa là được tẩy sạch mọi sự ô uế từ thuộc thể đến thuộc linh; kế tiếp là được biệt riêng ra cho Đức Chúa Trời, để Ngài dùng theo thánh ý của Ngài; riêng đối với con dân Chúa, nên thánh còn có nghĩa là trở nên giống như Đức Chúa Trời, trọn vẹn như Ngài là trọn vẹn:

“Thế thì các người hãy nên trọn vẹn, như Cha các người ở trên trời là trọn vẹn.” (Ma-thi-ơ 5:48).

Là con dân Chúa, chúng ta được làm nên thánh bởi Ba Ngôi Thiên Chúa:

- Chúng ta được nên thánh bởi sự chết chuộc tội của Đức Chúa Jesus Christ; máu của Ngài rửa sạch mọi tội lỗi của chúng ta (Hê-bơ-rơ 9:14; I Giăng 1:7; Khải Huyền 1:5-6).
- Chúng ta được nên thánh bởi Lời của Đức Chúa Trời (Giăng 17:17); Lời Ngài là lẽ thật, giúp cho chúng ta hiểu biết thánh ý của Ngài mà làm theo, để chúng ta không phạm tội.
- Chúng ta được nên thánh bởi sự hiện diện của Đức Thánh Linh trong thân thể chúng ta, khiến thân thể chúng ta trở thành đền thờ của Thiên Chúa, để chúng ta dùng thân thể mình làm vinh hiển Đức Chúa Trời (I Cô-rinh-tô 3:16, 6:19).

Tuy nhiên, về phần chúng ta, chúng ta cũng phải tích cực ở lại trong sự thánh hóa mà Ba Ngôi Thiên Chúa đã làm ra cho chúng ta:

- Chúng ta phải suy ngẫm Lời Chúa ngày đêm, để hiểu biết thánh ý của Chúa và để có năng lực chống lại mọi thử thách, cám dỗ. Chúng ta phải cẩn thận làm theo mọi điều đã chép ở trong Lời Chúa, để chúng ta không phạm lỗi, không phạm tội, và được đầy

ơn trong mọi việc chúng ta làm:

“Quyển sách luật pháp này chớ xa miệng người, hãy suy ngẫm ngày và đêm, để cẩn thận làm theo mọi điều đã chép ở trong; vì như vậy người mới được thịnh vượng trong đường lối mình, và người mới hành động thông sáng.” (Giô-suê 1:8).

- Chúng ta phải luôn ăn năn, xưng tội mỗi khi nhận biết mình phạm tội. Điều này không có nghĩa là chúng ta tha hồ phạm tội theo ý thích, rồi xưng tội để được tha tội; mà là chúng ta phải tích cực tránh xa mọi cám dỗ, gắng sức sống theo Lời Chúa. Chúng ta vẫn có thể phạm tội vì thiếu hiểu biết, vì vô ý. Sự phạm tội khiến chúng ta bị ô uế nên chúng ta cần ăn năn và xưng tội với Chúa ngay lập tức, để chúng ta được tha tội và được làm cho sạch tội, được phục hồi địa vị nên thánh:

“Nếu chúng ta xưng nhận những tội lỗi của mình, thì Ngài là thành tín công bình để tha thứ cho chúng ta những tội lỗi của chúng ta, và làm cho chúng ta sạch mọi điều không công bình.” (I Giăng 1:9).

- Chúng ta phải luôn giữ gìn vệ sinh và sức khỏe cho thân thể; siêng năng tắm rửa, giặt giũ, ăn uống, làm việc điều độ, đúng mực... để thân thể chúng ta luôn được sạch sẽ và khỏe mạnh. Hãy ghi nhớ: Thân thể chúng ta không còn thuộc về chúng ta nữa, mà đã là đền thờ của Thiên Chúa; và chúng ta có bổn phận giữ cho đền thờ của Thiên Chúa luôn được sạch sẽ, tươi mới, sẵn sàng làm mọi việc lành để thờ phượng Thiên Chúa; nếu không, chúng ta phải chịu trách nhiệm trước Đức Chúa Trời:

“Tuy nhiên, chẳng có người nào trong chúng ta vì chính mình mà sống, cũng chẳng có người nào trong chúng ta vì chính mình mà chết; vì nếu chúng ta sống, là sống cho Chúa, và nếu chúng ta chết, là chết cho Chúa. Vậy nên, chúng ta hoặc sống hoặc chết, đều thuộc về Chúa cả.” (Rô-ma 14:7-8).

“Các anh em chẳng biết mình là đền thờ của Thiên Chúa, và Đấng Thần Linh của Đức Chúa Trời ở trong các anh em sao? Nếu có ai phá hủy đền thờ của Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời sẽ phá hủy họ; vì đền thờ của Đức Chúa Trời là thánh, mà chính các anh em là đền thờ.” (I Cô-rinh-tô 3:16-17).

“Các anh em chẳng biết rằng thân thể mình là đền thờ của Đức Thánh Linh đang ngự trong các anh em, là Đấng mà các anh em đã nhận bởi Thiên Chúa, và các anh em chẳng phải thuộc về chính mình sao? Bởi vì các anh em đã được chuộc bằng giá cao rồi. Vậy, hãy lấy thân thể và tâm thần mình đã thuộc về Đức Chúa Trời mà làm vinh hiển Đức Chúa Trời.” (I Cô-rinh-tô 6:19-20).

Trong trường hợp thân thể chúng ta bị các chứng tật bệnh nhưng Chúa không chữa lành chúng ta, mà chỉ ban thêm ân điển cho chúng ta, để chúng ta làm sáng danh Ngài qua sự chịu khổ của chúng ta, thì chúng ta không có trách nhiệm về sự tật bệnh của mình:

II Cô-rinh-tô 12:7-10

7 Vậy nên, để tôi không lên mình kiêu ngạo bởi sự cao trọng lớn của những sự tỏ ra ấy, thì đã cho một cái dằm xóc vào thịt tôi, tức là quỷ sứ của Sa-tan, để vả tôi, và làm cho tôi đừng kiêu ngạo.

8 Đã ba lần tôi cầu nguyện Chúa cho nó lìa xa tôi.

9 Nhưng Ngài phán rằng: Ân điển Ta đủ cho người rồi, vì sức mạnh của Ta nên trọn

ven trong sự yếu đuối. Vậy, tôi sẽ rất vui lòng khoe mình về sự yếu đuối tôi, để cho sức mạnh của Đấng Christ ở trong tôi.

10 Cho nên, tôi vì Đấng Christ mà đành chịu trong sự yếu đuối, sỉ nhục, túng thiếu, bắt bớ, khốn khó; vì khi tôi yếu đuối, ấy là lúc tôi mạnh mẽ.

Hãy nhớ rằng, Chúa có thể dùng bệnh tật trên thân thể xác thịt của chúng ta để hoàn thành thánh ý của Ngài, như chứng ghê lở trên thân thể ông Gióp (Gióp 2:7), như sự mù từ thuở mới được sinh ra của một người tại Giê-ru-sa-lem:

“Đức Chúa Jesus vừa đi qua, thấy một người mù từ lúc mới được sinh ra; các môn đồ của Ngài hỏi Ngài rằng: Ra-bi, ai đã phạm tội, người hay là cha mẹ của người, mà người khi được sinh ra thì mù như vậy? Đức Chúa Jesus đáp rằng: Chẳng phải người này đã phạm tội hay cha mẹ của người; nhưng ấy là để cho những việc của Đức Chúa Trời được tỏ ra trong người.” (Giăng 9:1-3).

Bất cứ sự ô uế thuộc thể nào cũng dẫn đến sự ô uế thuộc linh, nếu chúng ta không nhanh chóng tẩy uế ngay. Chính sự không giữ gìn vệ sinh, sức khỏe của thân thể là sự không làm theo các mệnh lệnh của Chúa, là phạm tội; mà tội lỗi là sự ô uế thuộc linh.

Điều Răn Hãy Nên Thánh của Đức Thánh Linh truyền cho con dân Chúa không phải là người I-sơ-ra-ên; vì phần lớn những người không phải dân I-sơ-ra-ên không biết các luật về sự ô uế trong Cựu Ước; nhưng cũng là một sự nhắc lại cho con dân Chúa người I-sơ-ra-ên về sự giữ mình thánh sạch, về sự bãi bỏ những luật lệ về nghi thức là những luật làm hình bóng cho các mục vụ của Đức Chúa Jesus Christ.

Tất cả những con dân Chúa người I-sơ-ra-ên trong Hội Thánh đều học biết về 613 điều luật trong Cựu Ước từ trước khi họ trở thành môn đồ của Đức Chúa Jesus Christ. Trong 613 điều luật có các luật về vệ sinh thân thể, vệ sinh nơi ở, luật cấm ăn máu, luật cấm thờ cúng thần tượng, luật cấm các hình thức tà dâm. Điều Răn Hãy Nên Thánh của Đức Thánh Linh hàm ý: Con dân Chúa, ngoài việc vâng giữ Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời, Điều Răn Mới của Đức Chúa Jesus Christ, và Điều Răn Hãy Nên Thánh của Đức Thánh Linh thì không cần phải giữ các điều nào khác, như: luật cắt bì, luật giữ bảy ngày lễ hội, luật cấm ăn các loài trong thời Cựu Ước bị xem là ô uế... Con dân Chúa có quyền tự do giữ các luật ấy vì sở thích; nhưng nếu cho rằng phải giữ các luật ấy để được cứu rỗi thì sai; và Sứ Đồ Phao-lô đã trình bày rõ sự sai lầm của việc giữ các điều răn để được cứu trong thư gửi cho Hội Thánh tại Ga-la-ti. Trong Cô-lô-se 2:16-17, Phao-lô cũng nhấn mạnh:

“Vi vậy, chớ để ai phán xét anh em về sự ăn hay sự uống, hoặc trong sự dự phần của một ngày lễ, hoặc của một ngày mặt trăng mới, hoặc của những ngày Sa-bát; ấy đều chỉ là bóng của các việc sẽ tới, còn hình thì ở trong Đấng Christ.”

Thần tượng là bất cứ một hình tượng nào do tay người làm ra và tôn làm thần linh; hoặc linh hồn của người chết được tôn làm thần linh; hoặc bất cứ một ý tưởng triết học, một chủ nghĩa, một chế độ, một tổ chức, một vật, một chất (rượu, ma túy...), một nơi chốn, một người sống nào... được yêu quý, tôn kính, tìm kiếm, say mê, vâng phục... hơn là Thiên Chúa. Vì thế, tất cả những gì được dâng lên thần tượng là ô uế, gớm ghiếc đối với Thiên Chúa. Thân thể con dân Chúa là đền thờ Thiên Chúa, lẽ nào lại công khai tiếp nhận thức ăn thừa từ các thần tượng?

Mặc dù mọi thần tượng đều là hư không, nghĩa là ra từ sự hoang tưởng của loài người, không chân thật, không có giá trị; nhưng sự con dân Chúa ăn của cúng thần tượng một cách có ý thức chẳng khác nào công nhận thần tượng có thật, có quyền lực, và có thể khiến cho

những người có đức tin non yếu bị cám dỗ phạm tội thông công với ma quỷ cùng những kẻ tôn thờ ma quỷ.

Trong I Cô-rinh-tô 8, Sứ Đồ Phao-lô đã giải bày rất rõ về sự con dân Chúa không nên ăn của cúng thần tượng, như sau:

1 Còn về những của lễ cúng tế các thần tượng thì chúng ta biết rằng, tất cả mọi người đều có sự hiểu biết. Sự hiểu biết khiến cho kiêng ngạo nhưng tình yêu thì gây dựng.

2 Và có ai tưởng mình biết điều gì, thật người ấy chưa biết như mình nên biết.

3 Nhưng nếu có ai yêu Đức Chúa Trời, thì Ngài biết người ấy.

4 Vậy, về sự ăn những của lễ cúng tế các thần tượng, chúng ta biết rằng, thần tượng trong thế gian là hư không; và rằng, chẳng có Thiên Chúa nào khác mà chỉ có một.

5 Bởi vì, dù có những thứ được gọi là các thần linh, hoặc ở trên trời, hoặc ở dưới đất, như là có nhiều thần, nhiều chúa;

6 nhưng đối với chúng ta, chỉ có một Thiên Chúa là Đức Cha, muôn vật thuộc về Ngài, và chúng ta hướng về Ngài; lại chỉ có một Chúa, là Đức Chúa Jesus Christ, muôn vật đều nhờ Ngài mà có, và chúng ta cũng vậy.

7 Nhưng không phải ai cũng có sự hiểu biết ấy. Vì cho đến giờ, có người nhận thức về thần tượng như là có thật, nên ăn như ăn của cúng tế thần tượng, thì lương tâm yếu đuối của họ bị ô uế.

8 Hơn nữa, đồ ăn không đem chúng ta đến gần Đức Chúa Trời; nếu chúng ta ăn, chẳng được gì hơn; nếu chúng ta không ăn, cũng chẳng hại gì.

9 Nhưng hãy coi chừng, kẻo sự tự do của các anh em trở thành cơ vấp phạm cho những người yếu đuối.

10 Bởi vì, nếu có ai nhìn thấy các anh em, là những người có sự hiểu biết, ngồi ăn trong miếu, đền của tà thần, thì chẳng phải lương tâm yếu đuối của người ấy được khích lệ mà ăn những của lễ cúng tế các thần tượng sao?

11 Lễ nào bởi sự hiểu biết của các anh em mà một người anh em yếu đuối, là người Đấng Christ đã chết thế cho, sẽ bị hư mất?

12 Khi các anh em phạm tội nghịch lại các anh em như vậy, làm cho lương tâm yếu đuối của họ bị thương, thì các anh em phạm tội nghịch lại Đấng Christ.

13 Cho nên, nếu thức ăn làm cho các anh em tôi vấp phạm, thì tôi sẽ không bao giờ ăn thịt, để tôi không làm cho các anh em tôi vấp phạm.

Tuy nhiên, trong trường hợp thức ăn đã được cúng tế cho thần tượng nhưng con dân Chúa không hay biết về điều đó, thì con dân Chúa vẫn được phép ăn. Sự cúng tế thần tượng mà con dân Chúa không biết là điều vô nghĩa đối với con dân Chúa. Lời Chúa dạy rõ như sau:

I Cô-rinh-tô 10:14-33

14 Vậy nên, hỡi những người yếu đuối của tôi, hãy tránh xa sự thờ lạy thần tượng.

15 Tôi nói với các anh em như nói với những người thông minh. Các anh em hãy suy xét điều tôi nói.

16 Cái chén phước lành mà chúng ta xin Chúa ban phước, chẳng phải là thông với

máu của Đấng Christ sao? Cái bánh mà chúng ta bẻ, chẳng phải là thông với thân thể của Đấng Christ sao?

17 Vì chúng ta dù là nhiều người, là một bánh, một thân thể; bởi vì chúng ta đều có phần chung trong một cái bánh.

18 Hãy xem dân I-sơ-ra-ên theo phần xác; chẳng phải những người ăn sinh tể thì tương thông với bàn thờ sao?

19 Vậy thì tôi nói gì? Thần tượng có ra gì hay của cúng tế các thần tượng có ra gì chẳng?

20 Nhưng những gì người ngoại cúng tế là cúng tế cho các quỷ, không phải cho Thiên Chúa; nên tôi không muốn các anh em tương thông với các quỷ.

21 Các anh em không thể uống chén của Chúa cùng chén của các quỷ. Các anh em không thể dự phần bàn ăn của Chúa cùng bàn ăn của các quỷ.

22 Chẳng lẽ chúng ta muốn làm cho Chúa ghen? Chúng ta mạnh sức hơn Ngài sao?

23 Mọi sự tôi đều được phép làm, nhưng chẳng phải mọi sự đều có ích. Mọi sự tôi đều được phép làm, nhưng chẳng phải mọi sự đều gây dựng.

24 Chớ ai tìm lợi riêng cho mình, nhưng ai nấy hãy tìm cho kẻ khác.

25 Bất cứ vật gì bán ở hàng thịt, hãy ăn; vì lương tâm mà đừng hỏi gì hết;

26 bởi vì đất và mọi vật chứa trong đất đều thuộc về Chúa.

27 Nếu có người chẳng tin mời các anh em, và các anh em muốn đi, thì bất cứ món gì dọn ra trước các anh em, hãy ăn, vì lương tâm mà đừng hỏi gì.

28 Nhưng nếu có ai nói với các anh em rằng: Món này là của cúng tế các thần tượng, thì đừng ăn, vì người ấy đã bảo trước mình và vì lương tâm; bởi vì đất và mọi vật chứa trong đất đều thuộc về Chúa.

29 Tôi không nói về lương tâm của các anh em, nhưng về lương tâm của người khác. Bởi vì, có sao sự tự do của tôi phải bị lương tâm người khác phán xét?

30 Nếu tôi tạ ơn rồi ăn, có sao mà tôi bị gièm chê vì điều mà tôi đã tạ ơn?

31 Vậy, các anh em hoặc ăn, hoặc uống, hay là làm sự gì khác, hãy vì sự vinh quang của Thiên Chúa mà làm.

32 Đừng làm gương xấu cho người Do-thái, người Hy-lạp, hay là Hội Thánh của Đức Chúa Trời.

33 Hãy như tôi: gắng sức làm đẹp lòng mọi người trong mọi việc, chẳng tìm ích lợi riêng cho mình, nhưng cho phần nhiều người, để họ được cứu.

Nói cách khác: Nếu con dân Chúa không biết thức ăn đã cúng tế cho thần tượng thì con dân Chúa cứ cảm tạ Chúa mà ăn; nhưng nếu con dân Chúa biết được thức ăn đã cúng tế cho thần tượng thì con dân Chúa không được ăn; vì khi đã biết đó là thức ăn cúng tế ma quỷ mà vẫn ăn là công nhận sự cúng tế ma quỷ, và tự mình chọn thông công với ma quỷ, đồng thời làm có vấp phạm cho các anh chị em trong Chúa.

Con dân Chúa không ăn máu hoặc thú vật bị chết ngạt; bởi vì trong máu có sự sống và thú vật chết ngạt thì vẫn còn máu ở trong thịt. Sự sống là sự ban cho thiêng liêng từ Thiên Chúa;

mọi người phải tôn trọng sự sống. Khi giết thịt một con thú thì máu của nó phải được rưới ra trên đất. Khi giết một sinh tế thì máu nó phải được rưới trên bàn thờ hoặc dưới chân bàn thờ. Ngày nay, chúng ta sống trong thời Tân Ước, không còn phải dâng sinh tế làm của lễ chuộc tội hoặc của lễ cảm tạ; nhưng chúng ta vẫn còn giết thịt thú vật. Vì thế, Đức Thánh Linh nhắc cho con dân Chúa nhớ đến điều luật cấm ăn máu, cấm ăn thú vật bị chết ngạt. Luật cấm ăn máu bao gồm cả sự pha máu vào rượu để uống.

Dưới đây là những câu Thánh Kinh liên quan đến luật cấm ăn máu và cấm ăn thú vật chết ngạt:

“Nhưng các người không nên ăn thịt có sự sống, nghĩa là có máu.” (Sáng Thế Ký 9:4).

“Trong nơi nào các người ở chẳng nên ăn máu, hoặc của loài chim hay là của loài súc vật. Bất cứ ai ăn một thứ máu nào sẽ bị truất khỏi dân sự mình.” (Lê-vi Ký 7:26-27).

Lê-vi Ký 17:10-16

10 Người nào của nhà I-sơ-ra-ên hay là kẻ khách kiều ngụ nào giữa các người mà ăn một thứ máu nào, thì Ta sẽ trở mặt nghịch lại linh hồn kẻ ăn máu và sẽ diệt nó khỏi dân sự mình;

11 Vì sinh mạng của xác thịt ở trong máu; Ta đã cho các người máu rưới trên bàn thờ để làm lễ chuộc tội cho linh hồn của các người; vì nhờ máu mà chuộc tội cho linh hồn.

12 Bởi đó Ta đã phán với con cháu I-sơ-ra-ên rằng: Trong vòng các người không người nào được ăn máu; kẻ khách kiều ngụ giữa các người cũng không được ăn máu.

13 Còn nếu ai, hoặc con cháu I-sơ-ra-ên, hoặc kẻ khách kiều ngụ giữa các người, đi săn được một con thú hay là con chim ăn thịt được, thì phải đổ máu nó ra, rồi lấy bụi đất lấp lại;

14 vì sự sống của mọi xác thịt, ấy là máu nó; trong máu có sự sống. Bởi đó ấy, Ta đã phán với con cháu I-sơ-ra-ên rằng: Các người không được ăn máu của xác thịt nào; vì sự sống của mọi xác thịt là máu; ai ăn sẽ bị diệt.

15 Bất cứ linh hồn nào, hoặc sinh đẻ tại xứ, hoặc là kẻ khách, ăn thịt của một con thú chết hay là bị xé xác, phải giặt quần áo mình, tắm trong nước, bị ô uế đến chiều tối, mới được tinh sạch lại.

16 còn nếu người không giặt quần áo và không tắm, thì sẽ mang tội mình.

“Các người chớ ăn vật gì có máu. Các người cũng chớ niệm thần chú, chớ xem phong thủy.” (Lê-vi Ký 19:26).

“Tuy nhiên, các người chớ ăn máu; phải đổ máu trên đất như nước vậy.” (Phục Truyền Luật Lệ Ký 12:16).

Phục Truyền Luật Lệ Ký 12:23-27

23 Nhưng phải giữ mình, người chớ ăn máu; vì máu là sự sống, nên người chớ ăn sự sống với thịt.

24 Người chớ ăn nó; người phải đổ nó trên đất như nước.

25 Người chớ ăn nó, để người và các con cháu người được phước, bởi vì người làm điều ngay thẳng trước mặt Đấng Tự Hữu Hằng Hữu.

26 Còn về những vật thánh mà người có, và những hứa nguyện của người, người sẽ

đem đến nơi mà Đấng Tự Hữu Hằng Hữu đã chọn.

27 Người sẽ dâng các của lễ thiêu của người, thịt và máu, trên bàn thờ của Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu người; và máu của các sinh tế thì phải rưới trên bàn thờ của Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu người; và người sẽ ăn thịt.

“Tuy nhiên, người chớ ăn máu; người phải đổ nó trên đất như nước vậy.” (Phục Truyền Luật Lệ Ký 15:23).

Luật cấm ăn máu và thú vật chết ngạt chỉ giới hạn trong các loài chim và thú, là các loài thường được dâng làm sinh tế lên Thiên Chúa; sự sống của chúng có thể tạm thời chuộc tội cho người có tội trong thời Cựu Ước, trước khi Thiên Chúa Ngôi Lời nhập thể làm người, đổ máu trên thập tự giá, để hoàn thành sự chuộc tội một lần đủ cả cho loài người. Dựa vào Lê-vi Ký 7:26-27 và Lê-vi Ký 17:11, chúng ta hiểu rằng, luật cấm ăn máu và thú vật chết ngạt không áp dụng cho các loài thủy sản có máu, vì máu của chúng không được dùng làm của lễ chuộc tội. Trong thực tế, phần lớn các loài thủy sản chết ngạt sau khi bị đem ra khỏi nước, bày bán nơi chợ. Riêng về các loại trứng lộn thì con dân Chúa không nên ăn những trứng đã thành con [1].

Luật cấm ăn máu không liên quan gì đến việc hiến máu và nhận máu vào cơ thể trong các trường hợp cấp cứu, phẫu thuật. Tuy nhiên, những người Chứng Nhân Giê-hô-va tuyệt đối bài trừ việc nhận máu vào cơ thể. Họ cho rằng, nhận máu vào cơ thể là phạm điều răn cấm ăn máu. Họ không hiểu rằng, việc dùng máu để cứu người hoàn toàn khác với việc dùng máu làm thực phẩm. Các trường hợp bị chảy máu mũi, lở loét vào bụng, cũng không phải là phạm tội ăn máu. Chúng ta cần ghi nhớ, điều răn của Chúa cấm chúng ta dùng máu làm thực phẩm, nghĩa là chúng ta không được ăn máu, uống máu như một thứ thực phẩm. Vì thế, việc truyền máu vào thân thể và việc lở loét máu không phải là sự vi phạm điều răn của Chúa.

Điều răn thứ bảy trong Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời cấm con dân Chúa phạm tội ngoại tình. Tội ngoại tình theo nghĩa đen được dùng trong Cựu Ước là sự một người nam quan hệ tính dục với vợ của một người khác, hoặc sự một người nữ đã có chồng mà quan hệ tính dục với một người không phải là chồng mình; theo nghĩa rộng, tội ngoại tình là sự quan hệ tính dục với một người không phải là vợ hoặc chồng của mình. Vì thế, ý nghĩa của điều răn thứ bảy trong Mười Điều Răn chính là Đức Chúa Trời cấm con dân Ngài quan hệ tính dục ngoài hôn nhân. Tất cả những sự quan hệ tính dục ngoài hôn nhân được gọi chung là phạm tà dâm; cho nên, trong Tân Ước, Đức Thánh Linh truyền cho con dân Chúa chớ phạm tà dâm.

- Lê-vi Ký 18 và 20 ghi lại các hình thức tà dâm.

- Phục Truyền Luật Lệ Ký 23:17 cấm cả nam lẫn nữ làm đi:

“Trong vòng con gái I-sơ-ra-ên, chớ có người nào làm đi; trong vòng con trai I-sơ-ra-ên cũng chớ có người nào làm đi đực.”

- Con dân Chúa không được quan hệ tính dục với điếm đi. Từ ngữ điếm đi trong Thánh Kinh bao gồm ý nghĩa: một người dùng quan hệ tính dục với người khác để lấy tiền hoặc thu lợi; một người quan hệ tính dục cách tùy ý với người khác để thỏa mãn sự ham thích tà dâm của xác thịt.

“Các anh em chẳng biết thân thể mình là chi thể của Đấng Christ sao? Vậy thì mình có nên lấy chi thể của Đấng Christ mà làm thành chi thể của điếm đi chẳng? Đức Chúa Trời không cho phép! Các anh em chẳng biết rằng, người

nào kết hiệp với điểm đĩ, thì trở nên một xác với nó sao? Vì có chép rằng: Hai người sẽ trở nên một thịt.” (I Cô-rinh-tô 6:15-16).

- Lời Chúa truyền cho cả nam lẫn nữ phải kết hôn để tránh phạm tà dâm:
“Tuy nhiên, để tránh khỏi sự tà dâm, thì mỗi người đàn ông phải có vợ, mỗi người đàn bà phải có chồng.” (I Cô-rinh-tô 7:2).
- Sự ở độc thân phải được Chúa ban ơn, nếu không, người ở độc thân sẽ khó mà chống lại được sự cám dỗ phạm tội tà dâm (Ma-thi-ơ 19:10-12).
- Đa thê hợp pháp không bị kể là phạm tà dâm. Thời Cựu Ước Đức Chúa Trời cho phép chế độ đa thê, nghĩa là một người nam có thể cưới nhiều vợ, miễn là có khả năng chu cấp đồng đều và yêu thương đồng đều các vợ của mình theo luật pháp của Ngài. Chúng ta có thể hiểu đó là phương cách giải quyết nạn nam thiếu nữ thừa thời ấy. Nạn nam thiếu nữ thừa xảy ra là vì trong thời ấy, chiến tranh xảy ra giữa dân I-sơ-ra-ên và các dân tộc thuộc xứ Ca-na-an khiến cho số phụ nữ góa chồng trong dân I-sơ-ra-ên gia tăng cùng với số lớn nữ tù binh bị dân I-sơ-ra-ên bắt làm nô lệ. Trong thời Tân Ước, dù Thánh Kinh chỉ buộc các chấp sự và trưởng lão không được đa thê, nhưng nếu luật pháp của quốc gia cấm đa thê thì con dân Chúa phải vâng phục, vì luật ấy không nghịch lại Thánh Kinh. Các quốc gia Hồi Giáo cho phép đa thê nhưng cũng đòi hỏi người chồng phải có khả năng cấp dưỡng đồng đều cho các người vợ, và phải là một tín đồ Hồi Giáo.

Tinh thần của sự *“kiêng ăn của cúng thần tượng, máu, thú vật chết ngạt; và chớ tà dâm”* là ngay cả trong tư tưởng cũng không thích thú với các thức ăn ấy, không thích thú với các hình thức tà dâm. Lời phán của Đức Chúa Jesus Christ trong Ma-thi-ơ 5:27-28 cho chúng ta biết, tư tưởng đến sự tà dâm là đã phạm tội tà dâm:

“Các người có nghe lời phán rằng: Người chớ phạm tội ngoại tình. Nhưng Ta phán cho các người biết: Bất cứ ai nhìn một người đàn bà mà ham muốn nàng, thì trong lòng đã phạm tội ngoại tình cùng nàng rồi.”

Và Ngài khẳng định trong Ma-thi-ơ 15:19:

“Vì từ nơi lòng mà ra những ác tưởng, những tội giết người, ngoại tình, tà dâm, trộm cướp, làm chứng dối, và phạm thượng.”

Lời Chúa kêu gọi con dân Chúa từ bỏ và tránh sự tà dâm, vì tội tà dâm là tội đi vào trong thân thể của người phạm tội:

“Hãy tránh sự tà dâm. Mỗi một tội người ta làm, đều làm ở ngoài thân thể; nhưng kẻ buông mình vào sự tà dâm, thì phạm tội đến chính thân thể mình.” (I Cô-rinh-tô 6:18).

“Vậy hãy làm chết các chi thể của anh em ở trên đất, tức là tà dâm, ô uế, tình cảm xấu xa, tham muốn độc ác, và tham lam là sự thờ hình tượng...” (Cô-lô-se 3:5).

Điều Răn Hãy Nên Thánh của Đức Thánh Linh tổng kết các điều luật trong Cựu Ước mà con dân Chúa thời Tân Ước vẫn phải giữ cùng với Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời và Điều Răn Mới của Đức Chúa Jesus Christ.

Điều Răn Hãy Nên Thánh của Đức Thánh Linh được ghi chép ba lần trong Thánh Kinh: Công Vụ Các Sứ Đồ 15:20, 15:29, và 21:25.

Bất cứ ai không *“kiêng ăn của cúng thần tượng, máu, thú vật chết ngạt”* hoặc phạm tà dâm

dưới bất cứ hình thức nào, dù chỉ phạm trong tư tưởng, thì ấy là người phạm tội.

Ghi chú

[1] Gà con nở vào ngày thứ 21 và bắt đầu thở bằng phổi vào ngày 20, dùng không khí trong túi chứa không khí ở đầu lớn của quả trứng. Vì thế, có thể nói ngày 20 là ngày gà con có thể chết ngạt.

Trước đó thì một hệ thống màng mạch chorioallantoic nằm sát vỏ trứng và bên ngoài phôi thai đem các chất bổ dưỡng từ trong ổ của trứng và chuyển không khí thấm qua vỏ trứng đến các tế bào của phôi thai, đồng thời chuyển thán khí ra ngoài vỏ trứng.

Ngày 14, hệ thống màng mạch chorioallantoic đã phát triển toàn vẹn khắp bề trong của vỏ trứng.

Ngày 15, bộ đồ lòng vốn ở bên ngoài thân thể được rút vào trong ổ bụng, gà con đã hoàn toàn thành hình và tiếp tục lớn lên, màng mạch chorioallantoic từ từ teo khô dần.

Việc ăn hay không ăn trứng lộn thuộc về đức tin của mỗi người. Người nào nghĩ rằng ăn trứng lộn là có tội mà vẫn ăn thì người ấy phạm tội (không phải vì ăn trứng lộn nhưng vì tin một điều là sai mà vẫn làm). Người nào phân vân, không biết chắc ăn trứng lộn có phạm điều răn hay không mà vẫn ăn, thì cũng phạm tội, vì ăn không bởi đức tin. Người tin rằng ăn trứng lộn không phạm tội và ăn, thì không phạm tội, vì làm bởi đức tin và vì Thánh Kinh không hề nói đến việc cấm ăn trứng trong bất kỳ thời khoản nào. Từ ngữ "thú vật chết ngạt" là một danh từ chỉ về loài xác thịt bị siết cổ làm cho ngạt thở mà chết, thay vì bị thọc huyết khiến máu chảy ra mà chết.

Tốt nhất là không ăn trứng lộn, nhưng nếu có ăn thì chỉ ăn trứng dưới 15 ngày, là lúc gà hoặc vịt con còn là phôi thai (embryo) và chưa thở bằng phổi. Xin xem hình minh họa sự phát triển của phôi thai thành gà con tại đây:

<https://s-media-cache-ak0.pinimg.com/originals/a8/f8/ca/a8f8ca8b5db0363acd3b8946d75ee5a3.jpg>

Tin Lành Là Gì?

Tin Lành Là Gì?

Tin Lành còn được gọi là Tin Lành của Đức Chúa Jesus Christ, hoặc Tin Lành về Vương Quốc của Đức Chúa Trời.

Dựa trên chính Thánh Kinh, chúng ta biết “Tin Lành” có nghĩa là một **tin tức tốt lành**, đem lại một sự vui mừng lớn cho muôn dân:

“Thiên sứ phán rằng: Đừng sợ gì; vì này, ta báo cho các người một Tin Lành, sẽ là một sự vui mừng lớn cho muôn dân; ấy là hôm nay tại thành Đa-vít đã sinh cho các người một Đấng Cứu Rỗi, là Christ, là Chúa” (Thánh Kinh, sách Lu-ca, đoạn 2, từ câu 10 đến câu 11).

Tin tức tốt lành ấy là tin tức về một Đấng Cứu Rỗi, là Christ, là Chúa đã được sinh ra. Tại sao lại gọi Đấng ấy là Đấng Cứu Rỗi, là Christ, là Chúa?

Để trả lời câu hỏi này, trước hết, chúng ta cần phải chấp nhận Thánh Kinh là chân lý và chấp nhận tất cả những gì được Thánh Kinh trình bày về Thiên Chúa, về loài người và hiện trạng của loài người, cho dù chúng ta có hiểu hay không. Có như vậy, chúng ta mới thật sự có câu trả lời về Tin Lành; và sau khi chúng ta đã chấp nhận các lẽ thật ấy, thì Đức Thánh Linh là thân vị Thiên Chúa hành động trong lòng người, sẽ giúp cho chúng ta hiểu rõ mọi sự.

Trong thực tế của cuộc sống, chúng ta vẫn tin rất nhiều điều mà chúng ta hoàn toàn không hiểu biết gì cả, như tin rằng những viên thuốc của các nhà bào chế có thể chữa lành các chứng bệnh của chúng ta, tin rằng chiếc máy bay nặng nề có thể bay trong không khí để đưa chúng ta từ nơi này sang nơi khác... Thế nhưng, khi đối diện với Thánh Kinh, thì nhiều người nói rằng, họ chỉ tin những gì mà họ có thể hiểu được, họ chỉ tin những gì hợp với sự lý luận của họ. Vì thế, nhiều người nói rằng: Làm sao tôi có thể tin rằng, Thánh Kinh là chân lý, Thánh Kinh là Lời của Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời là Thiên Chúa có thật?

Thật ra, ngay từ những trang đầu tiên, Thánh Kinh đã công bố về một Thiên Chúa là Đấng tạo dựng nên muôn loài vạn vật, và công bố Thiên Chúa đã dựng nên loài người giống như Thiên Chúa, để cai trị đất và muôn vật trên đất. Nếu là một người có tâm trí bình thường, thì người ấy sẽ chấp nhận lời công bố của Thánh Kinh hơn là tin vào thuyết tiến hóa của khoa học. Bởi vì, thuyết tiến hóa của khoa học không chấp nhận một Đấng Tạo Hóa, nhưng cũng không giải thích được nguồn gốc của muôn loài, và cho rằng loài người được tiến hóa từ những tế bào cơ bản nhất, đồng hóa loài người với loài thú, xem loài khỉ là tổ tiên gần nhất của loài người.

Khoa học là môn nghiên cứu thực nghiệm. Khoa học chỉ công nhận những gì có thể thí nghiệm và cho kết quả rõ ràng. Những gì không thể chứng nghiệm thì chỉ là giả thuyết. Giả thuyết có thể đúng mà cũng có thể sai. Cách ngôn có câu: “Sai một ly, đi một dặm!” Nghĩa đen: Lúc khởi đầu đi chệch hướng chỉ một phần ngàn mét thì đi đến sẽ cách xa mục đích đến nhiều ngàn mét. Nghĩa bóng: Chỉ cần sai trật một chi tiết nhỏ, hậu quả sẽ là một sự sai lầm vô cùng lớn! Khoa học chỉ có các dữ kiện SAU CƠN NƯỚC LỤT để làm nền tảng cho những thí nghiệm, những đo đạc. Trước Cơn Nước Lụt các hằng số, như tỷ lệ thất thoát đồng vị phóng xạ, có thể hoàn toàn khác biệt; ngay cả vận tốc của ánh sáng lúc ban đầu khi vũ trụ được hình thành cũng có thể rất khác xa với vận tốc hiện tại. Vì thế, khoa học chỉ có giá trị tương đối, nghĩa là chỉ có thể đúng về một số thực nghiệm trong một phạm vi giới hạn của lịch sử.

Khoa học không thể giúp cho chúng ta biết gì về thế giới thiêng liêng, thế giới của tâm thần, linh hồn; và chắc chắn là khoa học không thể thực nghiệm để chứng minh về sự có thật của một Đấng thiêng liêng: toàn ái, toàn thánh, toàn chính, toàn năng, toàn tri, toàn tại, toàn thiện, toàn chân, toàn mỹ, là Đấng tạo ra muôn loài vạn vật cho một mục đích nhất định.

- Toàn ái: Thiên Chúa là tình yêu. Ngài yêu muôn loài vạn vật và Ngài là nguồn của tình yêu. Vì Ngài là tình yêu nên Thiên Chúa ban cho loài người và các thiên sứ, là những tạo vật thượng đẳng, quyền tự do lựa chọn cùng với trách nhiệm về sự lựa chọn.
- Toàn thánh: Thiên Chúa là thánh. Ngài riêng biệt và độc lập, khác với muôn loài thọ tạo. Ngài tự có và có mãi. Vì Ngài là thánh nên Thiên Chúa không chấp nhận bất cứ điều gì nghịch lại ý muốn của Ngài. Sự nghịch lại ý muốn của Thiên Chúa, như Ngài đã bày tỏ trong Thánh Kinh, là tội lỗi.
- Toàn chính: Thiên Chúa là công chính. Ngài không tư vị một ai. Mọi phán quyết của Ngài là công bình. Vì Ngài là công chính nên Thiên Chúa phải hình phạt tội lỗi.
- Toàn năng: Thiên Chúa làm được mọi sự. Thiên Chúa có thể làm ra sự ác nhưng Ngài chọn không làm ra sự ác. Vì Ngài là toàn năng nên Thiên Chúa làm tất cả những sự tốt lành cho con dân của Ngài, và không ai có thể chống lại Thiên Chúa mà không bị Ngài đánh hạ.
- Toàn tri: Thiên Chúa biết hết mọi sự. Vì Ngài là toàn tri nên không có sự gì có thể giấu kín trước Ngài, ngay cả những ý nghĩ kín đáo trong lòng người và cả những việc chưa xảy ra.
- Toàn tại: Thiên Chúa có mặt khắp nơi, nhưng Ngài không ở trong mọi sự. Ngài chỉ ở trong thân thể của những người thuộc về Ngài. Vì Ngài là toàn tại nên không ai có thể trốn được Thiên Chúa.
- Toàn thiện: Thiên Chúa không làm ra những sự ác và không chấp nhận những sự ác. Những sự ác là những sự nghịch lại bản tính và ý muốn của Thiên Chúa. Vì Ngài là toàn thiện nên những ai tin cậy Thiên Chúa thì được sống bình an và hạnh phúc trong vương quốc của Ngài.
- Toàn chân: Thiên Chúa hoàn toàn chân thật, không hề dối trá và không chấp nhận sự dối trá. Vì Ngài là toàn chân nên Thiên Chúa có đến đời đời và Ngài không bao giờ thay đổi; mọi lời hứa của Thiên Chúa đều sẽ được Ngài hoàn

thành trong thời điểm Ngài đã định.

- Toàn mỹ: Thiên Chúa là uy nghi, tốt đẹp, và là nguồn của mọi sự tốt đẹp. Vì Ngài là toàn mỹ nên trong vương quốc của Thiên Chúa mọi sự đều xinh đẹp tuyệt vời.

Vì Thiên Chúa có thật nên Ngài đã tự bày tỏ chính Ngài cho loài người. Danh xưng Thiên Chúa có nghĩa là Đấng ngự ở trên trời, cai trị muôn loài. Và Thánh Kinh tự nhận Thánh Kinh là Lời của Thiên Chúa, là sứ điệp của Thiên Chúa dành cho nhân loại.

Nếu một người không thể chấp nhận trang đầu tiên của Thánh Kinh là chân lý, công bố về một Thiên Chúa đã dựng nên muôn loài vạn vật, trong đó có loài người được dựng nên giống như Thiên Chúa, để cai trị đất và muôn vật trên đất, thì người ấy không cần phải đọc những trang còn lại của Thánh Kinh, và cũng không cần phải tìm hiểu về Tin Lành.

Thánh Kinh cho chúng ta biết, Thiên Chúa dựng nên một thế giới tốt đẹp, rồi Ngài dựng nên loài người, để loài người vui hưởng và cai trị công trình sáng tạo của Ngài trên đất. Thiên Chúa dựng nên loài người giống như Ngài, nghĩa là:

- Loài người có một thân thể vật chất, gọi là xác thịt, như Thiên Chúa có thân thể xác thịt, khi Ngài chọn xuất hiện trong thế giới vật chất, qua con người mang tên Jesus.
- Loài người có một thân thể thiêng liêng, gọi là tâm thần, như Thiên Chúa ở trong thể thần linh. Nhờ có thân thể thiêng liêng mà loài người nhận biết Thiên Chúa và tương giao với Ngài, cùng với thế giới thiêng liêng.
- Loài người **LÀ** linh hồn, tức là một thực thể sống động ở trong thân thể thiêng liêng và thân thể vật chất, biết quan sát, biết cảm xúc, biết lý luận, và hoàn toàn có ý chí tự do để quyết định.

Thiên Chúa ban cho loài người vui hưởng công trình sáng tạo của Ngài, và Ngài ban cho loài người quyền cai trị đất cùng muôn vật trên đất. Nhưng Ngài cũng ban cho loài người sự tự do để vâng phục Ngài hoặc chống nghịch Ngài. Thiên Chúa không muốn dùng quyền tể trị của Ngài để bắt ép loài người phải vâng phục Ngài, yêu kính Ngài, thờ phượng Ngài. Thiên Chúa muốn loài người tự nguyện vâng phục, yêu kính, và thờ phượng Ngài. Đó là sự chân thật của tình yêu. Tiếc thay, loài người đã chọn không vâng phục Thiên Chúa. Sự không vâng phục Thiên Chúa được Thánh Kinh gọi là tội lỗi.

Chỉ cần một hành động không vâng lời Thiên Chúa, đã chứng tỏ loài người không thật sự yêu kính Thiên Chúa, không thật sự tin cậy Thiên Chúa, không có lòng vâng phục Thiên Chúa. Và, kể từ khi loài người chọn không vâng lời Thiên Chúa, thì sự bội nghịch đó trở thành bản tính của loài người và lưu truyền cho mỗi một người được sinh ra trong thế gian. Thánh Kinh gọi đó là bản tính tội.

Bản tính tội khiến cho loài người luôn nghĩ đến và làm ra những sự chống nghịch Thiên Chúa, dù biết rằng, hậu quả của sự phạm tội là sự chết. Chính Thiên Chúa đã đặt để vào trong lương tâm của loài người tiêu chuẩn yêu thương, thánh khiết, và công chính của Ngài, để làm nguyên tắc sống cho loài người. Thánh Kinh, sách Rô-ma, đoạn 1, từ câu 18 đến câu 32 chép:

18 Con giận của Thiên Chúa từ trên trời tỏ ra nghịch lại mọi sự không tin kính và mọi sự không công bình của những người dùng sự không công bình mà đè nén lẽ thật.

19 Vì điều gì có thể biết được về Đức Chúa Trời thì đã trình bày ra cho họ, Đức Chúa Trời đã tỏ điều đó cho họ rồi,

20 bởi những sự trọn lành của Ngài mắt không thấy được, tức là quyền phép đời đời và thần tính Ngài, thì từ buổi sáng thế vẫn sờ sờ như mắt xem thấy, khi người ta xem xét công việc của Ngài. Cho nên họ không thể chữa mình được,

21 vì họ đã biết Đức Chúa Trời, mà không làm vinh hiển Ngài như Thiên Chúa, và không tạ ơn Ngài nữa; nhưng cứ lầm lạc trong lý tưởng hư không, và lòng ngu dốt đầy những sự tối tăm.

22 Họ tự xưng mình là khôn ngoan, mà trở nên ngu dại;

23 họ đã đổi vinh quang của Đức Chúa Trời không hề hư nát lấy hình tượng của loài người hay hư nát, hoặc của điêu, thú, côn trùng.

24 Cho nên Đức Chúa Trời đã phó họ rơi vào sự ô uế theo lòng tham muốn mình, đến nỗi tự làm nhục thân thể mình nữa,

25 vì họ đã đổi lẽ thật Đức Chúa Trời lấy sự dối trá, kính thờ và hầu việc loài được dựng nên thế cho Đấng dựng nên, là Đấng đáng tôn vinh đời đời! A-men.

26 Ấy vì có đó mà Đức Chúa Trời đã phó họ cho sự tình dục xấu hổ; vì trong vòng họ, những người đàn bà đã đổi cách dùng tự nhiên ra cách khác nghịch với tính tự nhiên.

27 Những người đàn ông cũng vậy, bỏ cách dùng tự nhiên của người đàn bà mà un dốt tình dục người này với kẻ kia, đàn ông cùng đàn ông phạm sự xấu hổ, và chính mình họ phải chịu báo trả xứng với điều lầm lỗi của mình.

28 Tại họ không lo nhìn biết Đức Chúa Trời, nên Đức Chúa Trời đã phó họ theo lòng hư xấu, để phạm những sự chẳng xứng đáng.

29 Họ đầy dẫy mọi sự: không công bình, tà dâm, ý xấu, tham lam, ác dữ; chan chứa những điều ganh ghét, giết người, cãi lẫy, gian trá, thói xấu, nói lén;

30 gièm chê, chẳng tin kính, xác xược, kiêu ngạo, khoe khoang, khôn khéo về sự làm dữ, không vâng lời cha mẹ;

31 đại dột, trái lời giao ước, không có tình nghĩa tự nhiên, không có lòng thương xót.

32 Dù họ biết mệnh lệnh Đức Chúa Trời tỏ ra những người phạm các tội dường ấy là đáng chết, thế mà chẳng những họ tự làm thôi đâu, lại còn ưng thuận cho kẻ khác phạm các điều ấy nữa.

Nhiều người cứ buông mình, chiều theo những sự ham muốn bất chính, sống theo thú vui tội lỗi mà không cần biết đến ngày mai. Một số người muốn thoát ra khỏi nếp sống tội lỗi, nhưng không một người nào có thể tự cứu lấy mình. Biết bao nhiêu tư tưởng triết học, biết bao nhiêu tôn giáo kêu gọi loài người làm lành, lánh dữ, làm thiện, tránh ác... nhưng không một tư tưởng triết học nào, không một tôn giáo nào có thể giúp cho loài người ngưng phạm tội. Bởi vì, loài người đã trở thành nô lệ của tội lỗi. Mà dẫu cho có triết lý nào hay tôn giáo nào có thể khiến cho loài người ngưng phạm tội, thì cũng không có gì có thể khiến cho loài người được thoát khỏi hình phạt của những tội đã phạm trước đó.

Theo Thánh Kinh, hình phạt của tội lỗi là sự chết. Sự chết được nói đến ở đây là sự chết về thuộc thể của thân thể xác thịt lẫn sự chết về thuộc linh của tâm thần và linh hồn, chia làm hai giai đoạn, gọi là sự chết thứ nhất và sự chết thứ nhì.

Sự chết về thuộc thể là linh hồn cùng tâm thần phân rẽ khỏi thân thể xác thịt; thân thể xác thịt tan rã, trở về cùng bụi đất, là chất liệu mà Thiên Chúa đã dùng để tạo nên thân thể xác thịt của loài người, để chờ ngày được sống lại; tâm thần trở về cùng Thiên Chúa là Đấng đã ban nó ra; linh hồn vào trong âm phủ, chờ ngày thân thể xác thịt sống lại, để bị Thiên Chúa phán xét trong xác thịt về mọi việc đã làm ra.

Sự chết về thuộc linh là sự linh hồn và tâm thần phân rẽ khỏi sự tương giao với Thiên Chúa, không còn nhận được ơn phước từ Thiên Chúa, không còn được ở trong sự hiểu biết Ngài và vui hưởng Ngài.

Giai đoạn thứ nhất của sự chết là giai đoạn tạm thời: Linh hồn và tâm thần bị phân rẽ khỏi sự tương giao với Thiên Chúa vì phạm tội, nhưng bởi ân điển, tức là ơn thương xót, của Thiên Chúa, Ngài ban cho loài người cơ hội để ăn năn tội, tin nhận ơn cứu rỗi của Ngài, để được thoát khỏi sự chết thuộc linh và nhận được sự sống lại vinh quang của thân thể xác thịt, được vào trong Vương Quốc Đền Đền của Đức Chúa Trời. Cơ hội này chỉ hiệu lực khi thân thể xác thịt chưa bị chết, tức chưa bị phân rẽ với tâm thần và linh hồn. Sự chết của thân thể xác thịt kết thúc giai đoạn thứ nhất của sự chết.

Giai đoạn thứ nhì của sự chết sẽ kéo dài mãi mãi: Thân thể xác thịt sẽ sống lại, tái hợp với linh hồn và ra trước toà phán xét chung cuộc của Thiên Chúa, để chịu phán xét về mỗi việc làm, rồi chịu khổ đời đời trong hỏa ngục vì những tội lỗi đã làm ra. Hỏa ngục là nơi đời đời giam giữ và hình phạt các thiên sứ chống nghịch Thiên Chúa cùng những người không tin nhận sự cứu rỗi của Thiên Chúa. Hình phạt sẽ tương ứng với tội lỗi của mỗi thiên sứ và mỗi người, nhưng tất cả đều sẽ bị đời đời phân rẽ khỏi tình yêu và năng lực cứu rỗi của Thiên Chúa:

“Họ sẽ bị hình phạt hư mất đời đời, xa cách mặt Chúa và sự vinh quang của sức mạnh Ngài” (Thánh Kinh, sách II Tê-sa-lô-ni-ca, đoạn 1, câu 9).

“Rồi, tôi thấy một ngai trắng, lớn và Đấng ngự trên ngai. Đất và trời trốn khỏi mặt Ngài, chẳng còn thấy chỗ của chúng nữa. Tôi thấy những kẻ chết, nhỏ lẫn lớn, đứng trước Đức Chúa Trời. Có những sách mở ra. Lại có một sách khác là Sách Sự Sống được mở ra. Những kẻ chết bị phán xét tùy theo những việc họ đã làm và đã được ghi lại trong những sách ấy. Biển đã giao lại những kẻ chết trong nó. Sự chết và âm phủ cũng đã giao lại những kẻ chết trong chúng. Mỗi người bị phán xét tùy theo những việc họ đã làm. Sự chết và âm phủ bị ném vào hồ lửa. Hồ lửa là sự chết thứ nhì. Bất cứ kẻ nào không tìm thấy được chép trong Sách Sự Sống thì bị ném vào hồ lửa.” (Thánh Kinh, sách Khải Huyền, đoạn 20, từ câu 11 đến câu 15).

Chính vì hiện trạng bị hư mất của loài người mà loài người cần được cứu rỗi. Sự cứu rỗi mà Thánh Kinh nói đến là sự được giải cứu ra khỏi sức mạnh của tội lỗi và hậu quả của tội lỗi. Sức mạnh của tội lỗi là bản tính ưa thích tội, nghĩ đến tội, và làm ra tội trong mỗi một người. Hậu quả của tội lỗi là đời đời chịu hình phạt trong hỏa ngục. Sự cứu rỗi chỉ có thể đến từ Thiên Chúa.

- Thiên Chúa là thiện, cho nên, bất cứ điều gì chống nghịch Thiên Chúa thì điều ấy đương nhiên là sự ác. Thánh Kinh gọi tất cả những sự ác là tội lỗi.
- Thiên Chúa là thánh khiết, cho nên, Ngài không chấp nhận bất cứ một tội lỗi nào, cho dù chỉ là một lời nói dối, một ý tưởng tà dâm.
- Thiên Chúa là công chính, cho nên, Ngài phải hình phạt những kẻ có tội.

Tuy nhiên, Thiên Chúa cũng chính là tình yêu và là nguồn của tình yêu, nên *“Ngài muốn cho mọi người được cứu rỗi và hiểu biết lẽ thật”* (Thánh Kinh, sách I Ti-mô-thê, đoạn 2, câu 4). Vì thế, Ngài đã ban cho loài người cơ hội được cứu rỗi ra khỏi quyền lực và hậu quả của tội lỗi.

Thánh Kinh cho chúng ta biết, chỉ có một Thiên Chúa bao gồm ba thân vị, mà Thánh Kinh gọi là: Đức Cha, còn gọi là Đức Chúa Trời; Đức Con, còn gọi là Đức Chúa Jesus; và Đức Thánh Linh, còn gọi là Đấng Thần Linh.

Đức Cha là thân vị Thiên Chúa tiêu biểu cho ý chí của Thiên Chúa. Ngài thể hiện ý muốn của Thiên Chúa trên muôn loài. Đức Con là thân vị Thiên Chúa tiêu biểu cho lời phán của Thiên Chúa. Ngài thể hiện mọi ý muốn của Thiên Chúa qua lời phán và hành động. Đức Thánh Linh là thân vị Thiên Chúa tiêu biểu cho sự sống và năng lực của Thiên Chúa. Ngài thể hiện sự sống và năng lực của Thiên Chúa bởi sự ban phát sự sống cho muôn loài và bảo tồn muôn loài.

Để cứu rỗi loài người, Đức Con đã theo thánh ý của Đức Cha, bởi năng lực của Đức Thánh Linh, mà nhập thể làm người, mang tên Jesus, để gánh thay hình phạt tội lỗi cho toàn thể nhân loại:

“Hãy có cùng một tâm tình như Đấng Christ Jesus đã có, Ngài vốn ở trong hình thể Thiên Chúa, nhưng chẳng coi sự bình đẳng mình với Thiên Chúa là sự nên nắm giữ; chính Ngài đã tự bỏ mình đi, lấy hình tởm và trở nên ở trong hình dạng loài người; Ngài đã hiện ra như một người, tự hạ mình xuống, vâng phục cho đến chết, thậm chí chết trên cây thập tự” (Thánh Kinh, sách Phi-líp, đoạn 2, từ câu 5 đến câu 8).

“Và Ngài là của lễ chuộc những tội lỗi của chúng ta; không chỉ của chúng ta thôi đâu, mà còn của cả thế gian nữa.” (Thánh Kinh, sách I Giăng, đoạn 2, câu 2).

Tội lỗi của toàn thể loài người đã bị hình phạt trên thân thể của Đức Chúa Jesus. Đức Chúa Jesus đã chịu khổ, chịu nhục, chịu đóng đinh, và chịu chết trên thập tự giá vì tội lỗi của toàn thể nhân loại. Vì thế, ai tin nhận rằng, Đức Chúa Jesus đã chết chuộc tội cho mình, thì người ấy không còn trách nhiệm về tội lỗi của mình nữa. Người ấy được Đức Chúa Trời tha tội, vì đã tin nhận sự Đức Chúa Jesus gánh nhận hình phạt của tội lỗi thay cho mình.

Tuy nhiên, tin nhận Đức Chúa Jesus gánh thay hình phạt tội lỗi của mình chưa đủ, một người còn phải tin rằng Đức Chúa Jesus chính là Thiên Chúa thành người. Vì nếu Đức Chúa Jesus chỉ là một người, thì Ngài chỉ có thể chết thay cho một người mà thôi. Đức Chúa Jesus phải vừa hoàn toàn là người trong xác thịt, vừa là Thiên Chúa trong thần linh thì Ngài mới có thể gánh thay hình phạt cho tất cả mọi người trong thế gian. Chỉ có Thiên Chúa vô hạn mới có thể chết thay cho tất cả mọi người. Chỉ có trở nên loài người Thiên Chúa mới có thể chết. Và chỉ có chịu khổ, chịu nhục, chịu chết trong thân thể xác thịt yếu đuối của loài người mà án phạt mới được thi hành một cách công bình.

Sự cứu rỗi của Thiên Chúa không dừng lại ở sự tha tội, tức là sự làm cho người có tội không còn phải chịu trách nhiệm và hậu quả của những việc làm tội lỗi của người ấy; mà còn làm cho người ấy được sạch tội, tức là sạch bản tính tội, làm sạch khuynh hướng ưa thích tội, suy nghĩ tội, và làm ra tội; đồng thời, ban cho người được cứu năng lực của chính Thiên Chúa, gọi là thánh linh, để người ấy có thể sống một đời sống thánh khiết theo thánh ý của Thiên Chúa.

Sự cứu rỗi của Thiên Chúa:

- Khiến cho người tin nhận được thoát khỏi hình phạt của tội lỗi, tức là được Đức

Chúa Trời tha tội.

- Khiến cho người tin nhận được sạch bản tính tội, tức là được máu của Đức Chúa Jesus rửa sạch bản tính tội.
- Khiến cho người tin nhận được nhúng chìm trong năng lực của Thiên Chúa để sống một đời sống mới thánh khiết, tức là được Đức Thánh Linh đổ đầy thánh linh.

Vì thế, sự nhập thể làm người của Thiên Chúa là một TIN LÀNH. Vì nhờ đó mà loài người được cơ hội nhận ơn cứu rỗi của Thiên Chúa.

Trong nguyên ngữ Hy-lạp của Thánh Kinh, từ ngữ “euaggelion” phiên âm /du-on-ghê-li-on/ [1] có nghĩa là “tin tức tốt lành” và được dịch sang tiếng Việt rất chính xác là “Tin Lành.” Người công Giáo dịch là Tin Mừng, cũng có người dịch sang Hán Việt là Phúc Âm. Tin lành có nghĩa tương tự như phúc âm, nhưng khác với tin mừng:

- Tin lành: tin tức tốt lành đem lại sự vui mừng và phước hạnh.
- Phúc âm: Phúc là phước; âm là tin tức. Phúc âm là tin tức mang lại sự phước hạnh.
- Tin mừng: tin tức đem lại sự vui mừng nhưng không hẳn là một tin lành. Thí dụ: Một người phạm pháp đang chờ ngày ra tòa, bỗng nhiên nhận được tin, nhân chứng duy nhất có thể đưa ra lời chứng về sự phạm pháp của người ấy đã đột nhiên qua đời. Quan tòa không có chứng cứ để buộc tội, nên phải trả tự do cho người ấy. Đối với kẻ phạm pháp, ấy là một tin mừng, nhưng chắc chắn ấy không phải là một tin tức tốt lành cho xã hội.

Mặc dù Thiên Chúa nhập thể làm người, sinh ra giữa lòng dân tộc I-sơ-ra-ên, nhưng sự cứu rỗi mà Ngài mang đến là cho toàn thể nhân loại. Vì thế, lời báo tin của thiên sứ trong đêm Ngài giáng sinh đã nhấn mạnh đến sự kiện: *“một Tin Lành, sẽ là một sự vui mừng lớn cho muôn dân.”*

Thiên Chúa nhập thể làm người được gọi là Đấng Cứu Rỗi, có nghĩa là loài người không thể tìm sự cứu rỗi ra khỏi quyền lực và hậu quả của tội lỗi từ ai khác. Không một giáo chủ tôn giáo nào, không một phương pháp tu tập nào, không một thần linh nào khác ngoài Đấng Thiên Chúa đã nhập thể làm người, mang tên Jesus, có thể mang sự cứu rỗi đến cho nhân loại. Thánh Kinh ghi rõ:

“Chẳng có sự cứu rỗi trong đấng nào khác; vì ở dưới trời, chẳng có danh nào khác ban cho loài người, để chúng ta phải nhờ đó mà được cứu” (Thánh Kinh, sách Công Vụ Các Sứ Đồ, đoạn 4, câu 12).

JESUS có nghĩa là: “Đấng Tự Hữu Hằng Hữu là Đấng Cứu Rỗi!” Thật vậy, chỉ có Đấng Thiên Chúa tự có và có mãi, mới có thẩm quyền và năng lực cứu rỗi những ai đã phạm tội nghịch lại Ngài. Tại sao chúng ta phạm tội nghịch lại Thiên Chúa mà lại đi tìm sự cứu rỗi từ một ai khác ngoài Thiên Chúa?

CHRIST là một danh hiệu có nghĩa là: “Đấng Được Xức Dầu.” Nghĩa đen là người được Thiên Chúa chọn và xức dầu để làm vua, tiên tri, hoặc thầy tế lễ. Khi được dùng cho Đức Chúa Jesus thì dịch là “Đấng Được Xức Dầu.”

Thời xưa, hình thức xức dầu tiêu biểu cho người được xức dầu đã được Đức Chúa Trời chọn

và ban cho một trong các chức vụ: thầy tế lễ, tiên tri, hoặc vua. Dầu là dầu ô-li-ve tinh khiết, tiêu biểu cho thánh linh, là năng lực từ Thiên Chúa, được tuôn đổ trên đầu của người được xúc, cho chảy tràn khắp thân người. Thời Thiên Chúa nhập thể làm người không còn hình thức xúc dầu theo nghĩa đen nhưng chính thánh linh của Đức Chúa Trời sẽ tuôn đổ trên người được chọn. Đức Chúa Jesus trong địa vị của Đấng Được Xúc Dầu, tức Đấng Christ, cùng một lúc nhận lãnh ba chức vụ từ Đức Chúa Trời. Trong chức vụ tiên tri, Ngài rao giảng về Đức Chúa Trời và Vương Quốc của Đức Chúa Trời. Trong chức vụ thầy tế lễ, Ngài dâng chính mạng sống mình để chuộc tội cho nhân loại. Trong chức vụ vua, Ngài hiện cai trị trong lòng những ai tin nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời, và Ngài sẽ là Vua của các vua và Chúa của các chúa, cai trị trong Vương Quốc Ngàn Năm và Vương Quốc Đồi Đồi.

CHÚA là toàn quyền làm chủ trong mọi sự. Sự toàn quyền này chỉ thuộc về Thiên Chúa. Cả ba thân vị của Thiên Chúa: Đức Chúa Trời, Đức Chúa Jesus Christ, và Đức Thánh Linh đều là Chúa.

“Đấng Cứu Rỗi, là Christ, là Chúa” Có nghĩa là Đấng Cứu Rỗi đã đến để công bố sự cứu rỗi, thi hành sự cứu rỗi, thu hoạch kết quả của sự cứu rỗi, và chỉ một mình Ngài có thẩm quyền trong mọi sự ấy.

Người tin nhận Tin Lành là người:

- Nhận biết mình là tội nhân, mà tội đầu tiên là tội không thờ phượng Thiên Chúa.
- Muốn được thoát khỏi quyền lực và hậu quả của tội lỗi, tức là không muốn cứ sống trong tội và không muốn sẽ bị hư mất, chịu khổ đời đời trong hỏa ngục.
- Tin nhận sự chết chuộc tội của Đức Chúa Jesus Christ.

Người ấy không cần phải làm gì hết, mà chỉ cần thật lòng ăn năn, muốn từ bỏ tội, và hoàn toàn tin nhận sự chết chuộc tội của Đức Chúa Jesus Christ. Người ấy chỉ cần thưa với Chúa:

Kính lạy Đức Chúa Jesus Christ, con là một người có tội, con thật lòng ăn năn tội và tin nhận sự chết chuộc tội của Ngài. A-men!

A-men! Có nghĩa là “Thật như vậy!”

Lập tức người ấy được Thiên Chúa trong thân vị Đức Chúa Trời tha tội, được Thiên Chúa trong thân vị Đức Chúa Jesus Christ làm cho sạch tội, được Thiên Chúa trong thân vị Đức Thánh Linh ngự vào trong thân thể và ban cho thánh linh để hiểu biết Thánh Kinh là Lời của Đức Chúa Trời, và để có năng lực sống một đời sống mới trong Đức Chúa Jesus Christ.

Bước kế tiếp, người ấy cần vâng theo lời Đức Chúa Jesus Christ dạy, chịu báp-tem vào trong danh của Ba Ngôi Thiên Chúa, bắt đầu đọc, suy ngẫm Lời Chúa ngày đêm và cẩn thận làm theo; rồi sốt sắng tham dự các buổi nhóm hiệp với Hội Thánh của Chúa, là những anh chị em cùng tin nhận Tin Lành như mình và cùng sống theo Lời Chúa, để thông công với nhau và cùng nhau thờ phượng Thiên Chúa.

Chịu báp-tem là một nghi thức chịu chìm hoàn toàn thân thể vào trong nước, tiêu biểu cho sự chịu chết con người cũ tội lỗi, dưới án phạt của Thiên Chúa. Khi ra khỏi nước là sống lại một con người mới trong tình yêu và năng lực của Thiên Chúa. Chịu báp-tem còn có nghĩa là đồng chết đi và đồng sống lại với Đức Chúa Jesus. Xin đọc bài ý nghĩa về sự báp tem và cách thức chịu báp-tem [2].

Tin Lành không phải là “Đạo Tin Lành.” “Đạo Tin Lành” là các tổ chức tôn giáo với các nơi nhóm họp gọi là nhà thờ, mà sự giảng dạy của họ sai trật với Thánh Kinh.

Tin Lành là tin tức tốt lành về sự cứu rỗi Thiên Chúa ban cho loài người, qua sự Thiên Chúa nhập thể làm người để gánh thay hình phạt tội lỗi cho toàn thể nhân loại. Người tin nhận Tin Lành là người tin và sống theo Thánh Kinh, không hề gia nhập một tổ chức tôn giáo nào hết. Người ấy đương nhiên thuộc về Hội Thánh của Chúa.

Người thật sự tin nhận Tin Lành sẽ không tham dự những sinh hoạt của các giáo hội mang danh là “Đạo Tin Lành.” Đã biết các giáo hội ấy giảng dạy không đúng Lời Chúa, không vâng giữ các điều răn của Chúa, và đầy những sự giả hình, thì tại sao lại tốn thời gian, công sức, và tiền bạc cho họ?

Đối với những người đang sinh hoạt trong các giáo hội mang danh là Đạo Tin Lành, chúng ta là những người thật sự tin nhận Tin Lành, chỉ có thể trình bày cho họ ý nghĩa chân thật của Tin Lành bằng cách đưa cho họ đọc bài viết này; rồi để cho họ tự quyết định. Nếu họ thật sự tin nhận Tin Lành thì họ sẽ bước ra khỏi các giáo hội. Nếu họ lưu luyến ở lại các giáo hội thì rõ ràng là họ chưa tin nhận Tin Lành thuần khiết của Thánh Kinh. Họ đang tin theo cái mà Thánh Kinh gọi là: “một tin lành khác,” mà thật ra, chẳng có tin lành nào khác (Thánh Kinh, sách Ga-la-ti, đoạn 1, từ câu 6 đến câu 7). Tin Lành chỉ có một. Hoặc là Tin Lành hoặc không phải là Tin Lành. Đối với những người vẫn chọn ở lại với các giáo hội, chúng ta không thể thông công với họ. Vì họ đã được biết lẽ thật mà không tin nhận lẽ thật, lại tiếp tục tin nhận những sự truyền khẩu của loài người. Hãy từ giã họ và dành thời gian mà đem lẽ thật đến cho những người khác.

“Nhưng, hỡi anh chị em yêu dấu, hãy tự lập trên đức tin rất thánh của mình, cầu nguyện trong thánh linh, Hãy giữ chính mình anh chị em trong tình yêu của Thiên Chúa, trông đợi sự thương xót của Đức Chúa Jesus Christ chúng ta cho được sự sống đời đời. Hãy cảm thông đối với một số người. Hãy phân biệt. [Phân biệt người yếu đuối với người cố tình sống trong tội.] Và, với những kẻ khác hãy cứu họ với lòng sợ hãi, kéo họ ra khỏi lửa; ghét cả đến cái áo bị xác thịt làm ô uế.” (Thánh Kinh, sách Giu-đe, từ câu 20 đến câu 23).

Câu hỏi dành cho những ai chưa bao giờ tin nhận Tin Lành: Bạn có muốn thoát ra khỏi quyền lực và hậu quả của tội lỗi, để quay về với địa vị làm con của Thiên Chúa hay không? Bạn có muốn nhận được sự sống lại và sự sống đời đời hạnh phúc trong Vương Quốc của Đức Chúa Trời hay không? Nếu bạn muốn, thì hãy tin nhận Tin Lành. Nếu bạn không muốn, thì chúng tôi không có gì để nói thêm với bạn.

Câu hỏi dành cho những ai đang theo Đạo Tin Lành: Bạn đã nghe biết ý nghĩa thật sự của Tin Lành và thế nào là tin nhận Tin Lành. Bạn có muốn từ bỏ Đạo Tin Lành để tin nhận Tin Lành chân thật của Đức Chúa Jesus Christ hay không? Nếu bạn muốn, thì hãy thực hiện ngay hôm nay. Nếu bạn không muốn, thì chúng tôi cũng không có gì để nói thêm với bạn. Có thể, đây là lời kêu gọi cuối cùng của Chúa dành cho bạn, trước khi Ngài làm bạn cứng lòng hoặc cắt đi mạng sống của bạn.

Lời chúc dành cho những ai đã tin nhận Tin Lành và đang sống trong Tin Lành: Kính thưa quý anh chị em trong Chúa. Chúng tôi kính chúc quý anh chị em ngày càng hiểu biết Lời Chúa càng hơn, ngày càng kinh nghiệm tình yêu và quyền năng của Chúa càng hơn. Chúng tôi kính chúc quý anh chị em được vững vàng trong đức tin, được thánh khiết không chỗ trách được cho đến ngày Đức Chúa Jesus Christ yêu dấu của chúng ta hiện ra và khiến cho chúng ta trở nên trọn vẹn như chính Ngài là trọn vẹn. A-men!

Nếu sau khi đọc bài này, bạn thật lòng ăn năn tội và tin nhận Tin Lành của Đức Chúa Jesus

Christ, xin bạn liên lạc với chúng tôi qua địa chỉ email tại đây:

http://timhieuthanhkinh.net/?page_id=30

Chúng tôi sẽ hướng dẫn bạn những điều căn bản cần biết khi mới đến với Chúa. Mời bạn ghé thăm các web site sau đây để đọc, nghe các bài giảng:

www.timhieutinlanh.net

www.timhieuthanhkinh.net

www.kytanthe.net.

Bạn hãy sao chép bài viết và âm thanh của bài giảng này ra thật nhiều, trao tặng cho nhiều người, để họ cũng được biết về Tin Lành và tin nhận Tin Lành, như bạn. Đó là điều Chúa giao phó cho những ai tin nhận Ngài. Bạn hãy bắt đầu đọc Thánh Kinh là lời của Chúa. Bạn có thể đọc trên mạng: <http://www.tt2012.thanhkinhvietngu.net/bible> và cũng có thể tìm mua một cuốn Thánh Kinh Việt Ngữ Bản Dịch Truyền Thống (Bản dịch 1926, còn gọi là Bản Dịch Phan Khôi). Các bản dịch khác không tốt bằng Bản Dịch Truyền Thống này. Chúng tôi đang tiến hành hiệu đính bản dịch này; mong rằng sẽ có thể phát hành vào năm 2016 với tên gọi: **Thánh Kinh Việt Ngữ Bản Dịch 2016**.

Phần âm thanh của bài giảng này có thể tải xuống từ một trong các nối mạng dưới đây:

https://od.lk/d/MV8xMTUxNzU3MjRf/10241_TinLanh.mp3

http://www.mediafire.com/listen/z2dmgl3j6ctxl7w/10241_TinLanh.mp3

https://soundcloud.com/huynh-christian-timothy/sets/102_sucuuroivuongquoctroi

Bài viết dạng pdf “**10241_TinLanh**” có thể tải xuống từ một trong các nối mạng dưới đây:

<https://od.lk/fl/MV8xNjEzMzAzNV8>

https://www.mediafire.com/folder/u3amorra4ba4t//baigiang_pdf

https://www.amazon.com/clouddrive/share/ILCFtAdPQD4HboCJOPmovCK1xaCvab5dhgwFtjAg6li?ref_=cd_ph_share_link_copy

Ghi Chú

[1] <https://www.blueletterbible.org/lang/lexicon/lexicon.cfm?Strongsg=G2098>

[2] <http://www.timhieutinlanh.net/?p=250>

[3] <http://timhieuthanhkinh.net/?p=254>

Quý bạn đọc có thể vào trang web sau đây để đọc và nghe những bài liệt kê trên trang web về những lẽ thật căn bản của Thánh Kinh: http://timhieuthanhkinh.net/?page_id=734

Các Tín Lý Căn Bản của Thánh Kinh

Tín lý của Hội Thánh là những lẽ thật của đức tin, được Đức Chúa Trời giải bày trong Thánh Kinh, được con dân Chúa công nhận, rao giảng, và áp dụng vào trong cuộc sống. Nếu người nào tin nhận sự cứu rỗi của Thiên Chúa mà không tin và làm theo các tín lý căn bản của Thánh Kinh, thì người ấy vẫn có thể bị hư mất!

Chúng ta nên phân biệt rõ hai điều này:

- Một tội nhân đang bị hư mất vì vi phạm Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời, nếu thật lòng ăn năn tội, tin nhận sự chết chuộc tội của Đức Chúa Jesus Christ, thì người ấy được cứu ra khỏi địa vị hư mất và được cứu ra khỏi quyền lực của tội lỗi, được Đức Chúa Trời tha tội, được Đức Chúa Jesus Christ làm cho sạch tội, được Đức Thánh Linh dựng nên mới. Người ấy không cần phải làm gì khác để được cứu rỗi.
- Một người sau khi được cứu rỗi mà vẫn tiếp tục sống trong tội, tức là tiếp tục vi phạm dù chỉ một trong Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời, thì người ấy tự đặt mình vào trong sự hư mất. Vì hậu quả của tội lỗi là sự chết! Nếu người ấy không kịp ăn năn hoặc không còn được Chúa ban cho cơ hội ăn năn (như Vua Pha-ra-ôn) trước khi qua đời, thì người ấy sẽ bị hư mất đời đời. Vì Đức Chúa Trời muốn làm ơn cho ai thì làm, muốn thương xót ai thì thương xót (Rô-ma 9:18). Đó là trường hợp: đã là con dân của Chúa mà lại bị diệt, vì thiếu sự thông biết (Ô-sê 4:6).

Thí dụ minh họa: Một người vô tình hay cố ý nhảy xuống một hố bùn, thì sẽ bị lún chìm trong hố bùn mà chết. Người ấy không thể làm gì để tự cứu mình, ngoại trừ tin vào người đứng trên bờ, và nắm chặt cây sào người đứng trên bờ đang đưa cho mình nắm lấy, để kéo mình ra khỏi hố bùn. Sau khi được kéo ra khỏi hố bùn, được tắm rửa sạch sẽ, được ban cho quần áo mới, và được nhìn thấy người cứu mình cẩn thận làm một hàng rào chung quanh hố bùn, để tấm bảng: “Nguy hiểm chết người! Đừng đến gần hố bùn!” Mà người đã được cứu lại tự ý nhảy xuống hố bùn, thì người ấy có thoát khỏi sự chết hay không?

Dưới đây là các tín lý căn bản qua sự giải bày của Thánh Kinh, và các lý do vì sao, nếu một người phủ nhận các tín lý này, thì sẽ bị hư mất đời đời.

Tín Lý 1:

Chỉ có một Thiên Chúa Tự Có và Có Đến Mãi Mãi. Ngài là Đấng toàn ái, toàn thánh, toàn chính, toàn năng, toàn tri, toàn tại, toàn thiện, toàn chân, toàn mỹ, là Đấng Sáng

Tạo và Tể Trị trên muôn loài vạn vật. Thiên Chúa được thể hiện qua ba thân vị, còn gọi là “ba ngôi:” Đức Chúa Trời, còn gọi là Đức Cha; Ngôi Lời, sau khi nhập thể làm người thì được gọi là Đức Chúa Jesus Christ và Đức Con; Đấng Thần Linh, còn gọi là Thần Lễ Thật, khi ngự trong lòng con dân Chúa và hành động qua con dân Chúa thì được gọi là Đức Thánh Linh và Đấng An Ủi.

Người nào là con dân Chúa nhưng nếu không thật lòng công nhận chỉ có một Thiên Chúa, thì người ấy sẽ sa ngã vào sự thờ lạy các tà thần, tôn các tà thần hay các sự ưa muốn tội lỗi của xác thịt làm Thiên Chúa của mình. Nếu người nào công nhận chỉ có một Thiên Chúa mà không công nhận Thiên Chúa thể hiện qua ba thân vị: Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh, thì người ấy đã phủ nhận thần tính của Đức Con và Đức Thánh Linh. Phủ nhận thần tính của Đức Con là phủ nhận sự cứu rỗi do Thiên Chúa thành người gánh án phạt cho nhân loại. Phủ nhận thần tính của Đức Thánh Linh là phủ nhận năng lực tái sinh và thánh hóa của Đức Thánh Linh, cùng lúc phủ nhận sự an ủi, dạy bảo, cầu thay của Đức Thánh Linh. Phủ nhận thần tính của Đức Con và Đức Thánh Linh là phủ nhận sự thờ phượng dành cho Đức Con và Đức Thánh Linh.

Tín Lý 2:

Loài người được Đức Chúa Trời tạo dựng để làm con của Đức Chúa Trời nhưng loài người đã phạm tội, nghĩa là không vâng lời Đức Chúa Trời, nên bị hư mất đời đời. Đức Chúa Trời yêu thương loài người nên ban cho loài người sự cứu rỗi. Hễ ai cải hối (hối hận vì đã phạm tội và bằng lòng trở lại vâng lời Đức Chúa Trời) và tin nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời, vâng theo mọi lời phán dạy của Đức Chúa Jesus Christ; thì được Đức Chúa Trời tha tội; được Đức Chúa Jesus Christ làm cho sạch tội, ban cho sự sống lại và sự sống đời đời; được Đức Thánh Linh tái sinh và thánh hóa; được làm con của Đức Chúa Trời và được đồng cai trị đời đời với Đức Chúa Jesus Christ trong Vương Quốc của Đức Chúa Trời.

Để có thể nhận được sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời, thì một người phải công nhận mình là tội nhân, đã thật lòng cải hối, và công nhận sự chết chuộc tội của Đức Chúa Jesus Christ. Nếu dựa vào các việc làm công đức, như làm lành, dâng hiến, thờ phượng Thiên Chúa, sống theo các điều răn của Thiên Chúa, v.v., thay vì dựa vào sự chết chuộc tội của Đức Chúa Jesus Christ, thì không thể được cứu rỗi. Nếu tin vào sự chuộc tội của Đức Chúa Jesus Christ nhưng không thật lòng chừa bỏ sự phạm tội, nghĩa là vẫn còn phạm các điều răn, thì cũng không được cứu rỗi. Nếu thật lòng ăn năn tội và tin vào sự cứu chuộc của Đức Chúa Jesus Christ nhưng không tin vào sự tái sinh và sự thánh hóa bởi Đức Thánh Linh thì sẽ trở lại sống trong tội và bị hư mất.

Giáo Hội Công Giáo dạy rằng: Một người có thể được sạch tội sau khi chịu tự mình đền tội trong ngục luyện tội. Đây là tà giáo, vì Thánh Kinh không hề dạy về ngục luyện tội, và cũng không dạy rằng, một người có thể tự mình đền tội thì sẽ được sạch tội. Trái lại, Thánh Kinh dạy: Ai không tin nhận sự cứu chuộc của Đức Chúa Jesus Christ, thì sẽ đời đời chịu khổ trong hỏa ngục. Sự tự mình đền tội phải là sự bị hình phạt đời đời, vì đã xúc phạm Đấng đời đời. Chỉ có Đấng đời đời chịu thay hình phạt cho loài người mà loài người mới được cứu.

Giáo Hội Công Giáo cũng dạy rằng: Bởi sự dâng hiến, đi lễ, đọc kinh, lần chuỗi, cầu nguyện, làm điều thiện... mà một người có thể chuộc tội. Đây cũng là tà giáo, vì Thánh Kinh dạy rằng: Tất cả những việc làm công bình của tội nhân chỉ là áo nhớp trước mặt Chúa (Ê-sai 64:6).

Tín Lý 3:

Tội lỗi là sự không vâng lời Đức Chúa Trời, tức là không vâng theo các ý muốn và các tiêu chuẩn thánh khiết, yêu thương, công bình của Đức Chúa Trời được Ngài đặt để trong lương tâm loài người, được Ngài tóm lược trong Mười Điều Răn, và được Ngài cho ghi chép trong Thánh Kinh. Tội lỗi được thể hiện qua sự chống nghịch Đức Chúa Trời từ trong tư tưởng hoặc qua lời nói, cử chỉ, thái độ và hành động. Hậu quả của tội lỗi là sự hư mất đời đời. Sự hư mất đời đời có nghĩa là bị đời đời xa cách Đức Chúa Trời (xa cách sự yêu thương của Ngài), và xa cách sự vinh quang của quyền phép Ngài (xa cách sự cứu rỗi và sự thánh hóa của Ngài). Người bị hư mất sẽ được phục sinh sau khi chết và ra trước tòa án của Đức Chúa Trời, để chịu sự phán xét về tất cả tội lỗi đã làm trong khi đang sống trong thân xác hiện tại. Sau đó, người bị hư mất sẽ bị giam giữ để chịu khổ đời đời trong hỏa ngục, cùng với các thiên sứ phạm tội đã trở thành ma quỷ.

Không tin rằng sự vi phạm Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:1-17) là tội lỗi, thì sẽ không có sự cứu rỗi. Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời là nền tảng của mọi luật pháp, được Đức Chúa Jesus Christ tóm gọn thành hai điều chính yếu:

- Hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn, hết sức mà yêu Chúa là Đức Chúa Trời người (Mác 12:30).
- Yêu người khác như chính mình (Mác 12:31).

Trong kỳ tận thế, Đức Chúa Trời sẽ dùng Mười Điều Răn, được cất trong Rương Giao Ước, để làm tiêu chuẩn định tội và hình phạt toàn thế gian:

“Tuy nhiên, một đền tạm đã dựng lên: phần thứ nhất gọi là nơi thánh, có chân đèn, bàn và bánh bày ra; rồi đến phía trong màn thứ hai, tức là phần gọi là nơi rất thánh, có bình đựng hương bằng vàng và Rương Giao Ước, toàn bọc bằng vàng. Trong rương có một cái bình bằng vàng đựng đầy ma-na, cây gậy trở hoa của A-rôn, và hai bảng giao ước.” (Ê-bơ-rơ 9:2-4).

“Rồi, đền thờ của Đức Chúa Trời mở ra ở trên trời. Rương Giao Ước trong đền thờ của Ngài được thấy. Có những chớp nhoáng, những âm thanh và những sấm vang, cùng động đất và mưa đá lớn.” (Khải Huyền 11:19).

Không tin rằng sự hư mất chính là sự chịu hình phạt đời đời trong hỏa ngục, thì cũng sẽ không có sự cứu rỗi, vì đã cho rằng Đức Chúa Jesus Christ nói dối. Các giáo phái Chứng Nhân Giê-hô-va, Cơ-đốc Phục Lâm, Hội Thánh Toàn Cầu của Đức Chúa Trời, và một số các giáo phái khác nữa... không tin hình phạt của tội lỗi là sự chịu khổ đời đời trong hỏa ngục. Các giáo phái này dạy rằng, những linh hồn bị hư mất hoặc là sẽ có cơ hội được cứu trong đời sau hoặc là sẽ bị tan biến thành hư không. Thánh Kinh không hề dạy rằng một người có cơ hội được cứu rỗi sau khi chết. Trái lại, Thánh Kinh dạy rằng, sau sự chết là sự phán xét (Ê-bơ-rơ 9:27). Thánh Kinh cũng không hề dạy rằng những người không được cứu, sau khi chịu phạt một thời gian trong hỏa ngục, thì sẽ tan biến thành hư không. Trái lại, Thánh Kinh dạy rằng: Hình phạt trong hỏa ngục là sẽ bị đau đớn cả ngày lẫn đêm, cho đến đời đời (Khải Huyền 20:10).

Tín Lý 4:

Ăn năn tội là cải hối, là thật lòng đau khổ vì đã phạm tội và gớm ghét tội lỗi, là sẵn sàng nhận sự cứu giúp của Đức Chúa Trời để có được thẩm quyền và năng lực mà thắng được mọi thử thách và cám dỗ; và trên hết là khao khát vâng theo lời Chúa dạy.

Tin nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời là tin rằng, sự chết chuộc tội của Đức Chúa Jesus Christ trên thập tự giá cho nhân loại, là hành động chuộc tội một lần đủ cả, để cứu bất cứ ai muốn được Đức Chúa Trời tha tội và làm cho sạch tội, mà không cần phải thêm một điều gì khác.

Cải hối hay ăn năn không phải chỉ là nhận mình có tội và xưng tội, để rồi sau đó lại cố ý tái phạm. Cải hối hay ăn năn là chân thành đau đớn trong lòng vì những tội lỗi mình đã làm ra; quyết tâm không bao giờ tái phạm, và sẵn sàng trả giá, cho dù là phải trả bằng sự tự do hoặc mạng sống, để không vi phạm các điều răn của Đức Chúa Trời. Từ ngữ cải hối hay ăn năn trong nguyên ngữ của Thánh Kinh có nghĩa là đau buồn và thay đổi, là quay trở lại tình trạng lúc chưa phạm tội. Vì thế, những ai miệng nói rằng ăn năn tội, mà vẫn tiếp tục vi phạm Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời, thì ấy là người nói dối. Thánh Kinh dạy rằng:

“Và bởi điều này mà chúng ta biết mình đã biết Ngài: ấy là chúng ta giữ các điều răn của Ngài. Ai nói: Tôi biết Ngài! Mà không giữ các điều răn của Ngài, là người nói dối, lẽ thật không ở trong người ấy. Nhưng ai giữ lời Ngài, thì tình yêu của Đức Chúa Trời thật là trọn vẹn trong người ấy. Bởi đó, chúng ta biết chúng ta ở trong Ngài. Ai nói mình ở trong Ngài, thì người ấy cũng phải bước đi như chính Ngài đã bước đi.” (I Giăng 2:3-6).

Tin Chúa để được cứu không phải là một lời cầu nguyện suông, mà là thật lòng tin vào sự cứu chuộc của Đức Chúa Jesus Christ và tin vào bản phận của loài người trong việc vâng giữ Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời. Đức tin đó phải thể hiện ra thành hành động: Đừng phạm tội nữa (Giăng 5:14; 8:11)!

Tín Lý 5:

Được tha tội là được Đức Chúa Trời không hình phạt về những tội đã phạm (vì Đức Chúa Jesus Christ đã gánh thay hình phạt). **Được làm cho sạch tội** là được Đức Chúa Jesus Christ rửa sạch bản tính phạm tội (bằng máu thánh của Ngài), để không còn ưa thích phạm tội nữa. **Được tái sinh** là được Đức Thánh Linh tạo nên một tâm linh mới, và được Đức Thánh Linh ngự trong thân thể, để biến thân thể thành đền thờ của Thiên Chúa. **Được thánh hóa** là được nhận dư dật thánh linh (tức là sức sống, thẩm quyền, và năng lực) từ Đức Thánh Linh, để có thể sống đúng theo tiêu chuẩn thánh khiết của Đức Chúa Trời (được đúc kết trong Mười Điều Răn), làm được những việc lành của Đức Chúa Trời đã sắm sẵn cho, và trở nên trọn vẹn như chính Ngài.

Người nào không tin rằng: con dân Chúa có thể bởi thánh linh sống một đời sống thánh sạch, không còn vi phạm Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời; thì người ấy đã:

- Không công nhận năng lực của máu Đấng Christ làm sạch mọi tội của loài người (I Giăng 1:7).
- Không công nhận lời dạy của Thánh Kinh về sự tha tội và làm cho sạch tội (I Giăng 1:9).
- Không công nhận về sự con dân Chúa có thể qua Đấng Christ mà làm được mọi sự (Phi-líp 4:13).
- Không công nhận lời hứa của Chúa về sự Ngài sẽ cứu con dân Ngài ra khỏi sự cám dỗ (Hê-bơ-rơ 2:18; II Phi-e-rơ 2:9).
- Không công nhận lời hứa của Chúa, là không có sự thử thách hay cám dỗ nào

quá sức chịu đựng của một người; và trong mọi cám dỗ, thử thách, Chúa đều mở đường cho ra khỏi (I Cô-rinh-tô 10:13).

- Không công nhận Đức Thánh Linh, là Đấng ở trong con dân Chúa, lớn hơn những kẻ trong thế gian (I Giăng 4:4).

Câu nói cửa miệng của nhiều người: “Nhân vô thập toàn!” “Ai nấy đều là tội nhân!” Chỉ đúng với những người chưa được Đức Chúa Trời tha tội, chưa được Đức Chúa Jesus Christ làm cho sạch tội, chưa được Đức Thánh Linh tái sinh và thánh hóa. Còn những ai thật sự ở trong Đức Chúa Jesus Christ, thì họ được năng lực của Thiên Chúa khiến cho họ trở nên trọn vẹn, không chỗ trách được. Chỉ có những ai thật lòng ăn năn tội và khao khát sống theo Lời Chúa mới hiểu được thế nào là một nếp sống thánh khiết, trọn vẹn trong Chúa. Sự không còn vi phạm các điều răn của Đức Chúa Trời là do chính năng lực của Thiên Chúa hành động trong lòng con dân Chúa; nhưng con dân Chúa phải sẵn lòng tìm kiếm sự thánh khiết của Thiên Chúa.

Thánh Kinh nhiều lần khẳng định về lẽ thật này:

“Trước khi sáng thế, Ngài đã chọn chúng ta trong Đấng Christ, để làm nên thánh không chỗ trách được trước mặt Ngài.” (Ê-phê-sô 1:4).

“...để nghiệm thử những sự tốt lành hơn, để cho anh em được tinh sạch không chỗ trách được, cho đến ngày Đấng Christ.” (Phi-líp 1:10).

“...để cho ở giữa dòng đời hung ác, ngang nghịch, anh em là con cái của Thiên Chúa, nên không tì, không vết, không chỗ trách được, và chiếu sáng như những sự sáng trong thế gian.” (Phi-líp 2:15).

Con dân của Chúa cần suy ngẫm về sự thánh hóa của Đức Thánh Linh trong đời sống của mình và khao khát, tiếp nhận sự thánh hóa của Ngài.

Tín Lý 6:

Thánh Kinh là Lời Hằng Sống của Đức Chúa Trời, là ý muốn và tiêu chuẩn thánh khiết của Đức Chúa Trời đối với nhân loại. Thánh Kinh hoàn toàn là chân lý và là thẩm quyền tuyệt đối, để dạy cho loài người biết về Đức Chúa Trời. Thánh Kinh phải được giảng giải bằng chính Thánh Kinh. Tất cả những giáo lý không có trong Thánh Kinh là tà giáo. Tất cả những giáo lý không đúng với Thánh Kinh là tà giáo. Sự thờ phượng Đức Chúa Trời không đúng với Thánh Kinh là sự thờ phượng theo xác thịt, không theo thánh linh.

Người nào không tin rằng: Thánh Kinh hoàn toàn là Lời của Đức Chúa Trời và có thẩm quyền tuyệt đối trên đời sống của con dân Chúa; thì người ấy sẽ không được thánh hóa bởi Thánh Kinh (Giăng 17:17). Không được thánh hóa bởi Lời Chúa thì sẽ sa vào nếp sống ô uế, tội lỗi, dẫn đến sự bị hư mất. Có nhiều người xưng nhận Thánh Kinh hoàn toàn là Lời của Đức Chúa Trời, nhưng họ lại không chấp nhận thẩm quyền của Thánh Kinh. Thay vào đó, họ chấp nhận thẩm quyền của các giáo hội và có nếp sống nghịch lại Lời Chúa. Điển hình là việc không giữ ngày Sa-bát Thứ Bảy theo Lời Chúa dạy, mà giữ ngày Thứ Nhất, còn gọi là Chủ Nhật, theo lời dạy của các giáo hội. Ngày nay, còn thêm sự kiện nhiều giáo hội lớn không gọi đồng tính luyến ái là tội, nhưng gọi đó là bệnh, và công khai phong chức chẵn bày, trưởng lão, cho những người đồng tính luyến ái, nhân danh Chúa cử hành hôn lễ cho những người đồng tính luyến ái!

Tín Lý 7:

Sự tổ chức, thành lập các giáo hội, giáo phái là nghịch lại Thánh Kinh. Các giáo hội, giáo phái không phải là Hội Thánh của Chúa. Dầu vậy, trong các giáo hội, giáo phái có sự hiện diện của Hội Thánh Chúa qua sự hiện diện của những con dân chân thật của Ngài, là những người thật lòng cải hối, từ bỏ tội lỗi, tin nhận sự cứu rỗi của Đấng Christ và vâng giữ Lời Chúa.

Cho đến ngày hôm nay, sự lường gạt lớn nhất của Sa-tan gạt được nhiều người trong Hội Thánh của Chúa nhất, đó là: Sự lường gạt cho rằng Giáo Hội Công Giáo là Hội Thánh của Chúa.

Sự lường gạt lớn thứ nhì, đó là: Sự lường gạt cho rằng các giáo hội, giáo phái Tin Lành là Hội Thánh của Chúa.

Sự lường gạt lớn thứ ba, đó là: Sự lường gạt cho rằng hiện tượng nói tiếng lạ, đặt tay té ngã là hiện tượng được báp-tem bằng thánh linh, được đầy đầy thánh linh.

Theo <http://www.30-days.net/muslims/statistics/world-stats/> thống kê của “30 Days Prayer Network” (Mạng Cầu Nguyện 30 Ngày), thì trong năm 2013: Dân số thế giới = 7,021,836,029 người. Trong đó, có 2,341,782,315 người (33.35%) xưng mình là Cơ-đốc nhân.

- Tín đồ Công Giáo = 1,181,775,003 người (16.83%).
- Tín đồ Tin Lành = 426,927,630 người (6.08%).
- Tín đồ Chính Thống Giáo = 282,979,991 người (4.03%).
- Tín đồ Anh Giáo = 88,475,133 người (1.26%).

Trong cả bốn Giáo Hội chính trên đây có khoảng 700,000,000 người nói tiếng lạ. Cả ba sự lường gạt trên đây của Sa-tan đã và sẽ tiếp tục đưa dắt không biết bao nhiêu người đi vào trong sự hư mất vì họ đã không đọc, không suy ngẫm, và không cẩn thận làm theo Lời của Chúa (Giô-suê 1:8)!

Tín Lý 8:

Tất cả các chức vụ, các ân tứ Chúa lập ra và ban cho Hội Thánh vẫn còn trong Hội Thánh cho đến ngày Chúa cất Hội Thánh ra khỏi thế gian, vì tất cả các chức vụ và ân tứ đó là ân điển Chúa ban, để gây dựng và phát triển Hội Thánh. Trong những ngày cuối cùng, càng có nhiều giáo sư giả, nhiều tiên tri giả, nhiều sự bội đạo, thì các chức vụ và các ân tứ từ Chúa càng cần thiết hơn bao giờ hết trong Hội Thánh của Chúa. Các chức vụ do loài người tự phong cho nhau trong các giáo hội không phải là các chức vụ do Chúa lập ra. Các chức vụ do Chúa lập ra trong Hội Thánh được chính Đức Thánh Linh bày tỏ cho người được gọi và cho cả Hội Thánh.

Có một số giáo hội dạy rằng: Ngày nay các chức vụ sứ đồ, tiên tri và các ân tứ làm phép lạ, nói ngoại ngữ, thông giải ngoại ngữ, v.v., không còn trong Hội Thánh, sau khi Thánh Kinh được ghi chép hoàn tất. Tuy nhiên, không một chỗ nào trong Thánh Kinh dạy rằng: các chức vụ và ân tứ ấy sẽ không còn lại trong Hội Thánh sau khi Thánh Kinh được ghi chép hoàn tất. Họ dùng I Cô-rinh-tô 13:10 “*nhưng lúc sự trọn lành đã đến, thì sự chưa được trọn lành sẽ bị bỏ,*” và lý luận rằng: sự trọn lành là sự Thánh Kinh được hoàn tất với sách Khải Huyền. Tuy nhiên, nếu sự trọn lành là sự Thánh Kinh được hoàn tất, thì tại sao chính các giáo hội đó vẫn còn giữ lại một số chức vụ và công nhận một số ân tứ trong các tổ chức của họ? Sự trọn lành

được nói đến trong I Cô-rinh-tô 13:10 là sự Vương Quốc Ngàn Năm được thể hiện trên đất, là khi sự tri thức về Đức Chúa Trời đầy dẫy trong mỗi người, không cần có người nói lời tiên tri hay là nói lời tri thức:

"...vì thế gian sẽ đầy dẫy sự hiểu biết Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, như các dòng nước che lấp biển." (Ê-sai 11:9).

"Chúng nó ai nấy sẽ chẳng dạy kẻ lân cận mình hay là anh em mình, mà rằng: Hãy nhận biết Đấng Tự Hữu Hằng Hữu! Vì chúng nó thấy đều sẽ biết Ta, người nhỏ cũng như người lớn. Đấng Tự Hữu Hằng Hữu phán: Ta sẽ tha sự gian ác chúng nó, và chẳng nhớ tội chúng nó nữa." (Giê-rê-mi 31:34).

Ngoài ra, các chức vụ do loài người tự phong cho nhau không bao giờ là chức vụ đến từ Chúa, dù rằng, rất có thể trong những người được các giáo hội phong chức, vẫn có những người nhận lãnh tiếng gọi và chức vụ từ nơi Chúa. Lẫn lộn giữa các chức vụ do loài người tự phong cho nhau trong các giáo hội, với các chức vụ do chính Chúa ban cho, sẽ khiến cho con dân Chúa bị sa vào bẫy rập của những giáo sư giả, tiên tri giả, và người chăn giả!

Tín Lý 9:

Hiện tượng "nói tiếng lạ," "đặt tay té ngã," "say thánh linh," "tiếng cười thánh," "bị giết trong thánh linh..." hoàn toàn không có trong Thánh Kinh mà chỉ là sự giả mạo của Sa-tan, để lured gạt những người không chịu từ bỏ nếp sống tội lỗi, mà lại muốn tỏ ra mình được đầy dẫy thánh linh và có quyền phép, ân tứ thuộc linh. Ân tứ nói ngoại ngữ như được thể hiện trong Công Vụ Các Sứ Đồ 2 và nói đến trong I Cô-rinh-tô 12, 14 không phải là sự kiện thất thần, lấp bấp một thứ âm thanh vô nghĩa. Theo Thánh Kinh, những người được ân tứ nói ngoại ngữ luôn luôn nói một thứ ngôn ngữ có người hiểu, và được người chung quanh ấn chứng rằng, họ đang nói những lời cao trọng về Đức Chúa Trời. Tất cả các trường hợp thất thần, té ngã bất động, lấp bấp những âm thanh vô nghĩa, cười, la, gào, hú, than khóc, lắc lư hay vật vã thân hình... chỉ là hình thức của các hiện tượng bị tà linh điều khiển.

Người nào tin vào hiện tượng nói tiếng lạ và đặt tay té ngã, thì người ấy bị trúng kế của Sa-tan, tự ý mời gọi tà linh xâm nhập thân thể của mình. Nếu người ấy vẫn không chịu đối chiếu các hiện tượng đó với Lời Chúa, để ăn năn và xua đuổi tà linh ra khỏi thân thể mình, thì tà linh sẽ dẫn dắt người ấy ngày càng lún sâu vào trong nếp sống tội lỗi. Những người nói tiếng lạ và bị đặt tay té ngã, hãy bình tâm xét lại xem: có phải mình đang sống trong sự tham lam tiền bạc, dối trá, kiêu ngạo, khoe khoang, luôn tư tưởng về sự tà dâm? Đó chính là dấu hiệu cho biết năng lực đang điều khiển mình là tà linh. Hãy đến với Chúa, hạ mình, ăn năn tội, và kêu cầu, xin Chúa tha thứ cho mình; rồi nhân danh Đức Chúa Jesus Christ mà xua đuổi tà linh nói tiếng lạ ra khỏi thân thể mình, trước khi quá trễ.

Tín Lý 10:

Một người xưng rằng mình tin nhận Chúa mà không sống theo Lời Chúa trong Thánh Kinh, cố tình vi phạm bất cứ điều răn nào trong Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời là một người nói dối, là một người chưa hề có sự cứu rỗi. Một người đã có sự cứu rỗi, đã được tái sinh và thậm chí được Chúa giao cho các chức vụ quan trọng trong Hội Thánh, nhưng nếu lại quay về với đời sống tội lỗi (dù là kín giấu), thì cũng sẽ mất sự cứu rỗi. Chúng ta được cứu bởi ân điển và đức tin, để được dựng nên mới trong Đấng Christ, để Đấng Christ sống trong chúng ta, làm Chúa của chúng ta, và để Đức

Thánh Linh ngự trong chúng ta, ban cho chúng ta quyền phép của Đức Chúa Trời, để chúng ta sống theo ý muốn và điều răn của Ngài; không phải để chúng ta tự do sống trong tội mà không bị đoán phạt. Lời Đức Chúa Jesus dạy trong Ma-thi-ơ 7:21-23; 18:15-35; 25:14-30 khẳng định rằng, ai tin Chúa rồi, thậm chí được làm tôi tớ phục vụ trong nhà Chúa (tức Hội Thánh), mà không hết lòng vâng theo Lời Chúa, thì sẽ bị Chúa đoán phạt và bị hư mất đời đời.

Đức Chúa Trời là Đấng Thánh. Ngài không bao giờ chấp nhận tội lỗi. Ngài đã ban cho loài người sự cứu rỗi với điều kiện là loài người phải từ bỏ tội, chứ không phải Ngài ban cho loài người giấy phép phạm tội! Vì thế, hễ ai đã tin nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời rồi, mà còn quay về sống trong tội, thì số phận của người ấy đã được Thánh Kinh định sẵn như sau:

“Bởi vì những kẻ đã được soi sáng một lần, đã nếm sự ban cho từ trên trời, dự phần về thánh linh, Lời lành của Thiên Chúa, và năng lực của đời sau, nếu lại vấp ngã, thì không thể khiến họ lại ăn năn nữa, vì họ đóng đinh Con Đức Chúa Trời trên thập tự giá cho mình một lần nữa, làm cho Ngài sỉ nhục tỏ tường.” (Hê-bơ-rơ 6:4-6).

“Vì nếu chúng ta đã nhận biết lẽ thật rồi, mà lại cố ý phạm tội, thì không còn có tế lễ chuộc tội nữa, nhưng chỉ có sự đợi chờ kinh khiếp về sự phán xét, và lửa hừng sẽ đốt cháy kẻ bội nghịch mà thôi.” (Hê-bơ-rơ 10:26-27).

Thí dụ minh họa: Một người vợ ưa thích tà dâm, lén lút ngoại tình, rồi bị tình nhân gạt bán vào ổ diêm. Người chồng đi tìm vợ và bỏ tiền ra chuộc vợ về, tha thứ và phục hồi địa vị làm vợ cho người vợ bất trung đó. Nay, có thể nào người vợ nói rằng, vì chồng tôi yêu tôi tha thiết, tha thứ cho tôi, tìm chuộc tôi về; và vì tôi tin nhận tình yêu, sự tha thứ và sự cứu chuộc của chồng tôi, cho nên, từ nay, dù tôi có thỉnh thoảng ngoại tình theo sự ưa thích tà dâm của tôi, thì tôi cũng sẽ không mất địa vị làm vợ! Có thể nào như vậy chăng?

Lời của Chúa trong I Tê-sa-lô-ni-ca 5:23 dạy rõ là, chính Đức Chúa Trời thành tín sẽ gìn giữ con dân của Ngài từ tâm thần, linh hồn, cho đến thể xác trọn vẹn, không chỗ trách được cho sự đến của Đức Chúa Jesus Christ, Chúa chúng ta:

“Nguyên xin chính Đức Chúa Trời bình an khiến anh em nên thánh trọn vẹn, và nguyên xin tâm thần, linh hồn, và thân thể của anh em đều được giữ vẹn, không chỗ trách được, cho sự đến của Đức Chúa Jesus Christ chúng ta!”

Còn phần của những kẻ có nếp sống như những kẻ thù nghịch thập tự giá (Phi-líp 3:18), tức là những kẻ: gian dâm, ô uế, tham lam, v.v., không một kẻ nào được dự phần kế nghiệp vương quốc của Đấng Christ là Thiên Chúa (Ê-phê-sô 5:5). Từ ngữ ô uế có một ý nghĩa rất là đặc biệt. Ngoài sự ô uế thuộc thể vì đụng chạm đến những điều Chúa cấm, còn là sự ô uế về thuộc linh. Ô uế thuộc linh là tất cả các sự dính dấp đến thần tượng, dù không thờ lạy chúng, dính dấp đến các thói tục mê tín dị đoan của ngoại giáo, dính dấp đến bói khoa, thuật số, đồng bóng (Lê-vi Ký 18:30; 19:31), hay vì không giữ ngày Sa-bát của Chúa vào mỗi Thứ Bảy:

*“Phước thay cho người làm điều đó, và con người cảm vững sự đó, **giữ ngày Sa-bát đặng đừng làm ô uế**, cấm tay mình không làm một điều ác nào” (Ê-sai 56:2)!*

Thánh Kinh gọi đó là sự ô uế của lòng, và kêu gọi con dân Chúa làm sạch lòng mình các sự ô uế đó:

“Vậy, hãy trừ sự ô uế của lòng mình đi, chớ cứng cổ nữa” (Phục Truyền Luật Lệ Ký 10:16).

Kết Luận:

Đức Chúa Jesus Christ đã phán trước cho con dân của Ngài rằng: Trong những ngày cuối cùng này, trước khi Chúa trở lại để đem Hội Thánh của Ngài ra khỏi thế gian, sẽ có nhiều christ giả và tiên tri giả dấy lên, để lường gạt nhiều người:

“Vì nhiều christ giả và tiên tri giả sẽ dấy lên, làm những dấu lớn, phép lạ, nếu có thể được thì họ cũng đến dỗ dành chính những người được chọn.” (Ma-thi-ơ 24:24).

Vì thế, vấn đề không phải là cảm xúc, không phải là dấu kỳ, phép lạ, không phải là lời giảng nghe xuôi tai, mà vấn đề là: lời giảng và nếp sống của những người xưng là tôi tớ Chúa, có đúng với Thánh Kinh, hay không!

Chúa kêu gọi con dân Chúa:

“Đừng để cho ai lấy lời giả trá lường gạt các anh em; vì những điều đó mà cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đến trên những con cái không vâng phục. Vậy, chớ có dự phần với họ.” (Ê-phê-sô 5:6-7).

“Hãy giữ chừng, kẻo có ai lấy triết học và lời hư không, theo lời truyền khẩu của loài người, sơ học của thế gian, không theo Đấng Christ, mà dẫn các anh em đi lạc chằng.” (Cô-lô-se 2:8).

Lời giả trá là những lý luận bề cong Lời Chúa. Triết học, lời hư không, và lời truyền khẩu là những giáo lý không có trong Thánh Kinh. Con cái không vâng phục là con dân của Chúa nhưng không đọc, không suy ngẫm, và không cẩn thận làm theo Lời Chúa, mà cứ bỏ đi các điều răn của Đức Chúa Trời để làm theo các điều răn của loài người:

“Chúa có phán rằng: Vì dân này chỉ lấy miệng tới gần Ta, lấy môi miệng tôn Ta, mà lòng chúng nó thì cách xa Ta lắm; sự chúng nó kính sợ Ta chẳng qua là điều răn của loài người, bởi loài người dạy cho.” (Ê-sai 29:13; Ma-thi-ơ 15:3, 6; Mác 7:8, 9, 13).

“Ép-ra-im bị hà hiếp, bị nghiền nát trong sự đoán xét, vì nó đã bằng lòng theo điều răn của loài người.” (Ô-sê 5:11).

Sự thịnh nộ của Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ giáng trên những kẻ bỏ đi các điều răn của Đức Chúa Trời mà làm theo các điều răn của loài người! Tất cả họ sẽ bị bỏ lại trong ngày Chúa đến, để hứng chịu cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời trong Kỳ Đại Nạn.

Nguyện Đức Thánh Linh là Thần Lẽ Thật, dẫn dắt mỗi chúng ta vào trong mọi lẽ thật của Lời Chúa, để chúng ta có thể sống thánh khiết không chỗ trách được, trong ngày Đấng Christ hiện ra. A-men!